

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 6 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Nhi đồng 1 có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu **“MUA SẮM HÀNG HÓA – VẬT TƯ TIÊU HAO CỦA BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 1 NĂM 2024 - 2025”** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi đồng 1
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Người nhận: Dương Phan Trung Tâm;
 - SĐT người nhận: 0919923377;
- Cách thức tiếp nhận báo giá:

Thực hiện gửi hồ sơ chào giá bản giấy (có đóng dấu và ký tên) và bản điện tử (file word/excel + File PDF scan từ bản giấy có đóng dấu và ký tên) về địa chỉ sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật Tư Trang Thiết Bị Y Tế - Cửa sổ Văn thư - Bệnh viện Nhi Đồng 1, số 341 Sư Vạn Hạnh, Phường 10, Quận 10, Tp. HCM;
- Nhận qua email: p.vtttb@nhidong.org.vn

Cấu trúc tên email như sau: [BÁO GIÁ VTTH LẦN 1] - [“MUA SẮM HÀNG HÓA – VẬT TƯ TIÊU HAO CỦA BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 1 NĂM 2024 - 2025”] – [TÊN CÔNG TY]

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 26 tháng 6 năm 2024 đến trước 17h ngày 05 tháng 7 năm 2024 hoặc đến khi Bệnh viện đủ điều kiện trình Dự toán gói thầu.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 180 ngày, kể từ đăng thông báo chào giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hàng hóa, thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị): theo phụ lục đính kèm
- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Nhi Đồng 1, số 341 Sư Vạn Hạnh, Phường 10, Quận 10, Tp. HCM.
- Thời gian giao hàng dự kiến: 90 ngày, từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: theo quy định của Luật Thương mại.

5. Các thông tin khác (nếu có).

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

+ Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu) và các tài liệu khác theo yêu cầu của **Biểu mẫu chào giá** (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

+ Bảng kê/ phụ lục thông tin hàng hóa, bảng tính năng kỹ thuật trang thiết bị y tế theo Thư chào giá – **Biểu mẫu và hướng dẫn** (chi tiết theo **Bảng kê chi tiết thông tin hàng hóa**).

+ Các căn cứ xác định giá tương tự của hàng hóa: quyết định trúng thầu/hợp đồng tương tự của loại hàng hóa/dịch vụ tương tự (tương đồng gần nhất với yêu cầu chào giá của loại hàng hóa/dịch vụ mà công ty/nhà thầu tham gia chào giá).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VT, TBYT (NTH, 1b).

KT GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



PHẠM ĐÌNH NGUYỄN

10/10

PHỤ LỤC: BIỂU MẪU CHÀO GIÁ BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
nhà cung cấp⁽¹²⁾**
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

✓

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy

ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

✓

MST - SDT - FAX

kê hàng hóa đính kèm báo giá chi tiết như sau:

Hiệu lực

"Kỷ lên đồng dầu"

- (1) STT theo thứ môi chào giá (Vai tư tiêu hao - Hóa chất xét nghiệm - LK, PK theo máy)
- (3) Mã nhóm theo QĐ 5086/QĐ-BYT, phân loại quốc tế, mã Phần mềm, các loại mã khác nếu có
- (7) Đối với BHYT: Ghi cấu hình - thành phần của hàng hóa. Tỉnh năng kỹ thuật theo bản phụ lục đính kèm
- (15) Số lượng cung ứng theo thông tin đã đăng ứng được, số lượng này mức BHYT tối đa có thể cung cấp cho Dự án đang chào giá

**PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HÓA "MUA SẴM HÀNG HÓA - VẬT TƯ TIÊU HAO
CỦA BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG 1 NĂM 2024-2025"**

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
1	Phim khô laser (DI-HL) 35cm x 43cm	36.000	TO	Phim dùng cho chụp X-Quang y tế kích thước 35cm x 43cm. Tương thích với máy in phim khô Drypix series: Drypix Plus (4000), Drypix Smart (6000), Drypix (7000), Drypix Edge (8000) hoặc tương đương
2	Phim khô laser (Fuji DI-HL) 20cm x 25cm (Hộp/100 tờ)	288.000	TO	Phim dùng cho chụp X-Quang y tế kích thước 20cm x 25cm. Tương thích với máy in phim khô Drypix series: Drypix Plus (4000), Drypix Smart (6000), Drypix (7000), Drypix Edge (8000) hoặc tương đương
3	Phim khô laser (Fuji DI-HL) 26cm x 36cm	4.000	TO	Phim dùng cho chụp X-Quang y tế kích thước 26cm x 36cm. Tương thích với máy in phim khô Drypix series: Drypix Plus (4000), Drypix Smart (6000), Drypix (7000), Drypix Edge (8000) hoặc tương đương
4	Phim XQ drytar 20 x 25 (8 x 10 ins) (Hộp/100 tờ)	200.000	TO	Phim dùng cho chụp X-Quang y tế kích thước 20cm x 25cm - Phim khô, độ tương phản cao, rõ nét. - Mật độ quang học tối đa ≥ 3.1 - Phim nhạy sáng, không bị ảnh hưởng (hồng phim) bởi ánh sáng ban ngày - Tương thích với các dòng máy in phim khô Drystar hoặc tương đương
5	Phim XQ drytar 25 x 30 (10 x 12 ins)	10.000	TO	Phim dùng cho chụp X-Quang y tế kích thước 25cm x 30cm - Phim khô, độ tương phản cao, rõ nét. - Mật độ quang học tối đa ≥ 3.1 - Phim nhạy sáng, không bị ảnh hưởng (hồng phim) bởi ánh sáng ban ngày - Tương thích với các dòng máy in phim khô Drystar hoặc tương đương
6	Phim XQ drytar 35 x 43 (14 x 17 ins) (H/100 tờ)	40.000	TO	Phim dùng cho chụp X-Quang y tế kích thước 35cm x 43cm - Phim khô, độ tương phản cao, rõ nét. - Mật độ quang học tối đa ≥ 3.1 - Phim nhạy sáng, không bị ảnh hưởng (hồng phim) bởi ánh sáng ban ngày - Tương thích với các dòng máy in phim khô Drystar hoặc tương đương
7	Bình hút dẫn lưu CM H2O	10	BO	Bình hút dẫn lưu CM H2O
8	Bộ lọc khí thở ra (T407030500)	71	BO	Bộ lọc khí thở ra kèm cốc
9	Bẫy nước dùng cho bộ lọc khí thở	9	Cái	Bẫy nước dùng cho bộ lọc khí thở
10	Cảm biến đo EtCO2	2	Cái	Cảm biến đo EtCO2
11	Cảm biến đo huyết áp xâm lấn	5	Cái	Cảm biến đo huyết áp xâm lấn
12	Miếng Pad sốc điện tạo nhịp ngoài da, trẻ nhỏ	30	Miếng	Miếng Pad sốc điện tạo nhịp ngoài da, trẻ nhỏ
13	Miếng Pad sốc điện tạo nhịp ngoài da, trẻ lớn	30	Miếng	Miếng Pad sốc điện tạo nhịp ngoài da, trẻ lớn
14	Nhiệt kế đo nhiệt độ môi trường	20	Cái	Nhiệt kế đo nhiệt độ môi trường
15	Keo dán phẫu thuật ngăn ngừa chảy máu hậu phẫu và chống dính 4ml	30	Tube	Bám dính với các mô và vật liệu cấy ghép tổng hợp, giúp bịt kín lỗ hở chân chỉ khâu, ngăn ngừa chảy máu hậu phẫu và chống dính ở các vùng có nguy cơ hình thành sự kết dính sau phẫu thuật.
16	Áo nylon vô trùng trùm kính hiển vi	100	CAI	Màng nhựa trong, có bo thun, kích thước ($\pm 10\%$): 110x160 cm. Tiệt trùng và đóng gói từng cái
17	Áo phẫu thuật M	6.769	CAI	Chất liệu: Vải PP, cổ tay có bo thun, bao bì chỉ thị tiệt trùng. Kích thước: 125($\pm 10\%$) x 150cm
18	Áo phẫu thuật sise XL	6.032	CAI	Chất liệu: Vải PP, cổ tay có bo thun, bao bì chỉ thị tiệt trùng. Kích thước ($\pm 10\%$): 145x150 cm
19	Bình làm ấm size nhỏ cho trẻ sơ sinh	32	CAI	Không cần tháo bình để châm nước - Thiết kế không tràn nước nhằm giảm thiểu bắn nước vào mạch thở - Khóa an toàn nhằm ngăn chặn nước ra ngoài - Có thể tiệt trùng tái sử dụng
20	Bộ bẫy nước máy thở 840	49	BO	- Hiệu quả lọc virus/ vi khuẩn > 99,999% - Hiệu quả lọc hạt tối thiểu 99,97% với kích thước hạt 0,3 μ m ở 100 lít/ phút - Đầu kết nối tiêu chuẩn ISO 22 mm - Trở kháng dòng dưới 2,5 cmH2O ở 100 lít/phút - Dòng rò rỉ dưới 0,01 lít/phút ở áp suất 140 cmH2O - Đường kính khoảng 11,7cm, dài khoảng 12,7cm, sai số kích thước so với thông số yêu cầu không vượt quá ($\pm 3\%$) giá trị. - Thể tích chứa khí khoảng 400ml - Dung tích chứa khoảng 200 ml. - Có thể hấp tiệt trùng ở 132 độ C với 20 phút hấp hút trọng lực hoặc ở 132 độ C trong 4 phút với hấp hút chân không và có ít nhất 20 phút sấy khô sau khi hấp. - Tương thích với máy thở hãng Medtronic (Covidien), model: Puritan Bennett 840 đang sử dụng tại bệnh viện.
21	Dây thở máy có bẫy nước	80	BO	Dây thở máy có bẫy nước
22	Ba chia có dây 25 cm	39.644	CAI	Vật liệu các bộ phận gồm PVC, Polycarbonate, Polypropylene Khóa xoay điều chỉnh 360 độ. Chịu được áp lực lên đến 4bar, không rò rỉ. Dây nối dài 25cm, trong suốt mềm dẻo, chống rò rỉ và tắc nghẽn, không DEHP OD 4.1mm, ID 2.8mm, đầu dây có khóa male luer taper 6%

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
23	Ba chia không dây	54.965	CAI	Khóa 3 ngã có thể xoay 360 độ (1 khóa xoay male , 2 khóa nối female), các kênh truyền dịch thủy tinh trong suốt. Thẻ tích mỗi tối thiểu cần thiết để sử dụng thuốc chính xác. Đánh dấu mũi tên trên tay cầm cho biết hướng của dòng chảy Đầu côn 6% để đảm bảo không bị rò rỉ Áp suất lên đến 4,5 bar (65 psi) Triệt trùng bằng EO
24	Bàn chải tiết trùng	275	CAI	Bàn chải phẫu thuật, hấp tiết trùng 130 độ, dùng nhiều lần
25	Kim luồn an toàn 26 (Thùng/200 cây)	100	CAY	Kim luồn tĩnh mạch an toàn có cánh, không cửa bơm thuốc, có ≥ 4 đường cản quang trong catheter, catheter chất liệu PUR. - Đầu kim 3 mặt vát. - Kim an toàn sau khi rút kim che chở hoàn toàn nòng kim và giảm nguy cơ bị thương do kim đâm. - Có van chống trào ngược máu khi rút kim, tránh tiếp xúc với máu. - Thời gian lưu kim: >96 giờ
26	Bình chứa dịch thủy tinh 2.5L	19	CAI	Bình chứa dịch thủy tinh 2.5L
27	Bao huyết áp người lớn cho máy tự động (23-33)cm	21	Cái	Bao huyết áp người lớn cho máy tự động (23-33)cm
28	Bao huyết áp sơ sinh cho máy tự động, các size	23	Cái	Bao huyết áp sơ sinh cho máy tự động, các size
29	Bao huyết áp trẻ em cho máy tự động (12-19)cm	21	Cái	Bao huyết áp trẻ em cho máy tự động (12-19)cm
30	Băng cá nhân (19x60mm) (H/100M) (+10%)	1.396.600	MIENG	- Lớp nền : Sợi vải đàn hồi Viscose và polyamide, màu da, trọng lượng 97 ± 7 g/m ² , số sợi 120-125 sợi /cm - Lớp keo : Oxide kẽm, trọng lượng 80-110 g/m ² , lực dính 2.2 - 9.4 N/cm - Lớp thấm hút : Sợi Viscose, khả năng thấm hút $> 500\%$ - Lớp chống dính : Polyethylene - Kích thước : 20mm x 60mm
31	Băng dính giữ kim luồn 10 x 10	1.490	CUON	- Lớp vải nền : Vải không dệt 50g/m ² , 50% viscose + 50% polyester. - Lớp keo : Keo kết dính nóng chảy 43g/m ² : Hydrocarbon resin, Styrene block copolymer, Dầu khoáng y tế, Chất chống oxy hóa - Lực dính : > 2 N/2.5cm - Giấy lót phủ silicone 62g/m ² - Kích thước : 10cm x 10m
32	Băng đựng hóa chất Sterrat 100NX cassettes (Hộp/2 băng)	720	CAI	Băng đựng hóa chất H2O2 dùng cho máy tiết trùng nhiệt độ thấp STERRAD 100NX hoặc tương đương, băng gồm 10 cell mỗi cell chứa 5,4ml H2O2 58%
33	Băng keo có gạc vô trùng 6 (5cm) x 8 (7cm)	43.370	MIENG	- Lớp vải nền : Vải không dệt 50g/m ² , 50% viscose + 50% polyester. - Lớp keo : Keo kết dính nóng chảy 43g/m ² : Hydrocarbon resin, Styrene block copolymer, Dầu khoáng y tế, Chất chống oxy hóa - Lớp gạc thấm hút không dính, trọng lượng 200 g/m ² : Màng PE, Viscose + Polyester - Khả năng thấm hút : $\geq 680\%$ - Giấy lót phủ silicone 62g/m ² - Tiệt trùng bằng EO - Kích thước : 6 (5cm) x 8 (7cm)
34	Băng keo có gạc vô trùng Curapore 8-10cm x 12-15cm (Băng keo có gạc Curapore)	9.488	CAI	Khả năng hấp thụ dịch: 15 ± 5 g/100cm ² - Khả năng thoát hơi nước MVTR: 2500-1000/ +2000 g/(m ² x24h) - Vải không dệt: polyester, màu trắng - Chất kết dính: polyacrylate - Lực kết dính: 2,5 -1/2 N/20mm (do nội bộ) - Miếng gạc: viscose, polypropylene and polyethylene - Lớp tiếp xúc vết thương: polyethylene - Giấy bọc: silicone paper, màu trắng - Lớp tiếp xúc vết thương: 100 % polyurethane, thân thiện với da - Khả năng hấp thụ dịch: 15 ± 5 g/100cm ² - Khử trùng EO
35	Tube rửa dạ dày	30	BO	Tube rửa dạ dày
36	Băng keo cuộn co giãn 10cm x 2.5m (Urgoderm)	925	CUON	- Lớp vải nền : Vải không dệt 50g/m ² , 50% viscose + 50% polyester. - Lớp keo : Keo kết dính nóng chảy 43g/m ² : Hydrocarbon resin, Styrene block copolymer, Dầu khoáng y tế, Chất chống oxy hóa - Lực dính : > 2 N/2.5cm - Giấy lót phủ silicone 62g/m ² - Kích thước : 10cm x 2.5m
37	Băng keo giấy 2,5cm x 5m (Urgopore)	358	CUON	- Nền không dán dệt : 100% sợi viscose - Keo: Acrylic, trọng lượng khối phủ 56-70g/m ² , lực dính 0.5-4.0 N/cm - Băng có nhiều lỗ nhỏ thông thoáng, êm dịu cho da nhạy cảm - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí ≤ 100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc ≤ 10 cfu/g - Kích thước : 2.5cm x 5m

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
38	Bao huyết áp trẻ em cho máy tự động (17-25)cm	23	Cái	Bao huyết áp trẻ em cho máy tự động (17-25)cm
39	Bộ dây thở tiết trùng	100	Bộ	Bộ dây thở tiết trùng
40	Băng keo vải (2,5 cm x 9,1m) (±10%)	51.778	CUON	-Nền : Vải dệt từ cellulose acetate (Taffeta), số sợi 44x19.5 sợi/cm, trọng lượng 80 ± 3 g/m². - Hỗn hợp keo nóng chảy: Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. Độ nhớt 8.100-12.700 cP. Trọng lượng khối phủ: 55 ± 10 gsm, lực dính 1,8-5,5 N/cm - Dễ xé, không bị tưa vải khi xé, dính tốt, không bị sót keo khi tháo băng. - Kiểm tra đạt giới hạn vi sinh theo Dược điển Châu Âu / EN ISO 11737-1 - Nguyên liệu vải nguồn gốc G7 - Kích thước : 2.5cm x 9.1m
41	Băng kéo xương số 10	1.823	CUON	-Nền : 100% sợi cotton, số sợi ≥ 160 sợi/10cm, trọng lượng 133-147 g, độ dày 0.84 - 0.94mm. Co giãn theo chiều dọc $\geq 90\%$, chiều dài khi chưa kéo giãn 230 ± 20cm, khi kéo giãn 448.5 ± 20cm. - Hỗn hợp keo nóng chảy : Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. - Trọng lượng khối phủ: 110 ± 10 g/m², lực dính 2-9 N/cm - Giấy lót silicon, cuộn lại được bọc trong màng film. - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí ≤ 100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc ≤ 10 cfu/g
42	Băng kéo xương số 6	1.539	CUON	-Nền : 100% sợi cotton, số sợi ≥ 160 sợi/10cm, trọng lượng 133-147 g, độ dày 0.84 - 0.94mm. Co giãn theo chiều dọc $\geq 90\%$, chiều dài khi chưa kéo giãn 230 ± 20cm, khi kéo giãn 448.5 ± 20cm. - Hỗn hợp keo nóng chảy : Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. - Trọng lượng khối phủ: 110 ± 10 g/m², lực dính 2-9 N/cm - Giấy lót silicon, cuộn lại được bọc trong màng film. - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí ≤ 100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc ≤ 10 cfu/g
43	Băng thun Urgo 3 ins (Urgoband 7,5 cm x 4,5 m)	9.668	CUON	- Nền : sợi polyester, spandex và cotton, màu trắng, trọng lượng ≥ 90 g/m² - Kích thước : Khi chưa kéo giãn 180 - 220 cm, khi kéo giãn 450 - 465cm, khả năng co giãn $\geq 200\%$, - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí ≤ 100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc ≤ 10 cfu/g
44	Băng thun Urgo 4 ins (Urgoband 10 cm x 4,5m)	8.878	CUON	- Nền : sợi polyester, spandex và cotton, màu trắng, trọng lượng ≥ 90 g/m² - Kích thước : Khi chưa kéo giãn 180 - 220 cm, khi kéo giãn 450 - 465cm, khả năng co giãn $\geq 200\%$, - Kiểm tra vi sinh: tổng số vi khuẩn hiếu khí ≤ 100 cfu/g, tổng số nấm men và nấm mốc ≤ 10 cfu/g
45	Băng thun Việt Nam	3.508	CUON	Băng thun y tế là sản phẩm dệt từ sợi Polyester và sợi cao su (hoặc hợp chất tương tự). Kích thước 0,075m x 2m
46	Băng trong phẫu thuật 10cm x 12cm (H/50M)	6.432	MIENG	- Băng không thấm nước, vô khuẩn, độ kích ứng thấp, nhẹ nhàng thoải mái khi dán trên da. - Dễ dàng quan sát và thăm khám vùng tiêm ở mọi thời điểm. - Băng film thông thoáng, cho phép trao đổi oxy thoát hơi ẩm. - Kích thước: 10cm x 12cm
47	Băng trong phẫu thuật 6cm x 7cm (1623W- có rãnh giữa)	13.300	MIENG	- Băng không thấm nước, vô khuẩn, độ kích ứng thấp, nhẹ nhàng thoải mái khi dán trên da. - Dễ dàng quan sát và thăm khám vùng tiêm ở mọi thời điểm. - Băng film thông thoáng, cho phép trao đổi oxy thoát hơi ẩm. - Kích thước: 6cm x 7cm có xẻ rãnh giữa
48	Băng trong phẫu thuật 6cm x 7cm (1624W- H/100M)	20.320	MIENG	- Băng không thấm nước, vô khuẩn, độ kích ứng thấp, nhẹ nhàng thoải mái khi dán trên da. - Dễ dàng quan sát và thăm khám vùng tiêm ở mọi thời điểm. - Băng film thông thoáng, cho phép trao đổi oxy thoát hơi ẩm. - Kích thước: 6cm x 7cm
49	Băng vải cuộn 9cmx2.5m, KVT	13.927	CUON	- Băng cuộn y tế được cuộn tròn: - Chất liệu: sợi cotton 100%, màu trắng - Kích thước: 0,09m x 2,5m -Tốc độ hút nước, không lớn hơn 10 giây - Dạng cuộn, không sợi cán quang, không tiết trùng - Mịn màng, mềm mại, không gây kích ứng da.
50	Cable SPO2 máy Monitor	13	Cái	Cable SPO2 máy Monitor
51	Bình chất làm lạnh máy laser	96	BINH	Tên hóa học: 1,1,1,2 tetrafluoroethane (HFC).Chất làm lạnh DCD cryogen theo hoạt động của máy sẽ gây tê da trước khi phát xung laser, giảm đau trong quá trình điều trị.
52	Dây cable máy đo nồng độ oxy trong máu	14	Cái	Dây cable máy đo nồng độ oxy trong máu
53	Giấy in điện tim 1 cân (50mm x 30m)	20	CUON	- Chất liệu giấy tốt, không bị phai màu, vạch kẻ ô rõ ràng, phân chia khoảng cách chính xác - Kích thước: 50mm x 30m
54	Bình chứa dịch nhựa 2 Lit	218	BINH	Nắp đậy chặt, đúng thể tích

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
55	Lọc khuẩn HEPA	400	CAI	Lọc vi khuẩn khí thở loại một chức năng (lọc khuẩn) hoặc ba chức năng (lọc vi khuẩn-virus, làm ẩm và làm ấm khí thở), các size -Khoảng chết cực thấp giúp giảm thiểu khả năng bệnh nhân hít lại khí CO₂. - Màng lọc vải không dệt tĩnh điện PP (Hydrophobic non-woven polypropylen) có mắt lọc nhỏ nhất từ 0.5µm - 3µm, hiệu quả lọc khuẩn 99.999%. - Màng lọc làm ẩm và giữ ẩm đạt hiệu suất cao 27 mg/500mlVt - Trở kháng thấp 50 pa tại 30 lít/ phút - Thể tích khí tidal volume từ 50ml- 1500ml (50-100ml; 100-200ml-300ml; 300-1500ml) -Có cổng hút - cổng đo khí (áp lực hoặc CO₂) có nắp đậy -Kết nối 22F-15M/ 22M-15F, 15F-15M/8M giúp đa dạng liên kết cho ống thở, hoặc máy thở các loại. - Hỗ trợ co dãn nhiều lần đối với các trường hợp có kích cỡ đặc thù riêng. -<u>Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide.</u>
56	Lọc vi khuẩn có trao đổi nhiệt, ẩm (HMEF)	960	CAI	Phin lọc vi khuẩn, vi rút - Vật liệu vỏ bọc ngoài Polypropylen/ Sợi lọc Acrylic và Polypropylene, không chứa DEHP không chứa latex - Hiệu quả lọc cao theo tiêu chuẩn ASTM F2101 (vi khuẩn >99.999%, vi rút >99.99%) - Trọng lượng 15g, khoảng chết 23ml, thể tích tidal 50-900ml. Trở kháng 1.5cmH₂O ở dòng khí đi qua 20 lít/phút. Dòng ẩm trở lại 31.8mg/l tại thể tích 250ml. - Có nối 15male/15female- 22male(mm). - Thiết kế có cổng đo CO₂, thời gian sử dụng ≤ 24h - <u>Đóng gói riêng từng cái</u>
57	Đầu Cầm Nhanh Cho Khí Hút VAC	10	CAI	Đầu Cầm Nhanh Cho Khí Hút VAC
58	BTSC-Cáp nối dài đo SPO ₂	25	CAI	BTSC-Cáp nối dài đo SPO ₂
59	Bao giấy giấy tiệt trùng	22.800	DOI	Chất liệu: vải PP không dệt. Đặc điểm: Dây thun cổ giấy chắc chắn, co dãn tốt. Đóng gói từng đôi, tiệt trùng bằng khí EO Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO 13485, ISO 9001, Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế loại A, Tiêu chuẩn cơ sở
60	Bình tạo ẩm oxy	567	CAI	Bình tạo ẩm Oxy -Dung lượng 400CC- Chất liệu: PE, PVC, ABS- Áp lực (6PSI)-Dùng tạo ẩm khí oxy cho bệnh nhân thở
61	Dây nối điện cực trung tính dán, chuẩn tròn	12	CAI	Chuẩn cầm tròn, sử dụng nhiều lần, hấp tiệt trùng được ở nhiệt độ cao tối đa ≥ 138 độ C
62	Kích thước điểm chiếu đầu đốt laser (spot size) 5mm	1	CAI	là đầu tip để tia laser phát ra(Distance Gauge), kích thước tia phát 5mm, lắp trên đầu chiếu của máy khi dùng điều trị - Tự động nhận dạng diện tích chiếu 5mm khi được lắp vào đầu chiếu.- Tương thích cho máy Vbeam Perfecta.
63	Kích thước điểm chiếu đầu đốt laser (spot size) 7mm	2	CAI	là đầu tip để tia laser phát ra(Distance Gauge), kích thước tia phát 7mm, lắp trên đầu chiếu của máy khi dùng điều trị - Tự động nhận dạng diện tích chiếu 5mm khi được lắp vào đầu chiếu. - Tương thích cho máy Vbeam Perfecta.
64	Nẹp dọc Armada, L100-500	20	CAI	Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V) - Đường kính: 5.5mm - Chiều dài: Từ 25mm đến 500mm - Có đường đánh dấu chạy dọc theo nẹp
65	Bone wax 2.0 GM (H/24M/12M)	1.000	MIENG	Không hấp thụ và không có tác dụng sinh hóa được sử dụng để kiểm soát chảy máu trên bề mặt xương bị thương trong quá trình phẫu thuật điều chỉnh xương Được sản xuất từ 70% sáp ong tự nhiên, 18% parafin và 12% IPP(Isopropyl Palmitate) Đóng gói bằng bao bì kép, hạn sử dụng 5 năm. Khử trùng bằng bức xạ Gama <u>Trọng lượng 2.0-2.5gr</u>
66	Nẹp nối ngang chiều dài cố định	20	CAI	Dùng cho bé trên 11 tuổi - Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V) - Chiều dài: Từ 20mm, 22.5mm, 25mm, 27.5mm, 30mm, 32.5mm, 35mm, 37.5mm, 40mm, 45mm, 50mm, 55mm, 60mm. - Có thể uốn nẹp - Tiêu chuẩn: FDA Dùng cho trẻ dưới 11 tuổi - Vật liệu: hợp kim Titanium - Nẹp nối ngang tương thích với đường kính nẹp dọc 5.5mm - Chiều dài từ khoảng 10mm - 75mm (0.375 inch - 2.95 inch). - Kèm theo 02 ốc khóa trong để siết chặt vào thanh dọc đường kính 5.5mm. - Màu sắc: màu xanh da trời, ốc khóa trong màu vàng

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
67	Kích thước điểm chiếu đầu đốt laser (spot size) 10mm	1	CAI	là đầu tip để tia laser phát ra (Distance Gauge), kích thước tia phát 10mm, lắp trên đầu chiếu của máy khi dùng điều trị - Tự động nhận dạng diện tích chiếu 5mm khi được lắp vào đầu chiếu. - Tương thích cho máy Vbeam Perfecta.
68	Sensor đo Spo2 cho máy monitor Nihon Kohden	35	CAI	Cho kết quả chính xác %SpO2 trong trường hợp tước máu thấp $\leq \pm 2$ số. Dùng với máy Nihon Kohden Loại kẹp ngón cho sơ sinh thiếu tháng, sơ sinh, trẻ em, người lớn
69	Kính bảo hộ	360	CAI	Kính bảo hộ
70	Bóng đo đường kính lỗ thông liên nhĩ 18mm và các cỡ (Amplatzer Sizing Balloons)	100	CAI	Bóng đo kích thước lỗ thông liên nhĩ các cỡ: - Nguyên liệu nhựa polymer tổng hợp (nylon), giãn nở tốt. - Có 3 điểm đánh dấu cân quang. Khoảng cách các điểm đánh dấu lần lượt là 0,4mm; 15mm (tính từ đầu bóng). - Đường kính/chiều dài tối thiểu có: 18/35 mm, 24/45 mm, 34/55 mm.
71	Bóng giúp thở silicon (Ampu bag Silicon) 1500ml	125	CAI	Bao gồm: 1. Bóng bóp Silicon có dung tích 1500ml $\pm 5\%$. 1. Mặt nạ Silicon (Các số: 1,2,3,4 hoặc 5). 1. Túi silicon chứa oxy (Dung tích: 1000-2500ml). 1. Dây nối oxy 2m. 1. Val peep
72	Bóng giúp thở silicon (Ampu bag Silicon) 250ml	63	CAI	Bao gồm: 1. Bóng bóp Silicon có dung tích 250ml $\pm 5\%$. 1. Mặt nạ Silicon (Các số: 1,2,3,4 hoặc 5). 1. Túi silicon chứa oxy (Dung tích: 1000-2500ml). 1. Dây nối oxy 2m. 1. Val peep
73	Bóng giúp thở silicon (Ampu bag Silicon) 280ml	3	CAI	Bao gồm: 1. Bóng bóp Silicon có dung tích 280ml $\pm 5\%$. 1. Mặt nạ Silicon (Các số: 1,2,3,4 hoặc 5). 1. Túi silicon chứa oxy (Dung tích: 1000-2500ml). 1. Dây nối oxy 2m. 1. Val peep
74	Bóng giúp thở silicon (Ampu bag Silicon) 550ml	205	CAI	Bao gồm: 1. Bóng bóp Silicon có dung tích 550ml $\pm 5\%$. 1. Mặt nạ Silicon (Các số: 1,2,3,4 hoặc 5). 1. Túi silicon chứa oxy (Dung tích: 1000-2500ml). 1. Dây nối oxy 2m. 1. Val peep
75	Bóng giúp thở silicon (Ampu bag Silicon) 600 ml	10	CAI	Bao gồm: 1. Bóng bóp Silicon có dung tích 600ml $\pm 5\%$. 1. Mặt nạ Silicon (Các số: 1,2,3,4 hoặc 5). 1. Túi silicon chứa oxy (Dung tích: 1000-2500ml). 1. Dây nối oxy 2m. 1. Val peep
76	Bóng giúp thở silicon (Ampu bag Silicon) 650ml	7	CAI	Bao gồm: 1. Bóng bóp Silicon có dung tích 650ml $\pm 5\%$. 1. Mặt nạ Silicon (Các số: 1,2,3,4 hoặc 5). 1. Túi silicon chứa oxy (Dung tích: 1000-2500ml). 1. Dây nối oxy 2m. 1. Val peep
77	Bóng giúp thở silicon 1000ml	80	CAI	Bao gồm: 1. Bóng bóp Silicon (Dung tích 250-1600ml). 1. Mặt nạ Silicon (Các số: 1,2,3,4 hoặc 5). 1. Túi silicon chứa oxy (Dung tích: 1000-2500ml). 1. Dây nối oxy 2m. 1. Val peep
78	Bóng làm thủ thuật Rashkind	50	CAI	Bóng dùng trong thủ thuật Rashkind - Bóng là 1 ống thông được thiết kế đồng trục, ở đầu xa có gắn bóng ít co dãn. - Độ cong ở đầu tận 100-1250. - Có 2 nòng: 1 nòng nối với bóng và 1 nòng để đưa dẫn dẫn vào được thiết kế phù hợp với dây dẫn 0.014, 0.018, 0.021. - Có marker Platinum Iridium. - Tối thiểu có đường kính 9,5 và 13,5mm. - Thân được thiết kế phù hợp với sheath 5F và 6F.
79	Bóng ngưng động mạch thận (Pantera/Pantera Leo/Passeo 18/Cathy)	150	CAI	Bóng ngưng động mạch thận - Khẩu kính đầu vào cực nhỏ khoảng 0,016". - Vật liệu: polyamide. - Phủ lớp ái nước. - Tương thích ống thông dẫn đường (min): 5F. Độ dài hữu dụng ống thông: 140cm. - Đánh dấu: Platinum và Iridium. - Kích thước dây dẫn đường tối thiểu có 0.014". - Áp lực chuẩn khoảng 8 bar với bóng thường, 10 bar với bóng cứng. - Đường kính tối thiểu có 2.00 đến 5.00 mm và độ dài 10 đến 30 mm

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
80	Bóng nang mạch máu ngoại biên	350	CAI	Bóng nang mạch máu ngoại biên - Khẩu kính đầu vào cực nhỏ khoảng 0.016". - Vật liệu: polyamide. - Phủ lớp ái nước. - Tương thích ống thông dẫn đường (min): 5F. Độ dài hữu dụng ống thông: 140cm. - Đánh dấu : Platinum và Iridium. - Kích thước thân - distal: 2.4 F - 2.9 F. Kích thước thân Hypotube: 2.0F. - Kích thước dây dẫn đường tối thiểu có 0.014". - Áp lực chuẩn khoảng 8 bar với bóng thường, 10 bar với bóng cứng. - Đường kính tối thiểu có 2.00 đến 5.00 mm và độ dài 10 đến 30 mm
81	Bóng nang van động mạch phổi áp lực cao	80	CAI	Bóng nang van động mạch phổi áp lực cao - Chất liệu Co-Polymer mềm mại, ổn định, bền chắc - Có marker vàng cân quang. - 2 đầu bóng nở trước, eo bóng nở sau, bóng tăng áp và tháo áp nhanh, bề mặt không bị chùn, - Chiều dài bóng tối thiểu có từ 20, 30, 40, 50, 60 mm - Đường kính bóng tối thiểu có 5,0; 6,0; 7,0; 8,0; 9,0; 10,0; 12,0; 14,0; 15,0; 16,0; 18,0; 20,0; 22,0; 23,0 mm đến 25,0 mm. - Áp lực thường khoảng từ 2 cho đến 6 atm - Áp lực nổ khoảng từ 4 atm đến 15 atm - Chiều dài sử dụng 100cm - Kích cỡ cung cụ mở đường tối thiểu có 6,0; 7,0; 8,0; 9,0; 10,0; 12,0; 14,0 Fr.
82	Bóng nang van động mạch phổi áp lực thấp (Tyshak Mini, Tyshak II Balloon) các size	150	CAI	Bóng nang van động mạch phổi áp lực thấp các size các cỡ - Chất liệu Thermoplastic Elastomer, không giãn nở và siêu mỏng. Không chứa DEHP, không chứa Latex. - Đường kính tối thiểu ≤ 2mm, đường kính tối đa ≥ 30 mm. - Áp lực tối thiểu ≤ 1,5 atm, áp lực tối đa ≥ 10 atm.
83	Bóng nang van động mạch phổi áp lực trung bình (3-5 bar)	360	CAI	Bóng nang van động mạch phổi áp lực trung bình (3-5 bar) - Chiều dài khả dụng của ống thông tối thiểu có 70cm và 110cm. - Nốt cân Quang cho phép xác định vị trí chính xác của bóng nang. - Kích cỡ bóng: Đường kính tối thiểu ≤ 6 mm, đường kính tối đa ≥ 35 mm, dài tối thiểu ≤ 20 mm, dài tối đa ≥ 60 mm. - Tương thích với Introducer Sheath 4-16F và dây dẫn 0,018- 0,038 inch. - Áp lực bơm bóng trung bình 2- 2,5 atm.
84	Nẹp ống lồng cầu trái, phải các cỡ	12	CAI	Nẹp ống lồng cầu trái, phải các cỡ
85	Bộ bơm áp lực cao kèm van cầm máu chữ Y	450	CAI	Bộ bơm bóng áp lực cao dùng trong tim mạch can thiệp - Bơm bóng áp lực cao có đỉnh sẵn dây tubing dài 13 inches - Áp lực 30atm. Thể tích 20ml - Vật liệu làm bằng Polycarbonate. Phụ kiện kèm theo: Van cầm máu, dụng cụ Insertion, torque, khóa 3 ngã. Kèm tubing nối dài 20cm (mã IN4352) - Khóa Prime hỗ trợ kỹ thuật viên sử dụng 1 tay dưới khi trong bơm. - Hạn dùng 3 năm.
86	Bộ catheter 2 nòng 4F dài 30cm	130	CAI	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng 4Fr dài 30 cm bao gồm: Catheter polyurethane (PU) không mềm hoặc không cứng quá, cân quang. Tốc độ dòng 10ml/phút(xa); 6ml/phút(gần) - Dây dẫn đường Guidewire nitinol chống xoắn 0.018" x 60cm - Kim dẫn đường 20 Ga x 4cm - Bơm tiêm 5 ml - Cây nong vật liệu Polyethylen không quá mềm. - Nút chặn kim luồn (khóa heparin) - Dao mổ
87	Vít đa trục Armada	240	CAI	Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V) hoặc tương đương - Thiết kế trục vít đôi với hai luồng ren chạy dọc thân vít. Khoảng cách giữa các bước ren là 3mm. Góc nghiêng của ren là 11° và 21°. Góc mở của mỗi bước ren là 60°. Vít tự taro. Góc xoay tối đa của vít là 60°. Ren trên đầu mũ vít được thiết kế ren vuông, kết hợp với vít khóa trong tạo nên cơ chế khóa mặt bích xoắn. - Đường kính ngoài: 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm, 5.5mm, 6.5mm, 7.5mm, 8.5mm. Đường kính trong: 4mm. - Chiều dài: Từ 25mm đến 60mm.
88	Bộ catheter TMTW 1 nòng số 3F	4.268	BO	* Catheter tĩnh mạch trung tâm thiết kế đặc biệt mềm, đầu tip hình nón giảm tổn thương, an toàn để chèn * Vật liệu PU(polyurethane) tương thích sinh học cứng nhưng không gãy gập tại nhiệt độ phòng và mềm ở nhiệt độ cơ thể. Có cân quang, có vạch đánh dấu độ dài đảm bảo vị trí đặt chính xác * Dây dẫn đường Nickel-Titanium đầu J mềm và linh hoạt chịu được lực bẻ cong tốt * Kích cỡ: catheter 22G x 13cm (7.2-11.25ml/phút); cây nong 4Fr x 5cm; dây dẫn đường 0.45 x 45cm , kim dẫn đường 21G x 4cm. * Bộ đi kèm gồm: cổ định hub, cổ định catheter, bơm tiêm 5ml, dao mổ * Đóng gói tiệt trùng EO. Không Pyrogenic

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
89	Bộ catheter TMTW 2 nòng số 4F	4.405	BO	Catheter TMTT 2 đường trẻ em - Vật liệu: Catheter Polyurethane, Dây dẫn Nickel-Titan - Thiết kế: catheter tương thích sinh học, có cân quang. Dây dẫn đầu J mềm, linh hoạt, chống gãy gấp - Kích cỡ: 4Fr x 6cm, cỡ nòng 20Ga/22Ga. Tốc độ dòng: 14~17 ml/phút; 16~21 ml/phút - Bộ đi kèm: Dây dẫn 0.018"x 50cm. Cây nong 5Fr x 7cm, bơm tiêm 5ml, dao mổ, kim dẫn đường 21G x 4cm, cổ định hub và cổ định catheter - Đóng gói tiệt trùng. Không gây sốt (Pyrogenic)
90	Bộ catheter TMTW 2 nòng số 5F	1.659	BO	Catheter TMTT 2 đường trẻ em - Vật liệu: Catheter Polyurethane, Dây dẫn Nickel-Titan - Thiết kế: catheter tương thích sinh học, có cân quang. Dây dẫn đầu J mềm, linh hoạt, chống gãy gấp - Kích cỡ: 5Fr x 8cm, cỡ nòng 18Ga/20Ga. Tốc độ dòng: 26~33 ml/phút; 29~37 ml/phút - Bộ đi kèm: Dây dẫn 0.018"x 50cm. Cây nong 6Fr x 10cm, bơm tiêm 5ml, dao mổ, kim dẫn đường 21G x 4cm, cổ định hub và cổ định catheter - Đóng gói tiệt trùng. Không gây sốt (Pyrogenic)
91	Bộ catheter TMTW 3 nòng 4.5 F	1.065	BO	Catheter TMTT 3 đường trẻ em - Vật liệu: Catheter Polyurethane, Dây dẫn Nickel-Titan - Thiết kế: catheter tương thích sinh học, có cân quang. Dây dẫn đầu J mềm, linh hoạt, chống gãy gấp - Kích cỡ: 4.5Fr x 6cm, cỡ nòng 22Ga/20Ga/22 Ga. Tốc độ dòng: 27~35 ml/phút; 12~15 ml/phút; 11~14 ml/phút - Bộ đi kèm: Dây dẫn 0.018"x 50cm. Cây nong 5Fr x 7cm, bơm tiêm 5ml, dao mổ, kim dẫn đường 21G x 4cm, cổ định hub và cổ định catheter - Đóng gói tiệt trùng. Không gây sốt (Pyrogenic)
92	Bộ Catheter TMTW 3 nòng 7F, ECMO	20	BO	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 đường phủ thuốc, bao gồm các bộ phận sau: - Catheter được làm từ chất nền polymer trắng ion bạc kháng khuẩn an toàn, dùng để tiêu diệt hoặc ức chế sự phát triển của vi khuẩn (99.999% trong 24h) - Kích cỡ: 7Fr, dài 15-20 cm, thể tích mỗi 0.44/0.39/0.39ml. Tốc độ dòng 3100/1500/1600ml - Cấu tạo gồm 3 nòng, kích cỡ nòng (16Ga, 18Ga, 18Ga) - Dây dẫn J làm bằng hợp kim Nitinol mềm và linh hoạt, chống gãy gấp dài 0.032"-0.035" x 60cm - 1 kim dẫn 18G x 2.5" - 1 cây nong, dao mổ, nút chặn kim luồn luer lock, Clamp kẹp dây nối, kẹp catheter - Tiệt khuẩn
93	Vít mắt cá chân đường kính 4.5mm các cỡ	30	CAI	Vít mắt cá chân đường kính 4.5mm các cỡ
94	Bộ cấy ốc tai số 2	9	CAI	- Kích thích lần lượt không chồng chéo 12 kênh điện cực. - Kích thích đồng thời (song song) lên 2 đến 12 kênh điện cực - Chấm xanh trên chuỗi điện cực - 24 nguồn điện độc lập cho 24 điện cực - Điện cực kích thích tham chiếu nằm trên vỏ bọc titanium - Tốc độ kích thích $\leq 50,704$ xung mỗi giây - Thời gian xung mỗi pha: 2.1~425.0 μ s/ pha - Độ phân giải thời gian (giá trị tên): 1.67 μ s - Mức dòng (giá trị tên): 0~1200 μ A mỗi pha xung Thiết kế vỏ bọc: Chịu lực va đập ≥ 2.5 Joule. Vỏ bọc titanium kín hoàn toàn. PIN với chân cố định Có thể chụp MRI ở 3.0 Tesla, không cần tháo nam châm - Kích thước thân máy: 18.8 mm x 24 mm x 4.5 mm đến 5.9 mm Kích thước Coil: Đường kính 29.0 mm x độ dày 3.3 mm - Trọng lượng: từ 7.7g đến 8.7g
95	Vít mắt cá chân 4,5 mm x 40mm	10	Cái	Vít mắt cá chân 4,5 mm x 40mm
96	Băng keo có gạc vô trùng 90mm x 100mm (Urgosterile)	19.740	MIENG	- Lớp vải nền: Vải không dệt 50g/m ² , 50% viscose + 50% polyester. - Lớp keo: Keo kết dính nóng chảy 43g/m ² : Hydrocarbon resin, Styrene block copolymer, Dầu khoáng y tế, Chất chống oxy hóa - Lớp gạc thấm hút không dính, trọng lượng 200 g/m ² : Màng PE, Viscose + Polyester - Khả năng thấm hút: $\geq 680\%$ - Giấy lót phủ silicone 62g/m ² - Tiệt trùng bằng EO - Kích thước: 9cm x 10cm

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
97	Băng keo vải (2,5 cm x 5m)	16.000	CUON	- Nền : Vải dệt từ cellulose acetate (Taffeta), số sợi 44x19.5 sợi/cm, trọng lượng 80 ± 3 g/m². - Hỗn hợp keo nóng chảy: Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. Độ nhớt 8.100-12.700 cP. Trọng lượng khối phủ: 55 ± 10 gsm, lực dính 1,8-5,5 N/cm - Dễ xé, không bị tua vải khi xé, dính tốt, không bị sót keo khi tháo băng. - Kiểm tra đạt giới hạn vi sinh theo Dược điển Châu Âu / EN ISO 11737-1 - Nguyên liệu vải nguồn gốc G7 - Kích thước : 2.5cm x 5m
98	Bẫy nước	174	CAI	Chất liệu PSF hoặc trong dương, có thể tiết trùng, sử dụng lại nhiều lần. Tương thích với các loại máy thở của Bệnh viện
99	Bình dẫn lưu thủy tinh 0.5Lit	34	BÌNH	Bình dẫn lưu thủy tinh 0.5Lit
100	Bình dẫn lưu thủy tinh 1Lit	20	BÌNH	Bình dẫn lưu thủy tinh 1Lit
101	Bộ chuyển tiếp LMB	300	CAI	- Bộ chuyển tiếp dùng cho lọc màng bụng: - Sử dụng kéo dài trong lọc màng bụng. - Bao gồm: một đầu nối khóa ngắt mở hệ thống, ống nhựa và một đầu nối khóa vận kép. - Được tiết trùng bằng Ethylen oxide.
102	Bộ dẫn lưu dịch não tủy (có thể điều chỉnh)	20	BO	- Vật liệu Polypropylene cùng với màng chân Silicone chống sự dính của phần trên và đế Van. - Có thể xác định được mức áp lực Shunt mà không cần chụp film - Catheter phủ lớp cân quang có thể chống nhiễm trùng tối đa, chụp XQuang, MRI thấy được vị trí Catheter. - Van điều chỉnh Strata là sản phẩm MR Conditional chuẩn ASTM F2503 hoặc tương đương. Tương thích với Hệ thống chụp cộng hưởng từ (MRI) lên đến 3.0 Tesla. - Có 2 kích cỡ phù hợp cho người lớn và trẻ em. - Van có thể điều chỉnh mức áp lực sau khi đã đặt vào đầu bệnh nhân bằng bộ điều chỉnh nam châm bên ngoài.
103	Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài	50	BO	- Hệ thống hút dịch não bên ngoài, vật liệu Polyme; hệ thống gồm dây dẫn 35 cm, Van điều chỉnh dòng chảy, túi chứa dịch 700 ml, cột theo dõi áp suất dòng chảy, trocar 15cm, catheter não thất dài 35cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.8mm, kích thước lỗ 1.1mm. - Bộ phận Hydrophobic Vent đặc biệt chống chảy ngược, rỉ dịch dẫn - Thang đo áp lực dòng chảy đảm bảo cho dịch chảy đúng áp suất yêu cầu, hỗ trợ việc theo dõi áp suất não. - Túi chứa dịch có vạch đo được lượng dịch chảy, Túi có thể tháo rời.
104	Bộ dẫn lưu kín nước tiểu có bầu	640	BO	Gồm 1 cột đo 40ml chia vạch chính xác từng 1ml, khoang hình hộp 500ml đo từng 5ml tăng dần lên trong mức đo từ 45ml đến 500ml; dây dài 1.2m nối khoang với túi chứa 2000ml có điểm lấy mẫu nước tiểu không cần kim, có 2 van 1 chiều chống trào ngược nước tiểu, trên túi có màng lọc khuẩn 5micron, van xả gạt ngang (chữ T) được gấp gấp vào túi; cung cấp móc và dây treo bộ đo nước tiểu
105	Bộ dây dẫn tuần hoàn dùng cho bệnh nhân <20kg, ECMO	20	BO	- Bộ dây dẫn tuần hoàn có phủ chất chống đông máu, gồm 2 đường động mạch và tĩnh mạch • Tổng chiều dài (chưa bao gồm các van nối và cánh bơm): 485 cm • Đoạn dây có gắn cánh bơm - o02 đoạn kích thước 3/8 x 3/32 x 15 cm - o01 đoạn kích thước 1/4 x 1/16 x 40 cm • Đoạn dây không gắn cánh bơm o01 đoạn kích thước 1/4 x 1/16 x 400 cm - o01 đoạn kích thước 1/4 x 1/16 x 15 cm - Bộ dây dẫn khí • Tổng chiều dài dây dẫn khí (chưa bao gồm các van nối và lọc khí): 310 cm - o01 đoạn kích thước 1/4 x 1/16 x 300 cm - o01 đoạn kích thước 1/4 x 1/16 x 10 cm có kèm bộ lọc khí - Bộ Priming: - o02 đoạn dây priming kích thước 1/4 x 1/16 x 120 cm - o01 đoạn dây nối phụ kích thước 1/4 x 1/16 x 120 cm - oTúi truyền dịch 600 ml - Đường kính các dây dẫn: 1/4 inch và 3/8 inch - Các phụ kiện kèm theo gồm kẹp ống dẫn máu, kéo cắt, van 3 ngã - Cánh bơm ly tâm Rotaflow gắn kèm bộ dây: - oThể tích mỗi: 32 ml - oTốc độ bơm ly tâm: 0 – 5.000 vòng/phút
106	Bộ dây tưới rửa cho hệ thống dao siêu âm cắt xương	10	BO	- Dây tưới rửa có phần silicon gắn máy bơm - Có đầu cầm chai truyền dịch - Có đầu cầm tương thích với tay dao siêu âm cắt xương tại bệnh viện. - Có kẹp khóa/mở tưới nước - Đóng gói tiết trùng

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
107	Bộ dây thở NCPAP	133	BO	Bao gồm 3 đoạn dây silicon, 1 bể nước, co nối van Benvernist, co nối phù hợp các loại - Sử dụng nhiều lần, có thể hấp autoclave (max 134oC) ngâm Cidex hoặc thanh trùng khoảng 100 lần sử dụng, bề mặt trong trơn láng giảm thiểu trở kháng đường thở và tình trạng đọng nước - 3 m dây silicon 5x8mm cho việc thay thế sử dụng khi dây bị đục mờ do sử dụng
108	Bộ dây truyền máu có lọc bạch cầu dùng cho trẻ sơ sinh	780	DAY	Bao gồm: 1 Bộ lọc + 1 Túi máu PVC thể tích 175ml được tích hợp công rút máu bằng ống xi-lanh - Vật liệu: Acrylic, Polyester, Polyvinyl chloride (DEHP plasticised), Polycarbonate, Silicone rubber. Sản phẩm không chứa cao su tự nhiên - Lượng bạch cầu còn lại trong chế phẩm: $< 2 \times 10^5$ (đối với thể tích hồng cầu là 60ml) và $< 5 \times 10^5$ (đối với thể tích hồng cầu từ 60ml- 150ml) - Thời gian lọc trung bình khoảng 10 phút đối với thể tích 150 ml - Hao tổn do lọc: 12 ml - Tỷ lệ tiểu cầu hồi phục $> 90\%$ - Lượng tiểu cầu còn lại: $< 10 \times 10^9/L$ - Chế phẩm máu sau khi lọc đã được chứng minh lâm sàng tương đương với máu huyết thanh âm tính CMV đã được sàng lọc nhằm ngăn ngừa nhiễm CMV.
109	Bộ dụng cụ tạo nhịp vĩnh viễn nội tâm mạc, 1 buồng (1VERITY + 1TENDRIL + 1kim Introduce)/Endurity	40	BO	• Tạo nhịp tim 1 buồng, đáp ứng nhịp theo vận động. • Thể tích máy ≤ 9.7 cc. • Cho phép chụp MRI toàn thân 3T không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân. • Quản lý tạo nhịp thất, cho phép lập trình biên độ tạo nhịp an toàn lên tới 4 lần ngưỡng tạo nhịp. • Có chức năng gọi ý các thông số lập trình máy thích hợp cho từng bệnh nhân. • Tần số đáp ứng với nam châm khi còn pin ≤ 85 chu kỳ/phút.
110	Bộ dụng cụ tạo nhịp vĩnh viễn nội tâm mạc, 2 buồng (1VERITY + 2TENDRIL + 2KIM)/ Endurity	40	BO	• Tạo nhịp tim 2 buồng, đáp ứng nhịp theo vận động. • Cho phép chụp MRI toàn thân 3T, không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân. • Quản lý tạo nhịp nhĩ và thất, cho phép lập trình biên độ tạo nhịp an toàn lên tới 4 lần ngưỡng tạo nhịp. • Có chức năng gọi ý các thông số giúp lập trình máy thích hợp cho từng bệnh nhân. • Tần số đáp ứng với nam châm khi còn pin ≤ 85 chu kỳ/phút.
111	Bộ dụng cụ thả dù đóng đa năng phủ Pebax	200	CAI	Bộ dụng cụ bung dù đóng đa năng có van cầm máu cho đủ loại MFO hoặc tương đương - Chất liệu: PTFE - Đường kính tối thiểu có từ 5F đến 14F. Chiều dài 80cm. - Cấu tạo bề mặt được phủ 1 lớp Pebax hoặc tương đương tạo lớp ngoài trơn tru để di chuyển.
112	Bình hút 1 lit	70	BINH	Nắp đậy chặt, đúng thể tích
113	Ống trích 0,3ml tiêm Insulin	10.000	Cái	- 100 UI - Đường kính nhỏ 30G, đầu kim phủ silicone - Chiều dài kim ngắn 5/16" (8mm) với đường kính lòng kim lớn - Vạch chia từng đơn vị đậm và rõ nét, không khoảng chết - Dung tích 0.3ml đóng gói riêng lẻ từng cái.
114	Bộ lọc khí thở vào dùng cho máy thở 4-074600-00	71	BO	Bộ lọc khí thở vào dùng cho máy thở 4-074600-00
115	Bộ đo huyết áp động mạch trực tiếp	5.929	CAI	Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường có van khóa lấy mẫu máu kín bao gồm: 2 đoạn dây chính máu độ dài 60inch/ 12inch, 2 khóa 4 ngã, 1 khóa lấy mẫu máu kín, đầu dò cảm biến DPT, dây truyền dịch IV 0.16"-60L Thông số kỹ thuật transducer Độ nhạy $5.0 \pm 1\% \mu V/v/mmHg$. Cân bằng tại $0 \pm 40(mmHg)$. Trở kháng đầu vào 350 ohms. Trở kháng đầu ra 300 ohms. Điều kiện cân bằng $100 \pm 3(mmHg)$. Tốc độ dòng thấp (3ml/hr; 30ml/hr) 1.9ml $< \text{dòng} < 5.0ml/hr - 276 mmHg$. Tốc độ dòng cao (125ml/phút) $-276mmHg$. Áp suất hoạt động-30 đến 300 (mmHg). Quá áp -400 đến 6000 (mmHg), đối xứng $\pm 5\%$ Công ty cam kết tặng Cấp nối với số lượng theo yêu cầu của Bệnh viện. Đóng gói 01 cái/gói
116	Bộ đo lưu lượng oxy/khí thở ra từ bệnh nhân	6	CAI	- Cảm biến vòng chữ O, đo lưu lượng oxy/khí (Q3) thở ra từ bệnh nhân - Bộ điều khiển sử dụng nguồn điện +12V và +5V - Cảm biến nhiệt sử dụng điện áp +12V - Tương thích với máy thở model: Puritan Bennett 840 đang sử dụng tại bệnh viện.
117	Bộ đo lưu lượng oxy/khí thở vào từ bệnh nhân	6	CAI	- Cảm biến vòng chữ O, đo lưu lượng Oxy/ khí (Q1/Q2) hít vào của bệnh nhân - Bộ điều khiển sử dụng nguồn điện +12V và +5V - Cảm biến nhiệt sử dụng điện áp +12V - Tương thích với máy thở model: Puritan Bennett 840 đang sử dụng tại bệnh viện.
118	Left heart vent catheter, vented 13F (12113)	500	CAI	- Cannulae dẫn lưu tim trái thẳng hoặc cong đầu hình viên đạn (bullet tip) có hoặc không kèm guidewire - Cỡ cannula 13Fr kết nối bằng nút nối cỡ 1/4" - Độ dài hiệu dụng 31.8cm

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
119	Bộ gây tê ngoài màng cứng G18 (PERIFIX 401)	350	BO	Kim đầu cong loại Tuohy cỡ G18 dài 3 1/4", chuỗi kim trong suốt, có nhiều rãnh chắc chắn, dễ cầm ngay cả khi đeo găng ướt - Catheter bằng polyamid trong suốt không bị gãy gập, dài 1000mm, có đường cân quang ngấm, đầu catheter có 3 lỗ thoát thuốc - Đầu nối catheter dạng nắp bật, tránh tình trạng vận quá mức gây tắc catheter - Bơm tiêm giảm kháng lực LOR (Loss of Resistance) giúp xác định khoang ngoài màng cứng dễ dàng và chính xác - Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0.2µm, tiêm thuốc an toàn và vô khuẩn, miếng dán cố định màng lọc - Có đầy đủ bơm tiêm và kim chích thuốc
120	Bộ kit mổ tim (Khăn giấy) (Gói/1 bộ)	800	BO	Bao gồm: 1 x Khăn 150 x 200cm 1 x Khăn 250 x 350cm 5 x Táp dề 80 x 120cm Tiệt trùng bằng khí EO, Đóng gói một mặt dùng chất liệu nhựa trong suốt và một mặt giấy, nhằm đảm bảo độ vô trùng, dễ bảo quản, dễ quan sát, Bao bì chỉ thị tiệt trùng. Bộ khăn chụp mạch vành - Tiệt trùng, đóng gói: 1 Bộ/ gói, gồm: 01 Khăn chụp mạch vành 220 x 370cm: Khăn được cấu tạo từ vải không dệt 5 lớp không thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, tại vùng phẫu trường có vùng thấm hút đặc biệt, hai bên khăn được thiết kế bằng chất liệu trong suốt nhằm giúp phẫu thuật viên có thể nhìn thấy bàn điều khiển. Tại vùng phẫu trường có phần màng phẫu thuật tạo vùng vô trùng trên da. Lỗ dùi kích thước Ø 13 cm, lỗ trên màng phẫu thuật Ø 7 cm 01 Bao kính chắn chỉ 90 x 95cm bằng plastic trong với thun co giãn ở miệng. 02 Bao chụp đầu đèn Ø 75cm bằng plastic trong với thun co giãn ở miệng. 01 Bao chụp đầu đèn Ø 55cm bằng PE trong với dây thun co giãn ở miệng. 01 Khăn phủ bàn dụng cụ vô trùng 150 x 180cm bằng plastic trong. 02 Tấm phủ chắn chỉ 140 x 150cm bằng plastic trong. 01 Khăn trải bàn dụng cụ 200 x 260cm: Khăn được cấu tạo từ hai lớp: Lớp plastic màu và lớp vải không dệt 5 lớp. Cả hai lớp đều không thấm nước đảm bảo đúng nguyên tắc phòng mổ.
121	Bộ khăn chụp mạch vành	1.500	BO	
122	Bộ khăn phẫu thuật tim trẻ em	500	BO	Sử dụng trong phẫu thuật tim hở em bé Vải không dệt y tế 6 lớp SMMMMS 47 → 50 gsm, tiêu chuẩn AAMI mức độ 3. Bộ khăn bao gồm: 1. Khăn trải bàn dụng cụ 2 lớp 165cm x 200cm x 02 cái: Vải SMMMMS, màng phim PE xanh 2. Khăn thấm 35cm x 40cm x 04 cái: Spunlace 3. Khăn phủ vùng sinh dục 12cm x 20cm x 01 cái: Vải SMMMMS, băng keo y tế 4. Khăn có keo 60cm x 90cm x 04 cái: Vải SMMMMS, băng keo y tế 5. Khăn phủ đầu 150cm x 230cm x 01 cái: Vải SMMMMS, màng phim PE trong, băng keo y tế 6. Khăn phủ bên 80cm x 120cm x 02 cái: Vải SMMMMS, vải thấm, băng keo y tế 7. Khăn phủ chân 200cm x 200cm x 1 cái: Vải SMMMMS, vải thấm, băng keo y tế 8. Băng keo OP 10cm x 50cm x 06 cái: Vải SMMMMS, băng keo y tế 9. Túi dụng cụ có băng keo 2 đầu 35cm x 40cm x 01 cái: Màng phim PE trong 10. Khăn phủ dụng cụ 150cm x 160cm x 01 cái: Màng phim PE trong 11. Khăn không keo thấm 30cm x 35cm x 02 cái: Vải bản thấm 12. Khăn không keo 90cm x 100cm x 01 cái: Vải SMMMMS Được tiệt trùng bằng khí EO
123	Bộ laser nhuộm màu	1	BO	Phù hợp sử dụng cho thiết bị laser điều trị trong bệnh bướu màu (bước sóng 595nm). Hàng chính Hãng Candela – Mỹ. Hàng mới 100%.
124	Máy soi ánh sáng đỏ	9	CAI	Máy soi ánh sáng đỏ
125	Chổi rửa	2	CAI	Chổi rửa
126	Bộ nong các loại	50	BO	Bộ nong dưới da dùng cho cannula ECMO: -Bộ gồm ống nong, dây dẫn hướng (guide wire), dao mổ nhỏ, bơm tiêm, kim tiêm -Kích cỡ: oPIK 100: đường kính 0.097 cm x chiều dài 100 cm oPIK 150: đường kính 0.097 cm x chiều dài 150 cm -Chất liệu của các chi tiết: oỐng nong: polyethylene độ đặc cao (HDPE) và BaSO4 oDây dẫn hướng (guide wire): thép không gỉ oDao mổ nhỏ: thép không gỉ, polystyrene, polyethylene độ đặc thấp (LDPE) oỐng bơm: polypropylene (PP), nhựa isoprene (IR) oKim tiêm: thép không gỉ, polyacrylic

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
127	Bộ ống dẫn lưu dịch não tủy (áp lực trung bình, thấp)	100	BO	Van có 2 kích thước phù hợp cho người lớn và trẻ em - Van có 2 loại áp lực trung bình, thấp phù hợp cho các đối tượng Bệnh nhân khác nhau - Catheter phủ lớp cán quang chống nhiễm trùng tối đa, kèm phụ kiện cố định chống xoắn Catheter - Van 2 đầu rời dây - Được chế tạo từ 2 loại vật liệu khác nhau tránh hiện tượng dính van, hỏng van - Màng silicone đàn hồi ở phía trên cho phép chọc kim qua da để lấy dịch não tủy. Phía dưới là lớp nhựa polymer giúp giảm thiểu tối đa hiện tượng kim xuyên thủng van - Vật liệu phi kim loại nên không bị ảnh hưởng khi chụp CT, MRI - Các ký hiệu ở phía trên van cho biết mức áp lực và chiều dòng chảy của van.
128	Bộ ống dẫn lưu dịch não tủy ngoài vùng thất lưng	20	CAI	Cấu tạo từ silicone và có phủ barium chống xoắn. - Có khả năng theo dõi dòng chảy - Có vị trí không sử dụng latex để có thể lấy dịch não tủy đi xét nghiệm hoặc truyền thuốc và hóa chất vào - Khóa một chiều ở đường dây dẫn để dễ dàng lấy mẫu dịch não tủy. - Có tác dụng chống xoắn và cố định catheter.
129	Bộ quả lọc huyết tương TPE 2000	170	BO	Quả lọc trao đổi huyết tương được kết nối sẵn với bộ dây dẫn: - Thể tích máu của cả bộ quả lọc: 127 ml $\pm 10\%$ - Diện tích màng hiệu dụng: 0,35 m² - Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng: Polypropylene - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 330 μm - Độ dày thành sợi lọc: 150 μm - Thể tích máu trong sợi lọc: 41 ml $\pm 10\%$ - Tốc độ máu tối thiểu: 100 ml/phút - Tốc độ máu tối đa: 400 ml/phút
130	Bộ quả lọc liên tục HF20 Prismaflex	25	BO	Quả lọc trao đổi huyết tương được kết nối sẵn với bộ dây dẫn: - Thể tích máu của cả bộ quả lọc: 73 ml $\pm 10\%$ - Diện tích màng hiệu dụng: 0,15 m² - Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng: Polypropylene - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 330 μm - Độ dày thành sợi lọc: 150 μm - Thể tích máu trong sợi lọc: 22 ml $\pm 10\%$ - Tốc độ máu tối thiểu: 50 ml/phút - Tốc độ máu tối đa: 180 ml/phút
131	Bộ quả lọc liên tục kèm dây máu M100	230	BO	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn: Chất liệu: - Sợi lọc AN69 HF: Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Ống dẫn: PVC - Cartridge: PETG Phương pháp tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) Thông số kỹ thuật của quả lọc: - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu trong quả lọc ($\pm 10\%$): 152 ml - Diện tích màng hiệu dụng: 0,9m² - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240μm - Độ dày thành sợi lọc: 50μm - Tốc độ máu: 75 - 400 ml/phút - Thể tích mỗi máu (chỉ ở quả lọc): 66 ml $\pm 10\%$ - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 30 kg
132	Bộ quả lọc liên tục kèm dây máu M60	180	BO	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn. Chất liệu: - Sợi lọc AN69 HF: Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Ống dẫn: PVC - Cartridge: PETG Tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) Thông số hoạt động của quả lọc - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu ($\pm 10\%$): 93 ml - Diện tích màng hiệu dụng: 0,6 m² - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240μm - Độ dày thành sợi lọc: 50μm - Tốc độ máu: 50 - 180 ml / phút - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 11 kg

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trù	DVT	TNKT
133	Bộ tim phổi nhân tạo kèm dây dẫn <20kg, ECMO	25	BO	-Thời gian sử dụng phổi liên tục 14 ngày -Lưu lượng máu: 0,2 – 2,8 lít/phút -Lưu lượng khí: tối đa 5,6 lít/phút -Thể tích mỗi (priming): ≤ 90 ml -Diện tích bề mặt trao đổi khí: 0,8 m² -Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt: 0,15 m² -Đầu nối nước Hansen coupling đường kính 1/2 inch -Cổng lấy mẫu động mạch: Luer lock -Chất liệu của các chi tiết: oSợi trao đổi khí: Polymethylpentene (PMP) - oSợi trao đổi nhiệt: Polyurethane (TPU) - oThân phổi: Polycarbonate (PC) -Phủ chất chống đông máu Bioline
134	Bộ tim phổi nhân tạo kèm dây dẫn >20kg, ECMO	25	BO	-Thời gian sử dụng phổi liên tục 14 ngày -Lưu lượng máu: 0,5-7 lít/phút -Lưu lượng khí: 14 lít/phút -Thể tích mỗi (priming): 215 ml -Diện tích bề mặt trao đổi khí: 1,8 m² -Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt: 0,4 m² -Đầu nối nước Hansen coupling đường kính 1/2 inch -Cổng lấy mẫu: Luer lock -Cánh bơm ly tâm Rotaflow gắn kèm bộ dây: - oThể tích mỗi: 32 ml - oTốc độ bơm ly tâm: 0 – 5.000 vòng/phút - oDiện tích bề mặt: 190 cm² -Chất liệu của các chi tiết: oSợi trao đổi khí: Polymethylpentene (PMP) - oSợi trao đổi nhiệt: Polyurethane (TPU) - oThân phổi: Polycarbonate (PC) oThân bơm ly tâm: nhựa Polycarbonate (PC) - oBộ dây dẫn tuần hoàn đường kính 3/8 inch: polyvinyl chloride (PVC) không chứa DEHP, phủ chất chống đông Bioline
135	Bộ thông tiểu sạch ngắt quãng cho nam, 10F	58	BO	- Bộ tự thông tiểu sạch ngắt quãng cho nam, 10F gồm: -Vỏ bao ngoài bằng nhựa dẻo, vỏ nhựa chứa ống thông. Ống thông 100% silicone. Chiều dài ống 300mm. Kích thước ống 10 Fr. Vỏ nhựa gấp đôi được, giữa thon nhỏ đường kính 3cm, hai đầu phình to. Ống thông được tiệt trùng và đóng gói riêng.
136	Bộ thông tiểu sạch ngắt quãng cho nam, 9F	58	BO	- Bộ tự thông tiểu sạch ngắt quãng cho nam, 9F gồm: -Vỏ bao ngoài bằng nhựa dẻo, vỏ nhựa chứa ống thông. Ống thông 100% silicone. Chiều dài ống 265mm. Kích thước ống 9 Fr. Vỏ nhựa gấp đôi được, giữa thon nhỏ đường kính 3cm, hai đầu phình to. Ống thông được tiệt trùng và đóng gói riêng.
137	Bộ thông tiểu sạch ngắt quãng cho nữ, 10F	58	BO	- Bộ tự thông tiểu sạch ngắt quãng cho nữ, 10F gồm: -Vỏ bao ngoài bằng nhựa dẻo, vỏ nhựa chứa ống thông. Ống thông 100% silicone. Chiều dài ống 165mm. Kích thước ống 10 Fr. Vỏ nhựa thon nhỏ đường kính 3cm. Ống thông được tiệt trùng và đóng gói riêng.
138	Bộ thông tiểu sạch ngắt quãng cho nữ, 9F	75	BO	- Bộ tự thông tiểu sạch ngắt quãng cho nữ, 9F gồm: -Vỏ bao ngoài bằng nhựa dẻo, vỏ nhựa chứa ống thông. Ống thông 100% silicone. Chiều dài ống 150mm. Kích thước ống 9 Fr. Vỏ nhựa thon nhỏ đường kính 3cm. Ống thông được tiệt trùng và đóng gói riêng.
139	Bộ trao đổi huyết tương TPE 1000	130	BO	- Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn cho bệnh nhi với cân nặng >8kg: - Chất liệu: -Màng lọc: Polyarylethersulfone (sợi rỗng PAES) -Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate -Vách đầu quả lọc: Polyurethane -Ống dẫn: PVC -Cartridge: PETG Các thông số khác: -Thể tích máu trong bộ quả lọc (± 10 %): 60ml -Diện tích màng hiệu dụng: 0,2 m² -Đường kính trong của sợi lọc (khí ướt): 215 μm -Độ dày thành sợi lọc: 50 μm -Tốc độ dòng máu tối thiểu: 20 ml/phút -Tốc độ dòng máu tối đa: 100 ml/phút -Thể tích mỗi máu (chỉ ở quả lọc): 17ml -TMP tối đa: 500mmHg/67 kPa
140	Bộ trộn NCPAP	10	BO	- Sản phẩm làm từ thép không gỉ, có 2 cột lưu lượng oxy và air -Đầu ra: tương thích với thiết bị hiện có của bệnh viện -Đầu vào: tương thích với thiết bị hiện có của bệnh viện
141	Bộ Van Benvenist của NCPAP	22	BO	Chất liệu: Thép không gỉ (hợp kim nhôm)

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
142	Bộ xông khí dung	2.400	BO	Mask phun khí dung người lớn, trẻ em - Kích cỡ mặt nạ: L 110mm ± 20%, H 61mm ± 10%, Dây oxy dài 2000mm ± 5%, đường kính ngoài 5,5mm ± 10% - Cấu tạo gồm: đầu nối, Ống dây oxy PVC, đầu nối mặt nạ, Mặt nạ PVC, Kẹp mũi, Dây thun, Cốc chứa thuốc
143	Bông cầm máu Merocel (Miếng cầm máu mũi 80mm)	200	MIENG	Vật liệu cầm máu tự tiêu - Chất liệu bằng gelatin, dạng xốp - Kiểm soát nhanh mao mạch và chảy máu tĩnh mạch, thời gian cầm máu 5-10 phút. Hấp thụ 50 lần so với trọng lượng của nó, không tạo ra phản ứng kháng nguyên với thrombin khi cơ thể hấp thụ trong 3-4 tuần. Hấp thụ hoàn toàn trong vòng 2 đến 6 tuần, hòa lỏng trong vòng 2 đến 5 ngày - Kích thước: 7-8cm x 5cm x 1cm - Tiết khuẩn
144	Bông gạc đắp vết thương 10cm x 10 cm	233.850	MIENG	Bông gạc đắp vết thương có thành phần kết hợp: + 1 lớp Bông y tế (bông hút) bên trong: làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton, màu trắng tự nhiên, không dùng chất tạo màu trắng + 1 lớp Vải bọc bên ngoài: Gạc vải không dệt (Vải không dệt ngấm)Thành phần nguyên liệu gồm Polyester và Rayon (hoặc Viscose), màu trắng. - Kích thước: 10cm x 10cm - Đặc tính bông hút nước: Khả năng hút nước: 5g bông hút không ít hơn 100gr nước; tốc độ chìm ≤ 8 giây. - Thời gian thấm nước của vải không dệt, không lớn hơn 2 phút. - Đã tiệt trùng bằng khí EO.
145	Catheter hút máu động mạch số 2	30	CAI	1. Catheter loại bỏ máu đông trong quá trình mổ thuyên tắc tắc động mạch không chứa latex 2. 100% silicone, bóng không bị phân mảnh, tích hợp stylet linh hoạt, đầu mềm, cân quang 3. Kích cỡ: 2F, 3F, 4F, 5F, 6F, 7F dài 40/60/80/100cm. 4. Thể tích bơm chất lỏng tối đa 0.05cc, 0.10cc, 0.50cc, 0.75cc, 1.25cc, 2.00cc. 5. Đường kính bóng khi bơm 4mm, 5mm, 9mm, 11mm, 13mm, 14mm. 6. Có bơm tiêm đi kèm. 7. Vỏ trùng bằng EO.
146	Bông gòn thấm nước	6	KG	Bông y tế (bông y tế thấm nước): - Chất liệu: làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton, màu trắng tự nhiên, không dùng chất tạo màu trắng, sợi mảnh, mềm, không mùi. - Khả năng hút nước: 5g bông hút không ít hơn 100gr nước - Tốc độ chìm ≤ 8 giây
147	Bông mỡ cuộn 0.1mx2m	4.800	CUON	Bông không hút nước được chế từ lông của hạt cây bông, không loại mỡ. Sản xuất theo tiêu chuẩn bông y tế. Kết cấu mịn màng và mềm mại cỡ 0.1m x 2m. Không tiệt trùng. Độ dày 5mm± 5% Trọng lượng ≥ 40gr
148	Bông y tế viên (Gói/500g)	8.451	GOI	Bông y tế (bông y tế thấm nước): - Chất liệu: làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton, màu trắng tự nhiên, không dùng chất tạo màu trắng, sợi mảnh, mềm, không mùi. - Khả năng hút nước: 5g bông hút không ít hơn 100gr nước - Tốc độ chìm ≤ 8 giây - Không tiệt trùng
149	Bột bó 3 ins (7,5 cm x 2,7 m)	4.400	CUON	- Bột thạch cao hơn 97% liên gạc - Thời gian đông kết: 80-110 giây - Trọng lượng: 440g/m² - Bột cứng trắng mịn, chất lượng ổn định - Kích thước: 7,5cm x 2,7m
150	Bột bó 4 ins (10 cm x 2,7 m)	7.855	CUON	- Bột thạch cao hơn 97% liên gạc - Thời gian đông kết: 80-110 giây - Trọng lượng: 440g/m² - Bột cứng trắng mịn, chất lượng ổn định - Kích thước: 10cm x 2,7m
151	Bột bó 6 ins (15 cm x 2,7 m)	2.740	CUON	- Bột thạch cao hơn 97% liên gạc - Thời gian đông kết: 80-110 giây - Trọng lượng: 440g/m² - Bột cứng trắng mịn, chất lượng ổn định - Kích thước: 15cm x 2,7m
152	Bột bó thủy tinh 4 in	110	CUON	Làm từ vải sợi thủy tinh dệt kim hoạt hóa trong nước, thời gian đông kết khoảng từ 2-4 phút. Đông kết hoàn toàn sau 20 phút. Kích thước: rộng 10cm, cuộn dài tối thiểu 3,6m
153	Bột bó thủy tinh Poly cast II 3 in x 4 yard (7,62 cmx 3,6m)	80	CUON	Làm từ vải sợi thủy tinh dệt kim hoạt hóa trong nước, thời gian đông kết khoảng từ 2-4 phút. Đông kết hoàn toàn sau 20 phút. Kích thước: rộng 7,5cm, cuộn dài tối thiểu 3,6m

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	BVT	TNKT
154	Catheter hút máu động mạch số 3	30	CAI	1. Catheter loại bỏ máu đông trong quá trình mổ thuyền tắc tắc động mạch không chứa latex 2. 100% silicone, bóng không bị phân mảnh, tích hợp stylet linh hoạt, đầu mềm, cân quang 3. Kích cỡ: 2F, 3F, 4F, 5F, 6F, 7F dài 40/60/80/100cm. 4. Thể tích bơm chất lỏng tối đa 0.05cc, 0.10cc, 0.50cc, 0.75cc, 1.25cc, 2.00cc. 5. Đường kính bóng khi bơm 4mm, 5mm, 9mm, 11mm, 13mm, 14mm. 6. Có bơm tiêm đi kèm. 7. Vỏ trùng bằng EO.
155	Catheter hút máu động mạch số 4	20	CAI	1. Catheter loại bỏ máu đông trong quá trình mổ thuyền tắc tắc động mạch không chứa latex 2. 100% silicone, bóng không bị phân mảnh, tích hợp stylet linh hoạt, đầu mềm, cân quang 3. Kích cỡ: 2F, 3F, 4F, 5F, 6F, 7F dài 40/60/80/100cm. 4. Thể tích bơm chất lỏng tối đa 0.05cc, 0.10cc, 0.50cc, 0.75cc, 1.25cc, 2.00cc. 5. Đường kính bóng khi bơm 4mm, 5mm, 9mm, 11mm, 13mm, 14mm. 6. Có bơm tiêm đi kèm. 7. Vỏ trùng bằng EO.
156	Brassard huyết áp kể (Lớn)	370	CAI	Chất liệu polyurethane, không gây dị ứng (loại bao do dùng nhiều lần có túi hơi). Không chứa latex, tính năng kháng khuẩn cao, lớp chắn chất lỏng đáp ứng tiêu chuẩn an toàn AHA. Chu vi bắp tay trong khoảng 20.5- 28cm, chiều dài $\geq 394\text{mm}$, chiều rộng $\geq 114\text{mm}$.
157	Brassard huyết áp kể (Nhỏ)	440	CAI	Chất liệu polyurethane, không gây dị ứng (loại bao do dùng nhiều lần có túi hơi). Không chứa latex, tính năng kháng khuẩn cao, lớp chắn chất lỏng đáp ứng tiêu chuẩn an toàn AHA. Chu vi bắp tay trong khoảng 14-21.5cm, chiều dài $\geq 300\text{mm}$, chiều rộng $\geq 91\text{mm}$.
158	Brassard huyết áp kể (Trung)	467	CAI	Chất liệu polyurethane, không gây dị ứng (loại bao do dùng nhiều lần có túi hơi). Không chứa latex, tính năng kháng khuẩn cao, lớp chắn chất lỏng đáp ứng tiêu chuẩn an toàn AHA. Chu vi bắp tay trong khoảng 14-21.5mm, chiều dài $\geq 300\text{mm}$, chiều rộng $\geq 91\text{mm}$.
159	Brassard huyết áp kể (trẻ lớn)	314	CAI	Chất liệu polyurethane, không gây dị ứng (loại bao do dùng nhiều lần có túi hơi). Không chứa latex, tính năng kháng khuẩn cao, lớp chắn chất lỏng đáp ứng tiêu chuẩn an toàn AHA. Chu vi bắp tay trong khoảng 20.5-28cm, chiều dài $\geq 394\text{mm}$, chiều rộng $\geq 114\text{mm}$.
160	Buồng hít định liều Vortex có mask	240	CAI	- Buồng kim loại chống tĩnh điện- Giúp định lượng liều lượng 1 cách đáng tin cậy- Có bộ chuyển đổi đa năng- Thích hợp cho tất cả các thuốc hít định liều tiêu chuẩn- Có Nắp bảo hộ- Có thể được khử trùng tại nhà hoặc bệnh viện
161	Chổi rửa kênh	2	CAI	Chổi rửa kênh
162	Chổi rửa kênh dùng 1 lần (H/ 10 cái)	20	CAI	Chổi rửa kênh dùng 1 lần (H/ 10 cái)
163	Cây treo truyền dịch inox	20	CAY	Cây treo truyền dịch inox
164	Bóng giúp thở silicon (Ampu bag Silicon) 450ml	25	CAI	Bao gồm: 1. Bóng bóp Silicon có dung tích 450ml $\pm 5\%$. 1. Mặt nạ Silicon (Các số: 1, 2, 3, 4 hoặc 5). 1. Túi silicon chứa oxy (Dung tích: 1000-2500ml). 1. Dây nối oxy 2m. 1. Val pcep
165	Cannula động mạch 1 nòng các cỡ, ECMO	45	CAI	-Thời gian sử dụng lên đến 30 ngày khi dùng với bộ phổi HLS -Bộ gồm cannula, dụng cụ đặt, dây hỗ trợ cố định ống, miếng dán cố định bằng nhựa -Các cỡ đường kính từ 15Fr đến 23Fr, chiều dài 15cm hay 23cm -Chất liệu của các chi tiết: oCannula: polyurethane (PUR), thép không gỉ oDụng cụ đặt: polypropylene (PP), không chứa phthalate, polyvinyl chloride (PVC-P) dẻo với BaSO ₄ , không chứa DEHP
166	Cannula tĩnh mạch 1 nòng các cỡ, ECMO	40	CAI	Thời gian sử dụng lên đến 30 ngày khi dùng với bộ phổi HLS -Bộ gồm cannula, dụng cụ đặt, dây hỗ trợ cố định ống, miếng dán cố định bằng nhựa -Các cỡ đường kính từ 19Fr đến 29Fr, chiều dài 38cm hay 55cm -Chất liệu của các chi tiết: oCannula: polyurethane (PUR), thép không gỉ oDụng cụ đặt: polypropylene (PP), không chứa phthalate, polyvinyl chloride (PVC-P) dẻo với BaSO ₄ , không chứa DEHP
167	Bông gạc đắp vết thương 6cmx7cm	350	MIENG	Bông gạc đắp vết thương có thành phần kết hợp: + 1 lớp Bông y tế (bông hút) bên trong: làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton, màu trắng tự nhiên, không dùng chất tạo màu trắng + 1 lớp Vải học bên ngoài: Gạc vải không dệt (Vải không dệt ngắn)Thành phần nguyên liệu gồm Polyester và Rayon (hoặc Viscose), màu trắng. - Kích thước: 6cm x 7cm - Đặc tính bông hút nước: Khả năng hút nước: 5g bông hút không ít hơn 100gr nước; tốc độ chìm ≤ 8 giây. -Thời gian thấm nước của vải không dệt, không lớn hơn 2 phút.
168	Đầu lọc Syringe Filter (lỗ lọc 0,22 ul)	50	CAI	Đầu lọc Syringe Filter (lỗ lọc 0,22 ul)

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
169	Chỉ Silk 6.0 kim tam giác	40	MIENG	Kim sắc bén Chỉ không tan tự nhiên (Silk), dài 75 cm.
170	Cassette nhựa GPB có nắp (H/500 cái)	12.000	CAI	- Cassette có nắp rời hoặc dính liền để thuận tiện thao tác - Lực đóng mở nắp được điều chỉnh cẩn thận để dễ sử dụng đồng thời bảo vệ mẫu trong suốt quá trình xử lý. - Làm bằng vật liệu nhựa Polymer Acetal, khả năng kháng hóa chất xử lý mô, chống mài mòn vượt trội, không bị co rút biến dạng trong quá trình xử lý. - Loại lỗ hình vuông nhỏ kích thước 1x1mm, góc nghiêng 45 độ - Thiết kế bề mặt hoàn thiện và mặt in được gia công để tối ưu hóa chất lượng in, các mặt có thiết kế để có thể viết bằng bút chì hoặc bút mực.
171	Catheter bóng kép nong sản nạo thất	20	BO	Chất liệu polyurethane kèm tiếp hợp khóa xoay âm, nối với bóng kép silicone, kèm 1 xi lanh 1ml, dùng cho thủ thuật nong sản nạo thất III
172	Catheter cắt đốt điện sinh lý điện cực tip 4-8 mm	50	BO	Catheter cắt đốt điện sinh lý điều khiển độ cong 1 chiều, đầu điện cực 4 - 8 mm, 5F và 7F, giám sát nhiệt độ bằng đầu dò, khoảng cách điện cực 2-5-2
173	Catheter cắt đốt điện sinh lý, độ cong 2 chiều, tay cầm tự động khóa, đầu điện cực 4 - 8 mm	60	BO	Khoảng cách điện cực 2-5-2, tay cầm điều khiển tự động khóa làm giảm chuyển động của catheter, lái chuyển hướng hai chiều, giám sát nhiệt độ
174	Catheter chạy thận nhi 8,5F hai đường	50	BO	Catheter TMTT dùng lọc máu, chạy thận 2 nòng 6,5Fr/ 8.5Fr bao gồm: 1. Catheter Polyurethan 6.5Fr/ 8.5Fr dài 11cm loại thẳng 2. Dây dẫn đường Nitinol đầu J: 0.018" x 45cm/ 0.035" x 70cm 3. Cây nong 7Fr x 10cm/ 9Fr x 10cm 4. Bơm tiêm luer 5ml 5. Kim dẫn đường 18G x 7cm 6. Dao mổ * Thể tích mỗi ở 8,5 Fr tại động mạch khoảng 0,5 CC, tĩnh mạch khoảng 0,6 CC. * Tốc độ dòng ở 8,5 Fr tại động mạch khoảng 148 - 190 ml/phút, tĩnh mạch khoảng 155 - 198 ml/phút. * Vô trùng EO, không pvrogenic.
175	Catheter chạy thận nhi 12F hai đường	210	BO	Bộ sản phẩm gồm có: 1 catheter 2 nhánh chất liệu polyurethane 12Fr x20cm mềm dẻo, kích cỡ nòng 12Ga/ 12Ga. Nắp đầu van khóa 1 chiều needle free connector (2 cái), kim dẫn chữ Y 18G, que nong mạch (2 cái) 12Fx15cm và 10Fx15cm, kim tiêm 21G, dây dẫn đường 0,035x60cm, dao mổ #11, bơm tiêm 5ml, băng vết thương, kim chỉ khâu phẫu thuật. Vật liệu không chứa latex, có mã màu xanh -đỏ giúp xác định đầu ống dễ dàng. Tốc độ truyền : Động mạch: 265ml/phút; tĩnh mạch: 270ml/phút. Thể tích mỗi: A-Động mạch: 1.4 cc, V-Tĩnh mạch: 1.5cc.
176	Catheter chạy thận nhi 6,5F hai đường	130	BO	Bộ Catheter TMTT dùng lọc máu, chạy thận 2 nòng 6.5Fr bao gồm : 1. Catheter Polyurethan 6.5Fr dài 11cm loại thẳng. Dây nối mỗi nòng làm bằng vật liệu silicon trong suốt để tăng khả năng hiển thị và an toàn. 2. Dây dẫn đường Nitinol đầu J 0.018" x 50cm 3. Cây nong 7Fr x 10cm 4. Bơm tiêm luer 5ml 5. Kim dẫn đường 20G x 4cm 6. Dao mổ số 11 - Tốc độ dòng: 81~104ml/phút; 77~98ml/phút - Đóng gói tiệt trùng. Không gây sốt (Pyrogenic)
177	Catheter chạy thận nhi 8F hai đường	110	BO	Bộ Catheter TMTT dùng lọc máu, chạy thận 2 nòng 8.5Fr bao gồm : 1. Catheter Polyurethan 8.5Fr dài 11cm loại thẳng. Dây nối mỗi nòng làm bằng vật liệu silicon trong suốt để tăng khả năng hiển thị và an toàn. 2. Dây dẫn đường Nitinol đầu J 0.035" x 70cm 3. Cây nong 9Fr x 10cm 4. Bơm tiêm luer 5ml 5. Kim dẫn đường 18G x 7cm 6. Dao mổ số 11 - Tốc độ dòng: 155~198ml/phút; 148~190ml/phút - Đóng gói tiệt trùng. Không gây sốt (Pyrogenic)
178	Catheter chẩn đoán 4 điện cực, độ cong cố định dành cho RV	50	BO	Điện cực thăm dò điện sinh lý 4 cực với dạng cong cố định, đường kính thân tối thiểu có 5F, 6F, chiều dài tối thiểu là 115 cm, vật liệu Stabilene hoặc tương đương duy trì độ cong ổn định
179	Catheter chuẩn đoán điện sinh lý 4 điện cực, độ cong cố định dành cho HIS	50	BO	Catheter chẩn đoán 4 điện cực, 4F - 5F - 6F, phần thân dạng bện kiểm soát lực xoắn và đẩy, nhiều khoảng cách điện cực, đầu catheter mềm
180	Catheter chuẩn đoán điện sinh lý điều khiển được, 10 điện cực	50	BO	Catheter chẩn đoán lái chuyển hướng 10 điện cực 5F-6F, tay cầm điều khiển trợ lực và tự động khóa độ cong, nhiều cấu hình độ cong, nhiều khoảng cách điện cực

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
181	Catheter động mạch 18Gx8cm	30	BO	Catheter Polyurethane cân quang tương thích sinh học, ống bọc ngoài đầu tip chống xoắn, chuyển tiếp trơn tru giữa đầu catheter với dây dẫn, dây dẫn thẳng đầu tip linh hoạt để luồn vào catheter. Bộ 18G dài 8/12cm gồm - Catheter 18G dài 8/12cm - Tốc độ dòng 66.2ml/phút / 53.3ml/phút - Dây dẫn 0.035"x 50cm - Kim dẫn đường 18Ga x 7cm - Bơm tiêm 5cc Đóng gói tiệt trùng, không latex
182	Catheter động mạch 20Gx8cm	1.325	BO	Catheter động mạch/ tĩnh mạch trẻ em, 1 nòng cỡ 3Fr (20G), chất liệu polyurethane, chiều dài 4cm, lưu lượng 30ml/phút (có guidewire)
183	Catheter động mạch 22Gx6cm	460	BO	Catheter động mạch/ tĩnh mạch trẻ em, 1 nòng cỡ 2Fr (22G), chất liệu polyurethane, chiều dài 4cm lưu lượng 17ml/phút
184	Gạc lưới có Sulfadiazin (10cm x 12cm) Urgotul SSD	300	MIENG	Gạc lưới lipido-colloid, lưới Polyester, hydrocolloid, có ion bạc, co giãn tốt, thay băng không đau
185	Gel siêu âm thực quản (Jelly Optilube 2.7g)	4.570	GOI	"Gel bôi trơn tan trong nước, tiệt khuẩn dùng bôi trơn trong đặt ống thông, nội soi, thăm khám trực tràng, phụ khoa - Thành phần: nước, glycerin, Polyethyleneglycol, Sodium Hydroxide, 4-Hydroxybenzoic acid propylester, carbomer. - Độ pH: 6 - 7 - Trọng lượng: 5g - Đóng gói tiệt khuẩn
186	Chỉ Silk 3.0 kim tròn	30	Sợi	Kim sắc bén Chỉ không tan tự nhiên (Silk), dài 75 cm.
187	Catheter lấy huyết khối các size	5	CAI	Catheter lấy huyết khối các size
188	Catheter lọc màng bụng thẳng, dài 31cm (15Fx31cm)	10	CAI	Catheter (Ống thông) lọc màng bụng đầu thẳng dài 31cm. Chất liệu: cao su silicone trong mờ có chứa một dải cân quang
189	Clip polymer kẹp mạch máu cỡ L	1.000	CAI	- Chất liệu: Polymer không tiêu đảm bảo độ tương thích sinh học cao - Clip thiết kế hình cung giúp giữ được nhiều mô hơn. Có khóa đóng nhanh, hiệu quả, an toàn tạo phản hồi xúc giác cho phẫu thuật viên khi đóng clip. Bàn lề động. Có răng tích hợp giúp clip không bị trượt trên mô - Hạn chế tối đa nhiễu khi chụp CT, không cản quang trong chụp X-quang và sự an toàn tuyệt vời không gây nhiễu ảnh trong kết quả MRI.
190	Kim chọc số 21	500	CAY	Đầu kim sắc bén, gắn vào bơm tiêm chắc, không bị lỏng. Sử dụng 1 lần bao gồm Hubs kim vật liệu Polypropylene y tế không độc hại tương thích thuốc tiêm. Có mã hóa màu theo các size. Ống thông (cannula): Không có gờ - mũi lưới 3 khía được làm từ thép không gỉ SUS304
191	Pal trượt trên ray Inox	20	CAI	Pal trượt trên ray Inox
192	Cân đứng em bé	54	CAI	Thiết kế gọn nhẹ, kích thước cân khoảng (29 x 26.5 x 6.5) cm Vỏ hộp cân được sơn tĩnh điện giúp việc chống gỉ sét hiệu quả hơn Cân chịu được tải trọng lên đến 120 kg Mặt chụp bảo vệ mặt số hiển thị làm bằng nhựa PC trong, trực quan giúp ghi nhận thông tin nhanh chóng Mặt số được in chất lượng cao, vạch chia rõ nét, chữ số in đậm, giúp người dùng dễ dàng đọc kết quả khi cân
193	Cây dẫn đường đặt nội khí quản khó số 10	127	CAY	Chất liệu nhôm phủ PVC trong, đầu bo tròn dễ dàng uốn cong theo ý muốn. Đường kính trong khoảng 3 - 5 mm, dài trong khoảng 350 - 450 mm cho các ống NKQ cỡ 5.5-6.5
194	Bình làm ấm (của hệ thống Cpap)	243	CAI	Thể tích dự trữ nước: 400 ml.Không cần tháo bình làm ấm để châm nước, nắp bình trên dễ dàng tháo lắp .Cổng châm nước: 4.3 mm I.D
195	Cây dẫn đường đặt nội khí quản khó số 6	167	CAY	Chất liệu nhôm phủ PVC trong, dễ dàng uốn cong theo ý muốn. Đường kính trong khoảng 2.0mm, dài khoảng 300 - 350 mm cho ống NKQ cỡ 3.0-5.0
196	Cáp đo huyết áp xâm lấn (monitor)	10	CAI	Cáp đo huyết áp xâm lấn (monitor)
197	Lam kính mờ (H/72 lam)	39.616	CAI	• Độ dày: 1.0 - 1.2mm. • Kích thước: 25.4x76.2mm (1" x 3") • Vật liệu cấu thành: kính. Loại nhám
198	Catheter mount	53	CAI	Catheter mount
199	Lọc vi khuẩn sơ sinh, trẻ em	5.000	CAI	Phím lọc khuẩn, virus loại thể tích nhỏ dành cho trẻ em, đạt chuẩn: ISO13485, FDA (K202459) - Vỏ bọc ngoài bằng Polypropylen/ Sợi lọc Acrylic và Polypropylene, không chứa DEHP (đặc biệt an toàn với trẻ em), không chứa latex - Hiệu quả lọc cao theo tiêu chuẩn ASTM F2101 (vi khuẩn >99.99%, vi rút >99.99%) - Trọng lượng nhẹ 13g. - Khoảng chết 23ml, thể tích lưu thông 50-900ml.

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
200	Clip polymer kẹp mạch máu cỡ ML	10.000	CAI	Chất liệu: Polymer không tiêu đảm bảo độ tương thích sinh học cao - Clip thiết kế hình cung giúp giữ được nhiều mô hơn. Có khóa đóng nhanh, hiệu quả, an toàn tạo phản hồi xúc giác cho phẫu thuật viên khi đóng clip. Bàn lề động. Có răng tích hợp giúp clip không bị trượt trên mô - Hạn chế tối đa nhiễu khi chụp CT, không cản quang trong chụp X-quang và sự an toàn tuyệt vời không gây nhiễu ảnh trong kết quả MRI. - Kẹp được mạch máu cỡ 3 mm đến 10 mm - Chiều dài chân clip ngoài: 9.5mm. Độ dày chân clip: 0.83mm. Đường kính phần lõi của Clip khi đóng: 1.1mm, khi mở: 7.5mm - Tiết trùng
201	Mask khí quản	25	CAI	Mask khí quản
202	Dây điện cực tim sơ sinh máy monitor	5	CAI	Dây điện cực tim sơ sinh máy monitor
203	Cảm biến Spo2 cho monitor dùng cho SS	420	CAI	Cảm biến Spo2 cho monitor dùng cho SS
204	Co nối thẳng 1/4 - male (Straight connector 1/4-male)	120	CAI	Co nối thẳng 1/4 x Male - Vật liệu Polycarbonate trong suốt - Nút đẩy vật liệu PVC - Khóa Luer vật liệu HDPE - Đóng gói vô trùng riêng lẻ từng cái.
205	Co nối thẳng 1/4 x 1/4 (Straight connector 1/4 x 1/4)	10	CAI	Co nối thẳng 1/4 x 1/4 có luer lock - Vật liệu Polycarbonate trong suốt - Nút đẩy vật liệu PVC - Khóa Luer vật liệu HDPE - Đóng gói vô trùng riêng lẻ từng cái
206	Co nối thẳng 1/4 x 3/8 (Straight connector 1/4 x 3/8)	10	CAI	Co nối thẳng 1/4x3/8 có luer lock - Vật liệu Polycarbonate trong suốt - Nút đẩy vật liệu PVC - Khóa Luer vật liệu HDPE - Đóng gói vô trùng riêng lẻ từng cái.
207	Co nối thẳng 3/8 x 3/8 (Straight connector 3/8 x 3/8)	10	CAI	Co nối thẳng 3/8 x 3/8 có luer lock - Vật liệu Polycarbonate trong suốt - Nút đẩy vật liệu PVC - Khóa Luer vật liệu HDPE - Đóng gói vô trùng riêng lẻ từng cái.
208	Co nối Y 1/4-1/4-1/4	10	CAI	Co nối chữ Y 1/4x1/4x1/4 có hoặc không luer lock - Vật liệu Polycarbonate trong suốt - Nút đẩy vật liệu PVC - Khóa Luer vật liệu HDPE - Đóng gói vô trùng riêng lẻ từng cái.
209	Co nối Y 3/8-3/8-3/8	10	CAI	Co nối chữ Y 3/8x3/8x3/8 có hoặc không luer lock - Vật liệu Polycarbonate trong suốt - Nút đẩy vật liệu PVC - Khóa Luer vật liệu HDPE - Đóng gói vô trùng riêng lẻ từng cái.
210	Co nối Y 3/8x1/4x1/4	10	CAI	Co nối chữ Y 3/8x1/4x1/4 có hoặc không luer lock - Vật liệu Polycarbonate trong suốt - Nút đẩy vật liệu PVC - Khóa Luer vật liệu HDPE - Đóng gói vô trùng riêng lẻ từng cái.
211	Co nối Y 3/8x3/8x1/4	10	CAI	Co nối chữ Y 3/8x3/8x1/4 có hoặc không luer lock - Vật liệu Polycarbonate trong suốt - Nút đẩy vật liệu PVC - Khóa Luer vật liệu HDPE - Đóng gói vô trùng riêng lẻ từng cái.
212	Dây cáp ECG 5 leads	14	CAI	Dây cáp ECG 5 leads chuẩn IEC, đầu kẹp
213	Nhiệt kế tử lạnh	26	CAI	Nhiệt kế tử lạnh
214	Giấy điện tim 100mmx140mmx200P (X/200M)-6 cần	29,400	MIENG	Giấy điện tim 100mmx140mmx200P (X/200M)-6 cần
215	Côn gutta percha (H/120 cái)	12	CAI	Côn Gutta Percha - Giúp trám bít ống tủy dễ dàng và nhanh chóng, tính cản quang cao. - Côn gồm nhiều kích cỡ và độ trơn khác nhau và có vạch đánh dấu chiều dài.
216	Cung mặt chỉnh nha	1.000	CAI	Chất liệu thép không gỉ. Dùng trong chỉnh nha, có 5 size
217	Cung Quad Helix	100	SOI	Khí cụ nắn chỉnh răng chuyên dụng nhằm mở rộng sự phát triển của cung hàm, đồng thời tạo ra đủ khoảng cho các răng vĩnh viễn và điều chỉnh cung hàm phát triển sao cho hài hòa, cân đối với khổ mặt của bệnh nhân. Có kích thước từ 0 đến 4

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
218	Ống nghiệm EDTA K2 2ml, nắp cao su	61.210	ONG	* Ống nghiệm nhựa PP ,kích thước 13x75mm. , dung tích tối đa 6ml ± 0.1ml , nắp cao su với độ đàn hồi cao, phủ bọc nhựa màu xanh biển giúp thuận lợi trong quá trình thao tác. * Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetraacetic Acid (EDTA) K2/K3 với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3.000 vòng/phút trong thời gian 5 phút * Nắp cao su tinh khiết đàn hồi tốt, không gây hiện tượng rơi vãi giọt máu ra ngoài, bảo vệ người sử dụng và tránh sự lây nhiễm mẫu bệnh phẩm. * Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 1ml/ 2ml máu với vạch lấy mẫu 1ml/ 2ml trên nhãn ống.
219	Thuốc đo áp suất Cpap	36	BO	Thuốc đo áp suất Cpap
220	Châm dũa các loại	1.500	CAY	Trâm thăm dò ống tủy trước khi dùng tram quay tay và trâm máy. Có kích thước chiều dài khác nhau để phù hợp điều trị các ca khác nhau
221	Chất lấy dấu đôi màu (plastagin)	240	GOI	Chất lấy dấu nha khoa Alginate với khả năng lấy dấu chính xác, mùi hương dễ chịu. Dễ dàng sử dụng và gỡ bỏ khỏi khay lấy dấu mà ko hề ảnh hưởng đến mẫu. Tương thích với tất cả các loại thạch cao.
222	Chất tắc mạch dạng lỏng Onyx	3	LO	Là co-polymer EVOH (Ethylene vinyl alcohol) được thiết kế để tạo ra sự xâm nhập hoàn toàn và tạo khối hoàn chỉnh để nút mạch trong tổn thương mạch máu thần kinh, bao gồm dị dạng động tĩnh mạch và u máu. Có các loại 6% EVOH, 6.5% EVOH, 8% EVOH. Một hộp bao gồm 1 lọ Onyx 1.5ml, 1 lọ DMSO 1.5ml, 2 xi-lanh 1ml để bơm Onyx và một xi lanh 1ml để bơm DMSO.
223	Chỉ chromic catgut 2.0 kim tam giác	100	SOI	Kim sắc bén, kim tam giác dài 24 mm, 3/8 vòng tròn. Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic (Catgut), dài 75 cm.
224	Chỉ chromic catgut 3.0 kim tam giác	110	SOI	Kim sắc bén, kim tam giác dài 26 mm, 3/8 vòng tròn. Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic (Catgut), dài 75 cm.
225	Chỉ chromic catgut 4.0 kim tam giác	13.640	MIENG	Kim sắc bén, kim tam giác dài 16 mm, 3/8 vòng tròn. Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic (Catgut), dài 75 cm.
226	Chỉ chromic catgut 4.0 kim tròn	10.040	MIENG	Kim sắc bén, kim tròn dài 26 mm, 1/2 vòng tròn. Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic (Catgut), dài 75 cm.
227	Chỉ chromic catgut 5.0 kim tam giác	10.790	MIENG	Kim sắc bén, kim tam giác dài 12 mm, 3/8 vòng tròn. Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic (Catgut), dài 75 cm.
228	Chỉ chromic catgut 5.0 kim tròn	10.000	MIENG	Kim sắc bén, kim tròn dài 13 mm, 3/8 vòng tròn. Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic (Catgut), dài 75 cm.
229	Chỉ chromic catgut 6.0 kim tam giác	10.040	SOI	Kim sắc bén, kim tam giác dài 12 mm, 3/8 vòng tròn. Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic (Catgut), dài 75 cm.
230	Chỉ Ethibond Excel 3.0/17mm T D/A (Hộp/12M)	100	MIENG	Chỉ không tan tổng hợp đa sợi polyester, gồm 16 bó sợi được bện với nhau xung quanh 1 lõi trung tâm tạo nên cấu trúc chắc chắn, bao phủ bằng polybutylate số 3/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu cắt bằng Thép Hợp Kim loại Alloy Steel hoặc tương đương, dài 17mm 1/2 vòng tròn.
231	Chỉ nylon 2.0 kim tam giác	2.730	MIENG	Kim sắc bén, kim tam giác dài 24 mm, 3/8 vòng tròn. Chỉ không tan tổng hợp (Nylon), dài 75 cm.
232	Chỉ nylon 3.0 kim tam giác	2.568	MIENG	Kim sắc bén, kim tam giác dài 20 mm, 3/8 vòng tròn. Chỉ không tan tổng hợp (Nylon), dài 75 cm.
233	Chỉ nylon 4.0 kim tam giác	12.990	MIENG	Kim sắc bén, kim tam giác dài 18 mm, 3/8 vòng tròn. Chỉ không tan tổng hợp (Nylon), dài 75 cm.
234	Chỉ Nylon 4.0 kim thẳng	36	MIENG	Kim sắc bén, kim cắt thẳng, dài 50 mm. Chỉ không tan tổng hợp (Nylon), dài 75 cm.
235	Chỉ nylon 5.0 kim tam giác	13.340	SOI	Kim sắc bén, kim tam giác dài 16 mm, 3/8 vòng tròn. Chỉ không tan tổng hợp (Nylon), dài 75 cm.
236	Chỉ nylon 6.0 kim tam giác	5.260	MIENG	Kim sắc bén, kim tam giác dài 13 mm, 1/2 vòng tròn. Chỉ không tan tổng hợp (Nylon), dài 75 cm.
237	Chỉ PDS II 2.0 (W9125H)	200	SOI	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 2/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu tròn dài 26mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh .lực giữ vết mổ ≥ 60% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn ≥ 200 ngày
238	Chỉ PDS II 3.0 70cm 26mm 1/2C (W9124H)	500	SOI	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 3/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu tròn dài 26mm, 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh .lực giữ vết mổ ≥ 60% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn ≥ 200 ngày
239	Chỉ PDS II 4.0 70cm SH-2 20mm 1/2c (W9115H)	500	SOI	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 4/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu hình thoi dài 20mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh .lực giữ vết mổ ≥ 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn ≥ 200 ngày
240	Chỉ PDS II 5.0 (W9108H)	10.000	MIENG	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 2/0 dài 70cm, 2 kim tròn đầu tròn dài 26mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh .lực giữ vết mổ ≥ 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn ≥ 200 ngày

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
241	Chỉ PDS II 6.0 (W9100H) (H/36M)	10.000	MIENG	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 6/0 dài 45cm, 2 kim tròn đầu tròn dài 13mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh .lực giữ vết mổ $\geq 35\%$ sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn ≥ 200 ngày
242	Chỉ PDS II 7.0 45cm Double 13mm (W9095T) (H/24M)	10.000	TEP	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 7/0 dài 45cm, 2 kim tròn đầu tròn dài 13mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh .lực giữ vết mổ $\geq 35\%$ sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn ≥ 200 ngày
243	Sensor Spo2 dạng quần Nellcor	160	CAI	Thiết kế cảm biến Spo2 dạng quần (wrap) Kẹp có đệm cao su Thiết kế chống gấp Dây cáp dài $\geq 0.9m$ Độ chính xác $\pm 1SD$, 70- 100%
244	Chỉ Prolene 4.0, 75-90cm, 17mm, 3/8 F1840	200	MIENG	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 4/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn dài 17mm 1/2 vòng tròn, bằng thép. Vùng kẹp kim phẳng có rãnh chạy dọc trong và ngoài thân kim. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn.
245	Chỉ Prolene 4.0, dài 90mm, 2 kim đầu tròn, W8329	300	MIENG	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 4/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn dài 17mm 1/2 vòng tròn, bằng thép. Vùng kẹp kim phẳng có rãnh chạy dọc trong và ngoài thân kim. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn.
246	Chỉ Prolene 5.0 (W8710) (chỉ không tan đơn sợi Polypropylen 5/0) (H/12M)	4.000	MIENG	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 5/0 dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn dài 13mm 1/2 vòng tròn, bằng thép, được phủ bởi lớp silicone cải tiến. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn.
247	Bóng giúp thở silicon (Ampu bag Silicon) 900ml	25	Cái	Bộ bóng bóp giúp thở Silicone hấp tiết trùng ở 121 độ C dùng nhiều lần (40 lần) có van peep các cỡ người lớn, trẻ em, sơ sinh bao gồm: 1. Bóng bóp Silicone thể tích: 1500ml/450ml/280ml 3. Van peep vật liệu PC, silicone: 5~20cmH2O/ 5~20cmH2O/ 2~10cmH2O 4. Mask silicone 5. Túi chứa oxy vật liệu silicone thể tích:2000ml/1000ml/500ml 6. Dây oxy vật liệu PVC 2m - Trở kháng hít vào/ thở ra $\leq 5cm$ cmH2O @ 50LPM - Van POP-OFF giải phóng khí khi áp suất ≤ 60 cmH2O @60LPM (người lớn), 30~45cmH2O @ 15LPM; ≤ 60 cmH2O @60LPM (trẻ em), 30~45cmH2O @ 15LPM (sơ sinh) - Khoảng chết <6ml - Thể tích cung cấp mong đợi lên đến 630ml (người lớn), 300ml (trẻ em), 125ml(sơ sinh) - Tốc độ dòng oxy 2ml-15ml, phần trăm oxy vận chuyển từ 50%-99%(người lớn) 69%-99% (trẻ em),92%-99% (sơ sinh) * Tiêu chuẩn : ISO hoặc CE
248	Chỉ Prolene 6/0 60cm Double 11mm 3/8C RB W8597/8610H	5.000	TEP	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 6/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn dài 11mm 3/8 vòng tròn, bằng thép, được phủ bởi lớp silicone. Vùng kẹp kim phẳng có rãnh chạy dọc trong và ngoài thân kim. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn.
249	Chỉ Prolene 9.0 13cm 5mm 3/8C (W2783)	24	SOI	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 9/0 dài 13cm, 1 kim tròn đầu tròn dài 5.1mm 3/8 vòng tròn, bằng thép, được phủ bởi lớp silicone. Vùng kẹp kim phẳng có rãnh chạy dọc trong và ngoài thân kim. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn.
250	Khăn đệm lạnh (H/24 cái)	50	CAI	Áo dùng 1 lần cho trẻ sơ sinh, tương thích với hệ thống điều trị hạ thân nhiệt của bệnh viện (Hiệu: MTRE, model: Criticool). Bao phủ 85% bề mặt cơ thể bệnh nhân. Phù hợp với trẻ sơ sinh $\leq 7kg$, hoặc tương thích cho trẻ sơ sinh.
251	Chỉ silk 0 không kim	1.000	MIENG	Chỉ không tan tự nhiên (Silk) số 0, không kim, dài 75 cm
252	Chỉ silk 2.0 kim tam giác	1.310	MIENG	Kim sắc bén, kim tam giác dài 18 mm, 3/8 vòng tròn. Chỉ không tan tự nhiên (Silk), dài 75 cm.
253	Chỉ silk 2.0 kim tròn	5.600	SOI	Kim sắc bén, kim tròn dài 26 mm, 1/2 vòng tròn. Chỉ không tan tự nhiên (Silk), dài 75 cm.
254	Chỉ silk 2.0 không kim	579	SOI	Chỉ không tan tự nhiên (Silk) số 2, không kim, dài 75 cm
255	Chỉ silk 3.0 kim tam giác	4.854	MIENG	Kim sắc bén, kim tam giác dài 18 mm, 3/8 vòng tròn. Chỉ không tan tự nhiên (Silk), dài 75 cm.
256	Chỉ silk 4.0 kim tam giác	1.092	SOI	Kim sắc bén, kim tam giác dài 18 mm, 3/8 vòng tròn. Chỉ không tan tự nhiên (Silk), dài 75 cm.
257	Chỉ silk 4.0 kim tròn	6.600	MIENG	Kim sắc bén, kim tròn dài 26 mm, 1/2 vòng tròn. Chỉ không tan tự nhiên (Silk), dài 75 cm.
258	Chỉ silk 4.0 không kim	3.000	SOI	Chỉ không tan tự nhiên (Silk) số 4, không kim, dài 75 cm
259	Chỉ silk 5.0 kim tam giác	1.000	SOI	Kim sắc bén, kim tam giác dài 16 mm, 3/8 vòng tròn. Chỉ không tan tự nhiên (Silk), dài 75 cm.

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
260	Cảm biến đo Oxy não/mô, ECMO, trẻ từ 40 kg trở lên	80	CAI	- Cảm biến dùng để đo thông số Độ bão hòa Oxy tại não/mô (rSO2). - Sử dụng công nghệ có 2 đầu phát tín hiệu nông - sâu và 2 đầu thu tín hiệu nông - sâu. - Tốc độ lấy mẫu: hiển thị ngay sau khi dẫn điện cực, tài liệu không thể hiện cụ thể thời gian lấy mẫu. - Đối tượng bệnh nhân từ 40 kg trở lên
261	Chỉ Surgipro 5.0 kim tròn 3/8C 13mm 75cm (Hộp/36M)	3.000	MIENG	- Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, nối mạch máu - Chỉ bằng Polypropylene phủ PEG, 5/0, dài 75cm, chịu lực suốt vòng đời, chất phủ polyethylene glycol (PEG) disterate và DSTDP (distearyl-3,3' thiodipropionate) hoặc tương đương - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim Suralloy (Crom 12%, nickel 9%, Cu 2%, titan 0,9%,...) hoặc tương đương, dài 9-13mm, 1/2C, kim phủ silicon sắc bén, giúp giảm tình trạng ăn mòn kim, theo công nghệ Nucoat - Đóng gói thông minh giúp giảm nhớ hình - Tiết khuẩn
262	Áo làm lạnh trẻ em	20	CAI	- Áo dùng 1 lần cho trẻ em tương thích với hệ thống điều trị hạ thân nhiệt của bệnh viện (Hiệu: MTRE, model: Criticool). - Bao phủ 85% bề mặt cơ thể bệnh nhân. - Phù hợp với trẻ em < 80cm - > 120cm, hoặc tương thích cho trẻ em.
263	Chỉ Surgipro 7.0, 3/8C 8mmx 60 cm	5.000	MIENG	- Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, nối mạch máu - Chỉ bằng Polypropylene phủ PEG, 7/0, dài 60cm, chịu lực suốt vòng đời, chất phủ polyethylene glycol (PEG) disterate và DSTDP (distearyl-3,3' thiodipropionate) hoặc tương đương - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim Suralloy (Crom 12%, nickel 9%, Cu 2%, titan 0,9%,...) hoặc tương đương, dài 6mm, 3/8C, kim phủ silicon sắc bén, giúp giảm tình trạng ăn mòn kim. - Đóng gói thông minh giúp giảm nhớ hình - Tiết khuẩn
264	Chỉ Surgipro 8.0, 3/8C 6mm 60cm	2.000	TEP	- Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, nối mạch máu - Chỉ bằng Polypropylene phủ PEG, 8/0, dài 60cm, chịu lực suốt vòng đời, chất phủ polyethylene glycol (PEG) disterate và DSTDP (distearyl-3,3' thiodipropionate) hoặc tương đương - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim Suralloy (Crom 12%, nickel 9%, Cu 2%, titan 0,9%,...) hoặc tương đương, dài 6mm, 3/8C, kim phủ silicon sắc bén. - Đóng gói thông minh giúp giảm nhớ hình - Tiết khuẩn
265	Xét nghiệm đường huyết nhanh Terumo (H/30 que)	56.500	QUE	- Kết quả đo chính xác, có dải đo trong Phạm vi đo: 20 - 600 mg/dL (1,1 - 33,3 mmol/L) - Đầu thử có đầu hút dạng vòi, nằm trong nút nhựa, có màng phim bảo quản tránh ẩm và oxy hóa
266	Băng keo hấp ướt	800	CUON	- Băng keo chỉ thị nhiệt kích thước 1,8cm x 55mm - Thành phần: giấy 75-85%, chất bám dính 10-20%, Acrylic Polymer: 2-5%, mực chỉ thị 0,5-2% - Dùng cho các chu trình tiết khuẩn hơi nước 121°C và 132- 134°C. - Vạch chỉ thị sẽ chuyển sang màu đen sau khi qua tiết khuẩn và giữ nguyên màu trong vòng 6 tháng.
267	Bình khí 100% EO cho máy tiết khuẩn EO	1.200	BINH	- Bình khí Gas dùng cho máy SteriVac - Thành phần 100% Ethylene Oxide (EO) - Trọng lượng 170g - Tương thích với dòng máy tiết khuẩn nhiệt độ thấp SteriVac - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE
268	Bình khí EO 4-100 cho máy tiết trùng EO nhỏ GS5	1.200	BINH	- Bình khí chứa 100% khí E.O, trọng lượng 100 gram ±5% - Tương thích với dòng máy tiết khuẩn nhiệt độ thấp SteriVac
269	Chỉ thị sinh học 24 phút kiểm tra tiết khuẩn hơi nước; 1492 V	720	ÔNG	Chỉ thị sinh học 24 phút kiểm tra tiết khuẩn hơi nước; 1492 V
270	Chỉ thị sinh học kiểm soát tiết trùng EO	720	ONG	- Chỉ thị sinh học EO cho kết quả nhanh 4 giờ - Thành phần: Vó và nắp ống chỉ thị 40-45%, Dung dịch nuôi cấy sinh học 30-40%, Ống thủy tinh 15-25%, Lưới cán 1-3%, Nhãn với mực chỉ thị 1-3% - Ống kín chứa Bảo tử để kháng cao Bacillus Atrophaeus - Nhiệt độ ủ: 37°C ± 2°C - Thời gian đọc kết quả: 4 giờ khi ủ với máy 3M™ AutoReader 390G
271	Chỉ Vicryl 0 (W9430) (H/12M)	1.000	MIENG	- Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 bọc thành phần tối thiểu bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 0 dài 90cm, kim tròn đầu tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương, dài 40mm, 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương ≥ 25% sau ≥ 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: ≥ 60 ngày

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
272	Chỉ vieryl 0, 75cm, kim tròn (W9138)	500	TEP	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 bọc thành phần tối thiểu bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 0 dài 75cm, 1 kim tròn đầu hình thoi bằng Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương, dài 31 mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương $\geq 25\%$ sau ≥ 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: ≥ 60 ngày.
273	Chỉ Vieryl 1.0 (W9391) (H/12M) (Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin)	1.000	MIENG	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 bọc thành phần tối thiểu bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 1 dài 100cm, 1 đầu tù khâu gan, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương, dài 65mm 3/8 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương $\geq 25\%$ sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Lực căng giữ vết thương $\geq 25\%$ sau ≥ 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: ≥ 60 ngày.
274	Chỉ Vieryl 1.0 (W9431)	500	MIENG	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, lớp vỏ 50% polyglactin 370 & 50% chất bôi trơn Calcium Stearate, chỉ số 1, dài 90cm, kim tròn đầu tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương, dài 40mm, 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương $\geq 25\%$ sau ≥ 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: ≥ 60 ngày.
275	Chỉ vieryl 2.0 (W9121)	11.000	MIENG	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 bọc thành phần tối thiểu bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 2/0 dài 75cm, kim tròn đầu hình thoi, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương $\geq 25\%$ sau ≥ 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: ≥ 60 ngày.
276	Chỉ Vieryl 3.0 (W9114) (H/12M)	8.302	MIENG	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 bọc thành phần tối thiểu bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 3/0 dài 75cm, 1 kim tròn đầu hình thoi, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương, dài 20 mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương $\geq 25\%$ sau ≥ 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: ≥ 60 ngày.
277	Chỉ Vieryl 3.0 (W9120)	10.000	MIENG	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 bọc thành phần tối thiểu bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 3/0 dài 75cm, kim tròn đầu hình thoi, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương $\geq 25\%$ sau ≥ 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: ≥ 60 ngày.
278	Chỉ Vieryl 4.0 (W9113) (H/12M) (Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 4)	12.270	MIENG	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 bọc thành phần tối thiểu bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 4/0 dài 75cm, kim tròn đầu hình thoi, bằng Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương, dài 20mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương $\geq 25\%$ sau ≥ 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: ≥ 60 ngày.
279	Chỉ Vieryl 5.0 (W9105) (Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 5/0)	14.120	MIENG	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 bọc thành phần tối thiểu bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 5/0 dài 75cm, kim tròn đầu hình thoi, bằng Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương, dài 17 mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương $\geq 25\%$ sau ≥ 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: ≥ 60 ngày.
280	Chỉ Vieryl 6.0 (W9981) (H/12M) (Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 6)	7.074	MIENG	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 bọc thành phần tối thiểu bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 6/0 dài 45cm, kim tròn đầu tròn, bằng Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương, dài 13mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Lực căng giữ vết thương $\geq 25\%$ sau ≥ 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: ≥ 60 ngày.
281	Chỉ thị sinh học Sterrad Velocity	800	ONG	Chỉ thị sinh học được sử dụng cùng máy đọc Sterrad Velocity, đọc kết quả nhanh trong khoảng 15 - 30 phút tùy vào đầu đọc - Mỗi ống có chứa 1 triệu bào tử Geobacillus sterothermophilus. - Có chỉ thị hóa học trên nắp ống, chuyển màu từ đỏ sang vàng sau khi tiếp xúc H ₂ O ₂ - Tương thích tất cả các máy STERRAD.
282	Chỉ Vieryl Plus + Antibact 4 (Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin Plus 4 VCP 310H)	1.000	MIENG	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, bọc thành phần tối thiểu bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn triclosan hoặc tương đương, số 4/0 dài 70cm, kim tròn đầu tròn, bằng Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương, dài 22mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương $\geq 25\%$ sau ≥ 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: ≥ 60 ngày.
283	Chỉ vieryl rap und 5.0, 45 cm (W9915)	5.000	MIENG	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 bọc thành phần tối thiểu bởi 50% Polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate số 5/0 dài 45cm, 1 kim tam giác ngược, Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương, dài 11mm 3/8 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương: $\geq 50\%$ sau 5 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn ≥ 40 ngày.
284	Giấy in 2 lớp cho máy Sterrad 100NX	100	CUON	Băng đựng hóa chất H ₂ O ₂ dùng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp STERRAD 100NX hoặc tương đương, băng gồm 10 cell mỗi cell chứa 5,4ml H ₂ O ₂ 58%
285	Chổi đánh bóng	1.000	CAI	Chổi cước trắng nhỏ đường kính 2mm, dài 3.5mm, dài 22 mm, dùng với tay khuấy
286	Dây cáp điện tim ECG (monitor Nihon Kohden)	6	Cái	Dây cáp điện tim ECG (monitor Nihon Kohden)
287	Giấy in nhiệt máy hấp nhiệt độ cao	360	CUON	Giấy in nhiệt máy hấp nhiệt độ cao
288	Giấy in nhiệt 57x30mm (Đo điện, khúc xạ)	1.146	CUON	Chất liệu giấy tốt, không bị phai màu, vạch kẻ rõ ràng, phân chia khoảng cách chính xác Kích thước: 57mm x 30m

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
289	Thùng hấp dụng cụ, lớn	10	BO	Thùng hấp dụng cụ, lớn
290	Ống nghiệm thủy tinh 10x75	120.000	ONG	Ống thủy tinh 10*75, thủy tinh trong suốt, có độ chống chịu cao với các tác động của lực, nhiệt độ và hóa chất ăn mòn
291	Giấy in nhiệt cho máy tiết khuẩn EO	240	CUON	Giấy in nhiệt có kích thước Rộng x Dài (79mm x 30m) ±5% Tương thích cho máy tiết khuẩn EO model GS82D hoặc tương đương
292	Kính Optivior	4	CAI	Kính bảo vệ mắt dùng cho máy laser Vbeam Perfecta, bảo mắt trước bước sóng laser 592-596nm.
293	Lưỡi cưa tròn	12	CAI	Vật liệu bằng thép không gỉ, có hệ số ma sát trung bình đến thấp (0,05 - 0,2 COF), khả năng chịu nhiệt cao trên 350 độ. Có thể cắt được thạch cao và sợi thủy tinh
294	Dầu tay khoan	50	CHAI	Dung dịch vệ sinh, bôi trơn cho các loại tay khoan dùng trong nha khoa bao gồm tay khoan tốc độ nhanh và tay khoan tốc độ chậm và máy tại khi động lực. thành phần: dầu khoáng trắng và dầu bạc hà Chèn vào mặt sau của tay khoan (lỗ nhỏ thứ 2 của tay khoan) và phun trong một đến hai giây ngay sau mỗi lần sử dụng và trước khi khử trùng. Lau kỹ phần thừa. Quan trọng: Giữ chai ở vị trí thẳng đứng khi sử dụng. Thể tích 500ml
295	Nẹp cổ cứng số 1	100	CAI	Có khóa Velcro, khuôn nhựa định hình thiết kế gồm 2 mảnh riêng biệt. Sử dụng cho các chấn thương đốt sống cổ, sau phẫu thuật, có khuôn nhựa tạo lỗ có thể luồn ống nội khí quản. Gồm tối thiểu các cỡ S, M, L.
296	Nẹp cổ cứng số 2	100	CAI	Có khóa Velcro, khuôn nhựa định hình thiết kế gồm 2 mảnh riêng biệt. Sử dụng cho các chấn thương đốt sống cổ, sau phẫu thuật, có khuôn nhựa tạo lỗ có thể luồn ống nội khí quản. Gồm tối thiểu các cỡ S, M, L.
297	Nẹp vải cánh bàn tay	240	CAI	Làm từ vải dệt kim, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Có khóa Velcro và nẹp hợp kim nhôm. Thiết kế theo tư thế điều trị. Dùng trong sơ cứu, cố định gãy xương, bong gân khu vực 1/3 dưới xương cánh tay, cổ định sau mổ xương, khớp chi trên, ổn định khớp khuỷu tay. Gồm tối thiểu các cỡ XXS, XS, S, M, L, XL, XXL.
298	Nẹp vải cẳng tay	120	CAI	Làm từ vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí, vải cao lông, băng nhám dính (khóa Velcro) và bản nẹp hợp kim nhôm uốn định hình ở tư thế điều trị. Dùng trong sơ cứu chấn thương xương khớp, cân cơ vùng cẳng tay, cổ tay, hỗ trợ cố định sau gãy xương trụ, gãy Pouteau Colles. Gồm tối thiểu các cỡ XXS, XS, S, M, L, XL.
299	Thùng hấp dụng cụ, mini	10	BO	Thùng hấp dụng cụ, mini
300	Test thử áp suất comply steam chemical 1243A-3M (Túi/500 miếng)	30.000	MIENG	Chỉ thị hóa học đa thông số (nhiệt độ, thời gian, hơi nước bão hòa) kiểm tra chất lượng tiết khuẩn gói dụng cụ nhóm 5 (type 5) dùng cho quy trình tiết khuẩn hơi nước 132 - 134°C và 121°C - Kích thước: 5.1cm x 1.9cm - Thành phần: giấy 75%, Salicylamide 2-3%, Polypropylene 4%, Nhôm: 8%. - Kết quả tiết khuẩn: Dễ đọc kết quả với thiết kế màu sắc sinh động nhìn thấy được qua ô màu xanh lá được đánh dấu "ACCEPT" là đạt hoặc ô màu đỏ được đánh dấu "REJECT" là không đạt. - Đóng gói: 500 test/ túi
301	Test thử lò hấp (Bowie Dick Internal Steam) (H/50tờ)	2.400	TO	Gói thử chất lượng máy tiết khuẩn hơi nước - Thành phần: Giấy 90-98%; Sulfur 1-2%; Acrylic polymer 0-1% - Kích thước: 12.7 x 11.1 x 1.9cm - Dùng để kiểm tra độ hiệu quả của khả năng xả khí cho lò hơi nước hút chân không - chu trình tiết khuẩn 132°C - 134°C - Không chứa chì (Lead Free) - Tương thích với chu trình tiết khuẩn 132-134°C
302	Test thử nhiệt độ hấp khô EO	2.880	TEST	Test thử cho kết quả chính xác
303	Gói thử chất lượng máy tiết khuẩn hơi nước	1.800	GÓI	Gói thử chất lượng máy tiết khuẩn hơi nước
304	Gói thử chất lượng máy tiết khuẩn hơi nước	1.860	gói	Gói thử chất lượng máy tiết khuẩn hơi nước
305	ADAPTOR TUBE	50	Tube	ADAPTOR TUBE
306	Dây cung Niti 14 hàm dưới	1.000	SOI	Dây cung Niti: dây cung niti super elastics - siêu đàn hồi, loại dây tròn
307	Dây cung Niti 16 hàm trên	1.000	SOI	Dây Niti tròn cung hàm trên/dưới các cỡ
308	Dây cung Niti 16x22 hàm dưới	1.000	SOI	Dây cung Niti: dây cung niti super elastics - siêu đàn hồi, loại dây chữ nhật
309	Dây cung Niti 16x22 hàm trên	1.000	SOI	Dây cung Niti: dây cung niti super elastics - siêu đàn hồi, loại dây chữ nhật
310	Dây cung Niti oval 14 hàm trên	1.000	SOI	Dây Niti tròn cung hàm trên/dưới các cỡ
311	Dây cung ngược oval 16 hàm dưới	500	SOI	Dây Niti đã bẻ sẵn ngược đường cong spee. Khi làm lún với dây reverse chỉ mất một nửa thời gian so với thép không gỉ, dây reverse cũng ít điều chỉnh và thay dây Có các size, tròn: 016, 018 chữ nhật: 016x022, 017x025, 018x025, 019x025"
312	Dây cung SS 16x22 hàm dưới	500	SOI	Dây Thép chữ nhật cung hàm trên/dưới các cỡ

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
313	Dây cung SS 19x25 hàm dưới	1.000	SOI	Thép không gỉ, cứng, ma sát thấp, phù hợp cho giai đoạn kết thúc, - Tiết diện chữ nhật: 0.019x0.025 inch. Hình dạng Ovoid (Ortho Form III), hộp/ 10 sợi
314	Dây cung SS 19x25 hàm trên	500	SOI	Dây Thép chữ nhật cung hàm trên/dưới các cỡ
315	Dây cung SS oval 16 hàm trên	500	SOI	Dây Thép tròn cung hàm trên/dưới các cỡ
316	Dây cung SS oval 16x22 hàm trên	500	SOI	Dây Thép tròn cung hàm trên/dưới các cỡ
317	Dây chạy thận nhân tạo (BTS A109/V678), các cỡ	1.000	CAI	Dây chạy thận nhân tạo: - Chất liệu Polyvinylchloride, không Pyrogenic, không Latex. - Tổng chiều dài dây: dây tĩnh mạch 2725mm, dây động mạch 3685mm. - Thể tích mỗi khoảng: 165ml. - Kích thước bầu khoảng: 4,7 x 7,0 x 25mm. - Có túi Pillow ở dây động mạch, giúp phát hiện thiếu máu động mạch. - Kích cỡ dây phần tiếp xúc bơm máu (đường kính trong x đường kính ngoài x chiều dài): 8,25 x 12,55 x 410mm. - Tương thích với máy chạy thận tại bệnh viện.
318	Dây dẫn ái nước (Guide wire)	1.000	CAI	Cấu tạo: - Lõi là hợp kim Nitinol siêu đàn hồi. - Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cản quang bằng lớp Tungsten. - Lớp phủ ái nước hydrophilic - Hình dạng đầu tip tối thiểu có đầu thẳng, đầu cong (Straight, Angled) Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 150 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính tối thiểu có: 0.035"
319	Dây dẫn can thiệp có lõi cứng (Amplatz Guidewire)	300	CAI	Dây dẫn can thiệp có lõi cứng - Chất liệu dây dẫn làm từ thép không gỉ với lớp phủ PTFE bên ngoài. - Tối thiểu có dạng đầu dây chữ J - Đường kính đầu tip tối thiểu có: 7,5mm, 1,5mm, 6mm. - Đường kính dây dẫn: 0,035 inch. - Chiều dài tối thiểu có: 260cm, 300cm.
320	Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên (Cruiser Hydro/Cruiser 18)	400	CAI	Dây dẫn ái nước loại ICE hoặc tương đương - Lõi Scitanium, đầu tungsten. - Đầu xa 2cm có thể tạo hình. - Đường kính tối thiểu có 0.014" và 0.018". - Độ dài tối thiểu có 135, 165, 190cm.
321	Dây dẫn đường can thiệp Transend	300	CAI	Dây dẫn ái nước ICE, lõi Scitanium, đầu tungsten. Đầu xa 2cm có thể tạo hình. Đường kính: 0.014" và 0.018". Độ dài: 135, 165, 190cm.
322	Dây dẫn đường Radifocus có lớp ái nước phủ M Coat, chiều dài 260cm	50	CAI	Dây dẫn đường loại Radifocus có lớp ái nước phủ M Coat hoặc tương đương - Dây dẫn chụp mạch vành phủ lớp ái nước M Coat hoặc tương đương - Đường kính tối thiểu có 0.025", 0.035", 0.038" cong 3cm. - Tối thiểu có đầu chữ J, đầu thẳng. - Dài 260cm. - Cấu tạo bởi hợp kim siêu đàn hồi (Nitinol), lớp áo ngoài polyurethane phủ hoạt chất tungsten. - Đầu tip siêu mềm dẻo, linh hoạt, độ trơn hoàn hảo.
323	Gạc hút khô 1.2m (Gạc mét)	800	MET	Khả năng thấm hút, độ bền cao.
324	Dây điện cực tạo nhịp tạm thời có bóng	10	BO	Dây tạo nhịp tạm thời có bóng - Điện cực kích thích dài 110 cm, chiều dài điện cực: 5 mm, khoảng cách giữa 2 điện cực: 10 mm. - Bóng lưỡng cực 5F - Kèm kim chọc mạch.
325	Chỉ phẫu thuật tim không tiêu Acier 3+4, dài 45cm, kim tam giác 1/2C, 40mm	150	TEP	Chỉ phẫu thuật tim không tiêu Acier 3+4, dài 45cm, kim tam giác 1/2C, 40mm
326	Dây đốt điện 3 chấu có dao đốt	15.000	CAI	Vỏ làm bằng chất liệu ABS, điện cực được làm bằng thép không gỉ. + Tay cầm 2 nút bấm, đầu gắn 3 chấu, kèm đầu dao. + Thân thiết kế lục giác tránh đầu điện cực bị quay, chống trượt. + Chiều dài ≥ 170mm + Chiều dài điện cực ≥ 70mm + Đường kính điện cực ≥ 2.36mm + Toàn bộ các mặt tiếp xúc được hàn siêu âm. + Dây nối dài 3 m Đóng gói tiệt trùng
327	Băng mực in cho tất cả các dòng máy hàn túi Hawo (780/800/850/880/950/3010/3020)	36	băng	Băng mực in cho tất cả các dòng máy hàn túi Hawo (780/800/850/880/950/3010/3020)
328	Chỉ thép Acier inox 5 brins reuf	200	TEP	Chỉ thép Acier inox 5 brins reuf

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
329	Dây máy thở dùng 1 lần cho SS	1.320	BO	Bộ dây máy thở dùng 1 lần cho sơ sinh tương thích với các loại máy thở thường quy, bộ dây được thiết kế để sử dụng một lần, không quá 7 ngày liên tục trên bệnh nhân, đã được tiệt trùng trước khi đóng gói, sau khi mở bao bì có thể sử dụng ngay.
330	Dây máy thở dùng 1 lần cho trẻ lớn	1.424	BO	Bộ dây máy thở dùng 1 lần cho trẻ lớn tương thích với các loại máy thở thường quy, bộ dây được thiết kế để sử dụng một lần, không quá 7 ngày liên tục trên bệnh nhân, đã được tiệt trùng trước khi đóng gói, sau khi mở bao bì có thể sử dụng ngay.
331	Dây máy thở dùng 1 lần cho trẻ nhỏ	1.083	BO	Bộ dây máy thở dùng 1 lần cho trẻ em tương thích với các loại máy thở thường quy, bộ dây được thiết kế để sử dụng một lần, không quá 7 ngày liên tục trên bệnh nhân, đã được tiệt trùng trước khi đóng gói, sau khi mở bao bì có thể sử dụng ngay.
332	Bảng mực in dùng cho máy hàn Hawo 950	60	BẢNG	Bảng mực in dùng cho máy hàn Hawo 950
333	Dây Niti 016 hàm trên+dưới	1.000	SOI	Dây cung chỉnh nha là loại dây cung được chế tạo bởi hợp kim Nickel- Titanium. - Thành phần cấu tạo bao gồm 54.5 – 56% Nicken và 44 – 45.5% Titanium - Chất liệu: hợp kim Nickel- Titanium - Tiết diện: tròn - Hình dạng: cung oval hàm trên và hàm dưới - Đường kính: 0.16 inch - Tương thích với mắc cài các loại
334	Màng lọc dùng 2000 lần	100	CAI	Màng lọc dùng 2000 lần
335	Màng lọc tiệt trùng hình tròn	100	Cái	Màng lọc tiệt trùng hình tròn
336	Dây Niti 16x22 hàm trên+dưới	1.000	SOI	Dây cung chỉnh nha là loại dây cung được chế tạo bởi hợp kim Nickel- Titanium. - Thành phần cấu tạo bao gồm 54.5 – 56% Nicken và 44 – 45.5% Titanium - Chất liệu: hợp kim Nickel- Titanium Kích thước, chữ nhật: 0.16 x.022, hàm dưới - Tương thích với mắc cài các loại
337	Dây nối áp lực cao DCT148	2.000	BO	Dây bơm đo áp lực cao - Vật liệu làm bằng PVC, Nylon/ Polyurethane - Chịu áp lực tối thiểu có: 500 psi (34 bar), 900 psi (62 bar), 1200 psi (83 bar) - Chiều dài các cỡ tối thiểu có: 25, 51, 76, 122, 183 cm (10", 20", 30", 48", 72").
338	Dây nối bơm tiêm 140 BB	251.450	SOI	Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn. - Đường kính trong: 0.9 mm. Đường kính ngoài: 1.9mm - Thể tích mỗi dịch 1ml - Tốc độ 0.9ml/m : áp lực 2 bar - Đầu nối Luer Lock, có khóa dừng - Chất liệu PVC, Không có chất phụ gia DEHP
339	Dây nối bơm tiêm 75 BB	137.700	SOI	Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn. - Đường kính trong: 0.9 mm. Đường kính ngoài: 1.9mm - Thể tích mỗi dịch 0.6 ml - Tốc độ 0.9ml/m : áp lực 2 bar - Đầu nối Luer Lock, có khóa dừng - Chất liệu PVC, Không có chất phụ gia DEHP
340	Dây nối bơm tiêm 75cm, 2.5ml Terumo	79.280	SOI	Dùng trong truyền dịch thuốc từ bơm tiêm điện. Kết nối các loại bơm tiêm có khóa hoặc không khóa (đầu nhỏ), chạc 2/3 ngã, hệ thống tiêm truyền. - Chất liệu PVC (Polyvinylchlorua). Không DEHP. Không sinh nhiệt/sốt trong quá trình truyền. - Chiều dài dây: 75cm. Dung tích (sức chứa): 2.5mL. Đ.kính trong / Đ.kính ngoài: 1.1mm/2.6mm - Tiệt trùng
341	Bảng mực in máy ép túi HS 1000S	8	Bảng	Bảng mực in máy ép túi HS 1000S
342	Đầu cone trắng Eppendorf 10	6.000	CAI	Đầu Tip Trắng 0,5- 10ul kiểu eppendorf, thích hợp với nhiều loại pipette
343	Lamelles 22x22 (H/100 cái)	58.600	CAI	Dùng trong chứa mẫu soi dưới kính hiển vi, hình vuông, trong suốt, chất liệu thủy tinh. Kích cỡ: 22 x 22mm. Độ dày: 0,13-0,17 mm. Quy cách: 100 miếng/hộp
344	Dây nối máy hút (dây nhựa 8mm) (cuộn/30m)	34.368	MET	Chất liệu: nhựa PVC tinh khiết, trắng trong Đường kính trong: 8mm
345	Chổi quét tế bào (6 cái/hộp)	1	CAI	Chổi quét tế bào (6 cái/hộp)
346	Dây curoa cuộn B= 8mm , 6.271.021 HM 8000	2	cái	Dây curoa cuộn B= 8mm , 6.271.021 HM 8000
347	Dây curoa dao B= 6mm , 6.271.012 HM 8000	2	cái	Dây curoa dao B= 6mm , 6.271.012 HM 8000
348	Gói thử kiểm soát chất lượng tiệt khuẩn 1298 3M	240	Ông	Gói thử kiểm soát chất lượng tiệt khuẩn 1298 3M
349	Cannula mũi trẻ sơ sinh (cpap)	905	CAI	Chất liệu: silicone, màu trắng trong, chịu được nhiệt độ cao, có thể sử dụng nhiều lần. - Đầu oxy ra (gắn vào mũi bệnh nhân): mềm, không gây tổn thương niêm mạc mũi. - Đầu oxy vào: tương thích với đầu hiện có của bệnh viện - Cỡ sơ sinh

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trù	DVT	TNKT
350	Dây SS 016 hàm trên+dưới	1.000	SOI	Dây cung thép không gỉ với chất liệu hợp kim thép có độ bền kéo cao, chống ăn mòn và độ cứng cao Kích thước, tròn: .016 Đóng gói 10 sợi/ hộp"
351	Dây SS 16x22 hàm trên+dưới-900.107.207	500	SOI	Dây cung thép không gỉ với chất liệu hợp kim thép có độ bền kéo cao, chống ăn mòn và độ cứng cao Kích thước, chữ nhật: .016x.022 Đóng gói 10 sợi/ hộp"
352	Ống nghe ngoại	890	CAI	Loa ống nghe 2 đầu độ chính xác cao, làm bằng thép không gỉ. Các màng đặc biệt ở hai mặt cho chất lượng âm thanh chính xác, đường kính 44mm và 32mm, với các mép màng mới, không bị không khí lạnh tác động, thích ứng tốt hơn trên da. Đầu tai nghe mềm mại, có thể thay thế và xoay quanh trục lên xuống, gắn hoàn hảo vào tai nghe mang lại cảm giác thoải mái khi đeo vào. Ống hình chữ Y với các đường dẫn âm thanh riêng biệt cho tai trái và tai phải, cho hiệu suất dẫn âm thanh đặc biệt tốt. Tổng chiều dài khoảng 71cm
353	Kim sinh thiết, ngầm chuột	2	CAI	Kim sinh thiết, ngầm chuột
354	Dây thở đường vòng không bẫy nước sử dụng 1 lần dùng cho máy gây mê	400	CAI	Van điều khiển ở dây túi trữ khí cho phép điều chỉnh khí thoát ra, hoặc nối với hệ thống xả khí để làm giảm thiểu sự nhiễm khuẩn trong lúc mổ. - Túi trữ khí (0.5 lít, 1 lít, 2.0L). - Bộ kết nối bệnh nhân: 22M/15F - Bộ kết nối oxy: 15M - Bộ nối lọc khuẩn: 22M - Chiều dài ống oxy: 200 cm - Ống lọc: ống gấp nếp 10F x 60 inches
355	Dây thở Jacksonree	8.530	BO	Van điều khiển ở dây túi trữ khí cho phép điều chỉnh khí thoát ra, hoặc nối với hệ thống xả khí để làm giảm thiểu sự nhiễm khuẩn trong lúc mổ. - Túi trữ khí (0.5 lít, 1 lít, 2.0L). - Bộ kết nối bệnh nhân: 22M/15F - Bộ kết nối oxy: 15M - Bộ nối lọc khuẩn: 22M - Chiều dài ống oxy: 200 cm - Ống lọc: ống gấp nếp 10F x 60 inches
356	Mask nội soi cho trẻ lớn	24	CAI	Mask nội soi cho trẻ lớn
357	Dây thở mũi 2 lỗ người lớn	8.371	CAI	* Vật liệu PVC y tế * Ống thông mũi cong đầu mềm ở trẻ lớn * Dây chống gãy gấp * Khoảng cách giữa 2 nhánh phù hợp với trẻ lớn * Đóng gói riêng từng cái
358	Dây thở mũi 2 lỗ sơ sinh	22.704	SOI	* Vật liệu PVC y tế * Ống thông mũi cong đầu mềm ở trẻ sơ sinh * Dây chống gãy gấp * Khoảng cách giữa 2 nhánh phù hợp với trẻ sơ sinh * Đóng gói riêng từng cái
359	Dây thở mũi 2 lỗ trẻ em	15.978	SOI	* Vật liệu PVC y tế * Ống thông mũi cong đầu mềm ở trẻ em * Dây chống gãy gấp * Khoảng cách giữa 2 nhánh phù hợp với trẻ em * Đóng gói riêng từng cái
360	Dây thở silicon người lớn (5 đoạn)	122	BO	Bộ dây thở người lớn, silicon, dùng nhiều lần, bao gồm: - 05 đoạn dây thở, dài 60cm - 02 Bẫy nước dùng nhiều lần - 01 Bình làm ẩm ẩm dùng nhiều lần - 01 Dây đo áp lực
361	Dây thở silicon TE, SS (5 đoạn)	701	BO	Bao gồm 5 đoạn dây silicon sử dụng nhiều lần và có nối tương thích cho việc kết nối (bẫy nước, co chữ y, co nối thẳng và các đầu nối dây, hỗ trợ co nối khi có yêu cầu cho mục đích sử dụng riêng đặc biệt) - Có thể hấp autoclave (max 134oC) ngâm Cidex hoặc thanh trùng khoảng 100 lần sử dụng, bề mặt trong trơn láng giảm thiểu trở kháng đường thở và tình trạng đọng nước
362	Dây truyền dịch 20 giọt BB	212.420	SOI	Chiều dài dây 180cm - Đường kính trong dây: 3 mm, đường kính ngoài 4.1 mm - Có bầu đếm giọt 2 ngăn - cứng - mềm - Chịu được áp lực đến 2 bar - Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn tại van thông khí - Màng lọc dịch 15 µm - Đầu khóa vận xoắn Luer Lock - Chất liệu PVC. Không có chất phụ gia DEHP

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
363	Dây truyền dịch 20 giọt nuôi ăn	422.850	SOI	Nhựa mềm, không gây gập, không gây độc, không kích ứng, không gây tắt nghẽn, khóa chính giọt giữ tốc độ chính xác. Đầu nhọn trơn láng không rút bụi cao su
364	Dây truyền dịch an toàn	2.000	SOI	Chiều dài dây 180cm - Đường kính trong dây: 3 mm, đường kính ngoài 4.1 mm - Có chức năng đuổi khí tự động và khóa dịch tự động - Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm - Chịu áp lực đến 2 bar - Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn tại van thông khí - Đầu khóa vận xoắn Luer Lock - Chất liệu PVC, Không có chất phụ gia DEHP
365	Oxygen sensor Nonin	9	Cái	Oxygen sensor Nonin
366	Dây truyền dịch chính xác 60 giọt có bầu	38.512	SOI	Có chức năng đuổi khí tự động và khóa dịch tự động - Có bầu 150 ml dùng pha thuốc, tự động khóa khi hết dịch - Có 2 khóa chỉnh giọt trên và dưới bầu định mức - Đầu khóa vận xoắn an toàn Spinlock hoặc tương đương - Không có chất phụ gia DEHP - Màng lọc khuẩn 0.2µm tại van thông khí
367	Dây truyền dịch chính xác 60 giọt không bầu	24.480	SOI	Chiều dài dây 180cm. - Đường kính trong dây: 3 mm, đường kính ngoài 4.1 mm. - Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm. - Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn tại van thông khí. - Đầu khóa vận xoắn Luer Lock
368	Dây truyền dịch dùng thuốc kháng nấm	1.225	SOI	- Chiều dài dây 180cm, dây màu cam có khả năng tránh ánh sáng - Đường kính trong dây 3mm, đường kính ngoài 4.1mm - Có chức năng đuổi khí tự động và khóa dịch tự động - Bao bì thân thiện với môi trường - Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm - Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn tại van thông khí - Đầu khóa vận xoắn luer lock - Chất liệu PUR - Cửa chống thuốc an toàn, ngăn tai nạn do kim đâm vào tay điều dưỡng
369	Dây truyền máu	24.940	SOI	Dây bằng chất liệu PVC, không làm ảnh hưởng hoặc giảm chất lượng máu trong quá trình truyền. Không sinh nhiệt trong quá trình truyền. Chiều dài dây 160cm. - Bầu nhỏ giọt bằng Polypropylene trong suốt. Màng lọc bằng PET, kích thước mắt lưới lọc 175-210µ giúp ngăn ngừa huyết khối. Tỷ lệ (nhỏ) giọt: 20 giọt/mL. - Khóa kẹp dây bằng con lăn giúp điều chỉnh tốc độ. - Đầu cắm bằng nhựa kiểu B. Đầu nối dạng slip (trượt, đầu tròn). - Kim 18G (1 1/2"), thành mỏng, phủ silicone, đốc kim trong suốt. - Đóng gói tiệt trùng: khí EO
370	Mask nội soi cho trẻ nhỏ	48	CAI	Mask nội soi cho trẻ nhỏ
371	Thông dẫn lưu lồng ngực (Drain thoracic) các số	1.090	CAI	Ống dẫn lưu dịch trong màng phổi, - Bằng nhựa trung tính, không gây kích ứng - Cỡ 16-36Fr, dài 38 - 40cm, - Trên thân có khắc vạch đánh dấu mỗi 2cm; thân ống vạch cân tia X giúp ống có thể nhìn thấy được trên phim X Quang - Tiệt khuẩn
372	Dù đóng đa năng phủ titanium	300	CAI	Dù đóng đa năng phủ titanium dạng MFO hoặc tương đương - Chất liệu: Lưới thép nitinol phủ titanium nitride hoặc tương đương, có màng PTFE - Đường kính 2 cánh dù 10-18mm, 1 phần thân có 2 đường kính: đường kính phần đáy 5-14mm, đường kính đầu thân: 3-12mm + Chiều dài dù tối thiểu có 4cm + Kích cỡ dụng cụ thả dù kích thước 4,5,6,7Fr có khả năng thu hồi và định vị lại dây dù - Cấu tạo: Eo dù thiết kế linh hoạt, núm hai bên mặt phù hợp đóng VSD, PDA, các lỗ rò...
373	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ ASD các số	300	CAI	Dù đóng lỗ thông liên nhĩ ASD các số - Chất liệu: hợp kim nhớ hình dạng lưới Nitinol hoặc tương đương, được đệm thêm sợi vải polyester giúp đẩy nhanh quá trình nội mạc hóa. - Kích cỡ tối thiểu ≤ 4mm, tối đa ≥ 40 mm - Tương thích với Sheath : 6F, 7F, 8F, 9F, 10F, 12F.
374	Dù đóng lỗ thông liên thất phần màng phủ titanium 1 núm (Occlutech PmVSD Occluder)	100	CAI	Dù đóng lỗ thông liên thất phần màng phủ titanium 1 núm: - Gồm một đĩa và một thân. - Cấu trúc đan bện tạo ra sự mềm mại và không gây tổn thương mô. - Thân rộng để bám an toàn. - Công nghệ đan bện 1 núm và không có núm ở đầu xa, giảm thiểu vật liệu, ít nhô ra. - Hệ thống Delivery Systems thả dù nhỏ hoặc tương đương. - Dễ định vị và thu dù lại. - Kích cỡ: tối thiểu có các size 4 - 6 - 8 - 10 - 12.

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
375	Dù đóng ống động mạch thân ngắn (PDA)	280	CAI	Dù đóng ống động mạch thân ngắn (PDA) - Dù có profile phản động mạch chủ nhỏ, không có núm đầu xa. - Thiết kế thân dù tránh nguy cơ huyết khối. - Tạo lực bám vào động mạch phổi tại điểm cuối của ống động mạch. - Với cấu trúc đan bên làm tăng khả năng linh hoạt và thích ứng tốt. - Tối thiểu có các size: 5 - 6 - 7 - 8 - 10 - 12 - 15 - 18. Chiều dài: dài tối thiểu $\leq 4,25$ mm, dài tối đa > 16 mm.
376	Dù đóng thông liên thất phần cơ bẻ	96	BO	DSA
377	Dụng cụ bắt dị vật (Snare mini) - Dụng cụ bắt dị vật 1 vòng	100	CAI	Dụng cụ bắt dị vật 1 vòng - Chất liệu: platinum dạng sợi cuộn - Đường kính thông lòng tối thiểu có 5mm, 10mm, 15mm, 20mm và 30mm. - Chiều dài tối thiểu có: 125cm, 175 cm - Kích cỡ dụng cụ mở đường: 3F, 4F, 5F, 6F - Cấu tạo: thiết kế vòng đôi giúp bắt, thắt và thu hồi những dụng cụ rơi trong lòng mạch máu từ mọi góc cạnh. Thông lòng có 2 mặt phẳng để bắt dị vật theo chiều thẳng đứng hoặc chiều ngang. Vòng thông lòng có thể xoay 360 độ.
378	Dụng cụ bắt dị vật (Snare multi) - Dụng cụ bắt dị vật 3 vòng	100	CAI	Dụng cụ bắt dị vật 3 vòng kích thước lớn/nhỏ - Ba dây cáp bằng Nitinol xoắn lại với nhau. - Có một dải Platinum liên kết chặt với các loop để tăng tính nhận biết. - Dây Nitinol siêu đàn hồi có đặc tính là mềm dẻo, có độ chịu xoắn tốt, và độ xoắn được kiểm soát 1:1. - Có dải band marker cân quang giúp xác định thiết bị một cách chính xác. - Kích thước làm việc tối thiểu có: 2-4mm, 4-8mm, 6-10mm, 9-15mm, 12-20mm, 18-30mm, 27-45mm - Chiều dài catheter tối thiểu có: 100cm, 150cm - Chiều dài của snare tối thiểu có: 120 cm, 175 cm
379	Dụng cụ đóng còng ống động mạch thể hệ 2 các cỡ	150	CAI	Dù đóng ống động mạch thể hệ II - Chất liệu hợp kim nhớ hình dạng lưới nitinol. - Không chứa polyester giúp dụng cụ có profile nhỏ, giúp tiếp cận ống động mạch nhanh chóng. - Đường kính 2 đĩa bằng nhau, tối thiểu có các kích thước: 9, 10, 11, 12 mm. - Đường kính vòng eo/chiều dài tối thiểu có: 3/4, 3/6, 4/4, 4/6, 5/4, 5/6, 6/4, 6/6 mm - Tương thích với Sheath: 4F, 5F
380	Dụng cụ đóng lỗ thông liên nhĩ (ASD) dạng 1 núm (Flex II)	210	CAI	Dụng cụ đóng lỗ thông liên nhĩ (ASD) dạng 1 núm - Công nghệ đan bên tối ưu hóa và giảm thiểu vật liệu phần đĩa nhĩ trái. - Chất liệu: hợp kim Nitinol được phủ lớp Titanium, tương thích sinh học và giảm tối thiểu giải phóng Nikel. - Miếng PET (Polyethylene Terephthalate) hoặc tương đương cho phép quá trình nội mạc hóa nhanh. - Điểm kết nối giữa dù với cáp thả dù dạng viên bi giúp khóa dù an toàn, phù hợp với giải phẫu học. Thả dù dễ dàng và nhanh chóng. - Tối thiểu có các kích cỡ: 7,5 - 10,5 - 13,5 - 16,5 - 19,5 mm.
381	Dụng cụ đóng ống động mạch thể hệ I các số	200	CAI	Dù đóng ống động mạch thể hệ I - Chất liệu: hợp kim nhớ hình dạng lưới nitinol, được đệm thêm sợi vải polyester giúp đẩy nhanh quá trình nội mạc hóa. - Chiều dài tối thiểu có: 5, 7, 8 mm. - Đường kính cánh giữ tối thiểu có: 9, 10, 12, 16, 18, 20, 22 mm. - Đường kính dù phía động mạch chủ /đường kính phía động mạch phổi tối thiểu có: 5/4, 6/4, 8/6, 10/8, 12/10, 14/12, 16/14 mm. - Tương thích với Sheath: 5F, 6F, 7F.
382	Dụng cụ đưa dù vào đóng thông liên nhĩ	400	CAI	Dụng cụ đưa dù vào đóng thông liên nhĩ - Bộ sản phẩm bao gồm: ống thông có đầu cong 45 độ, dụng cụ nạp dù, bộ kết nối chữ Y kèm van cầm máu áp suất cao, cây nóng, cáp thả dù có đầu tip linh hoạt. - Chiều dài tối thiểu có: 60 cm, 80 cm. - Kích thước tối thiểu có: 6F, 7F, 8F, 9F, 10F, 12F, 13F.
383	Mask nội soi cho trẻ sơ sinh	24	CAI	Mask nội soi cho trẻ sơ sinh
384	Dụng cụ lọc vi khuẩn	1.000	CAI	Phin lọc vi khuẩn, vi rút - Vật liệu vỏ bọc ngoài Polypropylen/ Sợi lọc Acrylic và Polypropylene, không chứa DEHP không chứa latex - Hiệu quả lọc cao theo tiêu chuẩn ASTM F2101 (vi khuẩn $>99,999\%$, vi rút $>99,99\%$) - Trọng lượng 15g, khoảng chất 23ml, thể tích tidal 50-900ml. Trở kháng 1.5cmH2O ở dòng khí đi qua 20 lít/phút. Dòng ảm trở lại 31.8mg/l tại thể tích 250ml. - Có nối 15male/15female- 22male(mm) - Thiết kế có cổng đo CO2, thời gian sử dụng ≤ 24h - Đóng gói riêng từng cái

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	BVT	TNKT
385	Dụng cụ mở đường dài (>=6F)	900	CAI	Dụng cụ mở đường dài các cỡ - Chất liệu Polyethylene, Polypropylene. - Có van cầm máu giúp ngăn chặn máu rò rỉ - Có thiết kế giúp cố định và giữ các dụng cụ trong bộ đúng chỗ. - Tối thiểu có các cỡ 6F, 7F, 8F dài 11cm, mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau. - Có kèm theo kim chọc mạch 18G hoặc 20G. - Có khóa 3 ngã - Có Guirewire kèm (làm bằng thép không gỉ) có đầu cong hình J, đường kính 0.035" hoặc 0.038", dài 50cm.
386	Dụng cụ mở đường ngắn (4F-5F)	1.600	CAI	Dụng cụ mở đường quay (sheath Introducer) 4F, 5F, 6F - Chất liệu polythylene và Polypropylene, mềm dẻo an toàn cho bệnh nhân - Có van cầm máu giúp ngăn chặn máu rò rỉ - Có thiết kế giúp cố định và giữ các dụng cụ trong bộ đúng chỗ. - Có Guirewire kèm (làm bằng thép không gỉ) có đầu cong hình J, đường kính 0.018", dài 40cm - Có kèm theo kim chọc mạch 21Gx 4cm, có khóa 3 ngã - Tối thiểu có các cỡ: 4F, 5F, 6F dài 7 cm, 11 cm, 23 cm, mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau.
387	Dụng cụ thả dù ASD, 1 núm	210	CAI	Dụng cụ thả dù ASD, 1 núm - Ống nong: được làm bằng vật liệu trơn láng giảm thiểu ma sát cản X-quang. Ống nong luồn vào ống thả tạo thành một bộ ống đưa vào mạch máu. Đường ống bên trong của ống nong tương thích với guide wire 0,035". - Ống thả bao gồm lớp bên ngoài trơn láng, lớp bên trong giảm ma sát, tăng cường bằng lớp đan bên kim loại. Lớp đan bên này tăng sự chịu lực và cản quang. Ống thả có đầu gắn kết nổi dễ dàng với ống nong hoặc ống chứa dù. - Loader nên đủ được làm bằng vật liệu giảm ma sát và trong suốt cho phép kiểm soát bóng khí sau khi đẩy dù vào loader. - Y- connector có van cầm máu là ống nối có khả năng thông thương với ngõ vào mặt bên và van cầm máu. Van này cho phép chống rò rỉ máu khi luồn cấp thả dù qua. Ngõ vào mặt bên cho phép bơm dung dịch súc rửa đường ống trước và trong khi tiến hành cấy ghép. - Tối thiểu có 2 loại đầu cong 45° và 180° - Tối thiểu có kích cỡ: 6F-14F, dài 800mm.
388	Dụng cụ thả dù đóng ống động mạch thân ngắn và thân dài	390	CAI	Dụng cụ thả dù đóng ống động mạch thân ngắn và thân dài - Ống nong: được làm bằng vật liệu trơn láng giảm thiểu ma sát cản X-quang. Ống nong luồn vào ống thả tạo thành một bộ ống đưa vào mạch máu. Đường ống bên trong của ống nong tương thích với guide wire 0,035". - Ống thả bao gồm lớp bên ngoài trơn láng, lớp bên trong giảm ma sát, tăng cường bằng lớp đan bên kim loại. Lớp đan bên này tăng sự chịu lực và cản quang. Ống thả có đầu gắn kết nổi dễ dàng với ống nong hoặc ống chứa dù. - Loader nên đủ được làm bằng vật liệu giảm ma sát và trong suốt cho phép kiểm soát bóng khí sau khi đẩy dù vào loader. - Y- connector có van cầm máu là ống nối có khả năng thông thương với ngõ vào mặt bên và van cầm máu. Van này cho phép chống rò rỉ máu khi luồn cấp thả dù qua. Ngõ vào mặt bên cho phép bơm dung dịch súc rửa đường ống trước và trong khi tiến hành cấy ghép. - Tối thiểu có 2 loại đầu cong 45° và 180° - Tối thiểu có kích cỡ: 6F-14F, dài 800mm.
389	Dụng cụ thả dù PDA (Delivery system PDA)	500	CAI	Dụng cụ thả dù PDA - Bộ sản phẩm bao gồm: ống thông có đầu cong 180 độ, dụng cụ nạp dù, bộ kết nối chữ Y kèm van cầm máu áp suất cao, cây nong, cấp thả dù. - Chiều dài tối thiểu có: 60 cm, 80 cm. - Kích thước tối thiểu có: 5F, 6F, 7F, 8F, 9F.
390	Dụng cụ thả ống động mạch (Sheath dài)	50	CAI	Dụng cụ thả ống động mạch (Sheath dài) - Gia cố cuộn mang lại sự linh hoạt và khả năng chống xoắn. - van cầm máu Check-Flo hay Flexor Tuohy-Borst hoặc tương đương. - Đầu tip cản quang, dạng thẳng, và dạng cong. - Đường kính ống thông dẫn đường tối thiểu có từ 4.0 – 9.0Fr. - Chiều dài tối thiểu có 45cm, 55cm, 70cm, 90cm, 110cm
391	Dụng cụ thông dò động tĩnh mạch	70	CAI	DSA
392	Chỉ thép khâu xương ức số 5, kim tròn	10	Sơ	
393	Giấy hút ẩm CPAP nhỏ	600	MIENG	Giấy hút ẩm CPAP nhỏ
394	Bộ filters cho lồng ấp	52	CAI	Bộ filters cho lồng ấp
395	Đai Desaut	60	CAI	Làm từ vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Có khóa Velcro được thiết kế theo tư thế điều trị, sử dụng trong trường hợp trật khớp vai, cố định sau mổ vùng khớp vai, gãy lồi cầu xương cánh tay, viêm khớp vai cấp và mãn tính. Gồm tối thiểu các cỡ XXS, XS, S, M, L, XL, XXL.
396	Đai trám kim loại	1.000	MIENG	Cực mỏng và rất linh hoạt. Khít cho tất cả các bề mặt răng
397	Dây máy thở babylog (4 đoạn)	8	BO	Dây máy thở babylog (4 đoạn)

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
398	Dai vải đeo tay (Băng vải treo tay)	600	CAI	Làm từ chất liệu cotton mềm, hệ thống khóa rang bị khóa Velcro, có hệ thống khóa nhựa giúp điều chỉnh và tháo lắp. Sử dụng trong các trường hợp gãy xương, chấn thương khớp vai, cánh tay, cẳng tay. Nâng đỡ tay ở trạng thái nghỉ. Gồm tối thiểu các cỡ XXS, XS, S,M, L, XL.
399	Dai xương đòn	120	CAI	Gồm một lớp đệm mút và lớp vải bao bọc bên ngoài có thể nhám dính ở mọi vị trí quanh vùng xương sườn giúp hỗ trợ, ổn định gãy xương sườn, gãy, rạn xương ức. Bám giập căng cơ liên sườn.
400	Dai xương sườn	40	CAI	Gồm một lớp đệm mút và lớp vải bao bọc bên ngoài có thể nhám dính ở mọi vị trí quanh vùng xương sườn giúp hỗ trợ, ổn định gãy xương sườn, gãy, rạn xương ức. Bám giập căng cơ liên sườn.
401	Màng rung+bẫy nước	15	BO	Màng rung+bẫy nước
402	Chỉ Prolene 10.0 30cm 6.5mm 3/8C (W1777)	24	SOI	Chỉ Prolene 10.0 30cm 6.5mm 3/8C (W1777)
403	Đầu Cầm Nhanh Cho Khí Oxy	43	CAI	Tương thích với chuẩn hiện có tại Bệnh viện
404	Đầu cone đen Etimax 1100ul (H/960 cái)	6.000	CAI	Đầu cone đen, tính điện, thể tích hút: 300μL
405	Đầu cone đen Etimax 300ul (H/960 cái)	12.000	CAI	Đầu cone đen, tính điện, thể tích hút: 1100μL
406	Chỉ Prolene 6, 60cm, 2 kim tròn 9.3mm, 3/8C (W8712)	2.500	MIENG	Chỉ Prolene 6, 60cm, 2 kim tròn 9.3mm, 3/8C (W8712)
407	Đầu cone vàng (Gói/1000 cái)	120.000	CAI	Nhựa PP chính phẩm, màu vàng
408	Đầu dùng cắt amydan Evac 70 EIC 5874-01	1.000	CAI	Thăng có thể uốn cong, làm việc chiều dài là 6 inch (chưa có phần tay cầm), Cấu tạo có 3 điện kèm theo một kênh dẫn nước và một bộ phận thu hút - Có 4 chức năng: cắt, cầm ghim, ghim nước và thu hút
409	Đầu đo SPO2 dán cho máy Nellcor	53	CAI	Cho kết quả chính xác %SpO2 trong trường hợp tưới máu thấp ≤ ± 2 số. Dùng với máy Nellcor Loại dán ngón cho sơ sinh thiếu tháng, sơ sinh, trẻ em, người lớn
410	Đầu đo SPO2 kẹp cho máy Nellcor, Nihon	201	CAI	Cho kết quả chính xác %SpO2 trong trường hợp tưới máu thấp ≤ ± 2 số. Dùng với máy Nellcor Loại kẹp ngón cho sơ sinh thiếu tháng, sơ sinh, trẻ em, người lớn
411	Đầu đo SPO2 kẹp cho máy Nonin	68	CAI	Cho kết quả chính xác %SpO2 trong trường hợp tưới máu thấp ≤ ± 2 số. Dùng với máy Nonin Loại kẹp ngón cho sơ sinh thiếu tháng, sơ sinh, trẻ em, người lớn
412	Hệ thống 3 bình dẫn lưu màng phổi	5	BỘ	Hệ thống 3 bình dẫn lưu màng phổi
413	Đầu nối cho ống thông lọc màng bụng	60	CAI	Đầu nối cho ống thông dùng trong lọc màng bụng: - Dùng để kết nối giữa bộ chuyển tiếp và ống thông. - Chất liệu bằng Titanium. - Vô trùng không gây dị ứng. Tiệt trùng bằng ethylene oxide
414	Đề lưỡi gỗ (Hộp/100 cây)	461.351	CAY	Chất liệu: Gỗ thông xử lý. Kích thước: 2x20x150mm Đặc điểm: Trơn láng, không bén cạnh. Đóng gói: 1 cái/ gói (Hộp 100 cái). Tiệt trùng.
415	DÂY MÁY THỞ 3100A	10	BỘ	DÂY MÁY THỞ 3100A
416	Điện cực đo điện thính giác (Điện cực máy đo thính lực)	1.000	CAI	Điện cực đo điện thính giác phù hợp với máy đo điện thính giác thân não tại bệnh viện. Điện cực sử dụng với loại dây cáp điện cực có nút bấm. - Chất liệu foam, tương thích sinh học. - Cầm biến Ag/AgCl. - Hệ thống gel ướt, diện tích gel 95 mm2. - Trở kháng điển hình AC: 610 Ω. - Tốc độ thay đổi điện thế phân cực điển hình: -0.17 mV/s. - Tổ hợp đối trọng không ổn định và tiếng ồn bên trong: 3.6 μV. - Dòng điện thế hiệu dịch cho phép (trên 8 giờ): 2.2 mV.
417	Điện cực tim trẻ em	157.310	CAI	Điện cực bám dính chắc chắn, không gây kích ứng da, kích thước phù hợp với trẻ nhỏ
418	Đinh đóng xương Kirschner các size các cỡ	2.260	CAI	Đinh Kirschner không răng loại 2 đầu nhọn - Đường kính tối thiểu ≤ 1,2 mm, đường kính tối đa ≥ 2,2 mm, tối thiểu có chiều dài từ 100-300mm. - Chất liệu thép không gỉ (68,80% Fe; 16,93% Cr; 10,03% Ni)
419	Đinh nội tủy 2,5 x 500 mm	60	CAI	Đinh nội tủy kết xương cho nhi có - Chiều dài từ 400 đến 500mm - Chất liệu bằng titanium - Tối thiểu có các đường kính 2,5 - 3,0 - 3,5mm
420	Đinh nội tủy 3.0/500 mm	100	CAI	Đinh nội tủy kết xương cho nhi có - Chiều dài từ 400 đến 500mm - Chất liệu bằng titanium - Tối thiểu có các đường kính 2,5 - 3,0 - 3,5mm
421	Đinh nội tủy 3.5/500 mm	150	CAI	Đinh nội tủy kết xương cho nhi có - Chiều dài từ 400 đến 500mm - Chất liệu bằng titanium - Tối thiểu có các đường kính 2,5 - 3,0 - 3,5mm

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
422	Đỉnh SIGN các cỡ	16	CAI	Đỉnh nội tùy loại SIGN hoặc tương đương - Chất liệu thép không gỉ. - Đỉnh đặc có 4 lỗ bắt vít (2 lỗ bắt đầu gần, 2 lỗ bắt đầu xa), đỉnh gập góc ở đầu gần. Đầu xa thuôn nhọn, thân đỉnh tròn. - Đường kính đỉnh tối thiểu có 8mm và 9mm. Chiều dài tối thiểu ≤ 280 mm, chiều dài tối đa ≥ 300 mm. - Đồng bộ với Vít chốt nội tùy
423	Đồng hồ đo lưu lượng oxy	116	CAI	Tầm chỉnh mức chân không rộng: 0 – 760 mmHg. Lưu lượng: 0 – 40 lít/ phút. Bộ chuyển đổi 2 chế độ: ON/ OFF.
424	Đồng hồ hút chân không	28	CAI	- Tầm chỉnh lưu lượng: 0-15 lít/phút - Vạch chia: 0.5 lít/ phút
425	Đồng hồ lưu lượng khí nén (Air)	84	CAI	- Sử dụng cho hệ thống khí nén trung tâm y tế. - Tầm chỉnh lưu lượng: 0 – 15 lít/ phút. Cấp chính xác độ phân vạch: 0.5 lít/ phút. Cấu hình bao gồm: - Cột đo lưu lượng khí nén 15 lít/phút. - Đầu nối xong khí dung
426	Đồng hồ Oxy bình	95	BO	- Bao gồm: van giảm áp, đồng hồ hiển thị áp lực oxy - Áp lực đầu vào: 15Mpa - Áp lực đầu ra: 0,2Mpa - Lưu lượng điều chỉnh oxy: 0-15 lít/phút
427	Electrode blue feb 15 - 60cm (lưỡng cực)	3.000	CAI	Kim sắc bén, 2 kim: một kim tròn đầu tam giác 26mm, 1/2 vòng tròn, 1 kim thẳng đầu tam giác 90mm. Sợi chỉ chắc chắn, dài 60cm. Không gây kích ứng.
428	Gạc dẫn lưu ruột thừa (2cm x 20cm x 6L)	200	CAI	Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi dọc và ngang là 32/1. Tiệt trùng và đóng gói từng cái
429	Gạc đắp vết thương 15cm x 20cm	22.920	CAI	Khả năng thấm hút cao và nhanh. Mịn màng, mềm mại, không gây kích ứng da.
430	Gạc ép sọ não tiệt trùng cân quang (1x8)cm, 4 lớp	200	MIENG	Gạc ép sọ não cân quang - Thành phần nguyên liệu gồm Polyester và Rayon (hoặc Viscose), màu trắng, có sợi cân quang. - Kích thước 1cm x 8cm, 4 lớp - Thời gian thấm nước, không lớn hơn 2 phút - Được tiệt trùng bằng khí EO
431	Gạc ép sọ não tiệt trùng cân quang (2x8)cm, 4 lớp	200	MIENG	Gạc y tế được dệt từ sợi cotton 100%, có chỉ số sợi dọc và ngang là 32/1. Tiệt trùng và đóng gói từng cái
432	Gạc hút khô 0.8m (Gạc mét)	920	MET	Khả năng thấm hút, độ bền cao.
433	MÀN RUNG VÀ BẦY NƯỚC MÁY THỞ 3100A	20	BỘ	MÀN RUNG VÀ BẦY NƯỚC MÁY THỞ 3100A
434	Gạc lưới có Ag/ Silver 10cmx12cm	1.120	MIENG	Gạc lưới lipido-colloid (công nghệ TLC), lưới Polyester, Hydrocolloid , Có ion bạc , hàm lượng bạc sulfat: 0.50 +/- 0.12 mg/cm ² (0.38 - 0.62 mg/cm ²) co giãn tốt, thay băng không đau .
435	BỘ THỞ OXY MASK CỠ 0	5	Cái	Nhựa y tế mềm, vô trùng, đóng gói từng cái. Liều lượng cố định (dùng với venturies)- Không sắc nhọn, vô trùng- Có bầu chứa thuốc- Có dây oxy dài 1.8 m -2.1 m- Nhựa y tế, không chứa DEHP
436	Bao đo huyết áp các cỡ	10	CAI	Chất liệu polyurethane, không gây dị ứng (loại bao đo dùng nhiều lần có túi hơi). Không chứa latex, tính năng kháng khuẩn cao, lớp chắn chất lỏng đáp ứng tiêu chuẩn an toàn AHA. Các cỡ
437	Gạc miếng 10 x 10 x 12 lớp	2.400	MIENG	Gạc y tế, không cân quang, không tiệt khuẩn. - Chất liệu: 100% sợi cotton, màu trắng không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không mùi. - Kích thước: 10 x 10cm, 12 lớp - Mật độ sợi: Sợi dọc 78 ± 5 sợi/10cm; Sợi ngang 65->70 sợi /10cm. - Tốc độ hút nước, không lớn hơn 10 giây - Trọng lượng: 26gam/1m ² ± 5%
438	Gạc miếng 10cm x 10cm x 6 lớp	300.036	MIENG	Gạc y tế, không cân quang, không tiệt khuẩn. - Chất liệu: 100% sợi cotton, màu trắng không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không mùi. - Kích thước: 10 x 10cm, 6 lớp - Mật độ sợi: Sợi dọc 78 ± 5 sợi/10cm; Sợi ngang 65->70 sợi /10cm. - Tốc độ hút nước, không lớn hơn 10 giây - Trọng lượng: 26gam/1m ² ± 5%

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
439	Gạc miếng 5x6.5cm(7cm)x12lớp, VT (Thùng/1000M) (Gạc PT)	55.000	MIENG	Gạc y tế tiết trùng - Chất liệu: 100% sợi cotton, màu trắng không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không mùi. được tiết trùng bằng khí EO. - Kích thước: 5 x 6,5 (7cm) x 12 lớp. - Mật độ sợi: Sợi dọc 78 ± 5 sợi/10cm; Sợi ngang 65->70 sợi/10cm. - Tốc độ hút nước, không lớn hơn 10 giây - Trọng lượng: 26gam/1m² ± 5%
440	Gạc miếng răng	936.000	MIENG	Dạng gạc gói gọn, gồm: lớp ngoài là sợi cotton 100%, hút nước; lớp trong là sợi bông cotton 100%, hút nước, quy cách: 4cm x 5cm, Loại: tiết trùng.
441	Bột chống loét	40	CHAI	Mô tả: Bột chống loét Hollister - Thành phần: Pectin, gelatin và carboxymethylcellulose với tỷ lệ tương đương nhau giúp ổn định độ pH ở vùng da bị tổn thương. - Đặc tính: Chiết xuất tự nhiên, dạng bột, hút ẩm, chống kích ứng và bảo vệ da xung quanh hậu môn nhân tạo. - Trọng lượng: 28.3g
442	Gạc phẫu thuật 10cmx10cmx12 lớp,VT	10.000	MIENG	Gạc y tế, đã tiết trùng. - Chất liệu: 100% sợi cotton, màu trắng không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không mùi. Đã tiết trùng bằng khí EO. - Kích thước: 10 x 10cm, 12 lớp - Mật độ sợi: Sợi dọc 78 ± 5 sợi/10cm; Sợi ngang 65->70 sợi/10cm. - Tốc độ hút nước, không lớn hơn 10 giây - Trọng lượng: 26gam/1m² ± 5%
443	Gạc phẫu thuật 10cmx10cmx16 lớp	20.000	CAI	Gạc y tế, đã tiết trùng. - Chất liệu: 100% sợi cotton, màu trắng không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không mùi. Đã tiết trùng bằng khí EO. - Kích thước: 10 x 10cm, 16 lớp - Mật độ sợi: Sợi dọc 78 ± 5 sợi/10cm; Sợi ngang 65->70 sợi/10cm. - Tốc độ hút nước, không lớn hơn 10 giây - Trọng lượng: 26gam/1m² ± 5%
444	Gạc phẫu thuật 10cmx10cmx6 lớp,VT	629.000	MIENG	Gạc y tế, đã tiết trùng. - Chất liệu: 100% sợi cotton, màu trắng không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không mùi. Đã tiết trùng bằng khí EO. - Kích thước: 10 x 10cm, 6 lớp - Mật độ sợi: Sợi dọc 78 ± 5 sợi/10cm; Sợi ngang 65->70 sợi/10cm. - Tốc độ hút nước, không lớn hơn 10 giây - Trọng lượng: 26gam/1m² ± 5%
445	Gạc phẫu thuật không dệt 10 x 10 x 6 lớp, VT	8.000	MIENG	Gạc y tế 10cm x 10cm x 6 lớp - Thành phần nguyên liệu gồm Polyester và Rayon (hoặc Viscose), màu trắng, có sợi cân quang. - Kích thước: 10cm x 10cm x 6 lớp - Thời gian thấm nước, không lớn hơn 2 phút
446	Gạc tai mũi họng (0.75 x 200 x 4 lớp)	5.009	CAI	Gạc dẫn lưu tai mũi họng - Thành phần nguyên liệu gồm Polyester và Rayon (hoặc Viscose), màu trắng. - Kích thước (0.75 x 200 x 4 lớp) - Thời gian thấm nước, không lớn hơn 2 phút. - Đã tiết trùng bằng khí EO.
447	Gạc tấm cồn 5cm x 6cm (4 LỚP)	711.150	MIENG	Chất liệu: vải không dệt có tẩm 70% cồn Isopropyl. Đặc điểm: Dùng để sát trùng. Kích thước gạc: 5 x 6cm x 4 lớp/ miếng. Đóng gói riêng từng miếng trong bao nhôm giấy.
448	Găng tay phẫu thuật không bột 6.5	10.250	DOI	- Găng tay phẫu thuật tiết trùng không bột - Chất liệu chính: Mủ cao su tự nhiên cô đặc - Loại: Găng tay không bột, tiết trùng bằng phương pháp chiếu xạ Gamma - Phủ một lớp polymer để tạo ra bề mặt mịn màng để hỗ trợ người sử dụng, được thiết kế các ngón tay thẳng mượt, phù hợp hình dáng bàn tay người sử dụng, viền găng ở cổ tay. - Độ dài găng tay khoảng: 290 ± 10 mm, độ dày lòng bàn tay 0.13 ± 0.02mm, chiều rộng từ 77 ± 5 mm đến 95 ± 5mm; hàm lượng protein < 30qg/g - Độ bền kéo tối thiểu trước khi sử dụng: ≥ 24MPa; sau khi sử dụng: ≥ 18 MPa. - Độ giãn dãn tối thiểu trước khi sử dụng: tối thiểu 750%. sau khi sử dụng: 560%

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
449	Găng tay phẫu thuật không bột 7	10.270	DOI	- Găng tay phẫu thuật tiết trùng không bột - Chất liệu chính: Mủ cao su tự thiên có đặc - Phủ một lớp polymer để tạo ra bề mặt mịn màng để hỗ trợ người sử dụng, được thiết kế các ngón tay thẳng mượt, phù hợp hình dáng bàn tay người sử dụng, viền gân ở cổ tay. - Độ dài găng tay tối thiểu khoảng: 290 ± 10 mm, độ dày lòng bàn tay 0.13 ± 0.02mm, chiều rộng từ 77 ± 5 mm đến 95 ± 5mm; hàm lượng protein < 30qg/g - Độ bền kéo tối thiểu trước khi sử dụng: 24MPa; sau khi sử dụng: 18 MPa. - Độ giãn dài tối thiểu trước khi sử dụng: tối thiểu 750%, sau khi sử dụng: 560%
450	Găng tay phẫu thuật số 6,5	116.250	DOI	Găng tay phẫu thuật tiết trùng có bột (Hàm lượng bột: ≤ 10mg /dm²) Chất liệu: Latex Cao su thiên nhiên - Thiết kế các ngón tay thẳng mượt, phù hợp hình dáng bàn tay người sử dụng, viền gân ở cổ tay. - Độ dài găng tay : $280\text{mm} \pm 5$ mm; độ dày lòng bàn tay : 0.20 ± 0.02mm; độ dày ngón tay 0.22 ± 0.02mm - độ co giãn tối thiểu = 27.0 (MPa) trước khi sử dụng, tối thiểu sau khi sử dụng: =22.0 (MPa), - Độ bền kéo tối thiểu trước khi sử dụng: ≥ 24MPa; sau khi sử dụng: ≥ 18 MPa. - Độ giãn dài tối thiểu trước khi sử dụng: tối thiểu 750%, sau khi sử dụng: 560% - Lực kéo làm hỏng : Trước khi sử dụng : 12N; Sau khi sử dụng : 9N
451	Găng tay phẫu thuật số 7	108.900	DOI	Găng tay phẫu thuật tiết trùng có bột (Hàm lượng bột: ≤ 10mg /dm²) Chất liệu: Latex Cao su thiên nhiên - Thiết kế các ngón tay thẳng mượt, phù hợp hình dáng bàn tay người sử dụng, viền gân ở cổ tay. - Độ dài găng tay : $280\text{mm} \pm 5$ mm; độ dày lòng bàn tay : 0.20 ± 0.02mm; độ dày ngón tay 0.22 ± 0.02mm độ co giãn tối thiểu = 27.0 (MPa) trước khi sử dụng, tối thiểu sau khi sử dụng: =22.0 (MPa), - Độ bền kéo tối thiểu trước khi sử dụng: ≥ 24MPa; sau khi sử dụng: ≥ 18 MPa. - Độ giãn dài tối thiểu trước khi sử dụng: tối thiểu 750%, sau khi sử dụng: 560% - Lực kéo làm hỏng : Trước khi sử dụng : 12N; Sau khi sử dụng : 9N
452	Găng tay phẫu thuật số 7.5	16.250	DOI	Găng tay phẫu thuật tiết trùng có bột (Hàm lượng bột: ≤ 10mg /dm²) Chất liệu: Latex Cao su thiên nhiên - Thiết kế các ngón tay thẳng mượt, phù hợp hình dáng bàn tay người sử dụng, viền gân ở cổ tay. - Độ dài găng tay : $280\text{mm} \pm 5$ mm; độ dày lòng bàn tay : 0.20 ± 0.02mm; độ dày ngón tay 0.22 ± 0.02mm - độ co giãn tối thiểu = 27.0 (MPa) trước khi sử dụng, tối thiểu sau khi sử dụng: =22.0 (MPa), - Độ bền kéo tối thiểu trước khi sử dụng: ≥ 24MPa; sau khi sử dụng: ≥ 18 MPa. - Độ giãn dài tối thiểu trước khi sử dụng: tối thiểu 750%, sau khi sử dụng: 560% - Lực kéo làm hỏng : Trước khi sử dụng : 12N; Sau khi sử dụng : 9N
453	Găng tay sạch size M	42.470	DOI	Vật liệu bằng latex cao su hoặc cao su hòa tan hoặc poly (vinyl clorua) - Phủ bột chống dính (loại có thể hấp thu) - Không bị rách khi mang - Đứng kích thước, khít tay. Cùng chiều tay, không bị sai. - Được làm từ cao su thiên nhiên. - Chiều dài : 240 mm . - Độ dày lòng bàn tay : 0.22 ± 0.05 mm
454	Găng tay sạch size S	7.539.404	DOI	Vật liệu bằng latex cao su hoặc cao su hòa tan hoặc poly (vinyl clorua) - Phủ bột chống dính (loại có thể hấp thu) - Không bị rách khi mang - Đứng kích thước, khít tay. Cùng chiều tay, không bị sai. - Được làm từ cao su thiên nhiên. - Chiều dài : 240 mm . - Độ dày lòng bàn tay : 0.22 ± 0.05 mm
455	Chỉ thép số 1 dài 45cm (Tép/ Sợi)	410	SOI	Chỉ thép số 1 dài 45cm (Tép/ Sợi)
456	Gel bôi trơn Ky - Jelly	1.190	TUBE	Thành phần chính: nước cất, propylen, glycol, hydrxyl ethyl cellulose, glycerin, sodium benzoate... Độ PH: $5 \pm 0,5$ Trọng lượng: 82g / Tuýp
457	Chỉ thép số 2, kim tam giác ngược	310	TEP	Chỉ thép số 2, kim tam giác ngược
458	Chỉ vicryl 7.0 (W9561) (Vicryl 7/0 30cm Double 6.5mm 3/8c H/12M)	200	SOI	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 bọc thành phần tối thiểu bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 7/0 dài 30cm, 2 kim bằng Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương kim tròn đầu hình thang dài 6.5mm 3/8 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương $\geq 25\%$ sau ≥ 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: ≥ 60 ngày.
459	Gel dùng cho máy ECMO	3	CHAI	Gel dùng cho máy ECMO

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
460	Gel tẩy da dùng cho điện cơ, điện não	80	TUBE	Gel tẩy da để giảm trở kháng trên da. Loại 4oz (114g)
461	Gòn mắt 4cmx5cm	20.000	MIENG	Nguyên liệu: lớp ngoài là gạc y tế dệt từ sợi cotton 100%, hút nước; dạng gạc gói gọn, quy cách: 2cm x 4,5cm, tiết trùng, đóng gói: 20 viên/gói.
462	Gòn miếng 10cmx10cm (Gói/500gr)	480	GOI	Bông y tế (bông y tế thấm nước): kích thước 10cm x 10cm - Chất liệu: làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton, màu trắng tự nhiên, không dùng chất tạo màu trắng, sợi mảnh, mềm, không mùi. - Khả năng hút nước: 5g bông hút không ít hơn 100gr nước - Tốc độ chìm ≤ 8 giây - Không tiết trùng
463	Gòn viên răng	144.000	VIEN	Nguyên liệu: lớp ngoài là sợi cotton 100%, hút nước, lớp trong là sợi bông cotton 100% hút nước; dạng gạc gói gọn, quy cách: 4cm x 5cm; Loại: Tiết trùng
464	Guiding can thiệp	300	CAI	Guiding can thiệp mạch máu các size các cỡ - Trục ống thông bằng chất liệu PTFE (polytetrafluoroethylene), lớp thép không gỉ bên xung quanh trục gia tăng độ cứng cho trục - Bề mặt ngoài của ống thông làm bằng Nylon Pebax hoặc tương đương giúp cân quang tốt - Ống thông chống gập gãy tốt, chất liệu mềm mại giúp giảm chấn thương và có lực lái tương đương 1:1 - Tối thiểu có kích thước 5F; 6F; 7F; 8F. Đường kính trong 0,057" (1,4mm) loại 5F; 0,070" (1,8mm) loại 6F; 0,078" (2,0mm) loại 7F; 0,088" (2,2mm) loại 8F - Ống thông được thiết kế có hoặc không có lỗ bên.
465	Giá đỡ động mạch thận	50	CAI	Giá đỡ động mạch thận (không phủ thuốc) - Giá đỡ bằng bằng bóng. - Thiết kế stent đảm bảo tính linh hoạt cao, độ phù thành mạch đồng nhất và tính tương thích. - Thiết kế hệ thống: Rapid exchange (Rx). - Chất liệu: Cobalt Chromium (L605). - Độ dày thân stent tối thiểu có: 120µm (đường kính 4,5 mm - 5 mm), 140µm (đường kính 6 mm - 7 mm). - Lớp phủ: Amorphous Silicone Carbide hoặc tương đương. - Đường kính tối thiểu có: 4,5mm; 5mm; 6mm; 7mm. - Chiều dài tối thiểu có: 12mm, 15mm, 19mm. - Chiều dài hệ thống khoảng: 140cm. - 2 marker rập khuôn (bóng), bằng vàng ở đầu gần (giá đỡ). - Hệ thống dây dẫn tối thiểu có: 0,014".
466	Giá đỡ động mạch vành có tẩm thuốc	350	CAI	Giá đỡ động mạch vành có tẩm thuốc - Chất liệu Cocr L605, phủ thuốc Sirolimus. Lớp phủ thuốc mặt trong khoảng 3µm. - Độ dày thanh chống tại Ø4.50 - 5.0: khoảng 0.0042" (107 µm) - Chiều rộng thanh chống (đoạn chính tại Ø4.50 - 5.0: khoảng 0.0043" (110 µm) - Chiều rộng thanh chống (nối liền kết) tại Ø4.50 - 5.0: khoảng 0.0029" (73 µm) - Tỷ lệ co ngắn sau bung: < 2.5%; Tỷ lệ co hẹp sau bung: < 6% - Độ bao phủ kim loại: < 13.6% - Kích thước trục xa khoảng 2.8 - 3.0F, chất liệu trục xa phủ lớp Hydrophilic - Bóng 3 nếp gấp đường kính tối thiểu có 2.25 - 4.00 mm, Bóng 5 nếp gấp đường kính tối thiểu có 4.50 - 5.00 mm - Khẩu kính bằng qua tổn thương thấp khoảng 0.97 mm - Chiều dài Catheter khoảng 138 cm, dây dẫn tương thích tối đa: 0.017" (0.43 mm) - Chiều dài tối thiểu < 8 mm, chiều dài tối đa > 48 mm
467	Giá đỡ mạch máu các loại (PRO-Kinetic Energy)	400	CAI	Giá đỡ động mạch : - Làm bằng Cobalt Chromium, phủ hợp chất Silicon Carbide a-SiC:H , giảm sự tương tác giữa lớp mô hoặc máu với bề mặt kim loại. - Stent bằng bằng bóng, làm trên nền bóng chất liệu semi-crystalline co-polymer (nền bóng Pantera), Áp suất bung khoảng (RBP) 16 atm (2,0 - 4,0 mm); 14 atm (4,5 - 5,0 mm)

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
468	Giá đỡ mạch máu ngoại biên và động mạch chủ không phủ các cỡ	97	CAI	Giá đỡ mạch máu không phủ thuốc các size các cỡ - Chất liệu Cobalt Chromium (L605) không phủ thuốc - Bề mặt nhám với khoảng một triệu lỗ nhỏ li li trên mỗi cm² diện tích bề mặt, phủ toàn bộ thân stent, giúp nhanh liền lạc nội mạc, giảm huyết khối và tái hẹp trong stent - Độ dày thành chống tối thiểu có: 68 μm ($\varnothing$2,0 - 2,5 mm); 0,0031" / 79 μm ($\varnothing$2,75 - 4,0 mm). - Thiết kế luer trong suốt giúp định vị hệ thống, thân kháng xoắn. - Stent bung bằng bóng, trên nền bóng chất liệu Polyamide - Marker bóng bằng Platinum / Iridium. - Thiết diện xuyên qua 0,035"/ 0,93 mm ($\varnothing$ 2,5 mm) - Đường kính thân stent tối thiểu có: 2,00; 2,50; 2,75; 3,00; 3,50; 4,00 mm; dài 8, 12, 16, 18, 21, 24, 28, 32, 40 mm. - Diện tích bề mặt phủ kim loại: 9,1 - 14,9% - Đường kính phần thân gần 1,9 F/ thân xa 2,7 F. - Tương thích với Guide wire 0,014", Guiding Catheter 5F - Chiều dài thân khả dụng: 143 cm - Áp suất thường khoảng (NP) 11 atm. Áp suất vỡ bóng khoảng (RBP) 16 atm
469	Giá đỡ mạch máu ngoại biên, động mạch chủ có phủ các cỡ	30	CAI	Giá đỡ mạch máu ngoại biên, động mạch chủ có phủ các cỡ - Tối thiểu có kích thước 16, 22, 28, 34, 39, 45 và 60 mm. - Stent được tạo bởi dây Platinum/Iridium 0,013", cuộn lại theo đường zíc zắc, các nếp hàn bằng vàng. Đường kính nở từ 12mm đến 24mm. - Sử dụng cho hẹp động mạch chủ tối đa 20%.
470	Chỉ Vicryl rapide 4.0 Undyed 75cm	5.000	MIENG	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 bọc thành phần tối thiểu bởi 50% Polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate số 4/0 dài 75cm, kim tròn đầu tam giác bằng Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương, dài 16mm 3/8 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương : 50% sau 5 ngày, 0% sau 10 - 14 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn 42 ngày.
471	Giấy cần	1.000	TO	Giấy cần chuyên dùng ghi lại tình trạng khớp cần của các răng thật tự nhiên, các phục hồi răng nhựa hoặc sứ
472	Giấy cuộn Tyvek 100 mm x 70 m(thùng/6 cuộn)	400	CUON	Cuộn giấy đựng dụng cụ tiết khuẩn bằng máy Sterrad, được thiết kế giúp duy trì tính vô khuẩn của dụng cụ sau khi tiết khuẩn (lên đến 12 tháng): - Lớp Tyvek: cấu tạo bằng vật liệu Tyvek, giúp H₂O₂ thẩm thấu để diệt khuẩn cho dụng cụ. - Lớp trong suốt giúp quan sát được dụng cụ bên trong, H₂O₂ không thẩm thấu vào bằng mặt này - Có chỉ thị hóa học chuyển từ đỏ sang màu vàng - màu được hiển thị trên thanh đối chứng trên bao bì (hoặc màu sáng hơn) khi tiếp xúc với H₂O₂ trong quá trình xử lý dụng cụ bằng máy Sterrad - Được chứng nhận tương thích với hệ thống tiết khuẩn Sterrad khi đóng gói 1 lớp và 2 lớp - Rộng : 100 mm, dài : 70 m.
473	Giấy cuộn Tyvek 200mm x 70m (thùng/4 cuộn)	120	CUON	Lớp Tyvek: Lớp phim mờ đục được làm từ vật liệu xấp DuPont Tyvek 4057B polyolefin dạng sợi, giúp H₂O₂ thẩm thấu để diệt khuẩn cho dụng cụ. -Lớp trong suốt làm từ chất liệu polyethylene và polyester, giúp quan sát được dụng cụ bên trong, H₂O₂ không thẩm thấu vào bằng mặt này. - Có chỉ thị hóa học chuyển từ đỏ sang màu vàng - màu được hiển thị trên thanh đối chứng trên bao bì (hoặc màu sáng hơn) khi tiếp xúc với H₂O₂ trong quá trình xử lý dụng cụ bằng máy Sterrad hoặc tương đương . Độ ổn định màu của chất chỉ thị hóa học sau quá trình tiết khuẩn là 06 tháng. - Được chứng nhận tương thích với hệ thống tiết khuẩn Sterrad khi đóng gói 1 lớp và 2 lớp - Rộng : 200 mm, dài : 70 m. - Độ chịu áp lực: 0.41-2.45 psi (2.83- 16.89 kPa), độ mờ tối không quá 10mm, độ bền mỗi hàn ≥ 0.45 lb/in (1.2 N/15 mm), thiết kế ba lớp hàn chống tái nhiễm hiệu quả, duy trì tính vô khuẩn lên đến 12 tháng.

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
474	Giấy cuộn Tyvek 250 mm x 70 m (thùng/ 4 cuộn)	120	CUON	Lớp Tyvek: Lớp phim mờ đục được làm từ vật liệu xốp DuPont Tyvek 4057B polyolefin dạng sợi, giúp H₂O₂ thẩm thấu để diệt khuẩn cho dụng cụ. -Lớp trong suốt làm từ chất liệu polyethylene và polyester, giúp quan sát được dụng cụ bên trong, H₂O₂ không thẩm thấu vào bằng mặt này. - Có chỉ thị hóa học chuyển từ đỏ sang màu vàng - màu được hiển thị trên thanh đối chứng trên bao bì (hoặc màu sáng hơn) khi tiếp xúc với H₂O₂ trong quá trình xử lý dụng cụ bằng máy Sterrad hoặc tương đương . Độ ổn định màu của chất chỉ thị hóa học sau quá trình tiệt khuẩn là 06 tháng. - Được chứng nhận tương thích với hệ thống tiệt khuẩn Sterrad khi đóng gói 1 lớp và 2 lớp - Rộng : 250 mm, dài : 70 m. - Độ chịu áp lực: 0.41-2.45 psi (2.83- 16.89 kPa), độ mở túi không quá 10mm, độ bền mỗi hàn $\geq 0.45 \text{ lbf/in}$ (1.2 N/15 mm), thiết kế ba lớp hàn chống tái nhiễm hiệu quả, duy trì tính vô khuẩn lên đến 12 tháng.
475	Giấy cuộn Tyvek 350 mm x 70 m (thùng / 2 cuộn)	100	CUON	Lớp Tyvek: Lớp phim mờ đục được làm từ vật liệu xốp DuPont Tyvek 4057B polyolefin dạng sợi, giúp H₂O₂ thẩm thấu để diệt khuẩn cho dụng cụ. -Lớp trong suốt làm từ chất liệu polyethylene và polyester, giúp quan sát được dụng cụ bên trong, H₂O₂ không thẩm thấu vào bằng mặt này. - Có chỉ thị hóa học chuyển từ đỏ sang màu vàng - màu được hiển thị trên thanh đối chứng trên bao bì (hoặc màu sáng hơn) khi tiếp xúc với H₂O₂ trong quá trình xử lý dụng cụ bằng máy Sterrad hoặc tương đương . Độ ổn định màu của chất chỉ thị hóa học sau quá trình tiệt khuẩn là 06 tháng. - Được chứng nhận tương thích với hệ thống tiệt khuẩn Sterrad khi đóng gói 1 lớp và 2 lớp - Rộng : 350 mm, dài : 70 m. - Độ chịu áp lực: 0.41-2.45 psi (2.83- 16.89 kPa), độ mở túi không quá 10mm, độ bền mỗi hàn $\geq 0.45 \text{ lbf/in}$ (1.2 N/15 mm), thiết kế ba lớp hàn chống tái nhiễm hiệu quả, duy trì tính vô khuẩn lên đến 12 tháng.
476	Giấy cảm nhiệt VS (Cuộn 25m)	3	CUON	Giấy cảm nhiệt VS (Cuộn 25m)
477	Giấy gói dụng cụ hấp ướt 160cm x 160cm	8.640	TO	Giấy gói dụng cụ hấp ướt 160cm x 160cm
478	Chỉ Prolene 7.0, 8mm, W8702	200	Sợi	Chỉ Prolene 7.0, 8mm, W8702
479	Dây cáp ECG 3 leads (Monitor Philip)	2	CAI	Dây cáp ECG 3 leads chuẩn IEC, đầu kẹp Tương thích với Monitor Philip hoặc tương đương
480	Sensor đo nồng độ oxy cho monitor (dạng kẹp-Solaris)	4	CAI	Thiết kế cảm biến Spo2 dạng kẹp ngón trẻ em Kẹp có đệm cao su Thiết kế chống gấp Dây cáp dài $\geq 0.9\text{m}$ Độ chính xác $\pm 1\text{SD}$, 70- 100%
481	SPO2 (Sensor cho máy theo dõi bệnh nhân (philips)	2	SOI	SPO2 (Sensor cho máy theo dõi bệnh nhân (philips)
482	Dây điện cực bạc đo điện não	8	Bộ/12 dây	Điện cực điện não dạng Cup với đường kính Cup 10mm. Điện cực Cup bằng vàng trong bộ cực dây dài với 12 mã màu (2 x màu xanh lá cây, xanh dương, vàng, xám, màu hồng và màu tím) điện cực cho mỗi gói, dài 1.5m
483	Test vi sinh 1h	1.500	TUBE	Test vi sinh 1h
484	Túi ép dẹp 150mm x 200m	120	CUON	Túi ép dẹp 150mm x 200m
485	Khí argon (chai 6m3)	5	CHAI	- Đặc tính chung: Công thức hóa học: Ar; Điểm sôi (°C): - 185,9; Trạng thái vật lý: Chất khí; Khối lượng riêng (kg/m³) $\geq 1,784$; không mùi, không vị. - Chất lượng Sản phẩm: Hàm lượng (% theo trọng lượng): $>99,60\%$
486	Khí C2H2 (3m3-4m3)	6	DM3	- Đặc tính chung: Công thức hóa học: C₂H₂; Điểm sôi (°C): - 183; Trạng thái vật lý: Chất khí; Khối lượng riêng (kg/m³) $\geq 1,11$; mùi tỏi đặc trưng, không màu. - Chất lượng Sản phẩm: Hàm lượng (% theo trọng lượng): $>99,60\%$
487	Khí CO2	3.000	KG	- Đặc tính chung: Công thức hóa học: CO₂; Điểm sôi (°C):- 78; Trạng thái vật lý: Chất khí; Khối lượng riêng (kg/m³) ≥ 1.976; không mùi, không vị.
488	Khí Nito lỏng	150	KG	- Chất lượng Sản phẩm: Hàm lượng (% theo trọng lượng) : $\geq 99,6\%$

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
489	Khí NO	6	CHAI	- Công thức hóa học: NO - Hàm lượng NO: 1.000 ppm - Không mùi, không vị - Trạng thái vật lý: chất khí - Bình chứa vật liệu là nhôm - Khối lượng hỗn hợp khí: 1,5m3/bình ($\pm 0,05$) - Khí được nén trong bình chứa với áp suất nén từ 145 bar đến 150 bar - Dung tích bình chứa: 10 lít/bình - Dầu van tương thích và phù hợp với đầu nối dẫn khí vào máy thở của bệnh viện - Chai có chứa hỗn hợp NO : 1000 ppm
490	Oxy chai lớn (6m3)	150	CHAI	- Đặc tính chung: Công thức hóa học: O₂; Điểm sôi (°C):- 183; Trạng thái vật lý: Chất khí; - Khối lượng riêng (kg/m³) ≥ 1.4289; không mùi, không vị. - Chất lượng Sản phẩm: Hàm lượng (% theo trọng lượng) : $>99,6\%$.
491	Giấy nhám mịn	500	MIENG	Sợi nhám kẻ siêu mỏng nhưng rất chắc chắn. Bền chắc dẻo dai với nhiều độ mịn khác nhau.
492	Giấy nhám thô	1.000	MIENG	Sợi nhám kẻ siêu mỏng nhưng rất chắc chắn. Bền chắc dẻo dai với nhiều độ mịn khác nhau.
493	Giấy siêu âm 110mmx20m	1.100	CUON	- Dùng cho các dòng máy in của hãng Sony. - Dung lượng: Khoảng 215 bản in cho mỗi cuộn. - Kích thước: 110mm x 20m - Chất lượng cao: không chứa clo & cacbon, giấy 5 lớp, bông, kháng nước cao, bền màu, in rõ nét (>5 năm). - In lưới hết cỡ giấy (không có khoảng trắng ngắt quãng), đường kẻ rõ nét không quá trơn láng nhưng không quá nhám làm hao mòn kim, đúng kích cỡ
494	Sensor Spo2 kẹp lỗ tai dùng nhiều lần Nonin	2	CAI	- Thiết kế cảm biến Spo2 dạng kẹp tai - Kẹp có đệm cao su - Thiết kế chống gấp - Dây cáp dài ≥ 0.9m - Độ chính xác $\pm 1SD$, 70- 100%
495	Bộ chăm sóc hậu môn nhân tạo để băng 44mm	530	CAI	- Để dán vào da có độ pH giống như da từ 4,0 - 5,5, giúp bảo vệ da xung quanh hậu môn nhân tạo và không gây dị ứng. - Với thành phần Hydrocolloid, có cấu trúc liên kết vật lý SIS (Styrene-Isoprene-Styrene), giúp dễ dán dễ kháng mạnh với các chất ăn mòn, tạo cấu trúc mềm dẻo, vững chắc và bền. Vì vậy để dán sử dụng được cho các trường hợp hậu môn nhân tạo hồi tràng và niệu quản. - Thời gian sử dụng trung bình từ 3 đến 5 ngày, tối đa 7 ngày. - Để có phản gắn kết với túi bằng cách lòn ngón tay vào trong và bấm lại, vì vậy không gây đau cho bệnh nhân.
496	Huyết áp ké	364	CAI	- Một bộ bao gồm: - Đồng hồ đo huyết áp: cho ra kết quả chính xác khi đo. - Brassard 2 dây. Quả bóp có van Ống nghe.
497	Huyết áp kế tự động	26	CAI	• Màn hình hiển thị LCD • Công nghệ đo: phương pháp dao động • Phương pháp đo: phương pháp xả hơi tuyến tính động (dynamic linear deflation) • Khoảng đo từ 0 đến 300 mmHg • Độ chính xác huyết áp: ± 3 mmHg • Độ chính xác nhịp tim: $\pm 5\%$ • Xả khí: xả khí tự động • Nguồn điện: AC 100 ~ 240V , 50/60Hz • Điện thế đầu ra DC 6V $\pm 5\%$ • Cường độ dòng điện đầu ra: 1.6A • Trọng lượng: - o Máy chính: khoảng 0.52 kg - o Nguồn AC: khoảng 0.2 kg - o Pin: khoảng 0.1 kg • Kích thước: • Máy chính: 123 x 201 x 99 mm (rộng x dài x sâu) • Nhiệt độ vận hành: 5 đến 40oC • Nhiệt độ vận chuyển: -20 đến 60oC • Độ ẩm vận hành: 15 đến 85% RH • Độ ẩm vận chuyển: 10 đến 95% RH • Áp suất không khí: 700 đến 1060 hPa
498	Bộ chăm sóc hậu môn nhân tạo để băng 57mm	240	CAI	- Để dán vào da có độ pH giống như da từ 4,0 - 5,5, giúp bảo vệ da xung quanh hậu môn nhân tạo và không gây dị ứng. - Với thành phần Hydrocolloid, có cấu trúc liên kết vật lý SIS (Styrene-Isoprene-Styrene), giúp dễ dán dễ kháng mạnh với các chất ăn mòn, tạo cấu trúc mềm dẻo, vững chắc và bền. Vì vậy để dán sử dụng được cho các trường hợp hậu môn nhân tạo hồi tràng và niệu quản. - Thời gian sử dụng trung bình từ 3 đến 5 ngày, tối đa 7 ngày. - Để có phản gắn kết với túi bằng cách lòn ngón tay vào trong và bấm lại, vì vậy không gây đau cho bệnh nhân.

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
499	Bộ chăm sóc hậu môn nhân tạo túi phân, lọc khí, khoá cuốn 44mm	960	CAI	Túi chứa phân có khóa cuốn giúp dễ dàng mở và khóa túi lại. - Bộ lọc mùi giúp khi dễ dàng thoát ra ngoài, nhưng mùi hôi thì được giữ lại, giúp túi không bị phồng khi mang túi. Bộ lọc khí không bị thấm nước nên bệnh nhân có thể tắm rửa khi mang túi. - Túi trong suốt nên dễ dàng nhìn thấy rõ hậu môn nhân tạo. - Có phần kết nối với đế kích thước 44mm, trọng lượng túi nhẹ 11g, bao gồm 4 lớp, có lớp ngăn mùi hôi, có màng phía sau túi giúp túi không bị dính vào da, tạo cảm giác thoải mái khi mang túi. Kích cỡ: 44mm
500	Keo dán mắc cài (H/2 tube)	60	TUBE	Keo dán mắc cài lọ 3cc. Composite gắn mắc cài quang trùng hợp ống 4g
501	Bộ chăm sóc hậu môn nhân tạo túi phân, lọc khí, khoá cuốn 57mm	480	CAI	Túi chứa phân có khóa cuốn giúp dễ dàng mở và khóa túi lại. - Bộ lọc mùi giúp khi dễ dàng thoát ra ngoài, nhưng mùi hôi thì được giữ lại, giúp túi không bị phồng khi mang túi. Bộ lọc khí không bị thấm nước nên bệnh nhân có thể tắm rửa khi mang túi. - Túi trong suốt nên dễ dàng nhìn thấy rõ hậu môn nhân tạo. - Có phần kết nối với đế kích thước 57mm, trọng lượng túi nhẹ 11g, bao gồm 4 lớp, có lớp ngăn mùi hôi, có màng phía sau túi giúp túi không bị dính vào da, tạo cảm giác thoải mái khi mang túi. Kích cỡ: 57mm
502	Keo dán sinh học Tisseel (BỘ/tubex4ml)	30	BO	Keo dán sinh học bao gồm: Human fibrinogen 91 mg/mL, Human thrombin 500 IU/mL.
503	Kẹp catheter (PD Catheter Clamp)	150	CAI	Kẹp catheter: - Dùng để kẹp catheter lọc màng bụng trong trường hợp catheter bị thủng gây rò rỉ dịch màng bụng hoặc thay bộ chuyển tiếp cho bệnh nhân lọc màng bụng. - Chất liệu polypropylene - Tiệt khuẩn bằng etylen oxide
504	Dung dịch Prontosan	480	CAI/350ml	Dung dịch trong suốt có chứa chất kháng khuẩn polihexanide 0.1% và betaine 0.1%. Làm sạch vết thương, loại bỏ và ngăn ngừa hình thành màng biofilm. Không gây ức chế mô hạt hoặc biểu mô hóa.
505	Kim cytocan (Của bộ implantofix)	180	CAI	Kim gấp góc dùng cho buồng tiêm truyền cấy dưới da, các cơ. - Kim làm bằng thép không gỉ. Dây nối bằng polyurethane - Thiết kế: Kim gấp góc có đế cố định không màu nối với dây nối, có khóa kẹp - Không chứa thành phần latex, PVC và DEHP - Chiều dài ống dẫn từ kim đến đầu nối 250 mm - Kích cỡ: 20G (0.9mm) - 22G (0.7mm); Dài: 15 mm - Đóng gói tiệt khuẩn từng cái
506	Kim chích nha số 27 (H/100 cây)	60.000	CAY	Răng khóa được thiết kế chắc chắn khi vặn kim vào. Kim sắc bén, nhọn giảm cảm giác đau, khó chịu cho bệnh nhân. - Size: 27G x 13/16" (0.40 x 21mm; 0.40 x 30mm).
507	Kim chích số 18	979.140	CAY	Đầu kim sắc bén, gắn vào bơm tiêm chắc, không bị lỏng. Sử dụng 1 lần bao gồm Hubs kim vật liệu Polypropylene y tế không độc hại tương thích thuốc tiêm. Có mã hóa màu theo các size. Ống thông (cannula): Không có gờ - mũi lưỡi 3 khía được làm từ thép không gỉ SUS304
508	Chỉ thép khâu xương ức số 5, kim tròn (H/12T)	200	TEP	Kim sắc bén, kim tròn dài 48mm, cong 1/2 vòng tròn. Sợi chỉ chắc chắn, bằng thép không gỉ dài 45cm.
509	Kim chích số 22	59.950	CAY	Đầu kim sắc bén, gắn vào bơm tiêm chắc, không bị lỏng. Sử dụng 1 lần bao gồm Hubs kim vật liệu Polypropylene y tế không độc hại tương thích thuốc tiêm. Có mã hóa màu theo các size. Ống thông (cannula): Không có gờ - mũi lưỡi 3 khía được làm từ thép không gỉ SUS304. Chiều dài kim 1,1/2
510	Kim chích số 23	567.110	CAY	Đầu kim sắc bén, gắn vào bơm tiêm chắc, không bị lỏng. Sử dụng 1 lần bao gồm Hubs kim vật liệu Polypropylene y tế không độc hại tương thích thuốc tiêm. Có mã hóa màu theo các size. Ống thông (cannula): Không có gờ - mũi lưỡi 3 khía được làm từ thép không gỉ SUS304
511	Kim chọc dò tủy sống 22G	4.330	CAY	Kim gây tê tủy sống đầu kim 3 mặt vát; - Chuôi kim trong suốt đảm bảo phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra - Đầu của nòng kim mã hóa màu theo kích cỡ, cánh có thể tháo rời để kiểm soát tốt hơn. - Thân kim có vạch đánh dấu, mặt vát hướng xiên thuận tiện cho người dùng - Tiệt trùng EO, không độc hại, không pyrogenic - Kích cỡ kim từ 22G, đường kính ngoài từ 2.10mm-0.40mm, chiều dài từ 1 1/2" (38mm) đến 6.0" (150mm) tối thiểu có cỡ 3 1/2" (90mm). Góc vát 15-17 độ
512	Kim chọc hút tủy xương	600	CAY	Kim chọc tủy xương 14G/16G/18G..., dùng 1 lần cho trẻ em, kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim cannula được mài sắc kiểu 3 cạnh giúp chọc tủy dễ dàng và giảm chấn thương, có hai lỗ bên thân kim nâng cao hiệu quả chọc hút tủy xương, thiết kế đầu nối luer chuẩn phù hợp lắp với mọi loại xylanh, chiều dài kim trung bình 28mm hoặc 43mm, có nút điều chỉnh độ sâu từ 8- 45 mm hoặc từ 23-60 mm, có đánh số trên thân kim để kiểm soát mức độ đâm sâu tính từ đầu kim.

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
513	Kim chọc tủy xương 16G, cho người gầy và người bình thường (16Gx28mm)	60	CAI	Cỡ kim: 16G - Kim dùng 1 lần, chiều dài kim 28 mm, điều chỉnh được từ 8 - 45 mm - Có nút xoay điều chỉnh độ sâu, có thang vạch trên thân kim - Đầu kim cannula được mài sắc kiểu 3 cạnh - Đầu nối Luer chuẩn kết nối với xy lanh
514	Kim chọc tủy xương 18G, cho trẻ em (18Gx28mm)	60	CAI	* Kim chọc hút tủy xương với đầu kim whistle (vát nhọn còi) tạo sự thuận tiện cho việc xâm nhập vào xương mà không gây đau cho bệnh nhân * Có thể điều chỉnh độ sâu thâm nhập kiểu xoay trượt vít theo tỉ lệ mm (thể hiện trên đầu nối) * Kích thước : 18G (ĐK=1.2mm), tùy chọn chiều dài (05- 30mm)/43mm hoặc (22- 47mm)60mm; (35-60mm)/73mm * Sử dụng 1 lần, Vô trùng EO, không progenic
515	Túi chườm nóng lạnh	25	CAI	Túi chườm nóng lạnh
516	Kim gai	1.000	CAY	Đây là sản phẩm tram gai nha khoa để lấy tủy răng
517	Ống xông JJ niệu quản số 4 không có dây dẫn Guide wire (ST-197415)	50	CAI	dẫn lưu nước tiểu từ thận xuống bàng quang
518	Ống xông JJ niệu quản số 4, 22cm không có dây dẫn Guide wire (ST-197422)	50	DAY	dẫn lưu nước tiểu từ thận xuống bàng quang
519	Kim lấy máu đầu ngón tay	100.560	CAI	Bảng kim loại không gỉ, sắc bén không gây kích ứng, được tiệt trùng bằng E.O
520	Kim luồn 14 (không cánh, không cửa)	1.130	CAY	Kim luồn loại không cánh không cửa. Đầu kim sắc bén do cắt vát 2 lần. Catheter bằng chất liệu ETFE (Ethylene Tetrafluorethylene), thuận mượt ôm sát thân kim, thành mỏng lòng rộng cho lưu lượng dòng chảy cao. Khoang chứa máu trong suốt giúp người sử dụng dễ dàng phát hiện khi kim đã ở vị trí thích hợp. - Kích cỡ: 14G x 2" (51mm). Đường kính ngoài/ đường kính trong: 1.70mm/1.30mm. - Lưu lượng dòng chảy: 190 ml/phút. - Thời gian lưu kim 72h. - Tiệt trùng. Có cân quang.
521	Kim luồn 16 (không cánh, không cửa)	1.643	CAY	Kim luồn loại không cánh không cửa. Đầu kim sắc bén do cắt vát 2 lần. Catheter bằng chất liệu ETFE (Ethylene Tetrafluorethylene), thuận mượt ôm sát thân kim, thành mỏng lòng rộng cho lưu lượng dòng chảy cao. Khoang chứa máu trong suốt giúp người sử dụng dễ dàng phát hiện khi kim đã ở vị trí thích hợp. - Kích cỡ: 16G x 2" (51mm). Đường kính ngoài/ đường kính trong: 1.70mm/1.30mm. - Lưu lượng dòng chảy: 190 ml/phút. - Thời gian lưu kim 72h. - Tiệt trùng. Có cân quang.
522	Kim luồn 18 (không cánh, không cửa)	2.363	CAY	Kim luồn loại không cánh không cửa. Đầu kim sắc bén do cắt vát 2 lần. Catheter bằng chất liệu ETFE (Ethylene Tetrafluorethylene), thuận mượt ôm sát thân kim, thành mỏng lòng rộng cho lưu lượng dòng chảy cao. Khoang chứa máu trong suốt giúp người sử dụng dễ dàng phát hiện khi kim đã ở vị trí thích hợp. - Kích cỡ: 18G x 2" (51mm). Đường kính ngoài/ đường kính trong: 1.70mm/1.30mm. - Lưu lượng dòng chảy: 190 ml/phút. - Thời gian lưu kim 72h. - Tiệt trùng. Có cân quang.
523	Kim luồn 22 Terumo (không cánh không cửa)	9.154	CAY	Kim luồn loại không cánh không cửa. Đầu kim sắc bén do cắt vát 2 lần. Catheter bằng chất liệu ETFE (Ethylene Tetrafluorethylene), thuận mượt ôm sát thân kim, thành mỏng lòng rộng cho lưu lượng dòng chảy cao. Khoang chứa máu trong suốt giúp người sử dụng dễ dàng phát hiện khi kim đã ở vị trí thích hợp. - Kích cỡ: 22G x 2" (51mm). Đường kính ngoài/ đường kính trong: 1.70mm/1.30mm. - Lưu lượng dòng chảy: 190 ml/phút. - Thời gian lưu kim 72h. - Tiệt trùng. Có cân quang.
524	Kim luồn 24 (không cánh, không cửa) Terumo 0.47x19mm	4.864	CAY	Kim luồn loại không cánh không cửa. Đầu kim sắc bén do cắt vát 2 lần. Catheter bằng chất liệu ETFE (Ethylene Tetrafluorethylene), thuận mượt ôm sát thân kim, thành mỏng lòng rộng cho lưu lượng dòng chảy cao. Khoang chứa máu trong suốt giúp người sử dụng dễ dàng phát hiện khi kim đã ở vị trí thích hợp. - Kích cỡ: 24G x 2" (51mm). Đường kính ngoài/ đường kính trong: 1.70mm/1.30mm. - Lưu lượng dòng chảy: 190 ml/phút. - Thời gian lưu kim 72h. - Tiệt trùng. Có cân quang.
525	Kim luồn an toàn 22 (Thùng/200 cây)	176.680	CAY	Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau, tự động kích hoạt. - Thời gian lưu kim đạt khuyến cáo của Bộ y tế. - Đầu kim 3 mặt vát: 1 mặt vát trên, 2 mặt vát dưới, tạo vết cắt hình chữ V, nhanh lách và giảm đau cho bệnh nhân. - Góc chích kim linh hoạt. - Cơ chế trào máu 2 lần báo hiệu kim đã vào đúng mạch - Cathether nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. Vật liệu FEP-Teflon. - Màng kỵ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền - Khoảng cách từ đầu kim luồn đến đầu mặt vát < 1mm, đảm bảo lực tác động và giảm đau. - Kim luồn có cánh, không cửa, tốc độ chảy 35ml/phút, 2100ml/giờ - Đường kính và độ dài catheter: 0.9mm x 25mm

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
				Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau, tự động kích hoạt. - Thời gian lưu kim đạt khuyến cáo của Bộ y tế. - Đầu kim 3 mặt vát: 1 mặt vát trên, 2 mặt vát dưới, tạo vết cắt hình chữ V, nhanh lành và giảm đau cho bệnh nhân. - Góc chích kim linh hoạt. - Cơ chế trào máu 2 lần báo hiệu kim đã vào đúng mạch - Catheter nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. Vật liệu FEP-Teflon. - Màng lọc nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền - Khoảng cách từ đầu kim luồn đến đầu mặt vát < 1mm, đảm bảo lực tác động và giảm đau. - Kim luồn có cánh, không cửa, tốc độ chảy 22ml/phút, 1320 ml/giờ - Đường kính và độ dài catheter: 0.7mm x 19mm
526	Kim luồn an toàn 24 (Thùng/200 cây)	550.100	CAY	
527	Kim luồn số 20 (không cánh, không cửa)	6.853	CAY	Kim luồn loại không cánh không cửa. Đầu kim sắc bén do cắt vát 2 lần. Catheter bằng chất liệu ETFE (Ethylene Tetrafluorethylene), trơn mượt ôm sát thân kim, thành mỏng lòng rộng cho lưu lượng dòng chảy cao. Khoang chứa máu trong suốt giúp người sử dụng dễ dàng phát hiện khi kim đã ở vị trí thích hợp. - Kích cỡ: 20G x 2" (51mm). Đường kính ngoài/ đường kính trong: 1.70mm/1.30mm. - Lưu lượng dòng chảy: 190 ml/phút. - Thời gian lưu kim 72h. - Tiệt trùng. Có cân quang.
528	Ống xông JJ niệu quản số 5 không có dây dẫn Guide wire (ST-197515)	20	CAI	dẫn lưu nước tiểu từ thận xuống bàng quang
529	Kim sinh thiết thận 16gx10cm	1.000	CAY	Kim sinh thiết vú, gan, thận, phổi, tuyến giáp, tuyến tiền liệt - Chất liệu bằng thép không gỉ. - Độ sâu cắt: 22mm. - Tiệt khuẩn. - Tương thích với súng Magnum tại bệnh viện.
530	Túi nước tiểu nữ không lỗ thoát	20	CAI	Chứa nước tiểu
531	Ống xông JJ niệu quản số 3 không có dây dẫn Guide wire (ST-197312)	50	CAI	dẫn lưu nước tiểu từ thận xuống bàng quang
532	Kính lọc bảo vệ đầu của máy Laser ĐT bướu máu (H/25 cái)	150	CAI	Phù hợp sử dụng cho thiết bị laser điều trị trong bệnh bướu máu (bước sóng 595nm).
533	Ống xông JJ niệu quản số 3, dài 12cm, có dây dẫn Guide wire (ST-190312)	50	CAI	dẫn lưu nước tiểu từ thận xuống bàng quang
534	Sond JJ 3 Fr, 15cm opentip không GW	50	SOI	dẫn lưu nước tiểu từ thận xuống bàng quang
535	Kem vệ sinh da Nuprep	82	TUBE	Gel tẩy da để giảm trở kháng trên da. Loại 4oz (114g)
536	Khai khí quản nhựa có bóng số 4.5	20	CAI	Ống mở khí quản có bóng - Vật liệu PVC phủ silicone, không latex, không DEHP - Cong 100 độ. Có đường cân quang dọc thân ống. Cánh trong suốt, mềm mịn trơn tru. - Bóng thành mỏng thể tích lớn, áp lực nhỏ. Trên bóng bơm có in thông số kích thước ống rõ ràng. - Co nối tiêu chuẩn 15mm. - Số 4.5: OD 6.0mm, dài ống (L) 46mm, đường kính bóng (CD) 12mm - Đóng gói vô trùng.
537	Khai khí quản nhựa có bóng số 5.5	20	CAI	Ống mở khí quản có bóng - Vật liệu PVC phủ silicone, không latex, không DEHP - Cong 100 độ. Có đường cân quang dọc thân ống. Cánh trong suốt, mềm mịn trơn tru. - Bóng thành mỏng thể tích lớn, áp lực nhỏ. Trên bóng bơm có in thông số kích thước ống rõ ràng. - Co nối tiêu chuẩn 15mm. - Số 5.5: OD 7.5mm, dài ống (L) 50mm, đường kính bóng (CD) 15mm - Đóng gói vô trùng.
538	Khai khí quản nhựa có bóng số 6	10	CAI	Ống mở khí quản có bóng - Vật liệu PVC phủ silicone, không latex, không DEHP - Cong 100 độ. Có đường cân quang dọc thân ống. Cánh trong suốt, mềm mịn trơn tru. - Bóng thành mỏng thể tích lớn, áp lực nhỏ. Trên bóng bơm có in thông số kích thước ống rõ ràng. - Co nối tiêu chuẩn 15mm. - Số 6: OD=8.2mm, dài ống (L)=59mm, đường kính bóng (CD)=18mm - Đóng gói vô trùng.
539	Kim điện cơ đồng tâm dùng 1 lần, dài 37mm	125	CAI	Lõi ống bằng thép không gỉ. Đã được khử trùng. Mã màu sắc chuôi kim theo tiêu chuẩn thị trường. Chuẩn 26G, dài 37mm, diện tích ghi 0.07mm ² , mũi vát 15° (độ).
540	Paste điện não (H/3 lọ)	162	LO	Tạo cân bằng độ dính và độ dẫn điện, dễ vệ sinh. Loại 8oz (228g)

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
541	Khai khí quản nhựa không bóng số 5	20	CAI	Ống mở khí quản có bóng - Vật liệu PVC phủ silicone, không latex, không DEHP - Cong 100 độ. Có đường cân quang dọc thân ống. Cánh trong suốt, mềm mịn trơn tru. - Bóng thành mỏng thể tích lớn, áp lực nhỏ. Trên bóng bơm có in thông số kích thước ống rõ ràng. - Co nối tiêu chuẩn 15mm. - Số 5: OD=6.9mm, dài ống (L)=48mm - Đóng gói vô trùng.
542	Khai khí quản nhựa không bóng số 5.5	10	CAI	Ống mở khí quản có bóng - Vật liệu PVC phủ silicone, không latex, không DEHP - Cong 100 độ. Có đường cân quang dọc thân ống. Cánh trong suốt, mềm mịn trơn tru. - Co nối tiêu chuẩn 15mm. - Số 5.5: OD 7.5mm, dài ống (L) 50mm - Đóng gói vô trùng.
543	Khai khí quản nhựa không bóng số 6	10	CAI	Ống mở khí quản có bóng - Vật liệu PVC phủ silicone, không latex, không DEHP - Cong 100 độ. Có đường cân quang dọc thân ống. Cánh trong suốt, mềm mịn trơn tru. - Co nối tiêu chuẩn 15mm. - 6.0 (OD = 8.2mm, dài ống L=59mm) - Đóng gói vô trùng.
544	Oxy chai nhỏ (0.5m3-3m3)	5.500	CHAI	- Đặc tính chung: Công thức hóa học: O₂; Điểm sôi (°C):- 183; Trạng thái vật lý: Chất khí; - Khối lượng riêng (kg/m³) ≥1.4289; không mùi, không vị. - Chất lượng Sản phẩm: Hàm lượng (% theo trọng lượng) : >99.6%
545	Venturi mask with tubing các cỡ	20	CAI	chất liệu pvc y tế Bao gồm : mask ,dây ,venturi nồng độ 28%,31%,35%,40%,60%
546	Oxygen lỏng	1.000.000	KG	- Đặc tính chung: Công thức hóa học: O₂; Điểm sôi (°C):- 183; Trạng thái vật lý: Chất lỏng; - Khối lượng riêng (kg/lit) ≥1.141; không mùi, không vị. - Chất lượng Sản phẩm: Hàm lượng (% theo trọng lượng) : >99.6%
547	Bao đầu dò Camera	14.178	CAI	Màng nhựa PE chính phẩm, có vòng nhựa Tiệt trùng bằng khí EO. Gói 1 cái tiệt trùng. Kích thước (±5%): 150mm x 2.5m
548	Khăn phẫu thuật 30cm x 30cm x 6L	30.120	CAI	Gạc y tế, có cân quang, tiệt trùng - Chất liệu: 100% sợi cotton, màu trắng không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không mùi. có sợi cân quang, được tiệt trùng bằng khí EO - Kích thước: 30cm x30cm x 6 lớp - Mật độ sợi: Sợi dọc 78 ± 5 sợi/10cm; Sợi ngang 65->70 sợi /10cm. - Tốc độ hút nước, không lớn hơn 10 giây - Trọng lượng: 26gam/1m² ± 5%
549	Khâu hàm dưới 1 ống, các số	600	CAI	Khâu được làm bằng thép không gỉ, thiết kế 1 ống. Trên khâu có khắc ký hiệu chữ và số bằng Laser cho dễ nhận biết
550	Khâu hàm dưới 2 ống, các số	600	CAI	Thép không rỉ, không thay đổi màu, rãnh 022 Slot dùng cho các size răng. Móc cánh rộng, thấp dùng cho khâu răng 2 ống 018/ 022 Slot. Ống hàn đôi 4.0mm gần của khâu răng 2 ống 018/ 022 Slot.
551	Khâu hàm trên 1 ống, các số	600	CAI	Khâu răng cối số 6 1 ống có cleat bên trong để tiện đeo thun, 30 size từ 1 đến 30
552	Khâu hàm trên 2 ống, các số	600	CAI	Khâu 2 ống (hàm trên, hàm dưới, bên phải, bên trái) .022 size từ 1 đến 30 Ống D có hình dạng trơn láng cấu hình thấp giảm sự khó chịu của bệnh nhân đồng thời có band trơn ngăn ngừa tổn thương khi sử dụng đối với mô mềm Khe luồng dây cung được vát cạnh rộng để dễ dàng đưa dây cung vào. Chất liệu: vải PP không dệt. Có thanh nẹp mũi Đặc điểm: 3 lớp * Lớp 1: Vải không dệt PP Spunbond trắng * Lớp 2: Vải không dệt PP Spunbond xanh * Lớp giữa: Giấy lọc - Thanh tựa mũi: bằng nhựa PP định hình (không dùng lõi kim loại bọc nhựa), an toàn khi sử dụng. - Kích thước mở rộng 90 x 175mm., thoải mái cho người sử dụng - Dây thun mềm, đàn hồi tốt. - Hiệu suất lọc khuẩn (Bacterial Filtration Efficiency - BFE): >99% - Hiệu suất lọc bụi (PFE)>99% - Tiệt trùng bằng khí EO.
553	Khẩu trang 3 lớp tiệt trùng	541.266	CAI	

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
554	Khẩu trang phẫu thuật 3 lớp dây cột, tiết trùng	70.350	CAI	Chất liệu: vải PP không dệt. Có thanh nẹp mũi Đặc điểm: 3 lớp * Lớp 1: Vải không dệt PP Spunbond trắng * Lớp 2: Vải không dệt PP Spunbond xanh * Lớp giữa: Giấy lọc - Thanh tựa mũi: bằng nhựa PP định hình (không dùng lõi kim loại bọc nhựa), an toàn khi sử dụng. - Kích thước mở rộng 90 x 175mm., thoải mái cho người sử dụng - Dây cột, đàn hồi tốt. - Hiệu suất lọc khuẩn (Bacterial Filtration Efficiency - BFE): >99% - Hiệu suất lọc bụi (PFE)>99% - Tiết trùng bằng khí EO.
555	Khẩu trang than hoạt tính 3 lớp	3.000	CAI	Chất liệu: vải PP không dệt, gồm 3 lớp: * Lớp tiếp xúc với da mặt: Vải không dệt PP Spunbond trắng thấm nước * Lớp ngoài: Vải không dệt PP Spunbond trắng không thấm nước * Lớp giữa bằng vải không dệt tẩm than hoạt tính. - Thanh tựa mũi: bằng nhựa PP định hình (không dùng lõi kim loại bọc nhựa), an toàn khi sử dụng. - Dây thun mềm, đàn hồi tốt. - Kích thước mở rộng > 18 cm, tạo sự thoải mái cho người sử dụng
556	Khóa ba ngã không dây truyền lipid	8.494	CAI	Khóa ba ngã loại không có dây. Có thể xoay 360 độ. Chịu áp lực, không bị rò rỉ khi truyền với các loại nhũ dịch béo, không bị tắc nghẽn.
557	Khung giá đỡ mạch máu ngoại biên bụng bằng bóng, có thể giãn nở được thêm, các cỡ	50	CAI	1/ Stent được làm từ chất liệu hợp kim Cobalt-Crome bền chắc 2/ Thiết kế Hybrid giữa mắt đóng và mắt mở giúp sản phẩm có thể bung tốt với lực ly tâm tối đa mà vẫn duy trì được sự linh hoạt, thân mảnh 3/ Đường kính của stent có thể nong tối đa lên đến 25mm; chiều dài stent: 17, 21, 30, 35, 39, 43, 48, 57mm 4/ Kích cỡ Sheath tối thiểu có: 7Fr (+1), 8Fr(+1), 10Fr (+1)
558	Chỉ phẫu thuật tim không tiêu dài 45cm, 1 kim tam giác 1/2C dài 40mm	50	Sợi	Kim sắc bén, 1 kim tròn đầu cắt vát dài 40mm, 1/2 vòng tròn. Sợi chỉ chắc chắn, bằng thép không gỉ dài 45cm.
559	Bone wax 2.5 sáp xương W810	490	MIENG	Miếng sáp cầm máu xương 2.5 gram Thành phần: Sáp ong trắng (≥ 85%), Isopropyl Palmitate (15%).
560	Lam nhuộm hóa mô miễn dịch (Polysin slide) (H/72 cái)	7.920	CAI	- Được làm bằng thủy tinh trong suốt theo tiêu chuẩn chất lượng cao - Bề mặt được tích điện để tăng cường sự bám dính của tế bào - Kích thước: 25x75x1mm, góc 90 độ - Lam kính mỏng, phẳng, được làm sạch trước để sẵn sàng sử dụng
561	Lamelle (22x50mm)	15.000	CAI	Dùng trong chứa mẫu soi dưới kính hiển vi, hình chữ nhật, trong suốt, chất liệu thủy tinh. Kích cỡ: 22 x 50mm . Độ dày: 0,13-0,17 mm. Quy cách: 100 miếng/hộp. - Kích thước: 22x50 mm; độ dày: 0.16mm – 0.19mm - Cấu tạo: thủy tinh borosilicate D 263™ M (hoặc tương đương) - Chỉ số khúc xạ: $n_D (\lambda = 546,1nm): 1,5255 \pm 0,0015$; $n_D (\lambda = 589,3 nm): 1,5230$ - Chỉ số Abbe (quang sai): 55 - Hệ số truyền ánh sáng ($d=0,15mm$): $91,7 \pm 0,3\%$.
562	Lưỡi dao mổ số 23	100	CAI	Thép không gỉ. Thiết kế cân bằng, mềm dẻo, rất sắc bén, lắp vào bộ phận dễ dàng, đóng gói tiết trùng phương pháp chiếu xạ Gamma
563	Clip Titan loại nhỏ màu vàng (4mmx3.1mm)	500	CAI	Clip kẹp mạch máu 2 thì : - Chất liệu : titanium - Kích thước : 4mm x 3,1mm - Loại nhỏ, màu vàng, cơ chế đóng đầu clip trước . - Qui cách : hộp 30 vi, mỗi vi 6 cái
564	Lentulo	500	CAI	Khẩu được làm bằng thép không gỉ, thiết kế 1 ống. Trên khẩu có khắc ký hiệu chữ và số bằng Laser cho dễ nhận biết
565	Lọ lấy bệnh phẩm	175.130	CAI	* Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ, dung tích 55ml. * Kích thước : chiều cao 60mm, đường kính 35mm. * Sử dụng nhựa y tế trung tính.
566	Clip Titan loại trung màu xanh (6.2mmx4.9mm)	500	CAI	Clip kẹp mạch máu 2 thì : - Chất liệu : titanium - Kích thước : 6,2mm x 4,9mm - Loại trung bình , màu xanh dương , cơ chế đóng đầu clip trước . - Qui cách : hộp 30 vi, mỗi vi 6 cái
567	Lọ vô trùng	30.770	CAI	Lọ miệng rộng, nắp vặn chặt, vô trùng từng cái, thích hợp cho lấy các mẫu dịch như nước tiểu, dịch màng phổi, mủ apxe, phân tươi.
568	Găng tay phẫu thuật tiết trùng (Comfit) số 6	10.000	Đôi	Găng tay phẫu thuật tiết trùng (Comfit) số 6

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
569	Găng tay phẫu thuật tiết trùng (Comfit) số 6.5	10.000	Đôi	Găng tay phẫu thuật tiết trùng (Comfit) số 6.5
570	Lò xo chỉnh nha	60	CUON	Chất liệu thép không gỉ, gồm các lực 75gm Extra Light, 150gm light, 200gm medium, 250gm heavy
571	Lò xo tạo khoảng kim loại	100	CUON	Lò xo Niti mở khoảng cuộn 38cm lực 150gr
572	Bình chứa dịch Curasys Canister Type C	160	CAI	Sản phẩm chứa dịch dùng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp áp lực âm: - Bình chứa dịch, dung tích lớn hơn 500cc, vật liệu Polycarbonate. - Có chứa chất kháng khuẩn, có tác dụng kháng lại các loại vi khuẩn như MRSA, Pseudomonas aeruginosa, E.coli và Staphylococcus aureus. - Giảm nguy cơ nhiễm trùng thứ cấp, giảm bớt mùi hôi gây nên bởi dịch tiết.
573	Bóng đèn Heine 2.5V	22	CAI	Bóng đèn 2.5V dùng cho tay cầm đèn đặt nội khí quản Heine hoặc tương đương.
574	Bóng đèn Heine 3.5V	21	CAI	Bóng đèn 3.5V dùng cho tay cầm đèn đặt nội khí quản Heine hoặc tương đương.
575	Bút phẫu thuật	5.024	CAI	Loại một đầu, ngòi lông 1.0mm, dài 167mm, đường kính thân 9.5mm - Bút đánh dấu dùng trong phẫu thuật dùng đánh dấu vị trí mổ, mực màu tím than (violet), mực không lem và không phai. Lau sạch được bằng cồn hoặc chất tẩy rửa - Vật tư đi kèm: Thước đo, - Đóng gói và tiết khuẩn sẵn, sử dụng một lần
576	Găng tay phẫu thuật tiết trùng (Comfit) số 7	10.000	Đôi	Găng tay phẫu thuật tiết trùng (Comfit) số 7
577	Lưỡi cắt nạo VA Plasma	40	CAI	Điện cực dạng lưới phẳng giúp tăng cường khả năng cắt bỏ mô nhanh. Tăng cường khả năng hút và uốn cong trực Tăng cường khả năng hút giúp loại bỏ các mô vụn và chất lỏng dễ dàng, giảm nguy cơ tắc nghẽn Trực có khả năng uốn cong để dâng đưa vào sâu cho quá trình nạo VA Hệ thống phân phối đường nước muối riêng Đảm bảo cung cấp đủ nước muối cho đầu điện cực bất kể hướng nào của đầu cắt Dòng nước muối tích hợp
578	Găng tay phẫu thuật tiết trùng (Comfit) số 7.5	10.000	Đôi	Găng tay phẫu thuật tiết trùng (Comfit) số 7.5
579	Lưỡi dao bào da (H/20 cái)	200	CAI	- Lưỡi dao bào da được làm từ thép không gỉ. Cạnh sắc bén giúp bảo vệ vết bỏng trơn tru, và ngăn cho các ngón tay co lại. Lưỡi dao bào da có độ dài 157mm dùng chung cho các cân dao. Cạnh sắc bén giúp bảo vệ vết bỏng trơn tru, và ngăn cho các ngón tay co lại. - Kích thước: 157mm (dài) x 18mm (cao) x 0.229mm (dày). - Đóng gói tiết trùng phương pháp chiếu xạ Gamma.
580	Lưỡi dao cắt tiêu bản	600	CAI	Làm bằng thép cao cấp với công nghệ làm cứng độc đáo, vượt trội gấp đôi lưỡi dao truyền thống, không bị mòn và xước khi cắt, lớp trong phủ crôm chống gỉ sét, lớp ngoài phủ PTFE giúp giảm ma sát khi cắt. Kích thước 80x8x0.25mm, góc nghiêng 34 độ. Cắt được tất các loại mô (mô cứng, mô mềm, mô sinh thiết lạnh, ...) và tương thích với nhiều loại máy cắt
581	Lưỡi dao mổ số 10	680	CAI	Thép không gỉ. Thiết kế cân bằng, mềm dẻo, sắc bén, lắp vào bộ phận dễ dàng, đóng gói tiết trùng từng cái
582	Lưỡi dao mổ số 11	27.030	CAI	Thép không gỉ. Thiết kế cân bằng, mềm dẻo, sắc bén, lắp vào bộ phận dễ dàng, đóng gói tiết trùng từng cái
583	Lưỡi dao mổ số 15	21.245	CAI	Làm bằng thép cao cấp với công nghệ làm cứng độc đáo, vượt trội gấp đôi lưỡi dao truyền thống, không bị mòn và xước khi cắt, lớp trong phủ crôm chống gỉ sét, lớp ngoài phủ PTFE giúp giảm ma sát khi cắt. Kích thước 80x8x0.25mm, góc nghiêng 34 độ. Cắt được tất các loại mô (mô cứng, mô mềm, mô sinh thiết lạnh, ...) và tương thích với nhiều loại máy cắt
584	Chỉ Surgipro 6.0 3/8C 9mm 75cm kim tròn (Hộp/36M)	10.000	MIENG	Chỉ khâu không tiêu, đơn sợi, nối mạch máu - Chỉ bằng Polypropylene phủ PEG, 6/0, dài 75cm, chịu lực suốt vòng đời, chất phủ polyethylene glycol (PEG) disterate và DSTDP (distearyl-3,3' thiodipropionate) - 2 kim tròn đầu nhọn, bằng hợp kim Suralloy (Crom 12%, nickel 9%, Cu 2%, titan 0,9%,...), dài 9mm, 3/8C, kim phủ silicon sắc bén, giúp giảm tình trạng ăn mòn kim, theo công nghệ Nucoat - Đóng gói thông minh giúp giảm nhớ hình - Tiết khuẩn
585	Mạch máu nhân tạo Implantofix (Celsite Implantofix SM Set Pur 5F)	13	CAI	Mua theo QĐ 17

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
586	Mạch máu nhân tạo Implantofix (Celsite Implantofix SM Set Pur 6F)	12	BO	Buồng tiêm tĩnh mạch cấy dưới da dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ cỡ 4,5 - 6 F. Bao gồm: + Vỏ ngoài được làm bằng Epoxy và buồng chứa bên trong bằng Titanium. + Có thể chịu được áp lực lên đến 325 psi (22,4 bar). + Trọng lượng 3g. Thể tích buồng 0,15 mL, mặt buồng bằng Silicone đường kính 7,6 mm, Diện tích đáy buồng 22 x 18 mm, cao 8,7 mm. + Dây buồng tiêm có đánh dấu CT giúp dễ dàng nhận diện cổng truyền thuốc cân quang áp lực cao dưới hình ảnh tia X. + Đáp ứng điều kiện chụp MRI, không chứa Latex, DEHP và PVC. + Ống thông (Catheter) bằng vật liệu Silicone và Polyurethane (PUR), luồn theo phương pháp Seldinger. + Kích cỡ ống thông: Đường kính ngoài 4,5 F (1,5 mm), 6 F (2.0 mm), đường kính trong 0,8 mm và 1,2 mm, dài 600-800 mm, được đánh dấu cách nhau mỗi 1 cm. + Lưu lượng truyền trọng lực dung dịch NaCl 0,9% ở độ cao 1 m đạt 7 - 10 ml/phút đối với kim 22G và 12 - 24 ml/phút đối với kim 19G + Phụ kiện đi kèm bao gồm: - 2 khóa vòng nối buồng tiêm và catheter - 1 kim chọc mạch 18 G - 1 dây dẫn đầu chữ J đường kính 0,035" - 1 dụng cụ mở đường vào mạch máu 7F có thể xé bỏ vỏ bọc ngoài - 2 kim Surecan 22 G
587	Lọ lấy mẫu phân có F2M	28.862	CAI	Lọ miệng rộng, nắp vặn chặt, có dán nhãn, trong suốt
588	Màng mổ kháng khuẩn Ioban (34x35)cm	1.300	MIENG	Độ bám dính tốt, dính chắc vào da và rìa vết mổ. Không gây sốt keo và tổn thương da khi tháo băng. Màng mổ có độ thông thoáng tốt 60cmx35cm (băng) 35cmx35cm (đỉnh)
589	Màng nhai	100	CAI	Chỉnh nha
590	Giấy in điện tim 3 cần (X/100M)	3	MIENG	Giấy in điện tim 3 cần (X/100M)
591	Mask khi dùng trẻ em	25.763	CAI	Nhựa y tế mềm, vô trùng, đóng gói từng cái. Liều lượng cố định (dùng với venturiers)- Không sắc nhọn, vô trùng- Có bầu chứa thuốc- Có dây oxy dài 1.8 m -2.1 m- Nhựa y tế, không chứa DEHP Các size: sơ sinh, trẻ nhỏ, trẻ lớn
592	Dầu xịt dụng cụ trước khi tiệt trùng 300ml	60	CAI	Dầu xịt dụng cụ trước khi tiệt trùng 300ml
593	Catheter TM ngoại biên, 42cm	185	BO	Catheter TM ngoại biên, 42cm
594	Bộ Catheter động mạch đùi Mini-Kits 2.7Fr dài 150mm (ARTERIAL CATHETER MINI KIT 2.7G - 15CM)	3	CAI	Bộ Catheter động mạch đùi Mini-Kits 2.7Fr dài 150mm (ARTERIAL CATHETER MINI KIT 2.7G - 15CM)
595	Dây nối dụng cụ lưỡng cực chuẩn dẹt dài 4.5mm	5.000	CAI	Dây nối dụng cụ lưỡng cực chuẩn dẹt dài 4.5mm
596	Dây nối máy hút Silicon 1/4 x 1/16	200	MET	Dây nối máy hút Silicon 1/4 x 1/16
597	Mask thanh quản size 2; 2.5	50	CAI	* Loại 1 nòng silicon tương thích sinh học, latex free, không độc hại, không kích ứng * Bóng silicone 2 lớp, mềm, trên lưng bóng có khí đệm bảo vệ thanh quản vừa kit cổ họng * Có các size từ trẻ em đến người lớn: < 2.5, trọng lượng từ < 20kg, thể tích bơm bóng <15 ml
598	Dây Penrose	1.500	SOI	Dây Penrose
599	Kim kích thích thần kinh G21	50	CAI	Kim kích thích thần kinh G21
600	Mắc cài răng 6, răng 7 các số	1.000	CAI	Thép không rỉ, slot 022 dùng gắn trên răng trong chỉnh nha.
601	Mặt nạ thở (Mask gây mê)	1.562	CAI	Vô trùng, đóng gói từng cái, chất liệu PVC, móc cài 4 chấu HDPE mã hóa màu theo size, van silicone Co nối tương thích theo các size người lớn, trẻ em, sơ sinh (15M - 22F) Đầy đủ size cỡ người lớn, trẻ em, sơ sinh tương ứng các số 0, 1, 2, 3, 4, 5
602	Miếng dán sát khuẩn Biopatch	100	MIENG	Miếng dán sát khuẩn có chứa Chlorhexidine Gluconate 2% dùng cố định catheter tĩnh mạch trung tâm - Băng film Polyurethane 3-10%, phủ lớp keo Acrylate 5- 15%; chính giữa có Gel CHG kháng khuẩn, kích thước 3 x 4cm; xung quanh viền vải không dệt, có rãnh xẻ sâu. - Kích thước 10x12cm - Đặc tính: Kháng khuẩn cao (chống lại 1 loạt các vi khuẩn gram dương, âm và nấm), Chống thấm nước và vi khuẩn xâm nhập, rào cản chống virus có đường kính $\geq 27nm$ (HIV-1 và HBV), thấm máu và dịch tiết. Cho phép hấp thụ oxy và thải hơi ẩm. Cố định chắc chắn, độ dính tốt và hạn chế kích ứng da. Có nhãn ghi chủ ngày giờ dán băng. Có tích hợp sẵn các đoạn băng keo cố định đi kèm dùng cho cố định dây truyền dịch - Thời gian lưu 7 ngày - Đóng gói tiệt khuẩn từng miếng
603	Dây máy thở Drager HFV	30	CAI	Dây máy thở Drager HFV
604	Miếng vá sọ tự tiêu (5x5)cm	20	CAI	Miếng vá sọ tự tiêu - Tối thiểu có kích thước 50 x 50 mm ($\pm 5\%$) - Chất liệu Polime sinh học tự tiêu - Thời gian tự tiêu: 12- 14 tháng

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
605	Miếng xốp cầm máu Spongostan 1x5x7cm	1.260	MIENG	Kiểm soát nhanh mao mạch và chảy máu tĩnh mạch, thời gian cầm máu 5-10 phút. Làm bằng vật liệu gelatin và được tiệt trùng. - Thời gian tự tiêu hoàn toàn ≤ 3 tuần - Thẩm hút lượng máu tối đa ≥ 50 lần trọng lượng của miếng cầm máu. - Có thể cắt theo nhu cầu sử dụng. - Không có tác dụng phụ và không yêu cầu điều kiện bảo quản đặc biệt. - Kích thước: (1cm x 5cm x 7cm) ±1%
606	Móc bi	100	CAI	Móc bi chỉnh nha
607	Monoblock	50	CAI	Chỉnh nha
608	Ống bơm tiêm cân quang tiết khuẩn, 2 nòng 200 ml (Máy Optivantage)	500	BO	Bộ xilanh 200ml dùng cho máy bơm thuốc cân quang hai nòng OptiVantage. Một bộ sản phẩm đóng gói gồm: 2 xilanh 200ml bằng chất liệu PP trong suốt kèm piston bằng nhựa ABS không chứa DEHP với đầu bọc cao su tổng hợp màu đen; 2 ống lấy thuốc nhanh chữ J bằng PE có đường kính trong 3.95mm; 1 dây nối áp lực cao chữ Y bằng PC và PVC dài 150cm với hai van một chiều, bộ dây nối có đường kính trong và ngoài lần lượt là 1,9mm và 3,35mm. Chịu áp lực cao 350psi, luer lock, nạp thuốc bằng ống hút nhanh. Tương thích hoàn toàn với máy bơm tiêm, có đầu chỉ phát hiện nhanh ống bơm đã được mỗi thuốc. Tiết khuẩn bằng công nghệ E.O
609	Túi bệnh phẩm nội soi C 15cmx19cm	200	CAI	Túi bệnh phẩm nội soi 15 (w) x 19 (l): Được cấu tạo từ màng TPU 60 micron, có dây rút ở miệng túi được làm từ chỉ phẫu thuật có chiều dài 75cm. Túi được cuộn tròn sẵn theo chiều miệng túi và bỏ vào ống nhựa hở hai đầu. Được tiệt trùng từng cái
610	Mũi khoan kim cương RHM	1.020	CAY	Mũi cắt mô răng nhanh hơn 30% cùng mũi khoan DFS.Lực cắt mạnh hơn.Độ bền bỉ cao hơn.Kích thước mũi khoan chính xác hơn.
611	Mũi khoan nha khoa	10.000	MUI	Mũi cắt mô răng nhanh hơn 30% cùng mũi khoan DFS.Lực cắt mạnh hơn.Độ bền bỉ cao hơn.Kích thước mũi khoan chính xác hơn.
612	Mũi khoan trắng loại 1	1.000	CAI	Mũi khoan phủ bụi kim cương, các hình dạng, nhiều kích cỡ(đường kính <=2.0mm)
613	Mũi khoan trắng loại 2	1.000	CAI	Mũi khoan phủ bụi kim cương, các hình dạng nhiều kích cỡ(đường kính khoảng 2.1-2.2mm)
614	Mũi khoan trắng loại 3	1.000	CAI	Mũi khoan phủ bụi kim cương, các hình dạng, nhiều kích cỡ (đường kính khoảng 2.3-2.6mm)
615	Mực in cho máy Sterrad	36	HOP	Mực in dùng in kết quả tiệt trùng máy Sterrad 100S và 100NX hoặc tương đương
616	Đưa thuốc	100	CAY	Chất liệu bằng chất liệu thép không gỉ. Dụng cụ trám composite 2 đầu
617	Nắp đậy (dây nối) kim lùn (Instropper)	303.943	CAI	Có cổng chích thuốc không chứa latex Đầu nối Luer Lock, có vận xoắn Có thể sử dụng có phép rút máu hoặc chích thuốc nhiều lần Thể tích mỗi dịch ≤0,16 ml
618	Nắp đóng bộ chuyển tiếp	32.000	CAI	Nắp đóng bộ chuyển tiếp: - Chất liệu: nhựa có chứa Povidon - Iod. - Được sử dụng để bảo vệ đầu khóa nối của bộ chuyển tiếp.
619	Nẹp bán hẹp các cỡ	40	CAI	- Bề dày nẹp tối thiểu 3,5mm, nẹp rộng khoảng 11mm - Khoảng cách giữa các lỗ bắt vít là 16mm duy nhất khoảng cách giữa hai lỗ bắt vít giữa nẹp là 25mm. - Tối thiểu có loại 5 lỗ và 6 lỗ. - Chiều dài nẹp tối thiểu ≤ 39mm, chiều dài tối đa ≥ 260 mm. - Chất liệu thép không gỉ
620	Nẹp bán nhỏ các cỡ	40	CAI	- Bề dày nẹp tối thiểu 3mm, rộng nẹp khoảng 10mm, - Khoảng cách giữa các lỗ bắt vít là 12mm trong đó duy nhất khoảng cách giữa hai lỗ bắt vít nằm giữa nẹp là 14mm - Tối thiểu có loại 5 lỗ và 6 lỗ - Chiều dài nẹp tối thiểu ≤ 38mm, chiều dài tối đa ≥ 98 mm. - Chất liệu thép không gỉ.
621	Nẹp bán rộng các cỡ	40	CAI	- Bề dày nẹp tối thiểu 3,5mm, nẹp rộng khoảng 16mm - Khoảng cách giữa các lỗ là 16mm duy nhất khoảng cách giữa hai lỗ bắt vít giữa nẹp là 25mm - Tối thiểu có loại 6 lỗ và 8 lỗ. - Chiều dài nẹp tối thiểu ≤ 87 mm, chiều dài tối đa ≥ 290 mm. - Chất liệu thép không gỉ
622	Nẹp cổ cứng	40	CAI	Làm từ chất liệu mềm, nhẹ. Gồm 2 mảnh riêng biệt, mảnh phía trước được gắn khuôn nhựa tạo lỗ rộng để luồn ống nội khí quản, mảnh phía sau được gắn thêm thanh nẹp nhựa giúp tăng cường độ cố định cho sản phẩm, 2 mảnh được gắn với nhau bởi băng nhám dính, sản phẩm có những lỗ nhỏ giúp thoáng khí khi sử dụng
623	Van cho vỏ trocar các loại	50	CAI	Van cho vỏ trocar các loại
624	Van silicon Trocar đỏ 5mm	50	CAI	Van silicon Trocar đỏ 5mm
625	Nẹp cổ mềm	140	CAI	Được sản xuất từ chất liệu mút xốp mềm, vải cotton nhẹ và thoáng khí. Được trang bị hệ thống khóa Velcro
626	Van silicon Trocar xanh 3mm	50	CAI	Van silicon Trocar xanh 3mm

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
627	Nẹp đùi cổ chân (Zimmer)	120	CAI	Làm từ vải cotton, vải có lỗ thoáng khí, vải tricot. Có khóa velcro, nẹp hợp kim nhôm. Sử dụng sau phẫu thuật quanh ổ cối, cổ xương đùi, khớp gối, cổ chân, hỗ trợ cố định sau chấn thương. Gồm tối thiểu các cỡ S, M, L.
628	Nẹp Iseline	345	CAY	Thanh nẹp được làm bằng hợp kim nhôm, lót bên trong một lớp xốp mềm. Có thể uốn để giữ ngón tay ở đúng vị trí chức năng khi sử dụng. Dùng cố định khớp ngón tay ở vị trí chức năng khi bị chấn thương, cố định và bảo vệ gãy xương đốt tay ngoại biên.
629	Nẹp khóa đầu dưới xương quay các cỡ	10	CAI	- Nẹp dày tối thiểu 1,8mm, có 4 lỗ, chiều dài khoảng 67mm, sử dụng tương thích với vít khóa đường kính 2,4mm; 2,7mm.
630	Nẹp khóa đầu trên, đầu dưới xương cánh tay các loại các cỡ	16	CAI	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay - Nẹp dày tối thiểu 2,5mm và rộng khoảng 12mm - Đầu nẹp chỉ có 4 lỗ bắt vít, thân có từ 4 đến 6 lỗ - Chiều dài nẹp tối thiểu ≤ 75 mm, chiều dài tối đa ≥ 99 mm. - Chất liệu thép không gỉ - Tương thích với vít khóa đường kính 3,5mm. Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay - Nẹp dày tối thiểu 2,5mm và rộng khoảng 11mm - Thân nẹp có từ 3 đến 14 lỗ, đầu xa có móc hoặc không, đầu xa có 03 lỗ, giữa thân nẹp có một lỗ bắt vít động. - Chiều dài nẹp tối thiểu ≤ 65 mm, chiều dài tối đa ≥ 200 mm. - Chất liệu thép không gỉ - Tương thích với vít khóa đường kính 3,5mm ở thân nẹp và vít khóa đường kính 2,4mm ở đầu xa.
631	Nẹp khóa đầu trên, đầu dưới xương chày trái, phải các cỡ	20	CAI	Nẹp khóa đầu trên xương chày - Nẹp dày tối thiểu 5mm, rộng khoảng 16mm - Đầu trên nẹp có 5 lỗ bắt vít, thân nẹp có từ 4 đến 14 lỗ. - Chiều dài nẹp tối thiểu ≤ 120 mm, chiều dài tối đa ≥ 320 mm. - Chất liệu thép không gỉ. - Tương thích với vít khóa đường kính 4,5mm và 5,0mm. Nẹp khóa đầu dưới xương chày loại thẳng - Chiều rộng khoảng 13,5mm - Đầu nẹp có 4 lỗ bắt vít, thân nẹp có từ 4 đến 20 lỗ - Chiều dài nẹp tối thiểu ≤ 125 mm, chiều dài tối đa ≥ 400 mm. - Chất liệu thép không gỉ. - Tương thích với vít khóa đường kính 3,5mm ở đầu nẹp, và vít khóa đường kính 4,5mm - 5,0mm ở thân nẹp.
632	Nẹp khóa đầu trên, đầu dưới xương đùi trái, phải các cỡ	20	CAI	Nẹp khóa đầu trên xương đùi uốn cong ở đầu gần - Đầu nẹp có 2 lỗ, cổ nẹp có 01 lỗ, thân nẹp có từ 2 đến 16 lỗ. - Thân nẹp rộng khoảng 18mm. - Chiều dài nẹp tối thiểu ≤ 140 mm, chiều dài tối đa ≥ 390 mm. - Chất liệu thép không gỉ. - Tương thích với vít khóa đường kính 7,5mm ở đầu nẹp, vít khóa đường kính 5,0mm ở cổ nẹp và vít khóa đường kính 4,5mm - 5,0mm ở thân nẹp. Nẹp khóa đầu dưới xương đùi - Đầu nẹp có 7 lỗ, thân nẹp có từ 4 đến 14 lỗ - Chiều dài nẹp tối thiểu ≤ 140 mm, chiều dài tối đa ≥ 330 mm. - Chất liệu thép không gỉ. - Tương thích với vít khóa đường kính 5,0mm ở đầu nẹp và vít khóa đường kính 4,5mm - 5,0mm ở thân nẹp.
633	Ván trong silicon Trocar 5mm	50	CAI	Ván trong silicon Trocar 5mm
634	Cây dẫn đường đặt nội khí quản khó số 12	10	CAY	Cây dẫn đường đặt nội khí quản khó số 12
635	Nẹp Mid cong 10 lỗ	20	CAI	Nẹp Mid cong 10 lỗ, chất liệu Titanium, dày 0.6mm, dùng vít dk 1.6mm
636	Cây dẫn đường đặt nội khí quản khó số 14	10	CAY	Cây dẫn đường đặt nội khí quản khó số 14
637	Nẹp Mini thẳng 10 lỗ	200	CAI	. Chức năng: nẹp thẳng kết hợp xương . Chất liệu: Titanium Grade 2, 3 . Nẹp 10 lỗ, dài 54mm, khoảng cách 2 lỗ 5.5mm. . Nẹp rộng 4.5mm, đoạn kết nối 2 lỗ rộng 2.0mm . Nẹp dày 0.8, 1.0mm . Đường kính lỗ nẹp 2.4mm . Tương thích với vít 2.0mm, vít khân cấp 2.3mm trong trường hợp lỏng vít
638	Cây dẫn đường đặt nội khí quản khó số 8	100	CAI	Cây dẫn đường đặt nội khí quản khó số 8

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
639	Nẹp Mini thẳng 8 lỗ	100	CAI	- Chức năng: nẹp thẳng kết hợp xương - Chất liệu: Titanium Grade 2, 3 - Nẹp 8 lỗ, dài 43mm, khoảng cách 2 lỗ 5.5mm. - Nẹp rộng 4.5mm, đoạn kết nối 2 lỗ rộng 2.0mm - Nẹp dày 0.8, 1.0mm - Đường kính lỗ nẹp 2.4mm - Tương thích với vít 2.0mm, vít khấn cấp 2.3mm trong trường hợp lồng vít
640	Bộ catheter TMTW 3 nòng số 4F-4.5F dài 5cm	20	Bộ	*Catheter TMTT 3 đường trẻ em 4Fr * Catheter tương thích sinh học có cân quang * Dây dẫn mềm và linh hoạt, chống gãy gấp
641	Bộ dây dẫn sáng	10	Cái	Bộ dây dẫn sáng
642	Nẹp và sọ titan	20	CAI	Chất liệu titan, loại thẳng, 16 lỗ, dây từ 0.6-1.0 mm, dùng tương thích với vis và sọ Titan
643	Băng đạn nội soi cỡ 45mm	5	Bộ	- Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, dùng cho mô dày và mô trung bình. - Chất liệu titanium, thiết kế 3 hàng ghim dập mỗi bên theo công nghệ Tri-Staple có chiều cao ghim khác nhau là 3mm-3.5mm-4mm trong mỗi băng đạn. - Chiều dài băng đạn 60mm, sau khi đóng có 3 độ cao ghim khác nhau; 1.25mm-1.5mm-1.75mm trong mỗi băng - Thiết kế lưỡi dao nằm trong băng đạn. - Tương thích dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô nội soi bằng pin sử dụng nhiều lần và cơ cùng hãng
644	Nẹp vải căng chân	240	CAI	- Sản phẩm làm từ vải dệt kim, nẹp hợp kim nhôm. - Cố định gãy xương, trật khớp vùng căng chân sau chấn thương hoặc sau phẫu thuật.
645	Băng đạn nội soi cỡ 60mm	5	Bộ	- Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc chủ động, dùng cho mô dày và mô trung bình. - Chất liệu titanium, thiết kế 3 hàng ghim dập mỗi bên theo công nghệ Tri-Staple có chiều cao ghim khác nhau là 3mm-3.5mm-4mm trong mỗi băng đạn. - Chiều dài băng đạn 60mm, sau khi đóng có 3 độ cao ghim khác nhau; 1.25mm-1.5mm-1.75mm trong mỗi băng - Thiết kế lưỡi dao nằm trong băng đạn. - Tương thích dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô nội soi bằng pin sử dụng nhiều lần và cơ cùng hãng
646	Nón nam phẫu thuật tiết trùng	3.760	CAI	- Chất liệu: vải không dệt $\geq 24\text{gsm}$, ôm khít vòng đầu. Thoáng khí, thoải mái. - Tiết trùng bằng khí OE, đóng gói từng cái.
647	Nón nữ phẫu thuật tiết trùng (Bao tóc phẫu thuật) (Gói/2 cái)	104.716	CAI	- Chất liệu: vải không dệt 14gsm, Thun mềm 2 sợi, ôm khít vòng đầu. Thoáng khí, thoải mái. - Chiều dài khi kéo giãn: 50-53cm Chiều rộng khổ vải: 50cm - Tiết trùng bằng khí OE, đóng gói từng cái.
648	Nồi làm ẩm (Respiratory Humidifier)	12	CAI	Có hiển thị nhiệt độ trên màn hình điện tử, đèn báo quá nhiệt. Điều chỉnh nhiệt độ để từ 40-70 độ C, bước tăng 1 độ C. Tương thích với các loại máy thở của Bệnh viện
649	Băng keo có gác vô trùng (10cm x 15cm)	20	Miếng	- Lớp vải nền : Vải không dệt 50g/m², 50% viscose + 50% polyester. - Lớp keo : Keo kết dính nóng chảy 43g/m² : Hydrocarbon resin, Styrene block copolymer, Dầu khoáng y tế, Chất chống oxy hóa - Lớp gác thấm hút không dính, trọng lượng 200 g/m² : Màng PE, Viscose + Polyester - Khả năng thấm hút : $\geq 680\%$ - Giấy lót phủ silicone 62g/m² - Tiết trùng bằng EO - Kích thước : 15cm x 10cm
650	Nhiệt kế điện tử	159	CAI	- Đo thân nhiệt vùng miệng, nách, hậu môn - Cho kết quả đo trong vòng 30s - Chống thấm nước - Báo sốt tiếng beep sau khi đo - Sai số: 0,2 độ C
651	Nhiệt kế đo trán	33	CAI	- Nhiệt kế hồng ngoại kiểm tra nhiệt độ cơ thể vùng trán, cho kết quả chính xác trong 1s. - Đo không chạm, nhanh, an toàn và chính xác, thích hợp sử dụng tại gia đình, bệnh viện, phòng khám,
652	Cảm biến đo Oxy não (O3 sensor)	20	Cái	Cảm biến đo Oxy não (O3 sensor)

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
653	Oxy cell cho máy giúp thở Puritan Bennett 840	270	CAI	- Hiệu quả lọc virus/ vi khuẩn > 99,999% - Hiệu quả lọc hạt tối thiểu 99,97% với kích thước hạt 0,3µm ở 100 lít/ phút - Đầu kết nối tiêu chuẩn ISO 22 mm - Trở kháng dòng dưới 2,5 cmH₂O ở 100 lít/phút - Dòng rò rỉ dưới 0,01 lít/phút ở áp suất 140 cmH₂O - Đường kính khoảng 11,7cm, dài khoảng 12,7cm, sai số kích thước so với thông số yêu cầu không vượt quá (±3%) giá trị. - Thể tích chứa khí khoảng 400ml - Dung tích chứa khoảng 200 ml. - Có thể hấp tiết trùng ở 132 độ C với 20 phút hấp hút trọng lực hoặc ở 132 độ C trong 4 phút với hấp hút chân không và có ít nhất 20 phút sấy khô sau khi hấp. - Tương thích với máy thở hãng Medtronic (Covidien), model: Puritan Bennett 840 đang sử dụng tại bệnh viện.
654	Clip mạch máu nội soi LT200 (Vĩ/6 cái)	500	Cái	Clip mạch máu nội soi LT200 (Vĩ/6 cái)
655	Dây truyền dịch an toàn 20 giọt, 2 cổng tiêm không kim, màng lọc cuối đường dây	50.365	CAI	1. Dây truyền dịch an toàn, kín. 20 giọt/ml. Không chứa DEHP 2. Tích hợp 2 cổng tiêm không kim- van tách, 1 chiều- kín. 3. 2 khóa áp lực dương, màng lọc cuối đường dây tạo nên hệ thống tiêm truyền an toàn, khép kín. 4. Một cổng tiêm có thể kết nối song song với đường truyền thứ 2, cổng tiêm không kim còn lại có thể tiêm thuốc không cần xuyên kim, đầu kết nối luer lock 5. Tiết trùng EO.
656	Ống bơm tiêm cân quang Medrad syringes 150FT-Q	422	BO	Ống bơm thuốc cân quang 1 nòng 150ml. Chịu áp lực cao 350psi, luer lock. Nạp thuốc bằng ống hút nhanh. Chất liệu Polycarbonate an toàn, không DEHP Bộ đóng gói gồm 1 bơm tiêm đường kính trong 4,05cm, dài 23,14cm, 1 ống hút
657	Cáp nối IBP đo huyết áp	25	Cái	Cáp nối IBP đo huyết áp
658	Ống Cannula mở khí quản có bóng số 4 (40PDC)	30	CAI	Vật liệu PVC phủ silicone, không latex, không DEHP. Đường cân quang dọc thân ống. Cánh trong suốt, mềm mịn trơn tru. Bóng thành mỏng thể tích lớn, áp lực nhỏ. Trên bóng bơm có in thông số kích thước ống rõ ràng. Co nối tiêu chuẩn 15mm. Cong 100 độ dài ống (L)=40mm, đường kính bóng (CD)=12mm
659	Ống Cannula mở khí quản có bóng số 4.5 (45PDC)	30	CAI	Vật liệu PVC phủ silicone, không latex, không DEHP. Đường cân quang dọc thân ống. Cánh trong suốt, mềm mịn trơn tru. Bóng thành mỏng thể tích lớn, áp lực nhỏ. Trên bóng bơm có in thông số kích thước ống rõ ràng. Co nối tiêu chuẩn 15mm. Cong 100 độ dài ống (L)=46mm, đường kính bóng (CD)=12mm
660	Ống Cannula mở khí quản có bóng số 5 (5.0PDC)	10	CAI	Vật liệu PVC phủ silicone, không latex, không DEHP. Đường cân quang dọc thân ống. Cánh trong suốt, mềm mịn trơn tru. Bóng thành mỏng thể tích lớn, áp lực nhỏ. Trên bóng bơm có in thông số kích thước ống rõ ràng. Co nối tiêu chuẩn 15mm. Cong 100 độ dài ống (L)=48mm
661	Ống Cannula mở khí quản có bóng số 5.5 (5.5PDC)	10	CAI	Vật liệu PVC phủ silicone, không latex, không DEHP. Đường cân quang dọc thân ống. Cánh trong suốt, mềm mịn trơn tru. Bóng thành mỏng thể tích lớn, áp lực nhỏ. Trên bóng bơm có in thông số kích thước ống rõ ràng. Co nối tiêu chuẩn 15mm. Cong 100 độ dài ống (L)=50mm
662	Ống Cannula mở khí quản có bóng số 6 (60PLC)	10	CAI	Vật liệu PVC phủ silicone, không latex, không DEHP. Đường cân quang dọc thân ống. Cánh trong suốt, mềm mịn trơn tru. Bóng thành mỏng thể tích lớn, áp lực nhỏ. Trên bóng bơm có in thông số kích thước ống rõ ràng. Co nối tiêu chuẩn 15mm. Cong 100 độ dài ống (L)=59mm
663	Gạc miếng vô trùng 8cm x 12cm	1.000	MIENG	Gạc y tế, không cân quang, có tiết khuẩn. - Chất liệu: 100% sợi cotton, màu trắng không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không mùi. - Kích thước: 8cm x 12cm, 6 lớp - Mật độ sợi: Sợi dọc 78 ± 5 sợi/10cm; Sợi ngang 65->70 sợi/10cm.
664	Ống Cannula mở khí quản không bóng số 3.0 (3.0NEO)	20	CAI	Vật liệu PVC phủ silicone, không latex, không DEHP. Đường cân quang dọc thân ống. Cánh trong suốt, mềm mịn trơn tru. Co nối tiêu chuẩn 15mm. Cong 100 độ. Các cỡ 3.0(OD=4.2mm, dài ống (L)=35mm)
665	Ống Cannula mở khí quản không bóng số 3.5 (35NEO)	20	CAI	Vật liệu PVC phủ silicone, không latex, không DEHP. Đường cân quang dọc thân ống. Cánh trong suốt, mềm mịn trơn tru. Co nối tiêu chuẩn 15mm. Cong 100 độ dài ống (L)=37mm
666	Ống chính 50ml dầu dài, ECMO	200	CAI	Bơm tiêm không kim, đầu lệch tâm (Eccentric Luer). Thân bơm tiêm làm bằng chất liệu Polypropylen (PP) trong suốt, vách chia thể tích rõ ràng (1.0cc). Đệm pitong gioăng kép giúp kín khí, sử dụng chất liệu đàn hồi chịu nhiệt tốt không Latex giảm nguy cơ rò rỉ hoặc tương tác với thuốc. Sử dụng được với máy bơm tiêm điện. - Sản phẩm không Latex & PVC. Không gây độc. Không sinh nhiệt/sốt. Đóng gói riêng lẻ từng cái trong bao bì nhựa. Tiết trùng bằng (chùm) tia điện tử.
667	Ống Cannula mở khí quản không bóng số 5.5 (5.5PED)	20	CAI	Vật liệu PVC phủ silicone, không latex, không DEHP. Đường cân quang dọc thân ống. Cánh trong suốt, mềm mịn trơn tru. Co nối tiêu chuẩn 15mm. Cong 100 độ

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
668	Ống chích 0.5ml	2.000	ONG	- 100 UI - Đường kính nhỏ 30G, đầu kim phủ silicone - Chiều dài kim ngắn 5/16" (8mm) với đường kính lòng kim lớn - Vạch chia từng đơn vị đậm và rõ nét, không khoảng chết - Dung tích 0,5ml đóng gói riêng lẻ từng cái.
669	Ống chích 1 ml kim 25G (H/100 ống)	518.112	CAY	Dung tích bơm tiêm: 1ml, kim 25G x 5/8" - Ống bơm tiêm được làm từ chất liệu nhựa PP dùng trong y tế, không có nấm mốc, chỉ nhiệt độ. - Piston sát lòng trong thân bơm tiêm, không quá chặt gây khó khăn khi thao tác cũng không bị lỏng làm thất thoát dịch.
670	Ống chích 10 ml (H/100 ống)	847.027	CAI	Dung tích bơm tiêm: 10ml, kim 23G x 1" - Ống bơm tiêm được làm từ chất liệu nhựa PP dùng trong y tế, không có nấm mốc, chỉ nhiệt độ. - Piston sát lòng trong thân bơm tiêm, không quá chặt gây khó khăn khi thao tác cũng không bị lỏng làm thất thoát dịch, thể tích tối thiểu phù hợp với thể tích bơm tiêm và đủ để đuổi khí
671	Ống chích 10 ml, có luer lock	300	CAY	Bơm tiêm không kim, đầu khóa/xoắn (Luer Lock Tip). Thân bơm tiêm làm bằng chất liệu Polypropylen (PP) trong suốt, vạch chia thể tích rõ ràng (0.2cc). Đệm pitong sử dụng chất liệu đàn hồi chịu nhiệt cao - Thermoplastic Elastomer, không Latex, không tương tác thuốc, gioăng kép giúp kín khí, giảm nguy cơ rò rỉ. Sử dụng được với máy bơm tiêm điện. - Sản phẩm không Latex & PVC. Không gây độc. Không sinh nhiệt/sốt. Đóng gói riêng lẻ từng cái trong bao bì nhựa. Tiệt trùng bằng (chùm) tia điện tử. - Dung tích 10cc (tổng dung tích 12cc)
672	Ống chích 1ml kim 29G tiêm Insulin	38.300	CAY	Bơm tiêm 1ml dùng chích Insulin, có vạch đánh dấu thể tích theo đơn vị IU, đầu kim 29G. - Piston có độ đàn hồi tốt, bám sát lòng trong thân bơm tiêm, không quá chặt gây khó khăn khi thao tác cũng không bị lỏng làm thất thoát dịch. - Kim làm từ thép không gỉ
673	Ống chích 20 ml (H/50 ống)	457.000	CAY	Dung tích bơm tiêm: 20ml, kim 23G x 1" - Ống bơm tiêm được làm từ chất liệu nhựa PP dùng trong y tế, không có nấm mốc, chỉ nhiệt độ. - Piston có độ đàn hồi tốt, bám sát lòng trong thân bơm tiêm, không quá chặt gây khó khăn khi thao tác cũng không bị lỏng - Tương thích với máy bơm tiêm tại bệnh viện (Terumo, B.Braun, Top)
674	Ống chích 3 ml (H/100 ống)	2.586.938	CAY	Dung tích bơm tiêm: 3ml, kim 23G x 1" và 25Gx3/8" - Ống bơm tiêm được làm từ chất liệu nhựa PP dùng trong y tế, không có nấm mốc, chỉ nhiệt độ. - Piston có độ đàn hồi tốt, bám sát lòng trong thân bơm tiêm, không quá chặt gây khó khăn khi thao tác cũng không bị lỏng
675	Màng lọc loại bạch cầu thu hồng cầu	20	Cái	Màng lọc loại bạch cầu thu hồng cầu
676	Ống chích 50ml đầu luer lock dùng cho máy tiêm điện tự động	283.757	CAI	Bơm tiêm không kim, đầu khóa/xoắn (Luer Lock Tip). Thân bơm tiêm làm bằng chất liệu Polypropylen (PP) trong suốt, vạch chia thể tích rõ ràng (1.0cc). Đệm pitong sử dụng chất liệu đàn hồi chịu nhiệt cao - Thermoplastic Elastomer, không Latex, không tương tác thuốc, gioăng kép giúp kín khí, giảm nguy cơ rò rỉ. Sử dụng được với máy bơm tiêm điện. - Sản phẩm không Latex & PVC. Không gây độc. Không sinh nhiệt. Đóng gói riêng lẻ từng cái trong bao bì nhựa. Tiệt trùng bằng (chùm) tia điện tử. - Dung tích 50ml (tổng dung tích 60ml).
677	Ống chích 50ml đầu nhỏ	235.650	CAI	Bơm tiêm không kim, đầu lệch tâm (Eccentric Luer). Thân bơm tiêm làm bằng chất liệu Polypropylen (PP) trong suốt, vạch chia thể tích rõ ràng (1.0cc). Đệm pitong gioăng kép giúp kín khí, sử dụng chất liệu đàn hồi chịu nhiệt tốt không Latex giảm nguy cơ rò rỉ hoặc tương tác với thuốc. Sử dụng được với máy bơm tiêm điện. - Sản phẩm không Latex & PVC. Không gây độc. Không sinh nhiệt/sốt. Đóng gói riêng lẻ từng cái trong bao bì nhựa. Tiệt trùng bằng (chùm) tia điện tử.
678	Ống chích 50ml, không kim+luer lock	82.580	CAI	Bơm tiêm không kim, đầu khóa/xoắn (Luer Lock Tip). Thân bơm tiêm làm bằng chất liệu Polypropylen (PP) trong suốt, vạch chia thể tích rõ ràng (1.0cc). Đệm pitong gioăng kép giúp kín khí, sử dụng chất liệu đàn hồi chịu nhiệt tốt không Latex giảm nguy cơ rò rỉ hoặc tương tác với thuốc. Sử dụng được với máy bơm tiêm điện. - Sản phẩm không Latex & PVC. Không gây độc. Không sinh nhiệt/sốt. Đóng gói riêng lẻ từng cái trong bao bì nhựa. Tiệt trùng bằng (chùm) tia điện tử.
679	Ống chích 5ml (H/100 ống)	825.790	CAI	Dung tích bơm tiêm: 5ml, kim 23G x 1" - Ống bơm tiêm được làm từ chất liệu nhựa PP dùng trong y tế, không có nấm mốc, chỉ nhiệt độ. - Piston có độ đàn hồi tốt, bám sát lòng trong thân bơm tiêm, không quá chặt gây khó khăn khi thao tác cũng không bị lỏng
680	Ống chích khi máu động mạch 1ml heparin	14.480	CAI	Bơm tiêm khi máu động mạch 1ml có tráng Lithium heparin khô cân bằng Canxi trong lòng syringe, hàm lượng 23,5IU/ml. Đầu Filter Pro loại bỏ bọt khí an toàn, tránh phơi nhiễm máu và mầm bệnh. Syringe loại luer slip, không có kim. Thể tích lấy máu tối thiểu 0.25 ml

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
681	Ống cho ăn không có DEHP, có cân quang số 10	10.000	CAI	Ống thẳng, đầu ống tròn, mềm, trơn tru để sử dụng, có lỗ bên cho phép tăng lưu lượng chất lỏng. Đầu gắn gắn với bộ nối luer, Có nắp đậy. dây bằng PVC đã loại DEHP và latex, sử dụng ≥ 4 tuần; đầu ống bo tròn; dây cân quang dài tối thiểu 50cm, có chia vạch <u>Đóng gói vô trùng từng cái</u>
682	Ống cho ăn không có DEHP, có cân quang số 5	3.000	CAI	Ống thẳng, đầu ống tròn, mềm, trơn tru để sử dụng, có lỗ bên cho phép tăng lưu lượng chất lỏng. Đầu gắn gắn với bộ nối luer, Có nắp đậy. dây bằng PVC đã loại DEHP và latex, sử dụng ≥ 4 tuần; đầu ống bo tròn; dây cân quang dài tối thiểu 50cm, có chia vạch <u>Đóng gói vô trùng từng cái</u>
683	Ống cho ăn không có DEHP, có cân quang số 6	5.062	CAI	Ống thẳng, đầu ống tròn, mềm, trơn tru để sử dụng, có lỗ bên cho phép tăng lưu lượng chất lỏng. Đầu gắn gắn với bộ nối luer, Có nắp đậy. dây bằng PVC đã loại DEHP và latex, sử dụng ≥ 4 tuần; đầu ống bo tròn; dây cân quang dài tối thiểu 50cm, có chia vạch <u>Đóng gói vô trùng từng cái</u>
684	Ống cho ăn không có DEHP, có cân quang số 8	10.042	CAI	Số 8FG (OD/ID khoảng 2,65mm/1,5mm). Chiều dài ≥ 40 cm Ống thẳng, đầu ống tròn, mềm, trơn tru để sử dụng, có lỗ bên cho phép tăng lưu lượng chất lỏng. Đầu gắn gắn với bộ nối luer, Có nắp đậy. dây bằng PVC đã loại DEHP và latex, sử dụng ≥ 4 tuần; đầu ống bo tròn; dây cân quang dài tối thiểu 40cm, có chia vạch <u>Đóng gói vô trùng từng cái</u>
685	Ống cho ăn số 10 (Feeding Tube)	11.716	CAI	Ống có đường kính OD 3.35mm, ID 2.0mm, dài tối thiểu 50cm, vạch đánh dấu tại 20cm, 30 cm, có 2 mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn. Chất liệu PVC mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. <u>Đóng gói từng cái và tiệt trùng</u>
686	Ống cho ăn số 5 (Feeding Tube)	50	CAI	Ống có đường kính khoảng: OD 1.68mm, ID 0.8mm., dài tối thiểu 50cm, vạch đánh dấu tại 20cm, 30 cm, có 2 mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn. Chất liệu PVC mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. <u>Đóng gói từng cái và tiệt trùng</u>
687	Ống cho ăn số 6 (Feeding tube)	17.998	CAI	Ống có đường kính OD 1.98mm, ID 1.05mm, dài tối thiểu 50cm, vạch đánh dấu tại 20cm, 30 cm, có 2 mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn. Chất liệu PVC mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. <u>Đóng gói từng cái và tiệt trùng</u>
688	Ống cho ăn số 8 (Feeding Tube)	25.588	CAI	Ống có đường kính OD 2.65mm, ID 1.5mm, dài tối thiểu 50cm, vạch đánh dấu tại 20cm, 30 cm, có 2 mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn. Chất liệu PVC mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. <u>Đóng gói từng cái và tiệt trùng</u>
689	Ống đựng dịch màng phổi Extractor các số	4.020	CAI	* Vật liệu PVC y tế cao cấp, không latex, không DEHP, trong để quan sát. * Cấu tạo: 2 dây với 1 dây hút chính có van kiểm soát, 3 lỗ hút (2 lỗ bên) giúp hút nhanh hơn và chống tắc nghẽn, dễ kết nối với bơm hút. * Lọ đựng mẫu có vạch chia thể tích, có thêm nắp vận để đóng lại sau khi hút, đảm bảo mẫu an toàn. * Lọ đựng 25ml, Chiều dài dây hút dịch cho người lớn FG12, 14, 16 x 55cm và trẻ em FG8, 10 x 32cm. Chiều dài dây nối 47cm * Có cả loại 14F chuyên dụng trong nội soi
690	Ống hút đàm có kiểm số 10	92.506	CAI	Catheter hút đàm nhớt bao gồm ống dây vật liệu nhựa PVC mềm và co nối có van khóa kiểm soát. Đầu xa tròn mềm mịn với 2 lỗ dẫn lưu đối nhau hiệu quả hút dịch và thoát mủi cho bệnh nhân. Mã hóa màu co nối khác nhau theo size * Kích cỡ: 10FG (OD 3.35mm, ID 2.00mm). Chiều dài 50cm * <u>Đóng gói tiệt trùng EO. Không chứa DBP, BBP, DEHP, Không latex</u>
691	Ống hút đàm có kiểm số 12	43.910	CAI	* Catheter hút đàm nhớt bao gồm ống dây vật liệu nhựa PVC mềm và co nối có van khóa kiểm soát. Đầu xa tròn mềm mịn với 2 lỗ dẫn lưu đối nhau hiệu quả hút dịch và thoát mủi cho bệnh nhân. Mã hóa màu co nối khác nhau theo size * Kích cỡ: 12FG (OD 4.00, ID 2.45mm). Chiều dài 50cm * <u>Đóng gói tiệt trùng EO. Không chứa DBP, BBP, DEHP, Không latex</u>
692	Ống hút đàm có kiểm số 14	3.326	CAI	* Catheter hút đàm nhớt bao gồm ống dây vật liệu nhựa PVC mềm và co nối có van khóa kiểm soát. Đầu xa tròn mềm mịn với 2 lỗ dẫn lưu đối nhau hiệu quả hút dịch và thoát mủi cho bệnh nhân. Mã hóa màu co nối khác nhau theo size * Kích cỡ: 14FG (OD 4.65mm, ID 2.95mm). Chiều dài 50cm * <u>Đóng gói tiệt trùng EO. Không chứa DBP, BBP, DEHP, Không latex</u>
693	Ống hút đàm có kiểm số 16	240	CAI	Ống thẳng mềm mại, không bị gấp, trong, có khóa kiểm soát. Chiều dài tối thiểu ≥ 45 cm. Đầu xa tròn mềm mịn với 2 lỗ dẫn lưu so le nhau. Có Mã hóa màu co nối khác nhau theo size

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
694	Ống hút đàm có kiểm số 6	61.260	CAI	* Catheter hút đàm nhớt bao gồm ống dây vật liệu nhựa PVC mềm và co nối có van khóa kiểm soát. Đầu xa tròn mềm mịn với 2 lỗ dẫn lưu đối nhau hiệu quả hút dịch và thoải mái cho bệnh nhân. Mã hóa màu co nối khác nhau theo size. * Các size: 6FG (OD 1.98mm, ID 1.05mm). Chiều dài 50cm * Đóng gói tiệt trùng EO. Không chứa DBP, BBP, DEHP. Không latex
695	Ống hút đàm có kiểm số 8	260.036	CAI	* Catheter hút đàm nhớt bao gồm ống dây vật liệu nhựa PVC mềm và co nối có van khóa kiểm soát. Đầu xa tròn mềm mịn với 2 lỗ dẫn lưu đối nhau hiệu quả hút dịch và thoải mái cho bệnh nhân. Mã hóa màu co nối khác nhau theo size * Kích cỡ: 8FG (OD 2.65mm, ID 1.5mm). Chiều dài 50cm * Đóng gói tiệt trùng EO. Không chứa DBP, BBP, DEHP. Không latex - Tiêu chuẩn ISO, CE
696	Ống hút đàm kín số 10	615	CAY	* Bộ hút đàm kín 2 cổng vô trùng, sử dụng 72h. - Catheter hút dịch vật liệu PVC y tế, đầu tròn, mềm có 2 lỗ hút giúp hút tối đa, đảm bảo sự thoải mái tối đa. Vạch đánh dấu đo độ dài kiểm soát độ sâu khi luồn. Lớp nhựa mềm trong suốt bọc ngoài đảm bảo hệ thống hút kín an toàn, dễ theo dõi. - Kết nối khóa xoay với van khóa 1 chiều sạch hơn và giảm dòng quay trở lại. - Van kiểm soát có bộ nối để ngăn chặn việc vô tình khởi động máy hút khi không cần thiết. - Van Vacuum hút rửa tự động thuận tiện giúp rửa nhanh và không cần bơm syringe nhiều lần. - Tùy chọn phụ kiện đi kèm: catheter mount (đoạn nối), 3 Co nối Y (trẻ em), dụng cụ capwedge an toàn 2 in 1 (nắp đậy cai máy thở tạm thời hoặc để tháo nội khí quản khỏi bộ hút đàm) - Kích cỡ: 10FG. Mã hóa màu theo kích cỡ. - Đóng gói vô trùng. Không Latex, không DEHP
697	Ống hút đàm kín số 12	243	CAY	Ống thẳng mềm mại, không bị gấp, không có cạnh sắc gây tổn thương cho bệnh nhân, có khóa kiểm soát.
698	Ống hút đàm kín số 14	3	CAY	Ống thẳng mềm mại, không bị gấp, không có cạnh sắc gây tổn thương cho bệnh nhân, có khóa kiểm soát.
699	Ống hút đàm kín số 6	1.599	CAY	* Bộ hút đàm kín 2 cổng vô trùng, sử dụng 72h. - Catheter hút dịch vật liệu PVC y tế, đầu tròn, mềm có 2 lỗ hút giúp hút tối đa, đảm bảo sự thoải mái tối đa. Vạch đánh dấu đo độ dài kiểm soát độ sâu khi luồn. Lớp nhựa mềm trong suốt bọc ngoài đảm bảo hệ thống hút kín an toàn, dễ theo dõi. - Kết nối khóa xoay với van khóa 1 chiều sạch hơn và giảm dòng quay trở lại. - Van kiểm soát có bộ nối để ngăn chặn việc vô tình khởi động máy hút khi không cần thiết. - Van Vacuum hút rửa tự động thuận tiện giúp rửa nhanh và không cần bơm syringe nhiều lần. - Tùy chọn phụ kiện đi kèm: catheter mount (đoạn nối), 3 Co nối Y (trẻ em), dụng cụ capwedge an toàn 2 in 1 (nắp đậy cai máy thở tạm thời hoặc để tháo nội khí quản khỏi bộ hút đàm) - Kích cỡ: 6FG. Mã hóa màu theo kích cỡ. - Đóng gói vô trùng. Không Latex, không DEHP
700	Ống hút đàm kín số 8	2.823	CAY	* Bộ hút đàm kín 2 cổng vô trùng, sử dụng 72h. - Catheter hút dịch vật liệu PVC y tế, đầu tròn, mềm có 2 lỗ hút giúp hút tối đa, đảm bảo sự thoải mái tối đa. Vạch đánh dấu đo độ dài kiểm soát độ sâu khi luồn. Lớp nhựa mềm trong suốt bọc ngoài đảm bảo hệ thống hút kín an toàn, dễ theo dõi. - Kết nối khóa xoay với van khóa 1 chiều sạch hơn và giảm dòng quay trở lại. - Van kiểm soát có bộ nối để ngăn chặn việc vô tình khởi động máy hút khi không cần thiết. - Van Vacuum hút rửa tự động thuận tiện giúp rửa nhanh và không cần bơm syringe nhiều lần. - Tùy chọn phụ kiện đi kèm: catheter mount (đoạn nối), 3 Co nối Y (trẻ em), dụng cụ capwedge an toàn 2 in 1 (nắp đậy cai máy thở tạm thời hoặc để tháo nội khí quản khỏi bộ hút đàm) - Kích cỡ: 8FG. Mã hóa màu theo kích cỡ. - Đóng gói vô trùng. Không Latex, không DEHP
701	Ống hút nước bọt nha khoa (G/100 cái)	30.000	CAI	Ống hút nước bọt đầu màu xanh, không rỉ sét, dễ dàng tạo hình. Đầu ống tròn láng mềm mại để tránh hút dính vào mô
702	Ống lấy máu có nắp đậy 5ml không nhãn	1.200	ONG	* Kích thước 13x75mm. Nhựa PP, nắp màu đỏ, dung tích tối đa 6ml * Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất chứa bên trong. * Nhựa dùng cho y tế, trong sáng, dễ quan sát, độ PH trung tính
703	Ống lấy máu EDTA 0.5 ml	72.860	ONG	* Ống nghiệm nhựa PP, kích thước 13x75mm, dung tích tối đa 6ml ± 0.1ml, nắp cao su với độ đàn hồi cao, phủ bọc nhựa màu xanh biển trong, PH trung tính * Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetraacetic Acid (EDTA) K2/K3 với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong mẫu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3.000 vòng/phút trong thời gian 5 phút (có phiếu kiểm nghiệm xác nhận của đơn vị kiểm chứng).

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
704	Ống lấy máu EDTA 1ml, nắp cao su	496.240	TUBE	Ống lấy máu có kháng đông EDTA 1ml, nắp cao su Nhựa dùng cho y tế, trong sáng, dễ quan sát Vận chuyển an toàn bằng đường ống chân không Ống nghiệm nhựa PP, kích thước 13x75mm, dung tích tối đa 6ml ± 0.1ml, nắp cao su với độ đàn hồi cao, phủ bọc nhựa màu xanh biển trong, PH trung tính * Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetraacetic Acid (EDTA) K2/K3 với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ, Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3.000 vòng/phút trong thời gian 5 phút (có phiếu kiểm nghiệm xác nhận của đơn vị kiểm chứng).
705	Ống lấy máu kháng đông EDTA HTM 2 ml	141.400	ONG	* Ống nghiệm nhựa PET. Kích thước 13*75 mm. Ống nghiệm đã được hút chân không với thể tích mẫu 2.0 ml, vô trùng. * Nắp đậy ống nghiệm: nắp nhựa màu tím, nút cao su bên trong nắp được làm từ cao su và Silicon D. * Dùng để lấy máu toàn phần trong xét nghiệm Huyết Học, định nhóm máu, sàng lọc kháng thể... * Ống được phun phủ K2-EDTA trên mặt trong thành ống * Chịu được lực quay ly tâm gia tốc tối đa 6.000 vòng/phút trong thời gian 10 phút, đạt độ an toàn, đạt độ kín thân và nắp ống nghiệm, đạt độ vô khuẩn (có phiếu kết quả thử nghiệm của đơn vị kiểm chứng).
706	Ống lấy máu không nắp không nhãn 5ml (Gói/100 cái)	73.200	ONG	Không có nấm mốc, chất sinh nhiệt Nhựa dùng cho y tế, trong sáng, dễ quan sát Độ PH trung tính
707	Ống lót bột bó 10cm	10	CUON	Làm từ 35% vải cotton và 65% polyester, không gây ngứa và dị ứng da. Kích thước: Rộng khoảng 10cm, cuộn dài 25m
708	Ống lót bột bó 6.5cm	10	CUON	Làm từ 35% vải cotton và 65% polyester, không gây ngứa và dị ứng da. Kích thước: Rộng khoảng 6,5cm, cuộn dài 25m
709	Ống ly tâm Hematocrit, Lọ/100 ống (tube)	177.400	TUBE	- Không làm thay đổi kết quả xét nghiệm. - Không có nấm mốc - Vật liệu nhựa sản xuất dùng cho y tế, đáp ứng yêu cầu hóa lý và sinh học. - Thành trong ống nghiệm phải nhẵn, đường kính trong đồng nhất.
710	Dây dẫn khí CO2 có bộ phận sưởi ấm khí gas	10	Cái	Dây dẫn khí CO2 có bộ phận sưởi ấm khí gas
711	Ống mở đường thở nhựa số 0	2.865	CAI	-Ống mở đường thở nhựa số 0 - Chất liệu nhựa dẻo tốt- Có độ cong tự nhiên theo cổ họng- Trơn láng không gây tổn thương và được mã hóa màu- Có đường thông khí ở trung tâm cũng như các rãnh 2 bên- Đầu hình tròn mịn giúp giảm thương tổn cho họng- Bề mặt bằng phẳng tạo sự thoải mái cho bệnh nhân
712	Ống mở đường thở nhựa số 1	3.877	CAI	Chất liệu: Nhựa y tế không độc hại, trơn láng không gây tổn thương không gây kích ứng da Kích cỡ: Số 1 (70 mm) Đóng gói: 1 Cái/ gói - Tiệt trùng
713	Ống mở đường thở nhựa số 2	4.207	CAI	*Thiết kế hình dạng giải phẫu, cạnh tròn mềm giảm tổn thương * Làm bằng vật liệu PE. Mã hóa màu block theo size * Tiệt trùng
714	Ống mở đường thở nhựa số 3	402	CAI	Chất liệu: Nhựa y tế không độc hại, trơn láng không gây tổn thương không gây kích ứng da Kích cỡ: Số 3 (90mm) Đóng gói: 1 Cái/ gói - Tiệt trùng
715	Dây nối tâm điện cực trung tính	70	Cái	Dây nối tâm điện cực trung tính
716	Ống nội khí quản có bóng chèn áp lực thấp số 5	1.000	ONG	* Ống nội khí quản làm bằng PVC y tế tương thích sinh học, nhạy nhiệt. Sử dụng < 30 ngày * Ống trong suốt có đường cân quang màu xanh, có vạch đánh dấu rõ ràng giúp dễ dàng xác định vị trí khi chèn. Có nối tiêu chuẩn 15cm * Bóng thể tích lớn áp lực thấp hình taper thon dần về mũi, in các thông tin kích thước trên ống, dk nghi bóng lớn * Đầu tip mềm mịn, có lỗ murphy nhẵn an toàn, mỗi hàn nhẵn không gây tổn thương khi chèn * Các size 5.0(OD=6.7mm, Đk bóng=22mm, L=265mm)
717	Ống nội khí quản có bóng chèn áp lực thấp số 5,5	1.000	CAI	* Ống nội khí quản làm bằng PVC y tế tương thích sinh học, nhạy nhiệt. Sử dụng < 30 ngày * Ống trong suốt có đường cân quang màu xanh, có vạch đánh dấu rõ ràng giúp dễ dàng xác định vị trí khi chèn. Có nối tiêu chuẩn 15cm * Bóng thể tích lớn áp lực thấp hình taper thon dần về mũi, in các thông tin kích thước trên ống, dk nghi bóng lớn * Đầu tip mềm mịn, có lỗ murphy nhẵn an toàn, mỗi hàn nhẵn không gây tổn thương khi chèn * Số 5.5(OD=7.3mm, Đk bóng=22mm, L=295mm)

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
718	Ống nội khí quản có bóng chèn áp lực thấp số 6	500	CAI	* Ống nội khí quản làm bằng PVC y tế tương thích sinh học, nhạy nhiệt. Sử dụng < 30 ngày * Ống trong suốt có đường cán quang màu xanh, có vạch đánh dấu rõ ràng giúp dễ dàng xác định vị trí khi chèn. Co nối tiêu chuẩn 15cm * Bóng thể tích lớn áp lực thấp hình taper thon dần về mũi, in các thông tin kích thước trên ống, dk nghi bóng lớn * Đầu tip mềm mịn, có lỗ murphy nhấn an toàn, mỗi hàn nhãn không gây tổn thương khi chèn * Số 6.0(OD=8.0mm, Đk bóng=24mm, L=300mm)
719	Ống nội khí quản có bóng chèn áp lực thấp số 6,5	505	CAI	* Ống nội khí quản làm bằng PVC y tế tương thích sinh học, nhạy nhiệt. Sử dụng < 30 ngày * Ống trong suốt có đường cán quang màu xanh, có vạch đánh dấu rõ ràng giúp dễ dàng xác định vị trí khi chèn. Co nối tiêu chuẩn 15cm * Bóng thể tích lớn áp lực thấp hình taper thon dần về mũi, in các thông tin kích thước trên ống, dk nghi bóng lớn * Đầu tip mềm mịn, có lỗ murphy nhấn an toàn, mỗi hàn nhãn không gây tổn thương khi chèn * Số 6.5(OD=8.5mm, Đk bóng=24mm, L=310mm)
720	Ống nội khí quản có bóng chèn áp lực thấp số 7,0	100	CAI	- Ống nội khí quản làm bằng PVC y tế tương thích sinh học, nhạy nhiệt. Sử dụng <30 ngày * Ống trong suốt có đường cán quang màu xanh dọc thân ống, có vạch đánh dấu trên ống, mỗi vạch cách nhau 2cm giúp dễ dàng xác định vị trí khi chèn. Co nối tiêu chuẩn 15 mm. * Bóng thể tích lớn áp lực thấp hình taper thon dần về mũi, in các thông tin kích thước trên ống, dk nghi bóng lớn * Đầu tip mềm mịn, có lỗ murphy nhấn an toàn, mỗi hàn nhãn không gây tổn thương khi chèn * Số 7.0 (ID 7.0mm, OD 9.2mm, chiều dài 320mm, đường kính nghi bóng 26mm) * Đóng gói vô trùng EO từng cái
721	Ống nội khí quản có bóng chèn áp lực thấp số 7,5	100	CAI	* Ống nội khí quản làm bằng PVC y tế tương thích sinh học, nhạy nhiệt. Sử dụng < 30 ngày * Ống trong suốt có đường cán quang màu xanh, có vạch đánh dấu rõ ràng giúp dễ dàng xác định vị trí khi chèn. Co nối tiêu chuẩn 15cm * Bóng thể tích lớn áp lực thấp hình taper thon dần về mũi, in các thông tin kích thước trên ống, dk nghi bóng lớn * Đầu tip mềm mịn, có lỗ murphy nhấn an toàn, mỗi hàn nhãn không gây tổn thương khi chèn * Số 7.5(OD=10.0mm, Đk bóng=26mm, L=325mm)
722	Ống nội khí quản có bóng số 3	357	ONG	- Ống nội khí quản mũi/miệng. - Loại murphy. - Vật liệu PVC phủ silicone, tương thích nhiệt độ cơ thể. Không chứa latex. Trong suốt. - Bóng hình trụ thể tích lớn áp lực thấp, thành bóng mỏng (0.07- 0.12mm) giảm tổn thương khí quản. - Có đường cán quang tia X. vạch đánh dấu trên ống rõ ràng. Có vòng đen đánh dấu độ sâu. - Đánh dấu kích cỡ trên bóng bơm. - Co nối trong suốt 15mm. - Kích cỡ: đường kính trong 3.0mm , đường kính ngoài 4.2mm, đường kính bóng 14.0mm , thể tích bóng 3.5ml - Đóng gói vô trùng
723	Ống nội khí quản có bóng số 3,5	1.578	ONG	- Ống nội khí quản mũi/miệng. - Loại murphy. - Vật liệu PVC phủ silicone, tương thích nhiệt độ cơ thể. Không chứa latex. Trong suốt. - Bóng hình trụ thể tích lớn áp lực thấp, thành bóng mỏng (0.07- 0.12mm) giảm tổn thương khí quản. - Có đường cán quang tia X. vạch đánh dấu trên ống rõ ràng. Có vòng đen đánh dấu độ sâu. - Đánh dấu kích cỡ trên bóng bơm. - Co nối trong suốt 15mm. - Kích cỡ: đường kính trong 3.5mm , đường kính ngoài 4.9mm, đường kính bóng 12.0mm , thể tích bóng từ 4.5ml - Đóng gói vô trùng

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
724	Ống nội khí quản có bóng số 4,0	2.564	ONG	Ống nội khí quản mũi/miệng. - Loại murphy. - Vật liệu PVC phủ silicone, tương thích nhiệt độ cơ thể. Không chứa latex. Trong suốt. - Bóng hình trụ thể tích lớn áp lực thấp, thành bóng mỏng (0.07- 0.12mm) giảm tổn thương khí quản. - Có đường cân quang tia X, vạch đánh dấu trên ống rõ ràng. Có vòng đen đánh dấu độ sâu. - Đánh dấu kích cỡ trên bóng bơm. - Co nổi trong suốt 15mm. - Kích cỡ: đường kính trong 4.0mm, đường kính ngoài 5.5mm, đường kính bóng từ 14.0mm, thể tích bóng 5.0ml - Đóng gói vô trùng
725	Ống nội khí quản có bóng số 4,5	3.593	ONG	Ống nội khí quản mũi/miệng. - Loại murphy. - Vật liệu PVC phủ silicone, tương thích nhiệt độ cơ thể. Không chứa latex. Trong suốt. - Bóng hình trụ thể tích lớn áp lực thấp, thành bóng mỏng (0.07- 0.12mm) giảm tổn thương khí quản. - Có đường cân quang tia X, vạch đánh dấu trên ống rõ ràng. Có vòng đen đánh dấu độ sâu. - Đánh dấu kích cỡ trên bóng bơm. - Co nổi trong suốt 15mm. - Kích cỡ: đường kính trong 4.5mm, đường kính ngoài 6.2mm, đường kính bóng 14.0mm, thể tích bóng 5.0ml - Đóng gói vô trùng
726	Ống nội khí quản có bóng số 5,0	3.173	ONG	Ống nội khí quản mũi/miệng. - Loại murphy. - Vật liệu PVC phủ silicone, tương thích nhiệt độ cơ thể. Không chứa latex. Trong suốt. - Bóng hình trụ thể tích lớn áp lực thấp, thành bóng mỏng (0.07- 0.12mm) giảm tổn thương khí quản. - Có đường cân quang tia X, vạch đánh dấu trên ống rõ ràng. Có vòng đen đánh dấu độ sâu. - Đánh dấu kích cỡ trên bóng bơm. - Co nổi trong suốt 15mm. - Kích cỡ: đường kính trong 5.0mm, đường kính ngoài 6.9mm, đường kính bóng 17.0mm, thể tích bóng từ 7.0ml - Đóng gói vô trùng
727	Ống nội khí quản có bóng số 5,5	3.110	ONG	Ống nội khí quản mũi/miệng. - Loại murphy. - Vật liệu PVC phủ silicone, tương thích nhiệt độ cơ thể. Không chứa latex. Trong suốt. - Bóng hình trụ thể tích lớn áp lực thấp, thành bóng mỏng (0.07- 0.12mm) giảm tổn thương khí quản. - Có đường cân quang tia X, vạch đánh dấu trên ống rõ ràng. Có vòng đen đánh dấu độ sâu. - Đánh dấu kích cỡ trên bóng bơm. - Co nổi trong suốt 15mm. - Kích cỡ: đường kính trong 5.5mm, đường kính ngoài 7.5mm, đường kính bóng 17.0mm, thể tích bóng 9.0ml - Đóng gói vô trùng
728	Ống nội khí quản có bóng số 6,0	2.865	ONG	Ống nội khí quản mũi/miệng. - Loại murphy. - Vật liệu PVC phủ silicone, tương thích nhiệt độ cơ thể. Không chứa latex. Trong suốt. - Bóng hình trụ thể tích lớn áp lực thấp, thành bóng mỏng (0.07- 0.12mm) giảm tổn thương khí quản. - Có đường cân quang tia X, vạch đánh dấu trên ống rõ ràng. Có vòng đen đánh dấu độ sâu. - Đánh dấu kích cỡ trên bóng bơm. - Co nổi trong suốt 15mm. - Kích cỡ: đường kính trong 6.0mm, đường kính ngoài 8.2mm, đường kính bóng từ 20.0mm, thể tích bóng 10ml - Đóng gói vô trùng

✓

T	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
729	Ống nội khí quản có bóng số 6,5	2.093	ONG	Ống nội khí quản mũi/miệng. - Loại murphy. - Vật liệu PVC phủ silicone, tương thích nhiệt độ cơ thể. Không chứa latex. Trong suốt. - Bóng hình trụ thể tích lớn áp lực thấp, thành bóng mỏng (0.07- 0.12mm) giảm tổn thương khí quản. - Có đường cân quang tia X, vạch đánh dấu trên ống rõ ràng. Có vòng đen đánh dấu độ sâu. - Đánh dấu kích cỡ trên bóng bơm. - Co nổi trong suốt 15mm. - Kích cỡ: đường kính trong 6.5mm, đường kính ngoài 8.8mm, đường kính bóng 20.0mm, thể tích bóng 10.5ml - Đóng gói vô trùng
730	Ống nội khí quản có bóng số 7,0	1.060	ONG	Ống nội khí quản mũi/miệng. - Loại murphy. - Vật liệu PVC phủ silicone, tương thích nhiệt độ cơ thể. Không chứa latex. Trong suốt. - Bóng hình trụ thể tích lớn áp lực thấp, thành bóng mỏng (0.07- 0.12mm) giảm tổn thương khí quản. - Có đường cân quang tia X, vạch đánh dấu trên ống rõ ràng. Có vòng đen đánh dấu độ sâu. - Đánh dấu kích cỡ trên bóng bơm. - Co nổi trong suốt 15mm. - Kích cỡ: đường kính trong 7.0mm, đường kính ngoài 9.6mm, đường kính bóng từ 25.0mm, thể tích bóng 10.5ml - Đóng gói vô trùng
731	Ống nội khí quản có bóng số 7,5	1.037	CAI	Ống nội khí quản mũi/miệng. - Loại murphy. - Vật liệu PVC phủ silicone, tương thích nhiệt độ cơ thể. Không chứa latex. Trong suốt. - Bóng hình trụ thể tích lớn áp lực thấp, thành bóng mỏng (0.07- 0.12mm) giảm tổn thương khí quản. - Có đường cân quang tia X, vạch đánh dấu trên ống rõ ràng. Có vòng đen đánh dấu độ sâu. - Đánh dấu kích cỡ trên bóng bơm. - Co nổi trong suốt 15mm. - Kích cỡ: đường kính trong 7.5mm, đường kính ngoài 10.2mm, đường kính bóng từ 25.0mm, thể tích bóng 13ml - Đóng gói vô trùng
732	Ống nội khí quản cong có bóng số 4,0	300	ONG	Ống nội khí quản cong mũi hoặc cong miệng có bóng * Vật liệu trong suốt PVC nhạy nhiệt, phủ silicone, cực mềm với loại cong mũi. Không latex, không Phthalate (DEHP). * Loại Murphy. * Ống có đường cân quang tia X, vạch chia rõ ràng, hình dạng cong về phía trán hoặc cằm thích hợp đặt đường mũi hoặc miệng. * Bóng thể tích lớn áp lực thấp ($\leq 25\text{cmH}_2\text{O}$). Đánh dấu kích cỡ trên bóng bơm * Kích cỡ: Cong mũi (đường kính trong từ 3.0mm $\rightarrow$ 8.0mm, đường kính ngoài từ 4.2mm $\rightarrow$ 11.0mm, đường kính bóng từ 8.0 $\rightarrow$ 26mm), Cong miệng (đường kính trong từ 3.0mm $\rightarrow$ 9.0mm, đường kính ngoài từ 4.2mm $\rightarrow$ 12.3mm, đường kính bóng từ 8.0 $\rightarrow$ 29mm) * Đóng gói tiết trùng. Sử dụng 1 lần.
733	Ống nội khí quản cong có bóng số 5	120	ONG	Ống nội khí quản cong mũi hoặc cong miệng có bóng * Vật liệu trong suốt PVC nhạy nhiệt, phủ silicone, cực mềm với loại cong mũi. Không latex, không Phthalate (DEHP). * Loại Murphy. * Ống có đường cân quang tia X, vạch chia rõ ràng, hình dạng cong về phía trán hoặc cằm thích hợp đặt đường mũi hoặc miệng. * Bóng thể tích lớn áp lực thấp ($\leq 25\text{cmH}_2\text{O}$). Đánh dấu kích cỡ trên bóng bơm * Kích cỡ: Cong mũi (đường kính trong từ 3.0mm $\rightarrow$ 8.0mm, đường kính ngoài từ 4.2mm $\rightarrow$ 11.0mm, đường kính bóng từ 8.0 $\rightarrow$ 26mm), Cong miệng (đường kính trong từ 3.0mm $\rightarrow$ 9.0mm, đường kính ngoài từ 4.2mm $\rightarrow$ 12.3mm, đường kính bóng từ 8.0 $\rightarrow$ 29mm) * Đóng gói tiết trùng. Sử dụng 1 lần.

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
734	Ống nội khí quản cong có bóng số 5,5	70	ONG	Ống nội khí quản cong mũi hoặc cong miệng có bóng * Vật liệu trong suốt PVC nhạy nhiệt, phủ silicone, cực mềm với loại cong mũi. Không latex, không Phthalate (DEHP). * Loại Murphy. * Ống có đường cân quang tia X, vạch chia rõ ràng, hình dạng cong về phía trán hoặc cằm thích hợp đặt đường mũi hoặc miệng. * Bóng thể tích lớn áp lực thấp ($\leq 25\text{cmH}_2\text{O}$). Đánh dấu kích cỡ trên bóng bơm * Kích cỡ: Cong mũi (đường kính trong từ 3.0mm $\rightarrow$ 8.0mm, đường kính ngoài từ 4.2mm $\rightarrow$ 11.0mm, đường kính bóng từ 8.0 $\rightarrow$ 26mm), Cong miệng (đường kính trong từ 3.0mm $\rightarrow$ 9.0mm, đường kính ngoài từ 4.2mm $\rightarrow$ 12.3mm, đường kính bóng từ 8.0 $\rightarrow$ 29mm) * Đóng gói tiệt trùng. Sử dụng 1 lần.
735	Ống nội khí quản cong có bóng số 6	10	ONG	* Ống nội khí quản cong mũi hoặc cong miệng * Số 6.0 thông số trong khoảng (OD 8.2mm, L 255-360mm, đường kính nghi bóng 19mm) * PVC mềm, trong suốt, có cân quang, có vạch đánh dấu rõ ràng, mỗi vạch cách nhau 1 hoặc 2 cm giúp dễ dàng xác định vị trí khi chèn. Có nổi tiêu chuẩn 15 mm. * Ống nội khí quản không quá mềm hoặc quá dẻo, đầu ống không quá nhọn, tránh gây tổn thương niêm mạc. Bóng chèn thuận, mềm mại, kích thước vừa phải. Đầu racor phải dính chặt vào thân ống. * Bóng thể tích lớn áp lực thấp hình taper thon dần về mũi, hoặc hình quả trám. * Đóng gói vô trùng từng cái
736	Ống nội khí quản cong có bóng số 6,5	30	ONG	* Ống nội khí quản cong mũi hoặc cong miệng * Số 6.5 thông số trong khoảng (OD 8.7mm, L 265-360mm, đường kính nghi bóng 19mm) * PVC mềm, trong suốt, có cân quang, có vạch đánh dấu rõ ràng, mỗi vạch cách nhau 1 hoặc 2 cm giúp dễ dàng xác định vị trí khi chèn. Có nổi tiêu chuẩn 15 mm. * Ống nội khí quản không quá mềm hoặc quá dẻo, đầu ống không quá nhọn, tránh gây tổn thương niêm mạc. Bóng chèn thuận, mềm mại, kích thước vừa phải. Đầu racor phải dính chặt vào thân ống. * Bóng thể tích lớn áp lực thấp hình taper thon dần về mũi, hoặc hình quả trám. * Đóng gói vô trùng từng cái
737	Ống nội khí quản cong không bóng số 4,5	20	ONG	Ống nội khí quản cong miệng - Vật liệu trong suốt PVC nhạy nhiệt, phủ silicone, cực mềm với loại cong mũi. Không latex - Loại Murphy. - Ống có đường cân quang tia X, vạch chia rõ ràng, hình dạng cong về phía trán hoặc cằm thích hợp đặt đường mũi hoặc miệng. - Kích cỡ: ID 4.5mm, OD 6.0mm - Đóng gói tiệt trùng. Sử dụng 1 lần.
738	Ống nội khí quản cong không bóng số 4,0	74	ONG	Ống nội khí quản cong miệng - Vật liệu trong suốt PVC nhạy nhiệt, phủ silicone, cực mềm với loại cong mũi. Không latex - Loại Murphy. - Ống có đường cân quang tia X, vạch chia rõ ràng, hình dạng cong về phía trán hoặc cằm thích hợp đặt đường mũi hoặc miệng. - Kích cỡ: ID 4.0mm, OD 5.4mm - Đóng gói tiệt trùng. Sử dụng 1 lần.
739	Ống nội khí quản không bóng số 2,5	953	ONG	Ống nội khí quản không bóng mũi/miệng - Loại murphy. Có nổi tiêu chuẩn 15mm - Ống trong suốt, vật liệu PVC phủ silicone, tương thích nhiệt độ cơ thể. Không chứa latex, không phthalate - Đầu ống mặt vát mềm mịn. Có đường cân quang X-ray dọc thân ống. Vạch đánh dấu kép mỗi cm trên ống rõ ràng. Có vạch đen dài đánh dấu độ sâu - Kích cỡ: 2.5 (OD 3.5mm, L 140mm) - Đóng gói vô trùng.
740	Ống nội khí quản không bóng số 3,0	2.813	ONG	Ống nội khí quản không bóng mũi/miệng - Loại murphy. Có nổi tiêu chuẩn 15mm - Ống trong suốt, vật liệu PVC phủ silicone, tương thích nhiệt độ cơ thể. Không chứa latex, không phthalate - Đầu ống mặt vát mềm mịn. Có đường cân quang X-ray dọc thân ống. Vạch đánh dấu kép mỗi cm trên ống rõ ràng. Có vạch đen dài đánh dấu độ sâu - Kích cỡ: 3.0 (OD 4.2mm, L 160mm) - Đóng gói vô trùng.

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
741	Ống nội khí quản không bóng số 3,5	3.757	ONG	Ống nội khí quản không bóng mũi/miệng - Loại murphy. Co nối tiêu chuẩn 15mm - Ống trong suốt, vật liệu PVC phủ silicone, tương thích nhiệt độ cơ thể. Không chứa latex, không phthalate - Đầu ống mặt vát mềm mịn. Có đường cản quang X-ray dọc thân ống. Vạch đánh dấu kép mỗi cm trên ống rõ ràng. Có vạch đen dài đánh dấu độ sâu - Kích cỡ: 3.5 (OD 4.8mm, L 180mm) - Đóng gói vô trùng.
742	Ống nội khí quản không bóng số 4,0	3.948	ONG	Ống nội khí quản không bóng mũi/miệng - Loại murphy. Co nối tiêu chuẩn 15mm - Ống trong suốt, vật liệu PVC phủ silicone, tương thích nhiệt độ cơ thể. Không chứa latex, không phthalate - Đầu ống mặt vát mềm mịn. Có đường cản quang X-ray dọc thân ống. Vạch đánh dấu kép mỗi cm trên ống rõ ràng. Có vạch đen dài đánh dấu độ sâu - Kích cỡ: 4.0 (OD 5.4 mm, L 200mm) - Đóng gói vô trùng.
743	Ống nội khí quản không bóng số 4,5	3.542	ONG	Ống nội khí quản không bóng mũi/miệng - Loại murphy. Co nối tiêu chuẩn 15mm - Ống trong suốt, vật liệu PVC phủ silicone, tương thích nhiệt độ cơ thể. Không chứa latex, không phthalate - Đầu ống mặt vát mềm mịn. Có đường cản quang X-ray dọc thân ống. Vạch đánh dấu kép mỗi cm trên ống rõ ràng. Có vạch đen dài đánh dấu độ sâu - Kích cỡ: 4.5 (OD 6.0 mm, L 220mm) - Đóng gói vô trùng.
744	Ống nội khí quản không bóng số 5,0	3.355	ONG	Ống nội khí quản không bóng mũi/miệng - Loại murphy. Co nối tiêu chuẩn 15mm - Ống trong suốt, vật liệu PVC phủ silicone, tương thích nhiệt độ cơ thể. Không chứa latex, không phthalate - Đầu ống mặt vát mềm mịn. Có đường cản quang X-ray dọc thân ống. Vạch đánh dấu kép mỗi cm trên ống rõ ràng. Có vạch đen dài đánh dấu độ sâu - Kích cỡ 5.0 (OD 6.9 mm, L 240mm) - Đóng gói vô trùng.
745	Ống nội khí quản không bóng số 5,5	3.119	ONG	- Vạch đánh dấu chiều dài ống phải được đánh dấu liên tục, rõ ràng - Đầu racor phải dính chặt vào thân ống, - Đầu ống không quá nhọn, tránh gây tổn thương niêm mạc
746	Ống nội khí quản không bóng số 6,0	2.128	ONG	Ống nội khí quản không bóng mũi/miệng - Loại murphy. Co nối tiêu chuẩn 15mm - Ống trong suốt, vật liệu PVC phủ silicone, tương thích nhiệt độ cơ thể. Không chứa latex, không phthalate - Đầu ống mặt vát mềm mịn. Có đường cản quang X-ray dọc thân ống. Vạch đánh dấu kép mỗi cm trên ống rõ ràng. Có vạch đen dài đánh dấu độ sâu - Kích cỡ 6.0 (OD 8.2 mm, L 300mm) - Đóng gói vô trùng.
747	Ống nội khí quản không bóng số 6,5	1.888	ONG	Ống nội khí quản không bóng mũi/miệng - Loại murphy. Co nối tiêu chuẩn 15mm - Ống trong suốt, vật liệu PVC phủ silicone, tương thích nhiệt độ cơ thể. Không chứa latex, không phthalate - Đầu ống mặt vát mềm mịn. Có đường cản quang X-ray dọc thân ống. Vạch đánh dấu kép mỗi cm trên ống rõ ràng. Có vạch đen dài đánh dấu độ sâu - Kích cỡ 6.5 (OD 8.8 mm, L 300mm) - Đóng gói vô trùng.
748	Ống nội khí quản không bóng số 7,0	1.133	ONG	Ống nội khí quản không bóng mũi/miệng - Loại murphy. Co nối tiêu chuẩn 15mm - Ống trong suốt, vật liệu PVC phủ silicone, tương thích nhiệt độ cơ thể. Không chứa latex, không phthalate - Đầu ống mặt vát mềm mịn. Có đường cản quang X-ray dọc thân ống. Vạch đánh dấu kép mỗi cm trên ống rõ ràng. Có vạch đen dài đánh dấu độ sâu - Kích cỡ 7.0(OD 9.7 mm, L 310mm) - Đóng gói vô trùng.
749	Ống nội khí quản không bóng số 7,5	957	ONG	Ống nội khí quản không bóng mũi/miệng - Loại murphy. Co nối tiêu chuẩn 15mm - Ống trong suốt, vật liệu PVC phủ silicone, tương thích nhiệt độ cơ thể. Không chứa latex, không phthalate - Đầu ống mặt vát mềm mịn. Có đường cản quang X-ray dọc thân ống. Vạch đánh dấu kép mỗi cm trên ống rõ ràng. Có vạch đen dài đánh dấu độ sâu - Kích cỡ 7.5 (OD 10.3 mm, L 320mm) - Đóng gói vô trùng.



STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
750	Gạc lưới đắp phồng có lớp Lipido-colloid linh hoạt (10cmx10cm)	8.248	MIENG	Gạc lưới Lipido-colloid (công nghệ TLC), lưới Polyester, Hydrocolloid và dầu Parefin, sắp đầu khoảng và các dẫn xuất Polymer, chuyên thay băng không đau 10x10cm
751	Ống nghiệm Citrate 1ml HTM	92.280	TUBE	Ống nghiệm dùng trong xét nghiệm đông máu, thể tích mẫu 1ml, kháng đông Citrate. Nồng độ 3.8% hoặc 3.2%, nắp xanh lá Nhựa dùng cho y tế, trong sáng, dễ quan sát, vận chuyển an toàn bằng đường ống chân không Độ PH trung tính Hóa chất bền trong dùng kháng đông cho 1ml máu với vạch lấy mẫu 1ml máu trên nhãn ống.
752	Ống nghiệm Citrate 2ml HTM	44.800	TUBE	* Ống nghiệm nhựa PP, kích thước 13x75mm, dung tích tối đa 6ml $\pm$ 0.1ml, nắp nhựa LDPE màu xanh lá cây. * Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate Dihydrate 3.8% hoặc 3.2%, Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3.000 vòng/phút trong thời gian 5 phút. * Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml máu trên nhãn ống. * Dùng xét nghiệm liên quan đến yếu tố đông máu và tốc độ lắng máu.
753	Lọc vi khuẩn 3 chức năng, lớn	11.385	CAI	Lọc khuẩn (người lớn/ trẻ em, Hiệu quả lọc 99%), có cổng đo CO2, vỏ ngoài bằng nhựa bo tròn, có 22M/15F - 22F/15M, (người lớn: khoảng không 66ml, trọng lượng 32g. Lực cản 30L/phút là 1.2cmH2O, thể tích khí lưu thông tối thiểu 198ml; trẻ em: khoảng không 25ml, trọng lượng 20g. Lực cản 30L/phút là 1.9cmH2O, thể tích khí lưu thông tối thiểu 75ml).
754	Ống nghiệm Serum HTM (2000 ống/thùng)	389.420	CAI	Đông máu nhanh, nắp màu đỏ Nhựa dùng cho y tế, trong sáng, dễ quan sát Độ PH trung tính
755	Ống nội khí quản có bóng chèn áp lực thấp số 4	500	ONG	* Ống nội khí quản làm bằng PVC y tế tương thích sinh học, nhạy nhiệt. Sử dụng < 30 ngày * Ống trong suốt có đường cân quang màu xanh, có vạch đánh dấu rõ ràng giúp dễ dàng xác định vị trí khi chèn. Có nối tiêu chuẩn 15cm * Bóng thể tích lớn áp lực thấp hình taper thon dần về mũi, in các thông tin kích thước trên ống, đk nghi bóng lớn * Đầu tip mềm mịn, có lỗ murphy nhằm an toàn, mỗi hàn nhãn không gây tổn thương khi chèn * Số 4,0
756	Ống Cannula mở khí quản có bóng số 6.5 (6.5PLC)	5	CAI	Vật liệu PVC phủ silicone, không latex, không DEHP. Đường cân quang dọc thân ống. Cánh trong suốt, mềm mịn trơn tru. Bóng thành mỏng thể tích lớn, áp lực nhỏ. Trên bóng bơm có in thông số kích thước ống rõ ràng. Có nối tiêu chuẩn 15mm. Cong 100 độ dài ống (L)=59mm
757	Ống thông chạy thẩm phân phúc mạc, 31cm	300	BO	* Chất liệu: Silicon y tế có tiết trùng, cân quang, trong suốt, hạn chế nhiễm trùng. Ống thông dùng được cho chạy thẩm phân cấp tính hoặc mãn tính cho nhi và hóa trị liệu trong màng bụng. * Đầu ống sẽ đặt dưới rãnh khung chậu cố định ống tốt hơn. Đầu ống có nhiều lỗ nhỏ giúp dịch thẩm phân lưu thông nhẹ nhàng giảm khó chịu cho bệnh nhân. * 2 nút chặn, khoảng cách giữa 2 nút chặn 3cm * 1 nút đặt dưới da, 1 nút đặt ở màng bụng; hạn chế nhiễm trùng. * Đoạn hút dịch: 4,5cm * Đường kính trong: 2.5mm, đường kính ngoài: 3.7mm * Chiều dài ống thông: 42cm * Tiết khuẩn
758	Ống thông chạy thẩm phân phúc mạc, 32cm	100	BO	* Chất liệu: Silicon y tế có tiết trùng, cân quang, trong suốt, hạn chế nhiễm trùng. Ống thông dùng được cho chạy thẩm phân cấp tính hoặc mãn tính cho nhi và hóa trị liệu trong màng bụng. * Đầu ống sẽ đặt dưới rãnh khung chậu cố định ống tốt hơn. Đầu ống có nhiều lỗ nhỏ giúp dịch thẩm phân lưu thông nhẹ nhàng giảm khó chịu cho bệnh nhân. * 2 nút chặn, khoảng cách giữa 2 nút chặn 3cm * 1 nút đặt dưới da, 1 nút đặt ở màng bụng; hạn chế nhiễm trùng. * Đoạn hút dịch: 4,5cm * Đường kính trong: 2.5mm, đường kính ngoài: 3.7mm * Chiều dài ống thông: 42cm * Tiết khuẩn

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
759	Ống thông chẩn đoán Catheter JR	1.325	CAI	Ống thông chẩn đoán mạch máu dạng JR các size các cỡ - Chất liệu Nylon Pebax hoặc tương đương giúp bề mặt dụng cụ nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, thành ống mỏng, đầu tip nhô hình tốt. - Có đường viền bên thân bằng chất liệu thép không gỉ giúp thân ống thông giữ được hình dáng tốt, dễ lái, khả năng nhớ hình đầu tip tốt. - Thân ống thông và tip làm bằng chất liệu cân quang - Có 2 loại: có lỗ bên hoặc không có lỗ bên - Tối thiểu có các kích cỡ 4F, 5F - Chiều dài tối thiểu có: 100cm, 125cm - Đường kính trong 0,042"/0,07mm loại 4F, 0,046"/1,17mm loại 5F, 0,054"/1,37mm loại 6F - Dùng được với guide wire 0,035"/0,038" - Chịu áp lực dòng chảy cao 1200 psi/ 81,6 bar.
760	Ống thông chẩn đoán catheter MP	703	CAI	Ống thông chẩn đoán mạch máu dạng Multi Purpose các size các cỡ: - Chất liệu Nylon Pebax hoặc tương đương giúp bề mặt nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, chống gập tốt, thành mỏng; làm bằng chất liệu có cân quang - Có đường viền bên bằng thép không gỉ giúp nhớ hình, dễ lái - Đầu tip cân quang tốt, khả năng nhớ hình tốt, có tip mềm giúp bảo vệ thành mạch máu cho bệnh nhân; - Có 2 loại: có lỗ bên hoặc không có lỗ bên - Đường kính trong 0,042"/1,07mm loại 4F; 0,046"/1,17mm loại 5F; 0,054"/1,37mm loại 6F - Tối thiểu có các cỡ 4F, 5F, 6F dài 80cm, 100cm, 125cm - Tương thích guide wire 0,035"/0,038" - Chịu áp lực 1200 PSI.
761	Ống thông chẩn đoán có 2 mức (Pigtail maker)	1.432	CAI	Ống thông chẩn đoán đuôi heo có đánh dấu - Chất liệu Nylon pebax hoặc tương đương, mặt dụng cụ nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, thành ống mỏng. Làm bằng chất liệu có cân quang - Có 2 marker để xác định khoảng cách chính xác (1-2 cm), marker là bằng chất liệu Platinum - Đường kính vòng Pigtail <1 mm. Có các lỗ tập trung tại vòng Pigtail, giúp thuốc cân quang bơm tập trung vào mạch máu. - Đủ các kích cỡ 4F, 5F dài 65cm-100cm. Dùng được với guide wire 0.035" - Chịu áp lực dòng chảy 1167-1138 PSI/kgf/cm2 (loại 4F), 1196/84 PSI/kgf/cm2 (loại 5F)
762	Ống thông dạ dày (Stomach Levin) số 10	3.455	ONG	* Ống có nắp gắn vào đầu nối chống lây nhiễm và có cân quang dọc thân ống, vật liệu PVC mềm có độ đàn hồi phù hợp * Có 4 lỗ dẫn lưu so le nhau để tăng tốc độ dòng * Có các vạch đánh dấu 45,55,65 và 75cm từ đầu xa * Tương thích với bơm tiêm và nguồn hút kích thước lớn * Kích cỡ: 10FG (OD 3.35mm, ID 2.00mm). Chiều dài 125cm * Đóng gói tiệt trùng EO. Không chứa DBP, BBP, DEHP
763	Ống thông dạ dày (Stomach Levin) số 12	3.817	CAI	* Ống có nắp gắn vào đầu nối chống lây nhiễm và có cân quang dọc thân ống, vật liệu PVC mềm có độ đàn hồi phù hợp * Có 4 lỗ dẫn lưu so le nhau để tăng tốc độ dòng * Có các vạch đánh dấu 45,55,65 và 75cm từ đầu xa * Tương thích với bơm tiêm và nguồn hút kích thước lớn * Kích cỡ: 12FG (OD 4.00mm, ID 2.45mm). Chiều dài 125cm * Đóng gói tiệt trùng EO. Không chứa DBP, BBP, DEHP
764	Ống thông dạ dày (Stomach Levin) số 14	2.910	CAI	* Ống có nắp gắn vào đầu nối chống lây nhiễm và có cân quang dọc thân ống, vật liệu PVC mềm có độ đàn hồi phù hợp * Có 4 lỗ dẫn lưu so le nhau để tăng tốc độ dòng * Có các vạch đánh dấu 45,55,65 và 75cm từ đầu xa * Tương thích với bơm tiêm và nguồn hút kích thước lớn * Kích cỡ: 14FG (OD 4.65mm, ID 2.95mm). Chiều dài 125cm * Đóng gói tiệt trùng EO. Không chứa DBP, BBP, DEHP
765	Ống thông dạ dày (Stomach Levin) số 16	2.520	CAI	* Ống có nắp gắn vào đầu nối chống lây nhiễm và có cân quang dọc thân ống, vật liệu PVC mềm có độ đàn hồi phù hợp * Có 4 lỗ dẫn lưu so le nhau để tăng tốc độ dòng * Có các vạch đánh dấu 45,55,65 và 75cm từ đầu xa * Tương thích với bơm tiêm và nguồn hút kích thước lớn * Kích cỡ: 16FG (OD 5.35mm, ID 3.40mm). Chiều dài 125cm * Đóng gói tiệt trùng EO. Không chứa DBP, BBP, DEHP

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
766	Ống thông dạ dày (Stomach Levin) số 8	2.152	CAI	* Ống có nắp gắn vào đầu nối chống lây nhiễm và có cân quang dọc thân ống, vật liệu PVC mềm có độ đàn hồi phù hợp * Có 4 lỗ dẫn lưu so le nhau để tăng tốc độ dòng * Có các vạch đánh dấu 45,55,65 và 75cm từ đầu xa * Tương thích với bơm tiêm và nguồn hút kích thước lớn * Kích cỡ: 8FG (OD 2.65mm, ID 1.50mm). Chiều dài 125cm * Đóng gói tiệt trùng EO. Không chứa DBP, BBP, DEHP
767	Ống thông hậu môn (Rectal catheter) số 16	5.684	CAI	* Ống thông hậu môn được làm từ nhựa PVC y tế, không độc hại, không gây kích ứng. * Ống mềm trong suốt, có 1 lỗ bên dẫn lưu ở đầu xa, đầu gắn kết nối với thiết bị hút mã hóa màu để dễ dàng nhận dạng kích thước * Ống dài 400mm với các size: 12, 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26,28 FG * Sử dụng 1 lần, vô trùng bằng EO
768	Ống thông hậu môn (Rectal catheter) số 18	5.077	CAI	* Ống thông hậu môn được làm từ nhựa PVC y tế, không độc hại, không gây kích ứng. * Ống mềm trong suốt, có 1 lỗ bên dẫn lưu ở đầu xa, đầu gắn kết nối với thiết bị hút mã hóa màu để dễ dàng nhận dạng kích thước * Ống dài 400mm với các size: 12, 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26,28 FG * Sử dụng 1 lần, vô trùng bằng EO
769	Ống thông hậu môn (Rectal catheter) số 20	2.945	CAI	* Ống thông hậu môn được làm từ nhựa PVC y tế, không độc hại, không gây kích ứng. * Ống mềm trong suốt, có 1 lỗ bên dẫn lưu ở đầu xa, đầu gắn kết nối với thiết bị hút mã hóa màu để dễ dàng nhận dạng kích thước * Ống dài 400mm với các size: 12, 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26,28 FG * Sử dụng 1 lần, vô trùng bằng EO
770	Ống thông hậu môn (Rectal catheter) số 22	3.103	CAI	* Ống thông hậu môn được làm từ nhựa PVC y tế, không độc hại, không gây kích ứng. * Ống mềm trong suốt, có 1 lỗ bên dẫn lưu ở đầu xa, đầu gắn kết nối với thiết bị hút mã hóa màu để dễ dàng nhận dạng kích thước * Ống dài 400mm với các size: 12, 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26,28 FG * Sử dụng 1 lần, vô trùng bằng EO
771	Ống thông hậu môn (Rectal catheter) số 24	2.935	CAI	* Ống thông hậu môn được làm từ nhựa PVC y tế, không độc hại, không gây kích ứng. * Ống mềm trong suốt, có 1 lỗ bên dẫn lưu ở đầu xa, đầu gắn kết nối với thiết bị hút mã hóa màu để dễ dàng nhận dạng kích thước * Ống dài 400mm với các size: 12, 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26,28 FG * Sử dụng 1 lần, vô trùng bằng EO
772	Ống thông hậu môn (Rectal catheter) số 26	2.848	CAI	* Ống thông hậu môn được làm từ nhựa PVC y tế, không độc hại, không gây kích ứng. * Ống mềm trong suốt, có 1 lỗ bên dẫn lưu ở đầu xa, đầu gắn kết nối với thiết bị hút mã hóa màu để dễ dàng nhận dạng kích thước * Ống dài 400mm với các size: 12, 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26,28 FG * Sử dụng 1 lần, vô trùng bằng EO
773	Ống thông kích cỡ nhỏ	450	CAI	Vi ống thông can thiệp mạch máu kích cỡ 2.1F-2.4F-2.8F-2.9F (Có 3 loại đầu tip: thẳng, cong 45 độ, cong cổ thiên nga)
774	Ống thông khí cho tai	1.000	CAI	Ống thông khí tai dùng trong tai mũi họng
775	Ống thông Silicone nuôi ăn đường mũi, dạ dày, có phễu và nắp	12	ONG	* 100% silicone y tế cho khả năng tương thích sinh học vượt trội. * Độ mềm phù hợp và tính linh hoạt, thoải mái cho bệnh nhân. * Đầu nhọn để chèn dễ dàng. * Đánh dấu độ sâu để xác nhận vị trí. * Nắp kèm theo để đậy kín an toàn. * Đóng gói tiệt trùng - Kích cỡ từ 4Fr đến 20Fr. Chiều dài 400mm (4Fr-6Fr); 800mm (8Fr-10Fr); 1200mm (12Fr-20Fr)
776	Ống thông tiểu 1 nhánh Nelaton số 10	1	CAI	Ống thông làm bằng vật liệu PVC mềm, tròn và đầu đóng nhạy nhiệt, Ống có thể phủ thêm silicon an toàn, ống thẳng, không gây gập, mềm mại không gây tổn thương niêm mạc. Lỗ dẫn lưu so le. Có nối hình phễu kết nối kín với túi nước tiểu hoặc bình chứa. Chiều dài 40cm, Size 10Fr (OD/ID khoảng 3,35/2,00mm)
777	Ống Cannula mở khí quản không bóng số 5 (50PED)	20	CAI	Vật liệu PVC phủ silicone, không latex, không DEHP. Đường cân quang dọc thân ống. Cánh trong suốt, mềm mịn trơn tru. Có nối tiêu chuẩn 15mm. Cong 100 độ
778	Ống thông tiểu 1 nhánh Nelaton số 8	601	CAI	* Ống thông làm bằng vật liệu PVC mềm, tròn và đầu đóng nhạy nhiệt. Lỗ dẫn lưu so le cài thiện khả năng dẫn lưu hiệu quả và giảm nguy cơ tắc nghẽn. Có nối hình phễu kết nối kín với túi nước tiểu hoặc bình chứa. * Kích cỡ: 8FG (OD 2.65mm, ID 1.50mm). Chiều dài 40cm * Đóng gói tiệt trùng EO. Không chứa DBP, BBP, DEHP
779	Ống thông tiểu foley 2 nhánh Silicone, số 10	606	ONG	Ống thông foley 2 nhánh, làm từ silicone số 10, bóng 1.5-5 cc, dài 330-400 mm, 2 mắt, có sợi cân quang, ống bền, dẻo dai, sử dụng 30 ngày. Thân ống được phủ lớp bột Wolfram (Tungsten)
780	Ống thông tiểu foley 2 nhánh Silicone, số 12	588	ONG	Ống thông foley 2 nhánh, làm từ silicone số 12, bóng 1.5-5cc, dài 330-400 mm, 2 mắt, có sợi cân quang, ống bền, dẻo dai, sử dụng 30 ngày. Thân ống được phủ lớp bột Wolfram (Tungsten)
781	Ống thông tiểu foley 2 nhánh Silicone, số 14	60	ONG	Ống thông foley 2 nhánh, làm từ silicone số 14, bóng 1.5-5cc, dài 330-400 mm, 2 mắt, có sợi cân quang, ống bền, dẻo dai, sử dụng 30 ngày. Thân ống được phủ lớp bột Wolfram (Tungsten)

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
782	Ống thông tiểu foley 2 nhánh Silicone, số 6	626	ONG	Ống thông foley 2 nhánh, làm từ silicone số 6, bóng 1.5-5cc, dài 330-400 mm, 2 mắt, có sợi cân quang, ống bền, dẻo dai, sử dụng ≥ 30 ngày. Thân ống được phủ lớp bột Wolfram (Tungsten)
783	Ống thông tiểu foley 2 nhánh Silicone, số 8	626	ONG	Ống thông foley 2 nhánh, làm từ silicone số 8, bóng 1.5-5cc, dài 330-400 mm, 2 mắt, có sợi cân quang, ống bền, dẻo dai, sử dụng ≥ 30 ngày. Thân ống được phủ lớp bột Wolfram (Tungsten)
784	Ống thông tiểu foley 2 nhánh số 10	3.899	SOI	Ống thông tiểu foley 2 nhánh - Vật liệu cao su thiên nhiên phủ silicone, độ cứng thích hợp, chống gấp khúc. Không DEHP, không pyrogenic - Bóng dung tích lớn đối xứng, đầu tip thẳng đảm bảo dòng chảy và cơ vòng tốt ngăn ngừa rò rỉ bàng quang - Đầu ống dây và cứng. Lỗ ống dẫn lưu lớn, đảm bảo dẫn lưu hiệu quả. - Van cứng tự bịt kín dễ dàng bơm căng bóng và xả bóng. Trục ống thông chắc chắn để đạt hiệu quả khi chèn - Mã hóa theo màu theo kích cỡ - Có thể sử dụng lên đến 14 ngày - Kích cỡ: Số 10Fr (OD: 3.2- 3.4mm, tổng chiều dài 270mm, chiều dài sử dụng 225mm, tốc độ dòng 137ml/phút). Thể tích bóng 3-5ml/cc - Đóng gói vô trùng. Dùng 1 lần
785	Ống thông tiểu foley 2 nhánh số 12	1.690	SOI	Ống thông tiểu foley 2 nhánh - Vật liệu cao su thiên nhiên phủ silicone, độ cứng thích hợp, chống gấp khúc. Không DEHP, không pyrogenic - Bóng dung tích lớn đối xứng, đầu tip thẳng đảm bảo dòng chảy và cơ vòng tốt ngăn ngừa rò rỉ bàng quang - Đầu ống dây và cứng. Lỗ ống dẫn lưu lớn, đảm bảo dẫn lưu hiệu quả. - Van cứng tự bịt kín dễ dàng bơm căng bóng và xả bóng. Trục ống thông chắc chắn để đạt hiệu quả khi chèn - Mã hóa theo màu theo kích cỡ - Có thể sử dụng lên đến 14 ngày - Kích cỡ: Số 12Fr (OD: 3.9- 4.1mm, tổng chiều dài 405mm, chiều dài sử dụng 320mm, tốc độ dòng 180ml/phút). Thể tích bóng 5-15ml/cc - Đóng gói vô trùng. Dùng 1 lần
786	Ống thông tiểu foley 2 nhánh số 14	1.536	SOI	Ống thông tiểu foley 2 nhánh - Vật liệu cao su thiên nhiên phủ silicone, độ cứng thích hợp, chống gấp khúc. Không DEHP, không pyrogenic - Bóng dung tích lớn đối xứng, đầu tip thẳng đảm bảo dòng chảy và cơ vòng tốt ngăn ngừa rò rỉ bàng quang - Đầu ống dây và cứng. Lỗ ống dẫn lưu lớn, đảm bảo dẫn lưu hiệu quả. - Van cứng tự bịt kín dễ dàng bơm căng bóng và xả bóng. Trục ống thông chắc chắn để đạt hiệu quả khi chèn - Mã hóa theo màu theo kích cỡ - Có thể sử dụng lên đến 14 ngày - Kích cỡ: Số 14Fr (OD: 4.6- 4.8mm, tổng chiều dài 405mm, chiều dài sử dụng 320mm, tốc độ dòng 227ml/phút). Thể tích bóng 5-15ml/cc - Đóng gói vô trùng. Dùng 1 lần
787	Ống thông tiểu foley 2 nhánh số 16	685	SOI	Ống thông tiểu foley 2 nhánh - Vật liệu cao su thiên nhiên phủ silicone, độ cứng thích hợp, chống gấp khúc. Không DEHP, không pyrogenic - Bóng dung tích lớn đối xứng, đầu tip thẳng đảm bảo dòng chảy và cơ vòng tốt ngăn ngừa rò rỉ bàng quang - Đầu ống dây và cứng. Lỗ ống dẫn lưu lớn, đảm bảo dẫn lưu hiệu quả. - Van cứng tự bịt kín dễ dàng bơm căng bóng và xả bóng. Trục ống thông chắc chắn để đạt hiệu quả khi chèn - Mã hóa theo màu theo kích cỡ - Có thể sử dụng lên đến 14 ngày - Kích cỡ: Số 16Fr (OD: 5.2- 5.4mm, tổng chiều dài 405mm, chiều dài sử dụng 320mm, tốc độ dòng 392ml/phút). Thể tích bóng 30-45ml/cc - Đóng gói vô trùng. Dùng 1 lần

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
788	Ống thông tiểu foley 2 nhánh số 18	935	SOI	Ống thông tiểu foley 2 nhánh - Vật liệu cao su thiên nhiên phủ silicone, độ cứng thích hợp, chống gấp khúc. Không DEHP, không pyrogenic - Bóng dung tích lớn đối xứng, đầu tip thẳng đảm bảo dòng chảy và cơ vòng tốt ngăn ngừa rò rỉ bàng quang - Đầu ống dày và cứng. Lỗ ống dẫn lưu lớn, đảm bảo dẫn lưu hiệu quả. - Van cứng tự bịt kín dễ dàng bơm căng bóng và xả bóng. Trục ống thông chắc chắn để đạt hiệu quả khi chèn - Mã hóa theo màu theo kích cỡ - Có thể sử dụng lên đến 14 ngày - Kích cỡ: Số 18Fr (OD: 5.9- 6.2mm, tổng chiều dài 405mm, chiều dài sử dụng 320mm, tốc độ dòng 710ml/phút). Thể tích bóng 30-45ml/cc - Đóng gói vô trùng. Dùng 1 lần
789	Ống thông tiểu foley 2 nhánh số 20	1.730	SOI	Ống thông tiểu foley 2 nhánh - Vật liệu cao su thiên nhiên phủ silicone, độ cứng thích hợp, chống gấp khúc. Không DEHP, không pyrogenic - Bóng dung tích lớn đối xứng, đầu tip thẳng đảm bảo dòng chảy và cơ vòng tốt ngăn ngừa rò rỉ bàng quang - Đầu ống dày và cứng. Lỗ ống dẫn lưu lớn, đảm bảo dẫn lưu hiệu quả. - Van cứng tự bịt kín dễ dàng bơm căng bóng và xả bóng. Trục ống thông chắc chắn để đạt hiệu quả khi chèn - Mã hóa theo màu theo kích cỡ - Có thể sử dụng lên đến 14 ngày - Kích cỡ: Số 20Fr (OD: 6.6- 6.8mm, tổng chiều dài 405mm, chiều dài sử dụng 320mm, tốc độ dòng 733ml/phút). Thể tích bóng 30-45ml/cc - Đóng gói vô trùng. Dùng 1 lần
790	Ống thông tiểu Foley 2 nhánh số 22	926	SOI	* Foley 2 nhánh trẻ em cao su thiên nhiên phủ silicon an toàn để đặt và ít tổn thương, van 1 chiều. Không DEHP, không pyrogenic Số 22Fr (OD khoảng 7.2-7.4mm, tốc độ dòng khoảng 1180ml/phút). Chiều dài 405mm * Tiết diện lòng ống lớn giúp quá trình dẫn lưu nước tiểu nhanh chóng. Trục foley linh hoạt, được gia cố chống gãy gấp, tắc nghẽn, đầu tip chắc khỏe đảm bảo hút nước tiểu hiệu quả, bóng khỏe, kháng áp lực neo giữ tốt ở cổ bàng quang * Đóng gói vô trùng
791	Ống thông tiểu Foley 2 nhánh số 24	2.106	SOI	Ống thông tiểu foley 2 nhánh - Vật liệu cao su thiên nhiên phủ silicone, độ cứng thích hợp, chống gấp khúc. Không DEHP, không pyrogenic - Bóng dung tích lớn đối xứng, đầu tip thẳng đảm bảo dòng chảy và cơ vòng tốt ngăn ngừa rò rỉ bàng quang - Đầu ống dày và cứng. Lỗ ống dẫn lưu lớn, đảm bảo dẫn lưu hiệu quả. - Van cứng tự bịt kín dễ dàng bơm căng bóng và xả bóng. Trục ống thông chắc chắn để đạt hiệu quả khi chèn - Mã hóa theo màu theo kích cỡ - Có thể sử dụng lên đến 14 ngày - Kích cỡ: Số 24Fr (OD: 7.9- 8.2mm, tổng chiều dài 405mm, chiều dài sử dụng 320mm, tốc độ dòng 1233ml/phút). Thể tích bóng 30-45ml/cc - Đóng gói vô trùng. Dùng 1 lần
792	Ống thông tiểu foley 2 nhánh số 26	2.250	SOI	Ống thông tiểu foley 2 nhánh - Vật liệu cao su thiên nhiên phủ silicone, độ cứng thích hợp, chống gấp khúc. Không DEHP, không pyrogenic - Bóng dung tích lớn đối xứng, đầu tip thẳng đảm bảo dòng chảy và cơ vòng tốt ngăn ngừa rò rỉ bàng quang - Đầu ống dày và cứng. Lỗ ống dẫn lưu lớn, đảm bảo dẫn lưu hiệu quả. - Van cứng tự bịt kín dễ dàng bơm căng bóng và xả bóng. Trục ống thông chắc chắn để đạt hiệu quả khi chèn - Mã hóa theo màu theo kích cỡ - Có thể sử dụng lên đến 14 ngày - Kích cỡ: Số 26Fr (OD: 8.6- 8.8mm, tổng chiều dài 405mm, chiều dài sử dụng 320mm, tốc độ dòng 1345ml/phút). Thể tích bóng 30-45ml/cc - Đóng gói vô trùng. Dùng 1 lần

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
793	Ống thông tiểu foley 2 nhánh số 6	3.703	SOI	Ống thông tiểu foley 2 nhánh - Vật liệu cao su thiên nhiên phủ silicone, độ cứng thích hợp, chống gấp khúc. Không DEHP, không pyrogenic - Bóng dung tích lớn đối xứng, đầu tip thẳng đảm bảo đông chảy và cơ vòng tốt ngăn ngừa rò rỉ bằng quang - Đầu ống dày và cứng. Lỗ ống dẫn lưu lớn, đảm bảo dẫn lưu hiệu quả. - Van cứng tự bịt kín dễ dàng bơm căng bóng và xả bóng. Trục ống thông chắc chắn để đạt hiệu quả khi chèn - Mã hóa theo màu theo kích cỡ - Có thể sử dụng lên đến 14 ngày - Kích cỡ: Số 6Fr (OD: 1.9- 2.1mm, tổng chiều dài 270mm, chiều dài sử dụng 225mm, tốc độ dòng 43ml/phút). Thể tích bóng 3-5ml/cc - Đóng gói vô trùng. Dùng 1 lần
794	Ống thông tiểu foley 2 nhánh số 8	3.463	ONG	Ống thông tiểu foley 2 nhánh - Vật liệu cao su thiên nhiên phủ silicone, độ cứng thích hợp, chống gấp khúc. Không DEHP, không pyrogenic - Bóng dung tích lớn đối xứng, đầu tip thẳng đảm bảo đông chảy và cơ vòng tốt ngăn ngừa rò rỉ bằng quang - Đầu ống dày và cứng. Lỗ ống dẫn lưu lớn, đảm bảo dẫn lưu hiệu quả. - Van cứng tự bịt kín dễ dàng bơm căng bóng và xả bóng. Trục ống thông chắc chắn để đạt hiệu quả khi chèn - Mã hóa theo màu theo kích cỡ - Có thể sử dụng lên đến 14 ngày - Kích cỡ: Số 8Fr (OD: 2.6- 2.8mm, tổng chiều dài 270mm, chiều dài sử dụng 225mm, tốc độ dòng 66ml/phút). Thể tích bóng 3-5ml/cc - Đóng gói vô trùng. Dùng 1 lần
795	Bộ đèn đặt nội khí quản SS, trẻ lớn (1 cân Led pin sạc 2.5V, +3 lưới thẳng 0)	1	BO	Bộ đèn đặt nội khí quản SS, trẻ lớn (1 cân Led pin sạc 2.5V, +3 lưới thẳng 0)
796	Ống xông JJ niệu quản số 3, dài 15cm, có dây dẫn Guide wire (ST-190315)	50	CAI	Chất liệu nhựa PUR, đầu hình J, thân màu trắng size 3Fr, dài 12 - 15 cm, có vạch chia chiều dài
797	Sond chữ T	10	CAI	Sond chữ T
798	Lọc vi khuẩn sơ sinh	5.950	CAI	Bộ phận nhựa làm bằng vật liệu polypropylen, bộ lọc tĩnh điện+ giấy y tế. Có cổng đo CO₂, có nắp đậy cổng để bảo vệ tránh nhiễm khuẩn. Khoảng chết khoảng 4 ml, Trở kháng 7,5 LPM 1,0 cm H₂O, Co nối 15 male/ 15 female (mm) *Đóng gói vô trùng, riêng lẻ từng cái
799	Màng mổ kháng khuẩn (28cm x 41cm) ±5%	1.000	Miếng	Kích thước 28x41, có biên. Tiệt trùng
800	Dây silicon 5x8mm (cuộn/10m)	140	MET	Dây silicon 5x8mm (cuộn/10m)
801	Nhiệt ẩm kế	5	Cái	Nhiệt ẩm kế
802	Premicath (Catheter chích tĩnh mạch ngoại biên)	813	BO	Được làm từ chất liệu PUR, có cân quang, cỡ 1Fr (28G, đường kính trong 0,17mm, đường kính ngoài 0,36mm), 2Fr (24G), có đánh dấu từng cm trên thân catheter, dùng cho trẻ sơ sinh cần nuôi ăn tĩnh mạch trong thời gian dài. -Thời gian sử dụng phối liên tục 14 ngày -Lưu lượng máu: 0,2 – 2,8 lít/phút -Lưu lượng khí: tối đa 5,6 lít/phút -Thể tích mỗi (priming): ≤ 90 ml -Diện tích bề mặt trao đổi khí: 0,8 m² -Diện tích bề mặt trao đổi nhiệt: 0,15 m² -Đầu nối nước Hansen coupling đường kính 1/2 inch -Cổng lấy mẫu động mạch: Luer lock -Chất liệu của các chi tiết: oSợi trao đổi khí: Polymethylpentene (PMP) - oSợi trao đổi nhiệt: Polyurethane (TPU) - oThân phối: Polycarbonate (PC) -Phủ chất chống đông máu Bioline
804	Quả lọc thận Middle flux 110	240	BO	Quả lọc thận Middle flux các size, các cỡ - Diện tích tối thiểu có: 0.9 - 1.1 - 1.3 m². - Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi thiên nhiên cellulose triacetate. - Hệ số siêu lọc tối thiểu: 12 - 14 - 17 (mL/giờ/mmHg). - Tiệt trùng bằng tia Gamma. - Tương thích với máy chạy thận tại bệnh viện.
805	Quả lọc thận Middle flux 130	240	BO	Quả lọc thận Middle flux các size, các cỡ - Diện tích tối thiểu có: 0.9 - 1.1 - 1.3 m². - Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi thiên nhiên cellulose triacetate. - Hệ số siêu lọc tối thiểu: 12 - 14 - 17 (mL/giờ/mmHg). - Tiệt trùng bằng tia Gamma. - Tương thích với máy chạy thận tại bệnh viện.

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
806	Quả lọc thận Middle flux 70	60	BO	Diện tích: 0.7 m². Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi thiên nhiên cellulose triacetate. Hệ số siêu lọc: 11 (mL/giờ/mmHg). Tiết trùng: Tia Gamma
807	Quả lọc thận Middle flux 90	150	BO	Quả lọc thận Middle flux các size, các cỡ - Diện tích tối thiểu có: 0.9 - 1.1 - 1.3 m². - Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi thiên nhiên cellulose triacetate. - Hệ số siêu lọc tối thiểu: 12 - 14 - 17 (mL/giờ/mmHg). - Tiết trùng bằng tia Gamma. - Tương thích với máy chạy thận tại bệnh viện.
808	Que quần gòn	398.140	CAI	Que Bông y tế dùng để lấy mẫu bệnh phẩm, rửa vết thương, lấy hóa chất xét nghiệm,... - Chất liệu: làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton, màu trắng tự nhiên, không dùng chất tạo màu trắng. - Đường kính đầu bông khoảng 5mm - Que bằng nhựa PP/PE/PVC, dài 15cm - Đóng gói: 5 que / 1 gói. Tiết trùng
809	Que thử độ cứng 0-120 ppm trong nước (Lọ/ 50-100 que)	400	QUE	Que thử độ cứng nước: - Đo độ cứng tổng theo CaCO₃. - Dải đo: 01-120 ppm.
810	Que thử hóa học Indicator Strip (H/250 que)	1.200	QUE	- Que thử có Chỉ thị hóa học nhận dạng H₂O₂, chuyển từ đỏ sang vàng/màu biểu thị trên thanh đối chứng (hoặc sáng hơn) khi tiếp xúc với H₂O₂ - Tương thích với các dòng máy tiết khuẩn Sterrad
811	Que thử nồng độ Acid Peracetic (Lọ/ 100 que)	600	QUE	Que thử nồng độ Acid Peracetic: - Thử nồng độ của acid peracetic trong dung dịch sát khuẩn quả lọc.
812	Que thử nồng độ Chlorine HiSENSE ULTRA 0.1 (Lọ/ 100 que)	400	QUE	Que thử nồng độ Chlorine: - Độ nhạy tối thiểu có 0, 0.1, 0.5, 3 ppm. - Phù hợp để kiểm tra tồn dư chlorine trong nước rửa.
813	Que thử tồn dư Peroxide trong nước (Lọ/ 100 que)	600	QUE	Que thử tồn dư Peroxide trong nước: - Thử nồng độ của peroxide còn tồn dư trong dung dịch thẩm phân hoặc quả lọc sau khi khử khuẩn bằng các chất khử khuẩn acid peracetic hoặc peroxide.
814	Raccord male- male	100	CAI	Có nối bằng Male x Male - Sản phẩm đầu nối an toàn dùng để nối 2 đầu chờ của 2 catheter với nhau. - Chất liệu Polycarbonat.
815	CHỈ THÉP SỐ 1 DÀI 45CM, KIM TRÒN ĐẦU CẮT 1/2C 25MM (TÉP/ 5 SỢI)	410	Tép	Chỉ thép không rỉ làm bằng hợp kim thép 314L với thành phần là Crom, Niken, Polymolipden số 1 dài 45cm. 1 kim tròn đầu cắt 3 Face dài 25mm
816	Keo dán phẫu thuật ngăn ngừa chảy máu hậu phẫu và chống dính	150	Tube	Bám dính với các mô và vật liệu cấy ghép tổng hợp, giúp bịt kín lỗ hở chân chỉ khâu, ngăn ngừa chảy máu hậu phẫu và chống dính ở các vùng có nguy cơ hình thành sự kết dính sau phẫu thuật.
817	Dây ràng mask gây mê	100	CAI	Dây ràng mask gây mê
818	Dây Sensor cảm biến nhiệt độ	30.000	Cái	Dây Sensor cảm biến nhiệt độ
819	Săng mổ 100cm x 100cm có lỗ Fi 80	2.714	CAI	Chất liệu: vải không dệt, có lỗ 8cm, chống thấm tốt. Tiết trùng bằng khí EO. Đóng gói: 1 Cái/ gói Bao bì chỉ thị tiết trùng. Kích thước: 100 x 100cm, lỗ 8cm
820	Săng mổ 100cm x 100cm không lỗ	6.234	CAI	Chất liệu: vải không dệt, chống thấm tốt. Tiết trùng bằng khí EO. Đóng gói: 1 Cái/ gói Kích thước: 100 x 100cm
821	Săng mổ 50cm x 50cm có lỗ	6.631	MIENG	Chất liệu: vải PP không dệt Kích thước: 50x50cm lỗ 8cm Tiết trùng bằng khí EO, Đóng gói một mặt dùng chất liệu nhựa trong suốt và một mặt giấy, nhằm đảm bảo độ vô trùng, dễ bảo quản, dễ quan sát. Bao bì chỉ thị tiết trùng.
822	Săng mổ 60cm x 80cm (Khăn phẫu thuật) (Gói/1 cái)	3.364	CAI	Chất liệu: vải không dệt, chống thấm tốt. Tiết trùng bằng khí EO. Đóng gói: 1 Cái/ gói Kích thước: 60 x 80cm
823	Săng mổ 80cmx120cm không lỗ	220	CAI	Chất liệu: vải không dệt, chống thấm tốt. Tiết trùng bằng khí EO. Đóng gói: 1 Cái/ gói Kích thước: 80 x 120cm
824	Săng mổ cuộn (0,5m x 100m)	410	CUON	Chất liệu: vải không dệt Kích thước: 0,5 x 100m
825	Sensor đo áp lực ngoại biên	110	CAI	Sensor đo áp lực ngoại biên - Dome đo huyết áp xâm lấn dùng cho máy DSA, tương thích với máy DSA tại bệnh viện - Dùng được trong IBP, niệu, lọc máu. - Tương thích flush device 3ml/ h - Chất liệu không có latex, khớp nối khô ráo không có chất lỏng giữa cảm biến và dome.
826	Tấm điện cực trung tính Rem cho trẻ em	6.000	CAI	Miếng dán điện cực trung tính cho máy cắt đốt dùng cho trẻ em - Chất liệu: Hydrogel PolyHesive, Acrylic adhesive loại điện cực theo dõi và cảnh báo độ tiếp xúc - Kích thước: vùng hoạt động khoảng 75cm², tích hợp dây dẫn dài khoảng 2.7m - Tương thích với Máy cắt đốt hãng Valleylab có tại bệnh viện hoặc tương đương

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
827	Tấm điện cực trung tính Rem cho trẻ sơ sinh (trẻ nhỏ)	200	CAI	Tấm điện cực trung tính cho trẻ sơ sinh sử dụng một lần, dây dài 2,7m, sử dụng cho trẻ từ 0,45 - 2,72kg - Tương thích với Máy cắt đốt hàng Valleylab có tại bệnh viện hoặc tương đương
828	Banh môi các số	20	CAI	Banh môi các số
829	Bình kèm	10	CAI	Vật liệu thép không gỉ, hấp được ở - 130 độ C. Các cỡ, có mã vạch sản phẩm, mã GS1, ISO 13485, kích 5x16cm
830	Sò đánh bóng nha khoa	2.000	CAI	Bột đánh bóng cao với có nhiều mùi hương dễ chịu, giúp đánh bóng hiệu quả - Thành phần: ion florua ($\geq 1.23\%$), không có gluten - Trọng lượng: 2gram/cái ± 0.5
831	Sond pezzet số 16	10	CAI	Chất liệu: cao su tự nhiên, không chứa latex, không có độc tính, không gây sốt, kích ứng khi đặt dẫn lưu trong cơ thể, đầu ống hình quả bí có 3 lỗ thông. Đóng gói tiệt khuẩn từng cái.
832	Sond pezzet số 18	10	CAI	Chất liệu: cao su tự nhiên, không chứa latex, không có độc tính, không gây sốt, kích ứng khi đặt dẫn lưu trong cơ thể, đầu ống hình quả bí có 3 lỗ thông. Đóng gói tiệt khuẩn từng cái.
833	Sond pezzet số 20	10	CAI	Chất liệu: cao su tự nhiên, không chứa latex, không có độc tính, không gây sốt, kích ứng khi đặt dẫn lưu trong cơ thể, đầu ống hình quả bí có 3 lỗ thông. Đóng gói tiệt khuẩn từng cái.
834	Sond pezzet số 22	10	CAI	Chất liệu: cao su tự nhiên, không chứa latex, không có độc tính, không gây sốt, kích ứng khi đặt dẫn lưu trong cơ thể, đầu ống hình quả bí có 3 lỗ thông. Đóng gói tiệt khuẩn từng cái.
835	Bột nhựa chỉnh nha	12	KG	Bột tự cứng dùng để pha với nước tự cứng, gồm có các màu như trắng, hồng nhạt, hồng đậm
836	Cán gương	500	CAI	Cán gương
837	Surgicel (10 x 20)cm (Bông cầm máu - WI912T)	1.600	MIENG	Chất liệu Polyvinylal Alcohol tương thích sinh học, xốp (bọt biển) Đóng gói dạng nén và vô trùng có thể nở rộng tối đa trong khoảng 9 giây. Mềm mại, thoải mái và phù hợp sử dụng. Kích thước lỗ siêu nhỏ giúp thu nhỏ mô, dễ dàng cắt bằng kéo hoặc bằng tay. Có khả năng hấp thụ 25 lần trọng lượng của chính nó. Khả năng nở rộng dưới áp lực niêm mạc. Kích thước: 10cm x 20cm
838	Tạp dề nylon	410	CAI	Chất liệu: màng nhựa PE, màu xanh, màng PE không DEHP, As, Hg, Pb, Cd Đặc điểm: Tuyệt đối không cho dịch, nước thấm xuyên qua. Kích cỡ: 80*120cm
839	Tay dao Harmonic mổ nội soi dài 36 cm	5	CAI	Tay dao mổ nội soi 36 cm dùng cho máy Harmonic hoặc tương đương
840	Tay dao mổ mở Harmonic Focus	10	CAI	Dụng cụ dài 9cm, sử dụng sóng siêu âm để cắt mô và hàn được mạch máu tối đa 5mm, kết nối với dây dao HPBLUE, dùng trong mổ mở bướu giáp, có công nghệ thích ứng mô
841	Tấm Plate cho sơ sinh	500	CAI	Vật liệu foam mỏng, không chứa latex - Mức tăng nhiệt độ thấp trong suốt quá trình kích hoạt sử dụng ($\leq 30.4^{\circ}\text{C}$ đến $\leq 34.5^{\circ}\text{C}$). - Lớp Hydrogel mỏng tản nhiệt nhanh không tích tụ nhiệt - Lớp đệm foam đàn đàn hồi, tạo hình theo bề mặt giải phẫu - Bàn cực viên thông minh với gel chống thấm nước bảo vệ tối đa vùng dán - Thiết kế vòng điện cực an toàn điện đối xứng - Diện tích bàn cực 40cm^2 - Sử dụng cho trẻ $< 5\text{kg}$
842	Tấm Plate cho trẻ em	10.000	CAI	Vật liệu foam mỏng, không chứa latex - Mức tăng nhiệt độ thấp trong suốt quá trình kích hoạt sử dụng ($\leq 30.4^{\circ}\text{C}$ đến $\leq 34.5^{\circ}\text{C}$). - Lớp Hydrogel mỏng tản nhiệt nhanh không tích tụ nhiệt - Lớp đệm foam đàn đàn hồi, tạo hình theo bề mặt giải phẫu - Bàn cực viên thông minh với gel chống thấm nước bảo vệ tối đa vùng dán - Thiết kế vòng điện cực an toàn điện đối xứng - Diện tích bàn cực $\geq 110\text{cm}^2$ - Hình oval - Thiết kế chịu lực cho dây cáp nối - Sử dụng cho trẻ $> 5\text{kg}$
843	Ống thông phổi có trocar (Trocar thoracic) các số	3.315	CAI	Đầu nối chắc chắn, nòng sắt không dài quá phần ống nhựa gây tổn thương niêm mạc. *Ống thông phổi kèm nòng sắt (Trocar) giúp dễ chọc và có cơ nối đi kèm * Nguyên liệu PVC y tế cao cấp mềm chống xoắn, không Latex * Có 2 lỗ thoát dịch dẫn lưu hiệu quả. * Có vạch đánh dấu, cân quang và các vạch chia tại 5, 10, 15, 20 cm từ lỗ cuối giúp xác định độ sâu của ống. * Tay cầm phẳng để xử lý. * Kích cỡ: 8F-36F

✓

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
844	Vật liệu hút áp lực âm size L	141	CAI	Vật liệu sử dụng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm cỡ lớn, dùng với máy hút dịch áp lực âm chế độ liên tục & chu kỳ, gồm: - Băng bọt xốp Size L: 26,0 x 15 x 3,0 cm; vật liệu Polyurethane, kích thước lỗ xốp nhỏ 400-600 micromet đồng nhất giúp phân bố lực hút đồng đều, tối ưu hoá quá trình phát triển mô hạt và hạn chế tổn thương thứ cấp khi thay băng xốp - Đầu nối, vật liệu Silicone Elastomers - Ống dẫn, vật liệu Silicone Elastomers, Polyvinly Chloride, đường kính 2,5mm, tốc độ hút dịch 22m/s - Đầu nối và ống dẫn liền khối tăng sự lưu kín khi hút dịch - Băng dán, vật liệu Polyurethane Film và Acrylic Adhesive hoặc tương đương (2 tấm 35 x 35 cm) - Đầu hút dịch và dây dẫn dịch được thiết kế liền khối bảo đảm sự lưu kín của áp lực âm khi hút dịch - Đầu hút dịch được tích hợp băng dán giúp tiện dụng khi thực hiện thao tác - Tiết khuẩn và đóng gói ép chân không
845	Vật liệu hút áp lực âm size M	141	CAI	Vật liệu sử dụng trong điều trị các tổn thương bằng phương pháp hút áp lực âm cỡ trung, dùng với máy hút dịch áp lực âm chế độ liên tục & chu kỳ, gồm: - Băng bọt xốp Size M, kích thước 16,0 x 12,5 x 3,0 cm; vật liệu Polyurethane, kích thước lỗ xốp nhỏ 400-600 micromet đồng nhất giúp phân bố lực hút đồng đều, tối ưu hoá quá trình phát triển mô hạt và hạn chế tổn thương thứ cấp khi thay băng xốp - Đầu nối, vật liệu Silicone Elastomers - Ống dẫn, vật liệu Silicone Elastomers, Polyvinly Chloride, đường kính 2,5mm, tốc độ hút dịch 22m/s - Đầu nối và ống dẫn liền khối tăng sự lưu kín khi hút dịch - Băng dán, vật liệu Polyurethane Film và Acrylic Adhesive hoặc tương đương (1 tấm 35 x 35 cm) - Đầu hút dịch và dây dẫn dịch được thiết kế liền khối bảo đảm sự lưu kín của áp lực âm khi hút dịch - Đầu hút dịch được tích hợp băng dán giúp tiện dụng khi thực hiện thao tác - Tiết khuẩn và đóng gói ép chân không
846	Keo dán sinh học Floseal Hemostatic Matrix 5ml B/6	40	Tube	Hộp chất chứa bao gồm những hạt gelatin kết dính và chất tạo đông máu. Tube 5ml Cầm máu 96% thời gian trong vòng 10 phút. Cầm máu nhanh (thời gian cầm máu trung bình 1,5 phút) tại vị trí tác động. Làm việc trên mô ướt. Phù hợp với bề mặt vết thương không đều. Có hiệu quả trên cả xương và mô mềm. Không dùng tiêm vào mạch máu
847	Dây cáp kết nối đơn cực, 3.5m, phích cắm 8mm	2.500	CAI	Dây cáp kết nối đơn cực, 3.5m, phích cắm 8mm
848	Brassard huyết áp sử dụng cho máy monitoring size trung	50	CAI	Brassard huyết áp sử dụng cho máy monitoring size trung
849	Cây nâng mô cơ Freer, nhọn/tù dài 185mm-OL165R	50	CAI	Cây nâng mô cơ Freer, nhọn/tù dài 185mm-OL165R
850	Tube eppendorf đựng huyết thanh 1.5ml	135.000	TUBE	Dung tích: 1,5ml., Nhựa PP chính phẩm. Nắp bật
851	Chăn lưới	300	CAI	Chăn lưới
852	Tube lấy mẫu Cyclosporine (Transplant Tretreatment tubes) (H/ 100 tube)	2.640	TUBE	Ống tiền xử lý cho hệ thống xét nghiệm.
853	Tube vô trùng 15 ml	2.640	TUBE	Tube 15ml có chia vạch, nắp vận chặt, đáy nhọn.
854	Tube vô trùng 5 ml	72.778	TUBE	Tube 5ml có chia vạch, nắp màu xanh dương, vận chặt, vô trùng đáy bằng. Thích hợp dùng để lấy mẫu chảy máy ly tâm.
855	Túi bệnh phẩm nội soi 9cmx13cm	700	CAI	Túi bệnh phẩm nội soi C 9 (w) x 13 (l): Được cấu tạo từ màng TPU 60 micron, có dây rút ở miệng túi được làm từ chỉ phẫu thuật có chiều dài 35cm. Túi được cuộn tròn sẵn theo chiều miệng túi và bỏ vào ống nhựa hở hai đầu. Được tiệt trùng từng cái
856	Túi bệnh phẩm nội soi B 7cmx9cm	1.500	CAI	Túi bệnh phẩm nội soi B 7cmx9cm
857	Chụp cầm	100	CAI	Chụp cầm
858	Túi bơm máu(Bơm áp lực) 2IT-500	54	CAI	*Bao đo áp lực kết cấu bền, thể tích 500ml, đồng hồ đo áp lực dễ quan sát, có thông số từ 0 mmHG, 175 mmHG và 300 mmHG. Có móc treo Pole Loop IV. Có van khóa stopcock
859	Dây Niti 014 hàm trên+dưới-5000.102.102	3.000	SOI	Dây cung chính nha là loại dây cung được chế tạo bởi hợp kim Nickel- Titanium. - Thành phần cấu tạo bao gồm 54.5 – 56% Nicken và 44 – 45.5% Titanium - Chất liệu: hợp kim Nickel- Titanium - Tiết diện: tròn - Hình dạng: cung oval hàm trên và hàm dưới - Đường kính: 0.14 inch - Tương thích với mắc cài các loại
860	Túi dự trữ oxy (ambu)	659	CAI	Chất liệu PVC- Thể tích 1000 - 2500 ml- Chứa oxy
861	Túi dự trữ oxy Silicon (ambu) 1000ml	22	CAI	Chất liệu silicon hoặc tương đương, đúng thể tích, đầu nối chắc chắn không gây thất thoát khí
862	Túi dự trữ oxy Silicon (ambu) 2000ml	2	CAI	Chất liệu silicon hoặc tương đương, đúng thể tích, đầu nối chắc chắn không gây thất thoát khí

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
863	Túi dự trữ oxy Silicon (ambu) 500ml	50	CAI	Chất liệu silicon hoặc tương đương, đúng thể tích, đầu nối chắc chắn không gây thất thoát khí
864	Túi đo lường nước tiểu có bầu theo giờ	50	BO	* Hệ thống thoát nước tiểu khép kín ngăn chia độ để đo lượng nước tiểu hàng giờ trong ICU và CCU. * Vật liệu: PP, PVC, TPR, PE, SAN, ABS, Arylic Co-polymer, MB * Ngăn trong suốt 500 ml có 4 thang chia để đo chính xác thể tích nước tiểu. * Buồng thu mẫu được bố trí bộ lọc hydrophobic (ky nước) để giảm thiểu nguy cơ nhiễm trùng đường tiết niệu. * Có thể dùng một tay làm rỗng tất cả các khoang đồng thời bằng van khóa. * Hệ thống bypass (đi vòng) để ngăn tràn. * Túi lấy nước tiểu dung tích 2 lít có kẹp và lỗ thoát đáy hình chữ "T". * Ống chống gấp khúc dài 120 cm đảm bảo dòng nước tiểu không hạn chế. * Cổng lấy mẫu với co nối tapered giúp lấy mẫu nước tiểu giữa dòng dễ dàng và vô trùng. * Dây đeo buộc linh hoạt để dễ dàng treo vào cạnh giường. * Không độc hại, không latex * Sử dụng 1 lần. Vô trùng và đóng gói riêng trong một hộp.
865	Túi đựng huyết tương 5L	580	CHIEC	Được dùng để thu thập dịch thải trong khi thực hiện CRRT Được trang bị đầu nối female Luer ở bên trong túi và ống lớn (Ø 8 mm) để làm nơi dẫn lưu. Chất liệu: PVC, không có DEHP, không có Latex Thể tích: 5L.
866	Túi ép dẹp 200mmx200m	360	CUON	Túi ép dụng dụng cụ tiết khuẩn Cấu tạo từ màng film PET/PP trong suốt, không độc hại. Tiệt trùng bằng hơi nước ở nhiệt độ 134 ° C (280 ° F) và có thể được khử trùng bằng 3 phương pháp: Hơi nước (Steam), Khí Gas EO, Khí Formaldehyd. Trọng lượng giấy 80g / m2, độ dày màng film 52µm Chỉ thị màu rõ ràng
867	Túi ép dẹp 50mm x 200m	24	CUON	Túi ép dụng dụng cụ tiết khuẩn Cấu tạo từ màng film PET/PP trong suốt, không độc hại. Tiệt trùng bằng hơi nước ở nhiệt độ 134 ° C (280 ° F) và có thể được khử trùng bằng 3 phương pháp: Hơi nước (Steam), Khí Gas EO, Khí Formaldehyd. Trọng lượng giấy 80g / m2, độ dày màng film 52µm Chỉ thị màu rõ ràng
868	Túi ép dẹp 75mm x 200m	180	CUON	Túi ép dụng dụng cụ tiết khuẩn Cấu tạo từ màng film PET/PP trong suốt, không độc hại. Tiệt trùng bằng hơi nước ở nhiệt độ 134 ° C (280 ° F) và có thể được khử trùng bằng 3 phương pháp: Hơi nước (Steam), Khí Gas EO, Khí Formaldehyd. Trọng lượng giấy 80g / m2, độ dày màng film 52µm Chỉ thị màu rõ ràng
869	Túi ép dẹp 100mm x 200m	180	CUON	Túi ép dụng dụng cụ tiết khuẩn Cấu tạo từ màng film PET/PP trong suốt, không độc hại. Tiệt trùng bằng hơi nước ở nhiệt độ 134 ° C (280 ° F) và có thể được khử trùng bằng 3 phương pháp: Hơi nước (Steam), Khí Gas EO, Khí Formaldehyd. Trọng lượng giấy 80g / m2, độ dày màng film 52µm Chỉ thị lên màu rõ ràng
870	Dây Niti 12 hàm dưới	2.000	CAI	Dây cung chỉnh nha là loại dây cung được chế tạo bởi hợp kim Nickel- Titanium. - Thành phần cấu tạo bao gồm khoảng 54.5 – 56% Nicken và khoảng 44 – 45.5% Titaniumt - Chất liệu: hợp kim Nickel- Titanium hoặc tương đương - Tiết diện: tròn - Hình dạng: cung oval hàm trên và hàm dưới - Đường kính: 0.12 inch - Tương thích với mắc cài các loại
871	Túi ép dẹp 250mm x 200m	300	CUON	Túi ép dụng dụng cụ tiết khuẩn Cấu tạo từ màng film PET/PP trong suốt, không độc hại. Tiệt trùng bằng hơi nước ở nhiệt độ 134 ° C (280 ° F) và có thể được khử trùng bằng 3 phương pháp: Hơi nước (Steam), Khí Gas EO, Khí Formaldehyd. Trọng lượng giấy 80g / m2, độ dày màng film 52µm Chỉ thị màu rõ ràng
872	Túi ép dẹp 300mm x 200m	300	CUON	Túi ép dụng dụng cụ tiết khuẩn Cấu tạo từ màng film PET/PP trong suốt, không độc hại. Tiệt trùng bằng hơi nước ở nhiệt độ 134 ° C (280 ° F) và có thể được khử trùng bằng 3 phương pháp: Hơi nước (Steam), Khí Gas EO, Khí Formaldehyd. Trọng lượng giấy 80g / m2, độ dày màng film 52µm Chỉ thị màu rõ ràng

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
873	Túi ép phẳng 150mmx100m	150	CUON	Sử dụng để tiệt khuẩn hơi nước, EO và Formaldehyde. Kích thước: 150mm x 100m Túi gồm có 2 mặt: - Mặt trên là giấy y tế loại 60 gsm ± 5% - Mặt dưới phim xanh tiêu chuẩn (PET/ CPP) độ dày 52 um ± 10%, độ bám dính: 154 g; có chỉ thị tiệt trùng cho khí EO, hơi nước, Formaldehyde, khả năng thay đổi màu rõ ràng và chính xác khi tiếp xúc với yếu tố tiệt khuẩn. - Độ thoáng khí của mặt giấy 10.29 um/Pa.s, độ bền mỗi hàn: 6.6 n/15mm - Được hàn 3 đường để tăng độ bền. - Không có chì và không có mù - giúp hạn chế khu vực in giữa mặt giấy và màng film để tránh nhiễm khuẩn dụng cụ. <i>- Túi được gia cố để tránh rách trong quá trình mở</i> Sử dụng để tiệt khuẩn hơi nước, EO và Formaldehyde. Kích thước: 300mm x 100m Túi gồm có 2 mặt: - Mặt trên là giấy y tế loại 60 gsm ± 5% - Mặt dưới phim xanh tiêu chuẩn (PET/ CPP) độ dày 52 um ± 10%, độ bám dính: 154 g; có chỉ thị tiệt trùng cho khí EO, hơi nước, Formaldehyde, khả năng thay đổi màu rõ ràng và chính xác khi tiếp xúc với yếu tố tiệt khuẩn. - Độ thoáng khí của mặt giấy 10.29 um/Pa.s, độ bền mỗi hàn: 6.6 n/15mm - Được hàn 3 đường để tăng độ bền. - Không có chì và không có mù - giúp hạn chế khu vực in giữa mặt giấy và màng film để tránh nhiễm khuẩn dụng cụ. <i>- Túi được gia cố để tránh rách trong quá trình mở</i> Sử dụng để tiệt khuẩn hơi nước, EO và Formaldehyde. Kích thước: 350mm x 100m Túi gồm có 2 mặt: - Mặt trên là giấy y tế loại 60 gsm ± 5% - Mặt dưới phim xanh tiêu chuẩn (PET/ CPP) độ dày 52 um ± 10%, độ bám dính: 154 g; có chỉ thị tiệt trùng cho khí EO, hơi nước, Formaldehyde, khả năng thay đổi màu rõ ràng và chính xác khi tiếp xúc với yếu tố tiệt khuẩn. - Độ thoáng khí của mặt giấy 10.29 um/Pa.s, độ bền mỗi hàn: 6.6 n/15mm - Được hàn 3 đường để tăng độ bền. - Không có chì và không có mù - giúp hạn chế khu vực in giữa mặt giấy và màng film để tránh nhiễm khuẩn dụng cụ. <i>- Túi được gia cố để tránh rách trong quá trình mở</i>
874	Túi ép phẳng 300mmx100m	150	CUON	
875	Túi ép phẳng 350mmx100m	120	CUON	
876	Túi hậu môn nhân tạo bé sơ sinh	780	CAI	Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh, xả được, loại đục (màu da) hoặc loại trong (màu trắng) - Sử dụng thoải mái với vật liệu lớp bên ngoài không dẹt không thấm hút ra bên ngoài và màng 5 lớp được thiết kế đặc biệt không rò rỉ chất lỏng và mùi. Số trên túi giúp dễ dàng truy xuất nguồn gốc với ngày và mã sản phẩm - Có lọc carbon - Có lớp viên băng keo xung quanh hydrocolloid không gây dị ứng và thân thiện với da mang lại khả năng không thấm nước - Có khóa cuộn - Kích cỡ 12-40mm hoặc - Sử dụng 1 lần
877	Túi nước tiểu có dây treo 2 lit	10.766	SOI	Dung tích: 2.000 ml, Có quai treo, vạch chia dung tích, nút xả loại nhân không tuột, không bị rỉ nước Tiệt trùng bằng khí EO.
878	Dây Niti 12 hàm trên	1.000	CAI	Dây cung chính nha là loại dây cung được chế tạo bởi hợp kim Nickel- Titanium. - Thành phần cấu tạo bao gồm 54.5 – 56% Nicken và 44 – 45.5% Titaniumt. - Chất liệu: hợp kim Nickel- Titanium - Tiết diện: tròn - Hình dạng: cung oval hàm trên và hàm dưới - Đường kính: 0.14 inch - Tương thích với mắc cài các loại
879	Dây nối cho ống hút	4	SOI	Dây nối cho ống hút
880	Dây thẳng 0.7mm	500	DAY	Dây thẳng 0.7mm
881	Túi tạo áp lực- pressure (500ml)	22	CAI	Bao đo áp lực kết cấu bền vật liệu urethane, thể tích 500ml, đồng hồ đo áp lực vật liệu ABS trắng/ trong thể styrene để quan sát, thước đo chỉ thị theo màu sắc có thông số từ 0 mmHG, 175 mmHG và 300 mmHG. Có móc treo Pole Loop IV tiện lợi cho cả người thấp, móc túi đậy bên chắc. Có van khóa stopcock. Bóng bóp vật liệu nhựa mềm dẻo không phthalate

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
882	Thanh nâng ngực các size	120	CAI	- Thanh nâng ngực dùng trong bệnh lý lõm ngực - Tối thiểu có các cỡ từ 8 - 14,5 inch - Thanh bằng thép không gỉ, cả hai đầu được bo tròn, được thiết kế nhỏ thon hai đầu cho phù hợp thể trạng bệnh nhân, giảm kích ứng đau sau phẫu thuật. - Sản phẩm có lỗ và khắc ở 2 đầu để cố định vững chắc bằng chỉ thép sau khi được đưa vào khoang màng phổi và trung thất, tránh bị xoay đi lệch thanh sau phẫu thuật.
883	Dây thép bê hàm duy trì sau chỉnh nha 0.9mm-036 inch	50	CUON	- Dây thép buộc chỉnh nha cố định hàm, răng trong các thủ thuật chỉnh hình răng mọc lệch lạc, niềng răng - Chất liệu: thép không gỉ - Kích thước: đường kính khoảng 0.008 → 0.014 inch - Hình dạng: sợi thẳng, dễ bẻ cong, dễ cắt theo hình dạng cung răng - Quy cách: 10 sợi/ống - Tương thích với khâu răng, cung chỉnh nha, mắc cài
884	Dây truyền tưới rửa Elan 4	50	CAI	Dây truyền tưới rửa Elan 4
885	Thun chỉ	3	CAI	Thun chỉ màu trong
886	Thun chuỗi nhỏ	5	CUON	Thun chuỗi short, màu trong suốt
887	Thun gắn mắc cài	1.000	SOI	Không có thành phần latex cao su tự nhiên, thiết kế thun với góc gấp 45 độ, buộc thun dễ dàng, không gây đau, ít vướng môi má, ổn định và ít đổi màu. Gói/100 que, 10 thun/que.
888	Thun liên hàm 1/4 medium 500-103LF	1.000	CAI	Thun liên hàm. Lực trung bình 85gf (4.5oz.), được sản xuất bằng cao su chuẩn y khoa, bao bì chống sáng giảm tác động của tia UV, giá trị lực được xác định độ giãn gấp 3 lần đường kính tự động.
889	Thun liên hàm 5/16 medium 500-104LF	1.000	CAI	Thun liên hàm các size, lực
890	Thun liên hàm các số	3.600	CAI	Thun liên hàm các size, lực
891	Thun tách kẽ	1.000	SOI	Thun tách kẽ
892	Đá mài mịn	100	MUI	Đá mài mịn
893	Đai cao su	1.000	CAI	Đai cao su
894	Đai trong	500	MIENG	Đai trong
895	Gel bôi tế nướu răng	60	LO	Gel bôi tế nướu răng
896	Brassard huyết áp sử dụng cho máy monitoring size lớn	50	CAI	Brassard huyết áp sử dụng cho máy monitoring size lớn
897	Kềm đối chỉnh nha	100	SOI	Kềm đối chỉnh nha
898	Umbilical catheter (Tĩnh mạch rốn) số 3,5F	575	CAI	- Catheter động tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh dùng: - Tĩnh mạch rốn: Nuôi dưỡng, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy mẫu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu. - Động mạch rốn: Lấy mẫu máu động mạch. Đo áp lực động mạch, đo pH và phân tích khí máu. - Truyền dịch và thuốc. Đóng gói: - 01 catheter chất liệu PVC + Cỡ 3.5 Fr + Tốc độ dòng truyền dịch >31ml/ phút
899	Umbilical catheter (Tĩnh mạch rốn) số 5F	282	CAI	- Catheter động tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh dùng: - Tĩnh mạch rốn: Nuôi dưỡng, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy mẫu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu. - Động mạch rốn: Lấy mẫu máu động mạch. Đo áp lực động mạch, đo pH và phân tích khí máu. - Truyền dịch và thuốc. Đóng gói: - 01 catheter chất liệu PVC + Cỡ 5 Fr + Tốc độ dòng truyền dịch >31ml/ phút
900	Keo dán nha (Fixodent)	50	TUBE	Keo dán nha (Fixodent)
901	Kính trộn	600	CAI	Kính trộn
902	Lò xo	100	CAI	Lò xo
903	Lò xo chặn môi	50	CAI	Lò xo chặn môi
904	Mũi carbide chậm	50	CAI	Mũi carbide chậm
905	Mũi khoa Elan 4 dạng xoắn, đk 1.5mm	50	CAI	Mũi khoa Elan 4 dạng xoắn, đk 1.5mm
906	Nẹp Micro thẳng 18 lỗ	20	CAI	Nẹp Micro thẳng 18 lỗ
907	Ví dây dẫn Mirage	30	CAI	Chất liệu thép không gỉ, đường kính trong 0.008", dài 200 cm, đầu quấn lò xo platinum dài 10cm. Được sử dụng trong can thiệp mạch thần kinh.
908	Ví ống thông Apollo	30	CAI	Đường kính trong 0.013", đường kính ngoài đầu gần 2.7Fr, đường kính ngoài đầu xa 1.5Fr, đầu gần dạng coil bằng thép không gỉ, đầu xa dạng nitinol dệt, tổng chiều dài 165cm, chiều dài đầu tip 1.5, 3cm, hình dạng đầu tip thẳng, tương thích với dây dẫn lớn nhất 0.01" Được sử dụng trong can thiệp mạch thần kinh.
909	Ví ống thông Marathon	30	CAI	Ống thông can thiệp đường kính trong 0.013", đường kính ngoài 2.7 - 1.5Fr, đầu gần dạng coil bằng thép không gỉ, đầu xa dạng nitinol dệt, chiều dài sử dụng 165cm, chiều dài đầu xa 25cm, tương thích với dây dẫn lớn nhất 0.01". Được sử dụng trong can thiệp mạch thần kinh.
910	Vis và sọ titan	500	CAI	Chất liệu titan, loại chống long vít, mũ vít chữ X. Tối thiểu có chiều dài 5mm. Đường kính tối thiểu có cỡ 1, 65; 2,0 mm

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
911	Vis và sọ tự tiêu (Túi/4 vis)	200	CAI	Vis và sọ tự tiêu - Tối thiểu có đường kính 2 mm ($\pm 5\%$) - Chiều dài tối thiểu có 4 - 7 mm - Chất liệu Polime sinh học tự tiêu - Thời gian tự tiêu: 12- 30 tháng - Chức năng: nẹp thẳng kết hợp xương - Chất liệu: Titanium Grade 2, 3
912	Nẹp Micro thẳng 8 lỗ	20	CAI	- Nẹp 8 lỗ, dài 43mm, khoảng cách 2 lỗ 5.5mm. - Nẹp rộng 4.5mm, đoạn kết nối 2 lỗ rộng 2.0mm - Nẹp dày 0.8, 1.0mm - Đường kính lỗ nẹp 2.4mm - Tương thích với vít 2.0mm, vít khấn cấp 2.3mm trong trường hợp lỏng vít
913	Vít khóa 2.4, 2.7, 3.5 các cỡ	160	CAI	- Vít khóa đường kính 2,4mm và 2,7mm: Đường kính mũ vít 4mm, đường kính lỗ bắt tước nơ vít trên đầu mũ vít là 1,5mm, đường kính thân vít lần lượt là 2,4mm và 2,7mm. - Vít khóa đường kính 3.5mm: Đường kính mũ vít là 6mm, đường kính lỗ bắt tước nơ vít trên đầu mũ vít là 2.5mm, đường kính thân vít 3.5mm. - Cổ mũ vít có ren. Chất liệu thép không gỉ. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa. - Chiều dài nẹp tối thiểu ≤ 20 mm, chiều dài tối đa ≥ 25 mm.
914	Vít khóa 4,5; 5.0 các cỡ	100	CAI	Đường kính mũ vít đều là 8mm, đường kính thân vít lần lượt 4.5mm và 5.0mm. Chiều dài từ 14mm đến 70mm đối với vít 4.5mm và dài từ 16mm đến 90mm đối với vít 5.0mm. Cổ mũ vít có ren. Chất liệu thép không gỉ. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa.
915	Vít khóa 6.5 các cỡ	30	CAI	Đường kính mũ vít là 8mm, đường kính lỗ bắt tước nơ vít trên đầu mũ vít là 4mm, đường kính thân vít là 6,5mm. Chiều dài tối thiểu có 50mm. Cổ mũ vít có ren. Chất liệu thép không gỉ. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa.
916	Vít khóa 7.5 các cỡ	20	CAI	Là vít khóa rộng nông đường kính 2,2mm. Đường kính mũ vít 9,5mm, đường kính lỗ bắt tước nơ vít trên mũ vít là 4mm, đường kính thân vít 7,5mm. Chiều dài tối thiểu có 60mm. Cổ mũ vít có ren. Chất liệu thép không gỉ. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa.
917	Nẹp mini nha khoa thẳng 18 lỗ 20ST018R	600	CAI	- Chức năng: nẹp thẳng kết hợp xương - Chất liệu: Titanium Grade 2, 3. - Nẹp 18 lỗ, dài 98mm, khoảng cách 2 lỗ 5.5mm. - Nẹp rộng 4.5mm, đoạn kết nối 2 lỗ rộng 2.0mm - Nẹp dày 0.8, 1.0mm - Đường kính lỗ nẹp 2.4mm - Tương thích với vít 2.0mm, vít khấn cấp 2.3mm trong trường hợp lỏng vít
918	Vít SIGN các cỡ	64	CAI	Vít chốt nội tủy loại SIGN hoặc tương đương - Chất liệu thép không gỉ. - Loại vít tự ta rô, đường kính vít 4,5mm - Chiều dài tối thiểu ≤ 40mm, chiều dài tối đa ≥ 50 mm. - Đầu bắt vít và đầu cổ mũ vít đều có ren, đoạn giữa thân vít là trơn. - Đồng bộ với đỉnh nội tủy.
919	Vít xóp 6.5 các cỡ	80	CAI	- Đường kính mũ vít 8mm, đầu mũ bắt tước nơ vít hình lục giác. - Đường kính lõi vít 3mm - Đường kính thân có ren 6,5mm, chiều dài đoạn ren từ 22 đến 32mm - Chiều dài vít tối thiểu có 40mm và 50mm. - Chất liệu thép không gỉ.
920	Vít xóp đường kính 4.0mm các cỡ	200	CAI	- Đường kính mũ vít 6mm, đầu mũ bắt tước nơ vít hình lục giác. - Đường kính lõi vít 1.9mm - Đường kính thân vít có ren 4.0mm, chiều dài đoạn vít có ren từ 7 đến 15mm, - Chiều dài vít tối thiểu có 25mm và 35mm. - Chất liệu thép không gỉ.
921	Vít xóp rộng 7.3 các cỡ	30	CAI	Đường kính mũ vít 9.5mm, đầu mũ bắt tước nơ vít hình lục giác. Đường kính lõi vít 2.2mm, đường kính thân vít có ren 7.0mm, chiều dài đoạn ren 20mm, chiều dài vít từ 30 đến 130mm. Chất liệu thép không gỉ.
922	Vít xương cứng đường kính 3.5mm các cỡ	600	CAI	- Đường kính mũ vít 6mm, đầu mũ bắt tước nơ vít hình lục giác. - Đường kính lõi vít 1,9mm; đường kính thân vít có ren 3,5mm - Chất liệu thép không gỉ. - Chiều dài tối thiểu ≤ 25mm, chiều dài tối đa ≥ 35mm.
923	Vít xương cứng đường kính 4.5mm các cỡ	400	CAI	- Đường kính thân vít tính cả ren 4,5mm, đầu mũ bắt tước nơ vít hình lục giác. - Đường kính lõi vít 3 mm, đường kính mũ vít 8mm - Chất liệu thép không gỉ. - Chiều dài tối thiểu ≤ 30mm, chiều dài tối đa ≥ 40mm.
924	Nẹp Mini thẳng 6 lỗ	100	CAI	Nẹp Mini thẳng 6 lỗ

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
925	Vòng xoắn đóng cùn ống động mạch (Coil PDA) các số	450	BO	Vòng xoắn đóng cùn ống động mạch (Coil PDA) các số - Bộ dụng cụ đóng ống động mạch gồm coil và dụng cụ thả coil. - Chất liệu: Nitinol - Đường kính đầu xa và gần lần lượt tối thiểu có: 4x4mm, 5x4 mm, 6x5 mm, 7x6 mm, 9x6 mm, 11x6 mm. - Chiều dài coil tối thiểu có từ 3,5 - 6,0mm - Chiều dài catheter tối thiểu có: 85 cm. - Kích cỡ dụng cụ mở đường 4F, 5F. - Cấu tạo: Coil xoắn ốc thích nghi tuyệt vời với đa dạng kích cỡ và các hình dạng giải phẫu đối với bệnh lý cùn ống động mạch. Coil được sắp xếp theo thứ tự độ cứng từ động mạch chủ đến đầu gần của coil.
926	Vòng xoắn bít các dị dạng mạch máu	457	CAI	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch: dạng coil dây. Chất liệu: Hợp kim Platium có độ cản quang cao, cho hình ảnh rõ nét. Thiết kế vòng xoắn dạng coil linh hoạt để đóng dị dạng mạch máu đường kính cỡ nhỏ và cỡ trung. - Coil xoắn ốc thích nghi với đa dạng kích cỡ và các hình dạng giải phẫu đối với bệnh lý cùn ống động mạch. Cuộn dây đầu xa giúp coil không bị đẩy ra ngoài rơi vào động mạch phổi và tránh huyết khối chảy vào động mạch chủ, đầu gần của coil được neo lại bên động mạch phổi. - Coil được sắp xếp theo thứ tự độ cứng từ động mạch chủ đến đầu gần của coil. - Coil có các kích cỡ tối thiểu: 4x4, 5x4, 6x5, 7x6, 9x6 và 11x6 mm.
927	Vòi dùng cho máy gây mê	3.000	KG	Vòi dùng trong y tế cho máy gây mê. Có thể được thay tại điểm bão hòa 100% mà không làm gián đoạn quá trình thở có kiểm soát của bệnh nhân đang gây mê toàn thân trong ca phẫu thuật.
928	Brassard huyết áp sử dụng cho máy monitoring size nhỏ	50	CAI	Brassard huyết áp sử dụng cho máy monitoring size nhỏ
929	Nhám kê thiếc GC xanh lá cây số 600	500	SOI	Nhám kê thiếc GC xanh lá cây số 600
930	Mặt gương	1.500	CAI	Được làm từ chất liệu không gỉ. Mặt gương dùng trong nha khoa 22 mm
931	Ốc nong nhanh	100	SOI	Ốc nong nhanh
932	Ống nhựa luồn dây cung-490.403	50	CUON	Ống nhựa luồn dây cung-490.403
933	Sáp nha khoa 600-035 (51PS/Hộp)	500	HOP	Sáp nha khoa 600-035 (51PS/Hộp)
934	Thay cung môi	50	CAI	Thay cung môi
935	Vít xương Maxi 2.4x10mm	500	CAI	Vít xương Maxi 2.4x10mm
936	Mask túi dự trữ trẻ em	466	CAI	Nhựa PVC y tế mềm- Có Mask oxy - Có túi chứa oxy 2500 ml- Không sắc nhọn, vô trùng- Có dây oxy dài 1.8-2.1 mét- Có co nối, không hoặc có nếp mũi
937	Nạo ngà	100	CAY	Là dụng cụ dùng để lấy mô ngà sâu, tủy răng và xi măng trám tạm. Cây có 2 đầu, một đầu hướng về bên trái, một đầu hướng về bên phải. Ø 1,3 mm
938	Kẹp gấp	500	CAY	Được làm từ chất liệu không gỉ. Chiều dài: 160mm. Được sử dụng để gấp bông gòn, bông gạc trong nha khoa. Sát trùng trước khi sử dụng.
939	Gel bôi trơn vô trùng sử dụng cho máy siêu âm	50	CAI	Gel bôi trơn vô trùng sử dụng cho máy siêu âm
940	Tấm Plate cho trẻ lớn	8.000	CAI	Độ tăng nhiệt độ thấp trong suốt quá trình kích hoạt sử dụng (≤ 30.4 độ C đến ≤ 34.5 độ C). - Lớp Hydrogel mỏng, độ dính cao, tản nhiệt nhanh; Lớp đệm foam đàn đàn hồi, tạo hình theo cơ thể - Hình oval, sử dụng được mọi hướng - Bản cực viên thông minh với gel chống thấm nước bảo vệ tối đa vùng dán - Thiết kế vòng điện cực an toàn điện đối xứng - Diện tích bản cực $\geq 110\text{cm}^2$
941	Xương ghép nhân tạo	30	CAI	- Thành phần hoá học: 15% Hydroxyapatite và 85% beta-Tricalcium Phosphate. - Cấu trúc vật lý: Cấu tạo xốp 3 chiều đồng nhất, thành phần hóa học gần giống xương cơ thể người - Kích thước hạt: 1.6mm - 3.2mm. - Độ xốp của hạt: 80%. với kích thước trung bình khoảng trống là 500 micron và đường kính lỗ liên kết giữa các khoang trống là 125 micron. - Dung tích 10cc. - Tương thích sinh học tốt với cơ thể - Hình thành xương mới trong vòng 6 tháng

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
942	Vis chân cung đa trục 5,5x 35mm	80	Cái	Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti - 6Al-4V) - Đầu vít kết hợp với ốc khoá trong tạo ra kiểu khoá ngàm xoắn (Helical Flange) giúp giảm phát tán lực ngang lên đầu vít, tạo lực cân bằng theo chiều dọc để giảm nghiêng lệch ở tâm. - Thiết kế đầu vít: Chiều cao: 16mm, chiều cao phần thanh dọc chạy trên đầu mũ vít: 9.7mm, chiều rộng đầu vít: 11.3mm - Thân vít có 2 luồng ren dẫn kép, tự taro, khoảng cách ren đôi là 6mm, khoảng cách ren đơn: 3mm. Góc nghiêng ốc xoắn loại đơn: 11 độ, góc nghiêng ốc xoắn loại đôi: 21 độ, góc mở của hai ren loại đôi là 60 độ - Đường kính: 5.5 mm được phân biệt sự khác nhau giữa các đường kính bằng màu sắc. - Chiều dài: 35 mm - Tiêu chuẩn : FDA - Tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh trong phẫu thuật cột sống (NVM5)
943	Vis chân cung đa trục 5,5x 40mm	80	Cái	Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti - 6Al-4V) - Đầu vít kết hợp với ốc khoá trong tạo ra kiểu khoá ngàm xoắn (Helical Flange) giúp giảm phát tán lực ngang lên đầu vít, tạo lực cân bằng theo chiều dọc để giảm nghiêng lệch ở tâm. - Thiết kế đầu vít: Chiều cao: 16mm, chiều cao phần thanh dọc chạy trên đầu mũ vít: 9.7mm, chiều rộng đầu vít: 11.3mm - Thân vít có 2 luồng ren dẫn kép, tự taro, khoảng cách ren đôi là 6mm, khoảng cách ren đơn: 3mm. Góc nghiêng ốc xoắn loại đơn: 11 độ, góc nghiêng ốc xoắn loại đôi: 21 độ, góc mở của hai ren loại đôi là 60 độ - Đường kính: 5.5 mm được phân biệt sự khác nhau giữa các đường kính bằng màu sắc. - Chiều dài: 40 mm - Tiêu chuẩn : FDA - Tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh trong phẫu thuật cột sống (NVM5)
944	Vis chân cung đa trục 6,5x 45mm	80	Cái	Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti - 6Al-4V) - Đầu vít kết hợp với ốc khoá trong tạo ra kiểu khoá ngàm xoắn (Helical Flange) giúp giảm phát tán lực ngang lên đầu vít, tạo lực cân bằng theo chiều dọc để giảm nghiêng lệch ở tâm. - Thiết kế đầu vít: Chiều cao: 16mm, chiều cao phần thanh dọc chạy trên đầu mũ vít: 9.7mm, chiều rộng đầu vít: 11.3mm - Thân vít có 2 luồng ren dẫn kép, tự taro, khoảng cách ren đôi là 6mm, khoảng cách ren đơn: 3mm. Góc nghiêng ốc xoắn loại đơn: 11 độ, góc nghiêng ốc xoắn loại đôi: 21 độ, góc mở của hai ren loại đôi là 60 độ - Đường kính: 6.5 mm được phân biệt sự khác nhau giữa các đường kính bằng màu sắc. - Chiều dài: 45 mm - Tiêu chuẩn : FDA - Tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh trong phẫu thuật cột sống (NVM5)
945	Ông chỉ nha khoa	500	CAI	Vật liệu thép không gỉ Kết hợp với nhựa chuyên dụng siêu nhẹ
946	Bóng bóp thờ 0,5 lít	1	CAI	Bóng bóp gây mê vật liệu polychloroprene không latex. Thể tích 0,5 lít
947	Bóng bóp thờ 1 lít	1	CAI	Thể tích bóng đúng theo yêu cầu. Không chứa latex Khớp nối chắc chắn, khít
948	Bóng bóp thờ 2 lít	1	CAI	Thể tích bóng đúng theo yêu cầu. Không chứa latex Khớp nối chắc chắn, khít
949	Bóng bóp thờ 3Lit	1	CAI	Khớp nối chắc chắn, khít, Vỡ đầu nối chuẩn 22mm F- Nguyên liệu cao su - Đuôi mở hoặc đuôi đóng (tùy loại)
950	Chất lấy dấu đôi màu (plastagin)	30	Gói	Chất lấy dấu nha khoa Alginate với khả năng lấy dấu chính xác, mùi hương dễ chịu. Dễ dàng sử dụng và gỡ bỏ khỏi khay lấy dấu mà không hề ảnh hưởng đến mẫu. Tương thích với tất cả các loại thạch cao.

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
951	Bộ cấy ốc tai số 1	2	Bộ	- Kích thích lần lượt không chồng chéo 12 kênh điện cực. - Kích thích đồng thời (song song) lên 2 đến 12 kênh điện cực - Châm xanh trên chuỗi điện cực - 24 nguồn điện độc lập cho 24 điện cực - Điện cực kích thích tham chiếu nằm trên vỏ bọc titanium - Tốc độ kích thích $\leq 50,704$ xung mỗi giây - Thời gian xung mỗi pha: 2.1–425.0 μs/ pha - Độ phân giải thời gian (giá trị tên): 1.67 μs - Mức dòng (giá trị tên): 0–1200 μA mỗi pha xung - Thiết kế vỏ bọc: Chịu lực va đập ≥ 2.5 Joule. PIN với chân cố định. Vỏ bọc titanium kín hoàn toàn - Kích thước thân máy: 18.8 mm x 24 mm x 4.5 mm. Kích thước Coil: Đường kính 29.0 mm x độ dày 3.3 mm - Trọng lượng: ≤ 7.7 g - Điều kiện MRI: An toàn tại 0.2, 1.0, 1.5 và 3.0 Tesla. (Chụp MRI không cần tháo nam châm). Nam châm có thể tháo rời, xoay nằm trong vỏ bọc titanium kín. Thiết kế hình nón (hoặc tương đương)
952	Bột tự cứng	10.000	Kg	Bột tự cứng dùng để pha với nước tự cứng, gồm có các màu như trắng, hồng nhạt, hồng đậm
953	Bộ catheter TMTW 3 nòng 5.5F	50	Bộ	- Catheter TMTT 3 đường trẻ em - Vật liệu: Catheter Polyurethane, Dây dẫn Nickel- Titan - Thiết kế: catheter tương thích sinh học, có cân quang. Dây dẫn đầu J mềm, linh hoạt, chống gãy gấp - Kích cỡ: 5.5F x 8cm, cỡ nòng 22Ga/20Ga/22 Ga. Tốc độ dòng: 16–21 ml/phút; 32–40ml/phút; 17–22ml/phút - Bộ đi kèm: Dây dẫn 0.018"x 50cm. Cây nong 6Fr x 7cm, bơm tiêm 5ml, dao mổ, kim dẫn đường 21G x 4cm, cổ định hub và cổ định catheter - Đóng gói tiệt trùng. Không gây sốt (Pyrogenic)
954	Cone giấy nha khoa (Hộp/100 cái)	200	Cái	- Hình dạng đồng nhất - Thấp hút cực nhanh - Được khử trùng bằng tia gamma - Độ thun 4%, 6%, kích cỡ 20,30,40,45,50
955	Bộ Catheter TMTW 3 nòng 5.5F	50	Bộ	- Catheter TMTT 3 đường trẻ em - Vật liệu: Catheter Polyurethane, Dây dẫn Nickel- Titan - Thiết kế: catheter tương thích sinh học, có cân quang. Dây dẫn đầu J mềm, linh hoạt, chống gãy gấp - Kích cỡ: 5.5F x 8cm, cỡ nòng 22Ga/20Ga/22 Ga. Tốc độ dòng: 16–21 ml/phút; 32–40ml/phút; 17–22ml/phút - Bộ đi kèm: Dây dẫn 0.018"x 50cm. Cây nong 6Fr x 7cm, bơm tiêm 5ml, dao mổ, kim dẫn đường 21G x 4cm, cổ định hub và cổ định catheter - Đóng gói tiệt trùng. Không gây sốt (Pyrogenic)
956	Bộ Catheter TMTW 3 nòng 5F	50	Bộ	- Catheter TMTT 3 đường trẻ em - Vật liệu: Catheter Polyurethane, Dây dẫn Nickel-Titan - Thiết kế: catheter tương thích sinh học, có cân quang. Dây dẫn đầu J mềm, linh hoạt, chống gãy gấp - Kích cỡ: 5Fr x 6cm, cỡ nòng 22Ga/20Ga/22 Ga. Tốc độ dòng: 27–35 ml/phút; 12–15ml/phút; 11–14ml/phút - Bộ đi kèm: Dây dẫn 0.018"x 50cm. Cây nong 5Fr x 7cm, bơm tiêm 5ml, dao mổ, kim dẫn đường 21G x 4cm, cổ định hub và cổ định catheter - Đóng gói tiệt trùng. Không gây sốt (Pyrogenic)
957	Chất lấy dấu đổi màu Tropicalgin	30	Gói	Chất lấy dấu nha khoa Alginate với khả năng lấy dấu chính xác, mùi hương dễ chịu. Dễ dàng sử dụng và gỡ bỏ khỏi khay lấy dấu mà ko hề ảnh hưởng đến mẫu. Tương thích với tất cả các loại thạch cao.
958	Bóng đèn Heine 6V hoặc tương đương	5	Cái	Bóng đèn 6V dùng cho tay cầm đèn đặt nội khí quản Heine hoặc tương đương.
959	Chỉnh nha tháo lắp (cung môi và móc Adam)	16.000	Cái	Chỉnh nha tháo lắp (cung môi và móc Adam)
960	Chỉnh nha tháo lắp (ốc nong 1-2 chiều)	16.000	Cái	Chỉnh nha tháo lắp (ốc nong 1-2 chiều)
961	Chỉnh nha tháo lắp (ốc nong 3 chiều)	1.000	Cái	Chỉnh nha tháo lắp (ốc nong 3 chiều)
962	Dây cung Niti 16 hàm dưới	10.000	Cái	Dây Niti tròn cung hàm trên/dưới các cỡ
963	Dây cung Niti 17x25 hàm dưới	10.000	Cái	- Dây cung chỉnh nha là loại dây cung được chế tạo bởi hợp kim Nickel- Titanium. - Thành phần cấu tạo bao gồm 54.5 – 56% Nicken và 44 – 45.5% Titanium - Chất liệu: hợp kim Nickel- Titanium - Tiết diện: tròn - Hình dạng: cung oval hàm trên và hàm dưới - Đường kính: 0.17 inch - Tương thích với mắc cài các loại

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
964	Dây cung Niti 17x25 hàm trên	10.000	Cái	Dây cung chính nha là loại dây cung được chế tạo bởi hợp kim Nickel- Titanium. - Thành phần cấu tạo bao gồm 54.5 – 56% Nicken và 44 – 45.5% Titanium - Chất liệu: hợp kim Nickel- Titanium - Tiết diện: tròn - Hình dạng: cung oval hàm trên và hàm dưới - Đường kính: 0.17 inch - Tương thích với mắc cài các loại
965	Dây cung ngược 016 hàm dưới	10.000	Cái	Dây cung chính nha là loại dây cung được chế tạo bởi hợp kim Nickel- Titanium. - Thành phần cấu tạo bao gồm 54.5 – 56% Nicken và 44 – 45.5% Titanium - Chất liệu: hợp kim Nickel- Titanium - Tiết diện: tròn - Hình dạng: cung oval hàm trên và hàm dưới - Đường kính: 0.16 inch - Tương thích với mắc cài các loại
966	Dây cung ngược 016 hàm trên	10.000	Cái	Dây Thép tròn cung hàm trên/dưới các cỡ
967	Dây cung ngược oval 16 hàm trên	10.000	Cái	Dây Thép tròn cung hàm trên/dưới các cỡ
968	Dây nối tâm điện cực trung tính	70	Cái	Dây nối tâm điện cực trung tính
969	Dây SS thẳng 16x22 hàm dưới	1.000	Cái	Dây cung thép không gỉ với chất liệu hợp kim thép có độ bền kéo cao, chống ăn mòn và độ cứng cao Kích thước, chữ nhật: .016x.022 Đóng gói 10 sợi/ hộp"
970	Dây SS thẳng 16x22 hàm trên	1.000	Cái	Dây cung thép không gỉ với chất liệu hợp kim thép có độ bền kéo cao, chống ăn mòn và độ cứng cao Kích thước, chữ nhật: .016x.022 Đóng gói 10 sợi/ hộp"
971	Dây thẳng 0.8mm	1.000	Cái	Dây thẳng 0.8mm
972	Lò xo nha khoa	1.000	Cái	Lò xo nha khoa
973	Nhựa tự cứng trắng	100	Lít	Nước dùng để pha nhựa tự cứng
974	Ốc nối răng nha khoa	500	Cái	Ốc nối răng nha khoa
975	Thạch cao ngoại nha khoa (vàng)	10.000	kg	Thành phần chính là canxi sunfat. Dùng để lấy dấu, lấy mẫu ban đầu của hàm, răng
976	Thạch cao Việt Nam nha khoa (trắng)	10.000	kg	Thạch cao dùng cho chính nha màu trắng với thời gian hoàn tất chỉ 15' sau khi đổ mẫu với tính chính xác, độ chịu nén cao.
977	Thun chuỗi trung bình	100	Cái	Thun chuỗi short, màu trong suốt
978	Thun liên hàm 1/8 medium 500-101LF	10.000	Cái	Thun kéo mắc cài các cỡ dùng trong thủ thuật chỉnh nha - Chất liệu: cao su latex thiên nhiên - Kích thước: nhiều kích cỡ, đường kính là 3.2mm; 4.6mm; 6.4mm; 7.9mm. - Lực kéo : 3 1/2 Oz, 4 Oz, 6 Oz. - Tương đương loại Unitek
979	Thun liên hàm 3/16 500-102LF	10.000	Cái	Thun kéo mắc cài các cỡ dùng trong thủ thuật chỉnh nha - Chất liệu: cao su latex thiên nhiên - Kích thước: nhiều kích cỡ, đường kính là 3.2mm; 4.6mm; 6.4mm; 7.9mm. - Lực kéo : 3 1/2 Oz, 4 Oz, 6 Oz. - Tương đương loại Unitek
980	Thun liên hàm 3/8 medium 500-105LF	10.000	Cái	Thun liên hàm. Lực trung bình 85gf (4,5oz.), được sản xuất bằng cao su chuẩn y khoa, bao bì càng sáng giảm tác động của tia UV, giá trị lực được xác định độ giãn gấp 3 lần đường kính tự động."
981	Chỉ Vicryl Plus 2.0 (VCP 317H)	10.000	Sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, bọc thành phần tối thiểu bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn số 2/0 dài 70cm, kim tròn đầu tròn, bằng Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương, dài 22mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương ≥ 25% sau ≥ 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: ≥ 60 ngày.
982	Chỉ vicryl plus (Antibact) 3.0 (chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin Plus 3 VCP 316H)	10.000	Sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, bọc thành phần tối thiểu bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn số 3/0 dài 70cm, kim tròn đầu tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương ≥ 25% sau ≥ 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: > 60 ngày.
983	Chỉ Vicryl Plus + Antibact 5 (Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin Plus 5 VCP 303H)	10.000	Sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, bọc thành phần tối thiểu bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn số 5/0 dài 70cm, kim tròn đầu tròn bằng Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương, dài 17mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương ≥ 25% sau ≥ 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: ≥ 60 ngày.
984	Thun Ormco	10.000	Cái	Thun Ormco
985	Thun Ormco 630-0030 (Chipmunk)	10.000	Cái	Thun Ormco 630-0030 (Chipmunk)
986	Thun Ormco 630-0031 (Rabbit)	10.000	Cái	Thun Ormco 630-0031 (Rabbit)
987	Thun Ormco 630-0033 (Penguin)	10.000	Cái	Thun Ormco 630-0033 (Penguin)

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
988	Thun Ormco 630-0034 (Monkey)	10.000	Cái	Thun Ormco 630-0034 (Monkey)
989	Thun Ormco 630-0050 (Impala)	10.000	Cái	Thun Ormco 630-0050 (Impala)
990	Đầu tip 10ul có filter lọc	3.000	Cái	Đầu côn/tip có lọc 10ul giúp ngăn ngừa những căn và aerosols (Sol khí) có trong dung dịch khi hút chất lỏng bằng micropipet. Điều này giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm chéo không mong muốn. Đầu tip tương thích với nhiều loại micropipet từ các hãng
991	Nẹp khóa đầu dưới xương quay 4 lỗ	5	Cái	Nẹp dày tối thiểu 1,8mm, có 4 lỗ, chiều dài khoảng 67mm, sử dụng tương thích với vít khóa đường kính 2.4mm; 2,7mm.
992	Gạc phẫu thuật 10cmx10cmx6lớp, VT có cản quang	10.000	Miếng	Gạc y tế, có cản quang, tiệt trùng - Chất liệu: 100% sợi cotton, màu trắng không được ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không mùi, có sợi cản quang, được tiệt trùng bằng khí EO - Kích thước: 10 x 10cm, 6 lớp - Mật độ sợi: Sợi dọc 78 ± 5 sợi/10cm; Sợi ngang 65->70 sợi/10cm. - Tốc độ hút nước, không lớn hơn 10 giây - Trọng lượng: 26gam/lm ² ± 5%
993	Thun Ormco Chain 639-0004	100	Cái	Thun Ormco Chain 639-0004
994	Thun rời	50.000	Cái	Không có thành phần latex cao su tự nhiên, thiết kế thun với góc gấp 45 độ, buộc thun dễ dàng, không gây đau, ít vướng môi má, ổn định và ít đổi màu. Gói/100 thanh, 10 thun/thanh.
995	Thăm châm	50	Cái	Thăm trám được dùng để định vị các lỗ ống tủy, có hai đầu dài, một đầu cong, một đầu nghiêng, nhọn và sắc bén
996	Gòn có lập	20.000	Viên	- Bông y tế được làm từ bông xơ tự nhiên 100% cotton dùng trong y tế và được hình thành từ tập hợp các sợi trong quả bông, đã loại bỏ lớp sáp thực vật, tẩy trắng và làm tơi, dạng viên tròn, có khả năng tự hủy và thân thiện với môi trường.. - Màu trắng tự nhiên; không sử dụng chất nhuộm màu; được xử lý màng mịn trơn láng, giảm thiểu tối đa xơ thừa, sợi mảnh, mềm, không mùi. - Khả năng hút nước: Trung bình 5g bông giữ được ≥100g nước - Tốc độ chìm ≤ 8s - Chất tan trong nước: không quá 0,5%. - Giới hạn acid-kiềm: đạt trung tính.
997	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng số 6	10.000	Đôi	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng có bột Chất liệu: Latex Cao su thiên nhiên, - Loại: Găng tay có bột, tiệt trùng bằng phương pháp chiếu xạ Gamma - Thiết kế các ngón tay thẳng mượt, phù hợp hình dáng bàn tay người sử dụng, viền găng ở cổ tay. - Độ dài găng tay : 280mm ± 5 mm; độ dày lòng bàn tay : 0.20 ± 0.02mm; độ dày ngón tay 0.22 ± 0.02mm độ co giãn = 27.0 (MPa) trước khi sử dụng, sau khi sử dụng: =22.0 (MPa), - Độ bền kéo tối thiểu trước khi sử dụng: 24MPa; sau khi sử dụng: 18 MPa. - Độ giãn dài tối thiểu trước khi sử dụng: tối thiểu 750%, sau khi sử dụng: 560% - Lực kéo làm hỏng : Trước khi sử dụng : 12N; Sau khi sử dụng : 9N
998	Histoplast Wax (Paraffin hạt) (Bao/10kg)	240	Kg	Chuyên dụng cho phòng xét nghiệm giải phẫu bệnh Có thể sử dụng trong quy trình xử lý mô và vùi mô Nhiệt độ nóng chảy: 55-57 độ C
999	Composite đặc A3,5	5	TUBE	Composite đặc Tỷ trọng hạt độn cao : chứa các hạt độn strontium based glass siêu nhỏ với tỉ trọng cao, khiến cho nó có khả năng chống mài mòn vượt trội, bảo tồn miếng trám theo thời gian. Độ bền nén : Tỷ trọng hạt độn cao giúp tăng cường độ bền nén, đồng thời tăng cường tuổi thọ của miếng trám bằng cách chịu được tốt hơn lực ăn nhai. Tính thẩm mỹ: mang đến sự cân bằng của các yếu tố quang học như hiệu ứng huỳnh quang và độ trong mờ để tạo ra hiệu ứng tác kẻ hoa, hợp màu với răng tự nhiên mà không cần sử dụng kỹ thuật trám đa lớp phức tạp. Độ co thấp: có độ co sau trùng hợp thấp, giúp giảm thiểu tối đa hiện tượng rò vị kẽ và nhav cảm sau điều trị.
1000	Cortisomol	10	Hộp	Cement trám bít ống tủy Khả năng tương thích sinh học cao với thời gian làm việc nhanh Thời gian làm việc : 35 Minutes ở 23 C (73 F) Thời gian đông cứng: 45 Minutes at 37 C (99 F) Dễ trộn Có khả năng trám bít kín không tạo bọt khí/lỗ hổng. Không nhiễm màu lên răng Không hòa tan trong dịch/máu Độ cản quang cao
1001	R4 (Dung dịch sát khuẩn ống tủy răng	12	Cái	Được thiết kế cho mục đích khử trùng nội nha Giữ nguyên tại chỗ, ngay cả trong ống tủy hàm trên 2,0% chlorhexidine gluconate Sử dụng với đầu 31 ga NaviTip với Double Sideport Irrigator Được chứng nhận không chứa gluten

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
1002	Tay khoan chậm	30	Cái	TAY KHOAN CHẬM THĂNG - Thiết kế cơ bản chất liệu thép không gỉ - vỏ bọc chất liệu thép bền chắc - Chuck bấm / Đầu kẹp kiểu bấm - Tốc độ tối đa khi vận hành 40.000 vòng/phút - Có thể hấp diệt trùng với máy hấp hơi nước 134 độ C - Kết nối nhiều loại mũi khoan có đường kính Ø 2.35 mm - Chuẩn kết nối ISO - Áp lực hồi làm việc (chủ, khô và sạch) 2,3 Bar
1003	Nẹp giữ chỗ 15 lỗ, quay phải	10	Cái	Nẹp giữ chỗ 15 lỗ quay phải, chất liệu Titanium, độ dày 2.5mm, dùng vít có dk 2.4mm
1004	Nẹp giữ chỗ 15 lỗ, quay trái	10	Cái	Nẹp giữ chỗ 15 lỗ quay trái, chất liệu Titanium, độ dày 2.5mm, dùng vít có dk 2.4mm
1005	Nẹp mini nha khoa chữ X 4 lỗ 20IP004R hoặc tương đương	10	Cái	Chức năng: nẹp chữ X dạng bậc thang dùng để kết hợp xương trượt. Chất liệu: Titanium Grade 3. Nẹp chữ X 04 lỗ bậc thang từ 2, 4, 6, 8, 10, 12mm, Trên hình chiếu đứng có khoảng cách 2 đường tâm ngang 12.5mm, hai đường tâm dọc 7mm. Nẹp dày 0.6mm. Tương thích với vít 2.0mm, vít khẩn cấp 2.3mm trong trường hợp lỏng vít
1006	Oxy cell cho máy thở	6	Cái	Cảm biến oxy: - Là cảm biến điện đo phần trăm oxy của khí cung cấp cho bệnh nhân. - Máy thở sẽ báo động nếu nồng độ oxy không nằm trong khoảng 7% của phần trăm oxy đã cài đặt - Tương thích với máy thở hãng Medtronic (Covidien), model: Puritan Bennett 840 đang sử dụng tại bệnh viện.
1007	Mắc cài chỉnh hình răng	200	Cái	Mắc cài kim loại thường, có hook r3,4,5 .022 ID được mã hóa bằng số la mã và tiếng Ả Rập và đánh dấu màu để nhận biết trên bộ mắc cài Có đường dọc hỗ trợ cho việc đặt để khung chính xác, vật liệu khung lý tưởng có độ chống ăn mòn và độ bền cao
1008	Surfa Safe 750ml	12	Chai	Chai xịt 1L Thành phần chứa cồn: 55% Ethanol, 19% Isopropanol
1009	Khâu hàm dưới các số	1.000	Cái	Khâu được làm bằng thép không gỉ, thiết kế 1 ống. Trên khâu có khắc ký hiệu chữ và số bằng Laser cho dễ nhận biết
1010	Tay dao Harmonic mổ nội soi	5	Bộ	Dụng cụ dài 36cm, đường kính 5mm, sử dụng sóng siêu âm để cắt mô và hàn được mạch máu tối đa 5mm, kết nối với dây dao HP054, dùng trong mổ nội soi, có công nghệ thích ứng mô và có chống dính
1011	Thẻ xét nghiệm khí máu điện giải tại giường	1.200	Card	Chất liệu hợp kim ASTM F 138. Có khắc chiều dài ngay trên thanh. Đầu thanh được bo tròn, ở giữa có đục lỗ và 2 cạnh có khía. Mép thanh cùn. Kích cỡ 9 inch hoặc 22cm)±5%
1012	Khâu hàm trên các số	1.000	Cái	Khâu răng cốt số 6 1 ống có cleat bên trong để tiện đeo thun, 30 size từ 1 đến 30
1013	Que thử đường huyết Omnitest hoặc tương đương	60	Que	Phạm vi đo: 10-600 mg/dL hoặc 0,6 - 33,3mmol/L - Giới hạn Hematocrit: 0%-70% (đây đo rộng thuận tiện cho các bệnh nhân có tỉ lệ tế bào hồng cầu quá thấp hoặc quá cao) - Đo được 4 loại máu: mao mạch, tĩnh mạch, động mạch, máu trẻ sơ sinh. Thử được ở những vị trí khác nhau như: đầu ngón tay, lòng bàn tay, cánh tay hoặc bắp tay. - Thời gian đo: 5 giây. Mẫu máu đo: 0,6µL. - Vùng nhận máu tự động thăm hút mẫu máu. Có thể thêm máu trong vòng 60s, số giấy được thể hiện trên màn hình máy đo nếu mẫu máu chưa đủ.
1014	Anios Clean Excel D (Can/ 5 lít)	24	Can	Thành phần: N-(3-Aminopropyl)-N-Dodecylpropane-1,3-Diamine, N,N-Didecyl-N-Methyl-Poly(Oxyethyl) Ammonium Propionate, Alcohols, C9-11, Ethoxylated, Tetrasodium N,N-Bis(Carboxylatomethyl)-L-Glutamate, Monoethanolamine Nồng độ pha loãng 2% Thời gian ngâm 15 phút Công dụng: Dùng để ngâm rửa dụng cụ y khoa Làm sạch và khử khuẩn Có thể dùng cho máy rửa rửa dụng cụ
1015	CANNULA DÙNG CHO HỆ THỐNG THỞ OXY LIỀU CAO - HFNC Airvor 2	215	Bộ	- Tốc độ dòng: size S 10-50 l/phút, size M và size L 10-60 l/phút. Các kích cỡ có mã màu: S (cam)/M (xanh)/ L (xanh lá). - Có kẹp cố định dây cannula với dây cố định quanh đầu - Hai miếng đệm má mềm, cố định gọng mũi tại chỗ và giảm áp lực tì đè - Kết nối chuẩn với bộ dây thở AirSpiral máy Airvo 2 (F&P) - CE Châu Âu, FDA Mỹ - Nhiệt độ: 34 và 37°C - Thành dây cannula có vật liệu bán thấm giúp thoát hơi nước ra ngoài, giảm đọng nước - Gọng mũi thiết kế phù hợp giải phẫu của mũi - Dây cố định quanh đầu có thể điều chỉnh độ dài - Thời hạn sử dụng tối đa 14 ngày cho người bệnh /1 bệnh nhân. - Đạt chứng nhận: 510k (FDA). ISO. CE. CFS

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
1016	DÂY THỜ DÙNG CHO HỆ THỐNG THỜ OXY LIỀU CAO HFNC Airvor 2	200	Bộ	Cấu hình: A.BÌNH LÀM ẤM - Thể tích 280ml - Cổng khí: 22mm male - Trở kháng dòng ở 60 L/phút: 0.52 cmH2O - Áp lực vận hành tối đa: 8 kPa - Có phao kép giúp tự động dừng dòng chảy đảm bảo lượng nước không quá mức cho phép B.DÂY THỜ - Dây thở gia nhiệt 2 lớp với lớp gia nhiệt tích hợp vào thành dây thở xoắn xen kẽ lớp cách nhiệt với môi trường bên ngoài (2 vòng xoắn kép) giúp hạn chế đọng nước lên đến 93% - Có cảm biến đo nhiệt độ cuối dây thở - Có kẹp giúp cố định dây thở trên áo người bệnh. - CE Châu Âu, FDA Mỹ - Tốc độ dòng: 2 - 60 L/phút - Nhiệt độ 31, 34 và 37°C - Chiều dài: 1.8m - Thời hạn sử dụng tối đa 14 ngày cho người bệnh /1 lần sử dụng. - Không chứa cao su tự nhiên hay phtalates (DEHP, DBP, BBP) - Kết nối chuẩn với máy thở dòng cao Airvo 2 (F&P) - Đạt chứng nhận: 510k (FDA) ISO CE CES
1017	BỘ DÂY THỜ DÙNG CHO HỆ THỐNG THỜ OXY LIỀU CAO (DÂY+BÌNH)	215	Bộ	Cấu hình: A.BÌNH LÀM ẤM - Thể tích 280ml - Cổng khí: 22mm male - Trở kháng dòng ở 60 L/phút: 0.52 cmH2O - Áp lực vận hành tối đa: 8 kPa - Có phao kép giúp tự động dừng dòng chảy đảm bảo lượng nước không quá mức cho phép B.DÂY THỜ - Dây thở gia nhiệt 2 lớp với lớp gia nhiệt tích hợp vào thành dây thở xoắn xen kẽ lớp cách nhiệt với môi trường bên ngoài (2 vòng xoắn kép) giúp hạn chế đọng nước lên đến 93% - Có cảm biến đo nhiệt độ cuối dây thở - Có kẹp giúp cố định dây thở trên áo người bệnh. - CE Châu Âu, FDA Mỹ - Tốc độ dòng: 2 - 60 L/phút - Nhiệt độ 31, 34 và 37°C - Chiều dài: 1.8m - Thời hạn sử dụng tối đa 14 ngày cho người bệnh /1 lần sử dụng. - Không chứa cao su tự nhiên hay phtalates (DEHP, DBP, BBP) - Kết nối chuẩn với máy thở dòng cao Airvo 2 (F&P) - Đạt chứng nhận: 510k (FDA) ISO CE CES
1018	Arsenical (nha)	6	Chai	Được sử dụng khi chuẩn bị cho quá trình diệt tủy răng và khi chế phẩm không chứa arsen được ưa chuộng hơn. Thành phần hoạt chất là Paraformaldehyde, một chất đông tụ hoạt động trên albumin và tạo độ đặc xơ cần thiết cho tủy để tạo điều kiện cho quá trình loại bỏ tiếp theo. Dạng bột nhào tác dụng nhanh và giảm đau. Dễ đặt Độ chảy lỏng phù hợp khắc dung tích ống 3gram
1019	Mũi khoan các loại	14.000	Cái	Mũi cắt mô răng nhanh hơn 30% cùng mũi khoan DFS.Lực cắt mạnh hơn.Độ bền bỉ cao hơn.Kích thước mũi khoan chính xác hơn.
1020	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi 6-8 lỗ	10	Cái	Nẹp khóa đầu trên xương đùi uốn cong ở đầu gần - Đầu nẹp có 2 lỗ, cổ nẹp có 01 lỗ, thân nẹp có từ 2 đến 16 lỗ. - Thân nẹp rộng khoảng 18mm. - Chiều dài nẹp tối thiểu ≤ 140 mm, chiều dài tối đa ≥ 390 mm. - Chất liệu thép không gỉ. - Tương thích với vít khóa đường kính 7,5mm ở đầu nẹp, vít khóa đường kính 5,0mm ở cổ nẹp và vít khóa đường kính 4,5mm - 5,0mm ở thân nẹp. Nẹp khóa đầu dưới xương đùi - Đầu nẹp có 7 lỗ, thân nẹp có từ 4 đến 14 lỗ - Chiều dài nẹp tối thiểu ≤ 140 mm, chiều dài tối đa ≥ 330 mm. - Chất liệu thép không gỉ. - Tương thích với vít khóa đường kính 5,0mm ở đầu nẹp và vít khóa đường kính 4,5mm - 5,0mm ở thân nẹp.
1021	Dao cắt vi thể dùng cho cắt lạnh (dùng 1 lần)	20	Cái	Tối ưu hóa sử dụng trong cắt lạnh. Hạn chế việc quân hoặc nhăn mẫu trong cắt lạnh. Chất liệu: thép không gỉ/thép carbon. Bề mặt lưỡi dao được phủ Platinum Góc hời dao: 35° Kích thước: 0.254 × 8 × 80

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
1022	Dụng dịch đúc khối cắt lạnh	60	Hộp	Dùng đúc khối mẫu mô cắt lạnh Hợp chất chứa glycols và resins. Mang đến hiệu quả sinh thiết mô lạnh ở nhiệt độ dưới -10°C. Không ảnh hưởng đến hiệu quả nhuộm mô. Chai: 118ml
1023	Khuôn cắt lạnh dạng tròn	1.500	Bộ	Dùng đúc khối mẫu mô trong kỹ thuật cắt lạnh. Khuôn dạng tròn. Đường kính 25mm (4728) / 15mm (4730)
1024	Thun liên hàm 3/8 inch, 3.5 oz	1.000	Cái	Thun kéo mắc cài các cỡ dùng trong thủ thuật chỉnh nha - Chất liệu: cao su latex thiên nhiên - Kích thước: nhiều kích cỡ, đường kính là 3.2mm; 4.6mm; 6.4mm; 7.9mm. - Lực kéo : 3 1/2 Oz , 4 Oz, 6 Oz. - Tương đương loại Unitek
1025	Vis chân cung đa trục cột sống ngực lưng	240	Cái	Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti - 6Al-4V) - Đầu vít kết hợp với ốc khóa trong tạo ra kiểu khóa ngàm xoắn (Helical Flange) giúp giảm phát tán lực ngang lên đầu vít, tạo lực cân bằng theo chiều dọc để giảm nghiêng lệch ở tâm. - Thiết kế đầu vít: Chiều cao: 16mm, chiều cao phần thanh dọc chạy trên đầu mũ vít: 9.7mm, chiều rộng đầu vít: 11.3mm - Thân vít có 2 luồng ren dẫn kép, tự taro, khoảng cách ren đôi là 6mm, khoảng cách ren đơn: 3mm. Góc nghiêng ốc xoắn loại đơn: 11 độ, góc nghiêng ốc xoắn loại đôi: 21 độ, góc mở của hai ren loại đôi là 60 độ - Đường kính: Từ 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm, 5.5mm, 6.5mm, 7.5mm và 8.5mm được phân biệt sự khác nhau giữa các đường kính bằng màu sắc. - Chiều dài: Từ 25mm, 30mm, 35mm, 40mm, 45mm, 50mm, 55mm và 60 mm. - Tiêu chuẩn : FDA - Tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh trong phẫu thuật cột sống (NVM5)
1026	Bộ kit điện cực theo dõi điện sinh lý thần kinh IONM trong phẫu thuật cột sống, chỉnh hình	10	Cái	Module kim điện cực tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh cột sống NVM5 cho điện thế gọi vận động, điện cơ MEP/EMG
1027	Vis chân cung đơn trục cột sống ngực lưng	20	Cái	Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti - 6Al-4V) - Công nghệ khóa ngàm xoắn (Helical Flange) giúp giảm phát tán lực ngang lên đầu vít - Thiết kế đầu vít với chiều cao đầu vít khoảng 16mm, chiều cao chạy trên nẹp dọc là 9.7mm, chiều rộng đầu vít là 11.3mm - Thân vít có 2 luồng ren dẫn kép, tự taro, khoảng cách ren đôi là 6mm, góc nghiêng giữa 2 ren là 60 độ, góc xoắn là 11 độ và 21 độ. - Cấu hình vít cố định cho hướng chính xác. - Đường kính: Từ 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm, 5.5mm, 6.5mm, 7.5mm, 8.5mm - Chiều dài: Từ 25mm đến 60mm. - Tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh trong phẫu thuật cột sống (NVM5) - Tiêu chuẩn: FDA
1028	Vis chân cung góc dao động hạn chế cột sống ngực lưng	20	Cái	Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti - 6Al-4V) - Công nghệ khóa ngàm xoắn (Helical Flange) giúp giảm phát tán lực ngang lên đầu vít - Thiết kế đầu vít với chiều cao đầu vít khoảng 16mm, chiều cao chạy trên nẹp dọc là 9.7mm, chiều rộng đầu vít là 11.3mm - Thân vít có 2 luồng ren dẫn kép, tự taro, khoảng cách ren đôi là 6mm, góc nghiêng giữa 2 ren là 60 độ - Đường kính: Từ 4.5mm, 5.0mm, 6.0mm - Chiều dài: Từ 25mm đến 55mm. - Góc 40 độ của vít giới hạn trong mặt phẳng dọc cho phép điều chỉnh độ quay trục trong khi vẫn giữ sự liên kết bề mặt. - Tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh trong phẫu thuật cột sống (NVM5) - Tiêu chuẩn: FDA
1029	Vis trượt	12	Cái	Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti - 6Al-4V) - Công nghệ khóa ngàm xoắn (Helical Flange) giúp giảm phát tán lực ngang lên đầu vít - Thiết kế đầu vít cân bằng theo chiều dọc để giảm nghiêng lệch tâm, hạn chế nghiêng đầu, giảm tình trạng chéo ren - Thân vít có 2 luồng ren dẫn kép, tự taro, khoảng cách ren đôi là 6mm, góc nghiêng giữa 2 ren là 60 độ của vít với phần bố xương mở rộng cho phép cải thiện khả năng cố định xương. - Đường kính: Từ 5.5mm, 6.5mm, 7.5mm - Chiều dài: Từ 30 mm đến 55mm. - Tháp trượt: 31mm từ trên xuống dưới, trượt 15mm - Tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh trong phẫu thuật cột sống (NVM5) - Tiêu chuẩn: FDA

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
1030	Ốc khóa trong của vis chân cung	280	Cái	- Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V); - Đường kính ngoài : 9.5mm. Đường kính trong :8.3mm . Chiều cao: 5.0mm. - Tương thích với vít cơ chế khóa mặt bích xoắn theo công nghệ Helical Flange. Tính năng ở T30 Hexalobe. - Tiêu chuẩn: FDA
1031	Nẹp dọc 5.5 mm cột sống ngực lưng	20	Cái	- Chất liệu: Hợp kim Titan (Ti - 6Al-4V) - Đường kính: 5.5mm - Chiều dài: 500mm - Có vach chỉ dẫn chạy dọc trên nẹp, một đầu hình lục giác.
1032	Vis xương cánh chậu	6	Cái	- Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti - 6Al-4V) - Công nghệ khóa ngàm xoắn (Helical Flange) giúp giảm phát tán lực ngang lên đầu vít - Thiết kế đầu vít với chiều cao đầu vít khoảng 16mm, chiều cao chạy trên nẹp dọc là 9.7mm, chiều rộng đầu vít là 11.3mm - Thân vít có 2 luồng ren dẫn kép, tự taro, khoảng cách ren đôi là 6mm, góc nghiêng giữa 2 ren là 60 độ, góc xoắn là 11 độ và 21 độ. - Cấu hình vít đa trục mở và đóng với góc xoay 60 độ - Đường kính: 6.5mm,7.5mm,8.5mm,9.5mm - Chiều dài: Từ 60mm đến 100mm. - Tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh trong phẫu thuật cột sống (NVM5) - Tiêu chuẩn: FDA
1033	Nẹp nối bên cho vis cánh chậu	6	Cái	- Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V) - Chiều dài: Từ 20mm, 22.5mm, 25mm, 27.5mm, 30mm, 32.5mm, 35mm, 37,5mm, 40mm, 45mm, 50mm, 55mm, 60mm. - Có thể uốn nẹp - Tiêu chuẩn: FDA
1034	Ốc khóa trong cho vis cánh chậu	6	Cái	- Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V); - Đường kính ngoài : 9.5mm. Đường kính trong :8.3mm . Chiều cao: 5.0mm. - Tương thích với vít cơ chế khóa mặt bích xoắn theo công nghệ Helical Flange. Tính năng ở T30 Hexalobe. - Tiêu chuẩn: FDA
1035	Nẹp nối ngang	10	Cái	- Vật liệu: Hợp kim Titanium (Ti-6Al-4V) - Chiều dài: Từ 20mm, 22.5mm, 25mm, 27.5mm, 30mm, 32.5mm, 35mm, 37,5mm, 40mm, 45mm, 50mm, 55mm, 60mm. - Có thể uốn nẹp - Tiêu chuẩn: FDA
1036	Lồng thay thân đốt sống	2	Cái	- Vật liệu: Titanium - Đường kính: 10mm, 12mm, 14mm, 16mm, 20mm, 24mm. - Chiều dài: Từ 6mm đến 90mm - Lồng có nhiều kích cỡ khác nhau, được mã hoá bằng màu sắc.Có thể được cắt và tạo hình phù hợp với các điều kiện giải phẫu. - Tiêu chuẩn: FDA
1037	Nẹp chằm	3	Cái	- Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti-6Al-4V) - Có 3 kích cỡ khác nhau là: 35mm, 40mm và 45mm - Trên nẹp có điểm đánh dấu bằng màu bạc để tránh nhầm lẫn chiều khi đặt. - 2 bên có điểm nối với nẹp nối dọc chằm cổ với cơ chế khóa là góc nghiêng vít 20 độ. - Tiêu chuẩn: FDA
1038	Vis chằm	12	Cái	- Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti-6Al-4V) - Đường kính: 4.5mm và 5.0mm - Chiều dài: 6mm, 8mm, 10mm, 12mm, 14mm. - Tiêu chuẩn: FDA
1039	Nẹp dọc cổ chằm	6	Cái	- Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti-6Al-4V) - Chiều dài: 240mm - Có uốn sẵn 45 độ, đường kính 3.5mm - Tiêu chuẩn: FDA

✓

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
1040	Vis đa trục cột sống cổ sau	12	Cái	- Cung xoay giữa thân vít và đầu vít là 80 độ giúp quá trình phẫu thuật được thuận lợi hơn. - Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti-6Al-4V) - Đường kính 3.5mm: dài : 10mm, 12mm, 14mm, 16mm, 18mm, 20mm, 22mm, 24mm, 26mm, 28mm, 30mm, 32mm. - Đường kính 4.0mm và 4.5mm: dài: 10mm, 12mm, 14mm, 16mm, 18mm, 20mm, 22mm, 24mm, 26mm, 28mm, 30mm, 32mm, 34mm, 36mm, 38mm, 40mm. - Đầu mũ vít có chiều cao: 10mm, phần nẹp dọc chạy trên đầu mũ vít: 7,1mm, chiều rộng đầu mũ vít: 9mm - Tiêu chuẩn: FDA
1041	Ốc khóa trong cột sống cổ sau	12	Cái	- Vít khóa trong hình tulip và móc bản sống - Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti-6Al-4V) - Tiêu chuẩn: FDA
1042	Nẹp dọc cột sống cổ sau	6	Cái	- Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti-6Al-4V) - Đường kính: 3.5mm - Chiều dài: 60mm; 120mm; 240mm - Tiêu chuẩn: FDA
1043	Nẹp nối ngang cổ sau	3	Cái	- Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti-6Al-4V) - Chiều dài từ 26mm, 28mm, 30mm, 32mm, 34mm, 36mm, 38mm, 40mm, 42mm, 44mm, 46mm, 48mm, 50mm. - Trên nẹp đã kèm 2 vít khóa để khóa nẹp nối ngang vào nẹp nối dọc, với góc khóa của vít là 45 độ - Tiêu chuẩn: FDA
1044	Lưỡi dao cắt xương dài 20mm cho dao siêu âm	3	Cái	- Loại lưỡi dao: Lưỡi dao cắt, lưỡi dao bảo
1045	Tay khoan nhanh	50	Cái	Cấu hình bao gồm: Tay khoan và phụ kiện kèm theo: 01 cái Tính năng kỹ thuật: - Kích thước đầu tay khoan: 10.8 x 13 (mm) - Áp suất hơi: 40-45 PSI - Công suất: 19 Watt - Tốc độ: 400,000 rpm - Loại mở mũi khoan: Nút bấm - Loại 3 tia phun nước - Loại kết nối 4 lỗ - Vật liệu bạc đạn: Thép không gỉ
1046	Tấm sóc điện gắn ngoài da	10	CAI	Tấm sóc điện gắn ngoài da
1047	Van trái khế 10mm	50	CAI	Van trái khế 10mm
1048	Van giảm CO2	50	CAI	Van giảm CO2
1049	Van trái khế 10mm	50	CAI	Van trái khế 10mm
1050	Thun liên hàm 1/16	1.000	Cái	Thun liên hàm các size, lực
1051	Kềm SS 0,8mm	10	Cái	Dây thẳng dùng trong Labo với các size 020, 025, 028, 032, 036, 040 inch tương đương với đường kính từ 0.5mm, 0.6mm, 0.7mm, 0.8mm, 0.9mm và 1mm. Với độ dài 35cm phù hợp với việc bẻ dây dùng trong labo
1052	Chỉ thép cố định mắc cài	1.000	Cái	Dây thép buộc chỉnh nha cố định hàm, răng trong các thủ thuật chỉnh hình răng mọc lệch lạc, niềng răng - Chất liệu: thép không gỉ - Kích thước: đường kính khoảng 0.008 → 0.014 inch - Hình dạng: sợi thẳng, dễ bẻ cong, dễ cắt theo hình dạng cung răng - Quy cách: 10 sợi/ống - Tương thích với khâu răng, cung chỉnh nha, mắc cài
1053	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 có kháng khuẩn số 2.0	2.000	Cái	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, bọc thành phần tối thiểu bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn số 2/0 dài 70cm, kim tròn đầu tròn, bằng Thép Hợp Kim loại Alloy Steel phủ silicone hoặc tương đương, dài 22mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương ≥ 25% sau ≥ 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: ≥ 60 ngày.
1054	Keo gắn mắc cài Helosite	24	Chai	Keo gắn mắc cài Helosite
1055	Kềm chỉnh nha 0.7mm (cuộn/30m)	12	Cuộn	Dây thép bẻ hàm duy trì sau chỉnh nha 0.9mm - 028 inch (cuộn 25m)
1056	Kềm chỉnh nha 0.8mm (cuộn/30m)	12	Cuộn	Dây thép bẻ hàm duy trì sau chỉnh nha 0.8mm - 032 inch (cuộn 20m)
1057	Mắc cài MBT Slot 18	200	Cái	Bộ mắc cài kim loại, U/L 5x5, hệ MBT hoặc tương đương, khe 0.018inch, Hook răng nanh. Hệ thống mã màu tân tiến, ấn định các màu khác nhau, cho mỗi phần tư hàm giúp nhận diện dễ dàng. Mắc cài răng cối nhỏ đặc trưng bởi thiết kế 3 điểm chạm kết hợp với các góc tròn cho sự khít sát hoàn hảo nền răng. Đường kẻ dọc giúp việc gắn mắc cài hình xác. Để mắc cài 80 Gauge. Thép 17.4 không xin máu trong quá trình điều trị cho bệnh nhân

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
1058	Thun liên hàm 1/8 inch, 2.5 oz	1.000	Cái	Thun kéo liên hàm
1059	Kẽm cuộn Stainless steel 0,9 mm (0.32 inchs)	12	Cuộn	Dây thép bẽ hàm duy trì sau chỉnh nha 0.9mm - 036 inch (cuộn 10m)
1060	Kẽm SS 0,9 mm	12	Cuộn	Thép không gỉ
1061	Khẩu 3 ống hàm trên bên phải	600	Cái	Khẩu 3 ống HT/HD
1062	Khẩu 3 ống hàm trên bên trái	600	Cái	Khẩu 3 ống HT/HD
1063	Khẩu 3 ống hàm dưới bên phải	600	Cái	Khẩu 3 ống HT/HD
1064	Thăm châm	100	Cái	Thăm thăm được dùng để định vị các lỗ ống tủy, có hai đầu dài, một đầu cong, một đầu nghiêng, nhọn và sắc bén
1065	Gương nha khoa	300	Cái	Được làm từ chất liệu không gỉ. Mặt gương dùng trong nha khoa 22 mm
1066	Gel siêu âm (Can/5 lít)	1.020	LIT	Gel sử dụng trong siêu âm, phù hợp với tần số siêu âm đang sử dụng. Không có formaldehyde, Vô khuẩn, không phát hiện vi khuẩn Staphylococcus, Pseudomonas aeruginosa, Tổng số vi sinh vật khi hiệu <10 CFU/g, tổng số nấm <10 CFU/g. Không gây mẫn cảm hoặc rất da, gel trong, tan hoàn toàn trong nước, độ PH trong khoảng 6.5-7.5.
1067	Nhiệt kế tự ghi Logtag	5	Cái	Nhiệt kế tự ghi Logtag
1068	Thước đo CVP (Medifix Manometer Scale)	1	CAI	Thước đo CVP (Medifix Manometer Scale)
1069	Baby sensor	6	CAI	Baby sensor
1070	Umbilical catheter (Tĩnh mạch rốn) số 2,5F	100	CAI	Catheter động tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh dùng: - Tĩnh mạch rốn: Nuôi dưỡng, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy mẫu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu. - Động mạch rốn: Lấy mẫu máu động mạch. Đo áp lực động mạch, đo pH và phân tích khí máu. Truyền dịch và thuốc. Đóng gói: - 01 catheter chất liệu PUR + Dài 30cm, cỡ 2.5 Fr + Tốc độ dòng truyền dịch >2ml/ phút
1071	Đầu gắn núm tai máy đo âm ốc tai	4.000	Cái	Đầu gắn núm tai máy đo âm ốc tai
1072	Dây cáp buồng nhĩ dùng cho máy tạo nhịp tạm thời	10	DAY	Dây cáp buồng nhĩ dùng cho máy tạo nhịp tạm thời
1073	Dây cáp buồng thất dùng cho máy tạo nhịp tạm thời	10	DAY	Dây cáp buồng thất dùng cho máy tạo nhịp tạm thời
1074	Dây cáp điện cực nhĩ cho máy tạo nhịp	10	CAI	Dây cáp điện cực nhĩ cho máy tạo nhịp
1075	Dây cáp điện cực thất cho máy tạo nhịp	10	CAI	Dây cáp điện cực thất cho máy tạo nhịp
1076	Probe tip kit (dùng cho kỹ thuật đo nhĩ lượng)	10	cái	Probe tip kit (dùng cho kỹ thuật đo nhĩ lượng)
1077	Bộ cấy ốc tai điện tử số 3	1	BO	- Cuộn cảm ứng : Đường kính: 31mm; Độ dày: 3,7mm; - Nam châm: Độ dày bao gồm cả silicon: 3,7 mm; Tháo rời được, an toàn khi chụp cộng hưởng từ 1,5 Tesla; Chất liệu titanium hoặc tương đương; Tháo được nam châm khi chụp cộng hưởng từ 3 Tesla - Khay chứa bộ thu/ phát xung điện: Chất liệu titanium hoặc tương đương; Hình chữ nhật, chiều dài khay: 3,9mm; Kích thước (R x S x C): 24mm x 23mm x 3,9mm; Dung tích: 3,9 cm³ không bao gồm dây điện; Trọng lượng: 8,6g bao gồm cả dây điện; Chịu va đập từ bên ngoài 2.5J - Dây dẫn điện nối với dây chứa các điện cực làm bằng silicon cách điện hoặc chất liệu tương đương - Dây điện cực nằm trong ốc tai: Số lượng 22 điện cực; Số lượng kênh kích thích 22 kênh; Khoảng cách giữa mỗi điện cực khi uốn vòng: 0,4mm - 0,8mm; Đường kính mặt cắt ngang mỗi điện cực : từ 0,5mm đến 0,8 mm; Diện tích bề mặt tiếp xúc 0,21mm² đến 0,23mm²; Chiều dài dây hoạt động khi thẳng 14,25mm; Chiều dài của dây chứa điện cực khi thẳng (từ đầu đến điện cực cơ sở 15mm; từ chóp đỉnh tới gờ gần gốc: 19mm); Chiều dài của dây điện từ bộ thu/phát tới đầu chóp phía xa: 99mm; Có ký hiệu trên thiết bị cho độ sâu cấy vào ốc tai; Có dây platinum để giữ dây điện cực duỗi thẳng và tháo ra được. - Điện cực đặt nằm ngoài ốc tai : Số lượng 2 (bao gồm: Điện cực 1: dạng đĩa chứa bộ thu/ phát tín hiệu; Điện cực 2: dạng hình trụ đường kính 0.6mm, chiều dài 60mm)
1078	Bộ đèn đội đầu vi phẫu thuật	2	CAI	Bộ đèn đội đầu vi phẫu thuật
1079	Miếng dán theo dõi độ bão hòa oxy máu não tương thích với máy Masimo	50	Miếng	☐ Vị trí sử dụng : vùng trán và các vùng khác ☐ Bức sóng : ≥ 04 ☐ Thời gian sử dụng : ≥ 72 giờ ☐ Độ bão hòa oxy mô não tuyệt đối rSO2: ≤ 5% ☐ Xu hướng độ bão hòa oxy mô não rSO2: ≤ 3% ☐ Xu hướng độ bão hòa oxy mô vùng (cơ thể) rSO2: ≤ 3% ☐ Loại keo dính: Cao su ☐ Tương thích với máy của hãng Masimo

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
				Ống mở khí quản có bóng, bằng PVC, phủ silicon, tương thích với nhiệt độ cơ thể, không latex, không phthalate, trong suốt, cong 100 độ, có đường cân quang chạy dọc thân 2 cánh lớn, mềm mại, trong suốt. Cánh có in thông tin đường kính trong của ống. Cánh có thể điều chỉnh độ dài luôn ống Thanh chèn đầu tròn hình oliu, giảm tổn thương khi luồn Bóng mềm mại, loại thể tích lớn, áp lực thấp, dây bơm bóng có in thông tin kích thước ống Các cỡ 5.0, 5.5, 6.0, 7.0, 7.5, 8.0, 8.5, 9.0, 9.5, 10.0, 11.0 5.0 (OD 6,9mm, chiều dài ống 58mm, đường kính bóng 15mm) 5.5 (OD 7,5mm, chiều dài ống 62mm, đường kính bóng 15mm) 6.0 (OD 8,2mm, chiều dài ống 72mm, đường kính bóng 18mm) 6.5 (OD 8,9mm, chiều dài ống 77mm, đường kính bóng 18mm) 7.0 (OD 9,7mm, chiều dài ống 85mm, đường kính bóng 22mm) 7.5 (OD 10,3mm, chiều dài ống 93mm, đường kính bóng 22mm) 8.0 (OD 11,0mm, chiều dài ống 98mm, đường kính bóng 26mm) 8.5 (OD 11,7mm, chiều dài ống 102mm, đường kính bóng 26mm) 9.0 (OD 12,3mm, chiều dài ống 105mm, đường kính bóng 30mm) 9.5 (OD 13,0mm, chiều dài ống 110mm, đường kính bóng 30mm) 10.0 (OD 13,7mm, chiều dài ống 111mm, đường kính bóng 32mm) 11.0 (OD 14,8mm, chiều dài ống 112mm, đường kính bóng 34mm)
1080	Khai khí quản nhựa có bóng	12	CAI	
1081	Khai khí quản nhựa có bóng số 6.5	10	CAI	Ống mở khí quản bằng PVC, phủ silicon, nhạy nhiệt (thermosensitive), không latex, không phthalate, trong suốt, cong 100 độ, có đường cân quang chạy dọc thân 2 cánh lớn, mềm mại, trong suốt. Cánh có in thông tin đường kính trong của ống Đầu thanh chèn đầu tròn hình oliu, giảm tổn thương khi luồn 6.5 (OD 8,9mm, chiều dài ống 62mm)
1082	Khai khí quản nhựa không bóng	62	CAI	Ống mở khí quản bằng PVC, phủ silicon, nhạy nhiệt (thermosensitive), không latex, không phthalate, trong suốt, cong 100 độ, có đường cân quang chạy dọc thân 2 cánh lớn, mềm mại, trong suốt. Cánh có in thông tin đường kính trong của ống Đầu thanh chèn đầu tròn hình oliu, giảm tổn thương khi luồn Các cỡ 3.0, 3.5, 4.0, 4.5, 5.0, 5.5, 6.0, 7.0, 7.5, 8.0, 8.5, 9.0, 9.5, 10.0 3.0 (OD 4,2mm, chiều dài ống 35mm) 3.5 (OD 4,8mm, chiều dài ống 37mm) 4.0 (OD 5,4mm, chiều dài ống 40mm) 4.5 (OD 6,0mm, chiều dài ống 46mm) 5.0 (OD 6,9mm, chiều dài ống 48mm) 5.5 (OD 7,5mm, chiều dài ống 50mm) 6.0 (OD 8,2mm, chiều dài ống 59mm) 6.5 (OD 8,9mm, chiều dài ống 62mm) 7.0 (OD 9,7mm, chiều dài ống 68mm) 7.5 (OD 10,3mm, chiều dài ống 74mm) 8.0 (OD 11,0mm, chiều dài ống 82mm) 8.5 (OD 11,7mm, chiều dài ống 84mm) 9.0 (OD 12,3mm, chiều dài ống 93mm) 9.5 (OD 13,0mm, chiều dài ống 97mm) 10.0 (OD 13,7mm, chiều dài ống 98mm)
1083	Khai khí quản nhựa không bóng số 6.5	10	CAI	Ống mở khí quản bằng PVC, phủ silicon, nhạy nhiệt (thermosensitive), không latex, không phthalate, trong suốt, cong 100 độ, có đường cân quang chạy dọc thân 2 cánh lớn, mềm mại, trong suốt. Cánh có in thông tin đường kính trong của ống Đầu thanh chèn đầu tròn hình oliu, giảm tổn thương khi luồn 6.5 (OD 8,9mm, chiều dài ống 62mm)
1084	Kim sinh thiết gan (Hepafix liver biopsy set G17)	35	CAI	Kim sinh thiết gan (Hepafix liver biopsy set G17)
1085	Giấy in kết quả nội soi (H/240 tờ)	1.200	TO	Giấy in kết quả nội soi (H/240 tờ)

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
1086	Bộ cấy ốc tai số 5 (CONCERTO 2)	2	Bộ	- Kích thích lần lượt không chồng chéo 12 kênh điện cực. - Kích thích đồng thời (song song) lên 2 đến 12 kênh điện cực 24 nguồn điện độc lập. - Điện cực kích thích tham chiếu nằm trên vỏ bọc titanium - Tốc độ kích thích lên đến 50,704 xung mỗi giây - Thời gian xung mỗi pha: 2.1–425.0 μs/ pha - Độ phân giải thời gian (giá trị tên): 1.67 μs - Mức dòng (giá trị tên): 0–1200 μA mỗi pha xung - Có thể chụp MRI ở 0.2, 1.0 và 1.5 Tesla. - Thiết kế vỏ bọc titanium chịu lực va chạm ≥ 2.5 Joule - Có chân PIN cố định bộ cấy (tùy chọn) - Trọng lượng 7.7 g - Kích thước bộ kích thích 18,8 mm x 24 mm x 4,5 mm - Đường kính cuộn cảm ứng 29 mm x dây 3,3 mm - Có dây điện cực FORM thiết kế đặc biệt cho ốc tai dị dạng và các trường hợp xuất hiện dị dịch não tủy. - Tiêu chuẩn ISO 13485:2016
1087	Bộ cấy ốc tai số 6 CI522	1	Bộ	- Điện cực ốc tai định dạng thẳng mảnh - Cuộn cảm ứng: Đường kính: 31 mm; độ dày: 3,7mm. - Nam châm: Độ dày bao gồm cả silicon: 3,7mm; Tháo rời được, an toàn khi chụp cộng hưởng từ 1,5 Tesla; Chất liệu titanium hoặc tương đương; Tháo được nam châm khi chụp cộng hưởng từ 3 Tesla. - Khay chứa bộ thu/phát xung điện: Chất liệu titanium hoặc tương đương; Hình chữ nhật, chiều dày khay: 3,9mm; Kích thước (RxSxC): 24mm x 23mm x 3,9mm; Dung tích: 3,9cm³ không bao gồm dây điện; Trọng lượng: 8,6g bao gồm cả dây điện; Chịu va đập từ bên ngoài 2.5J. - Dây dẫn điện nối với dây chứa các điện cực làm bằng silicon cách điện hoặc chất liệu tương đương. - Dây điện cực nằm trong ốc tai: Số lượng: 22 điện cực; Số lượng kênh kích thích: 22 kênh; Khoảng cách giữa mỗi điện cực khi thẳng: 0,85 – 0,95mm; Đường kính mặt cắt ngang mỗi điện cực: từ 0,3 đến 0,6 mm; Diện tích bề mặt tiếp xúc: 0,19mm² đến 0,14mm²; Chiều dài dây hoạt động khi thẳng: 19,1mm; Chiều dài từ điểm trắng đầu tiên đến đầu softip: 25mm; Chiều dài của dây điện từ bộ thu/phát tới đầu chóp phía xa: 105mm; Có ký hiệu trên thiết bị cho độ sâu cấy vào ốc tai. - Điện cực đặt nằm ngoài ốc tai: Số lượng 2 (bao gồm: Điện cực 1: dạng đĩa chứa bộ thu/phát tín hiệu, Điện cực 2: dạng hình trụ đường kính 0,6mm, dài 60mm).
1088	Bộ cấy ốc tai điện từ số 4	2	Bộ	- Cuộn cảm ứng: Đường kính: 31mm; độ dày: 3,9mm. - Nam châm: Độ dày bao gồm cả silicon 3,9mm; Tháo rời được, an toàn khi chụp cộng hưởng từ ở mức 3,0 Tesla không cần tháo nam châm. - Khay chứa bộ thu/phát xung điện: Chất liệu titanium; Hình chữ nhật, chiều dày khay 3,9mm; Kích thước (RxSxC) 24mm x 23mm x 3,9mm; Dung tích 4,2cm³ không bao gồm dây điện; Trọng lượng 9,2g bao gồm cả dây điện; Chịu va đập từ bên ngoài 2.5J. - Dây dẫn điện nối với dây chứa các điện cực làm bằng silicon cách điện. - Dây điện cực nằm trong ốc tai: Số lượng 22 điện cực; Số lượng kênh kích thích 22 kênh; Khoảng cách giữa mỗi điện cực khi uốn vòng: 0,4 – 0,8mm; Đường kính mặt cắt ngang mỗi điện cực: từ 0,5mm - 0,8 mm; Diện tích bề mặt tiếp xúc 0,21 - 0,23 mm²; Chiều dài dây hoạt động khi thẳng 14,25mm; Chiều dài của dây điện cực nằm trong ốc tai bao gồm cả softip: 19mm; Chiều dài của dây điện từ bộ thu/phát tới đầu chóp phía xa: 99mm; Có ký hiệu trên thiết bị cho độ sâu cấy vào ốc tai; Có dây platinum để giữ dây điện cực duỗi thẳng và tháo ra được. - Điện cực đặt nằm ngoài ốc tai: Số lượng 2 (bao gồm: Điện cực 1: dạng đĩa chứa bộ thu/phát tín hiệu, Điện cực 2: dạng hình trụ đường kính 0,6mm, dài 60mm).
1089	Khai khí quản nhựa không bóng số 3.5	30	CAI	Chất liệu: Nhựa PVC phủ Silicone, không latex, không DEHP. Đường cán quang dọc thân ống. Cánh trong suốt, mềm, tránh tổn thương và tránh nghẹt đảm. Có nổi tiêu chuẩn 15mm. Cong 100 độ. Các cỡ 3.5 (dài ống (L)=37mm).
1090	Khai khí quản nhựa không bóng số 4	50	CAI	Chất liệu: Nhựa PVC phủ Silicone, không latex, không DEHP. Đường cán quang dọc thân ống. Cánh trong suốt, mềm, tránh tổn thương và tránh nghẹt đảm. Có nổi tiêu chuẩn 15mm. Cong 100 độ. Các cỡ 4 (dài ống (L)=40mm).
1091	Khai khí quản nhựa không bóng số 4.5	50	CAI	Chất liệu: Nhựa PVC phủ Silicone, không latex, không DEHP. Đường cán quang dọc thân ống. Cánh trong suốt, mềm, tránh tổn thương và tránh nghẹt đảm. Trên bóng bơm có in thông số kích thước ống rõ ràng. Có nổi tiêu chuẩn 15mm. Cong 100 độ. Các cỡ 4.5 (dài ống (L)=46mm).



STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
1092	Khai khí quản nhạ có bóng số 5	50	CAI	Ống mở khí quản có bóng, bằng PVC, phủ silicon, tương thích với nhiệt độ cơ thể, không latex, không phthalate, trong suốt, cong 100 độ, có đường cân quang chạy dọc thân 2 cánh lớn, mềm mại, trong suốt. Cánh có in thông tin đường kính trong của ống. Cánh có thể điều chỉnh độ dài luồn ống Thanh chèn đầu tròn hình oliu, giảm tổn thương khi luồn Bóng mềm mại, loại thể tích lớn, áp lực thấp, dây bơm bóng có in thông tin kích thước ống 5,0 (OD 6,9mm, chiều dài ống 58mm, đường kính bóng 15mm)
1093	Khai khí quản nhạ có bóng số 3.5	30	CAI	Chất liệu: Nhựa PVC phủ Silicone, không latex, không DEHP. Đường cân quang dọc thân ống. Cánh trong suốt, mềm, tránh tổn thương và tránh nghẹt đàm. Trên bóng bơm có in thông số kích thước ống rõ ràng. Co nối tiêu chuẩn 15mm. Cong 100 độ. Các cỡ 3.5 (dài ống (L)=37mm, đường kính bóng (CD)=10mm).
1094	Khai khí quản nhạ có bóng số 4	30	CAI	Chất liệu: Nhựa PVC phủ Silicone, không latex, không DEHP. Đường cân quang dọc thân ống. Cánh trong suốt, mềm, tránh tổn thương và tránh nghẹt đàm. Trên bóng bơm có in thông số kích thước ống rõ ràng. Co nối tiêu chuẩn 15mm. Cong 100 độ. Các cỡ 4 (dài ống (L)=40mm, đường kính bóng (CD)=12mm).
1095	Ống nối chữ T silicon các số	10	CAI	Để duy trì đường mở khí quản cũng như cung cấp hỗ trợ đường mở khí quản được tái tạo - Chất liệu Silicone cấy ghép - Tổng chiều dài: 94mm, 95mm, 96mm, 97mm - Chiều dài trên: 46mm - Chiều dài dưới: 42mm, 43mm - Đường kính ngoài: 6mm, 7mm, 8mm, 9mm kèm vòng
1096	Ống chữ T Montgomery 8mm (co nối T Silicon)	2	Cái	Để duy trì đường mở khí quản cũng như cung cấp hỗ trợ đường mở khí quản được tái tạo - Chất liệu Silicone cấy ghép - Tổng chiều dài: 94mm, 95mm, 96mm, 97mm - Chiều dài trên: 46mm - Chiều dài dưới: 42mm, 43mm - Đường kính ngoài: 6mm, 7mm, 8mm, 9mm kèm vòng
1097	Ống chữ T Montgomery 6mm (co nối T Silicon)	1	Cái	Để duy trì đường mở khí quản cũng như cung cấp hỗ trợ đường mở khí quản được tái tạo - Chất liệu Silicone cấy ghép - Tổng chiều dài: 94mm, 95mm, 96mm, 97mm - Chiều dài trên: 46mm - Chiều dài dưới: 42mm, 43mm - Đường kính ngoài: 6mm, 7mm, 8mm, 9mm kèm vòng
1098	Dây nối pipolair	10	Cái	Dây nối pipolair
1099	Miếng và màng cứng	20	CAI	Miếng và màng cứng
1100	Van trái khế 3mm	50	CAI	Van trái khế 3mm
1101	Catheter ống thông LMB đầu cong dài 31cm	15	CAI	Chất liệu: cao su silicone trong mờ có chứa một dải cân quang
1102	Catheter (ống thông) lọc màng bụng cong dài 63 cm	50	Bộ	Catheter (Ống thông) lọc màng bụng đầu cong dài 63cm. Chất liệu: cao su silicone trong mờ có chứa một dải cân quang.
1103	Kẹp xanh	200	CAI	Kẹp xanh: - Dùng để hỗ trợ cho việc lắp và tháo rời đầu nối bộ lọc màng bụng khỏi dung dịch lọc màng bụng. - Kích thước: 9,6cm x 13cm. - Vật liệu: nhựa acetal.
1104	Túi xả	900	Túi	Túi đựng dịch xả 15 Lit: - Sử dụng với bộ kết nối thẩm phân phúc mạc, chứa dịch thải ra trong điều trị lọc màng bụng tự động. - Được tiệt trùng bằng ethylene oxide
1105	Bộ kết nối máy thẩm phân phúc mạc	900	Bộ	Bộ kết nối với máy thẩm phân phúc mạc tự động - Bao gồm bộ dây dẫn, chất liệu: nhựa PVC. - Vô trùng bằng khí etylen oxit. - Tương thích với máy thẩm phân phúc mạc tại bệnh viện (máy HomeChoice – Baxter)
1106	Kim chạy thận nhân tạo 17G	500	Bộ	Kim chạy thận nhân tạo 17G x 1" (25mm). - Đường kính kim 17G ID = 1,27 mm, OD = 1,47 mm - Đường kính ống dây ID: 3,2 mm, OD: 5,0 mm; dây dài 30 cm - Tổng chiều dài: 370 mm, tổng trọng lượng kim 17G: 7,67 ± 2,0g - Cánh bướm xoay được quanh kim, có back-eye.
1107	Dung dịch khử trùng máu, lọc máu acid citric 50%	2	Can	Dung dịch khử trùng máu, lọc máu acid citric 50% - Thành phần: Mỗi 1000ml chứa 500g acid citric khan. - Tác dụng: Làm sạch, khử Can- xi và khử trùng nhiệt máy chạy thận nhân tạo; diệt vi khuẩn, nấm, lao và virus (bao gồm HBV, HCV và HIV) ở 83 độ C. - Tương thích với máy chạy thận tại bệnh viện.

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
1108	Dung dịch làm sạch và khử trùng màng lọc thận nhân tạo	6	Can	Dung dịch làm sạch và khử trùng màng lọc thận nhân tạo - Thành phần dung dịch chứa: + Hydrogen peroxide: 25% + Peroxyacetic acid: 5% + Acetic Acid: 9% + Nước: 61 % - Công dụng: làm sạch và khử trùng màng lọc thận nhân tạo. - Tương thích với máy chạy thận tại bệnh viện.
1109	Dung dịch rửa, khử trùng quả lọc Vertexid	6	Can	Dung dịch rửa quả lọc: - Thành phần bao gồm: Peracetic Acid: 5%; Hydrogen Peroxide 26,53%; Acetic Acid: 7,83%.
1110	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc HD144A	300	Can	Dung dịch lọc máu Acid - Thành phần bao gồm: + Natri clorid: 2708,69g + Kali clorid: 67,10g + Calciclorid.2H2O: 99,24 g, + Magnesi clorid.6H2O: 45,75g + Acid acetic băng: 81,00g + Glucose H2O: 494,99g + Nước tinh khiết: 10 lít - Chất liệu can và nắp đậy không chứa chất gây sốt, không gây tán huyết, không có chất gây độc tế bào. - Tương thích với máy chạy thận tại bệnh viện
1111	Dung dịch thẩm phân máu Bicarbonate	600	Can	Dung dịch lọc máu Bicarbonate - Thành phần bao gồm: + Natri Bicarbonate: 840g + Dinatri Edetat.2H2O: 0,5 g + Nước tinh khiết: 10 lít - Chất liệu can và nắp đậy không chứa chất gây sốt, không gây tán huyết, không có chất gây độc tế bào. - Tương thích với máy chạy thận tại bệnh viện
1112	Ống thông tiểu 1 nhánh Nelaton số 12	1	CAI	1. Ống thông làm bằng vật liệu PVC trong suốt, mềm, tròn và đầu đóng nhạy nhiệt, không độc hại, không chứa DBP, không chứa BBP, không chứa DEHP. 2. Lỗ dẫn lưu so le cải thiện dòng hút hiệu quả và giảm thiểu tắc nghẽn. 3. Có nối hình phễu kết nối kín với túi nước tiểu hoặc bình chứa. 4. Chiều dài 40cm. 5. Kích thước: 12Fr (OD=4.0mm) 6. Vô trùng bằng EO.
1113	Túi nước tiểu nam có lỗ thoát	240	CAI	Túi nước tiểu cho nam có lỗ thoát để lấy nước tiểu và khóa lại được Dán được vào vùng da thể tích từ 200 - 300 ml
1114	Túi nước tiểu nam không lỗ thoát	5	CAI	Túi nước tiểu cho nam không có lỗ thoát Dán được vào vùng da thể tích từ 200 - 300 ml
1115	Túi nước tiểu nữ có lỗ thoát	245	CAI	Túi nước tiểu cho nữ có lỗ thoát để lấy nước tiểu và khóa lại được Dán được vào vùng da thể tích từ 200 - 300 ml
1116	Cáp nối cho Catheter cắt đốt điện sinh lý	5	BO	Dài 250 cm, tương thích với ống thông Therapy/ FlexAbility và nhiều loại máy phát RF.
1117	Đầu Cầm Nhanh Cho Khí Nén A4	18	CAI	Đầu Cầm Nhanh Cho Khí Nén A4
1118	Rọ lấy dị vật 4 dây song song	6	CAI	Rọ lấy dị vật 4 dây song song
1119	Rọ lấy dị vật 4 dây xoắn	6	CAI	Rọ lấy dị vật 4 dây xoắn
1120	Ví dây dẫn đường mạch máu ngoại biên	800	CAI	Ví dây dẫn đường mạch máu ngoại biên
1121	Cup đựng mẫu sử dụng trên máy điện di tự động	13.200	CAI	Cup đựng mẫu sử dụng trên máy điện di tự động
1122	Dụng cụ lấy mẫu sử dụng trên máy điện di tự động	13.200	CAI	Dụng cụ lấy mẫu sử dụng trên máy điện di tự động
1123	Đĩa giếng pha hồng cầu treo dùng trên máy gelcard 6 giếng (H/ 2880 giếng)	1.500	GIENG	Đĩa giếng pha hồng cầu treo dùng trên máy gelcard 6 giếng (H/ 2880 giếng)
1124	Giấy in máy mẫu lạnh (Giấy in nhiệt)	30	CUON	Giấy in máy mẫu lạnh (Giấy in nhiệt)
1125	Sample cup (Gói/1000 cái/500 cái)	132.000	CAI	Sample cup (Gói/1000 cái/500 cái)
1126	Thẻ đo mẫu lạnh	12	THE	Thẻ đo mẫu lạnh

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
1127	Găng tay khám bệnh không bột	24.000	Đôi	Găng tay sạch không bột, các cỡ - Chất liệu: 100% nitrile (Acrylonitrile – butadiene) - Bền mặt nhám, kích cỡ: S, M, L - Trọng lượng : 3.5g - Chiều dài găng tay: ≥ 230 mm - Độ rộng: 85 - 115 (± 10) mm - Độ dày cổ tay ≥ 0.05 mm - Độ dày lòng bàn tay ≥ 0.06mm - Độ dày ngón tay ≥ 0.07mm - Độ giãn dài tối thiểu trước khi già hóa $\geq 500\%$ - Độ giãn dài tối thiểu sau khi già hóa $\geq 400\%$ - Độ bền kéo (MPa): trước lão hóa tối thiểu 18Mpa, sau lão hóa tối thiểu 16Mpa
1128	Ống môi trường vận chuyển mẫu	100	ONG	Ống môi trường vận chuyển mẫu
1129	Bình tia	10	CAI	THẺ TÍCH 500ML, THẦN BÌNH CÓ CHIA VẠCH THẺ TÍCH, NHỰA CỨNG ĐÀN HỒI, VỎ BÌNH CÔNG KHOẢNG 45 ĐỘ, NẮP BÌNH VẬN MỞ CHẤM CÒN ĐƯỢC, CÔNG DỤNG CHƯA CÒN KHÔNG BỊ OXY HÓA DO CHƯA CÒN
1130	Giấy thấm (Bịch/ 4 miếng)	1.300	MIENG	Giấy thấm (Bịch/ 4 miếng)
1131	Giấy thấm TS	120	TO	Giấy thấm TS
1132	Tube Hemolyse 5ml	13.200	CAI	Không có nấm mốc, chất sinh nhiệt Nhựa dùng cho y tế, trong sáng, dễ quan sát Độ PH trung tính
1133	Giấy lau kính hiển vi (Xấp/100 tờ)	252	XAP	XẤP 100 TỜ, GIẤY MỊN, GIẤY CHUYÊN DỤNG CHO LAU KÍNH HIỂN VI, CHẤT LIỆU GIẤY MỊN DÀY, KHÔNG BỤI VÀ BONG NÁT KHI SỬ DỤNG. GIẤY THẨM HÚT ĐƯỢC DẦU SOI KÍNH.
1134	Áo chì cản tia X	5	CAI	Áo chì cản tia X
1135	Bộ kích động mạch có lò xo, 5F, ECMO	20	CAI	Chức năng chốt tự động, đầu tip có đánh dấu cản Dùng cụ mở đường bằng coil kim loại dài quang, không bị gấp xoắn và phù hợp cho động mạch thận, mạch cảnh và thủ thuật xuyên vách. Chiều dài 7.5cm - 11cm, đường kính 5Fr - 10Fr.
1136	ARC Reaction vessels (H/4000 tube)	212.000	TUBE	ARC Reaction vessels (H/4000 tube)
1137	ARC Sample cups (H/1000 tube)	212.000	TUBE	ARC Sample cups (H/1000 tube)
1138	ARC Septum (H/200 túi)	264	TUI	ARC Septum (H/200 túi)
1139	Contact sheets lớp bề mặt điện di	1	HOP	Contact sheets lớp bề mặt điện di
1140	Cổng phản ứng và đo mẫu-Cuvette (SUC-400A) (3000 pcs/pack)	84.000	CAI	Cổng phản ứng và đo mẫu-Cuvette (SUC-400A) (3000 pcs/pack)
1141	Cốc thuốc thử phản ứng (H/ 125 x 3 cái)	4.500	CAI	Cốc thuốc thử phản ứng (H/ 125 x 3 cái)
1142	DAY dilution tips (H/4 vĩ)	240	VI	DAY dilution tips (H/4 vĩ)
1143	DAY disks (H/16 vĩ)	384	VI	DAY disks (H/16 vĩ)
1144	DAY tips with filter (Hộp/20 vĩ)	480	VI	DAY tips with filter (Hộp/20 vĩ)
1145	Van trái khế 5mm	50	CAI	Van trái khế 5mm
1146	Ống chữ T Montgomery 7mm (có nối T Silicon)	2	Cái	Để duy trì đường mở khí quản cũng như cung cấp hỗ trợ đường mở khí quản được tái tạo - Chất liệu Silicone cấy ghép - Tổng chiều dài: 94mm, 95mm, 96mm, 97mm - Chiều dài trên: 46mm - Chiều dài dưới: 42mm, 43mm - Đường kính ngoài: 6mm, 7mm, 8mm, 9mm kèm vòng
1147	Tay dao Ligasure	20	CAI	- Đường kính 5mm, chiều dài 23cm - Chiều dài ngâm dao hàn mạch 20.3mm - Chiều dài ngâm dao cắt 18.5mm - Hình dạng ngâm dao cong 22 độ - Ngâm dao phủ lớp nano - coating - Hàm có kết cấu điểm chặn bằng sứ - Nhiệt độ ngâm dao dưới 60 độ C sau mỗi lần kích hoạt - Tương thích với các hệ thống máy Valleylab
1148	Vật liệu hút áp lực âm size S	36	CAI	Bộ Nhỏ gồm - 01 Foam granufoam polyurethane, cấu trúc lỗ hổng mở 400-600 microns, hydrophobic construction không giữ nước kháng khuẩn NANO KEM (10x 7.5x3.3 cm). -- 01 Ống dẫn lưu vết thương Nhựa ABS chống cháy có khoá và đầu nối. Có cảm biến hiển thị thông số cảm biến trên màn hình máy hút dịch. Kẹp và đầu nối gắn trên dây dẫn. - 01 Tấm phủ màn dán phẫu thuật PU trong suốt - 01 Thước đo
1149	Khay inox	100	CAI	Khay inox kích thước (SxRxĐ): 2x16x22 (cm) Dùng dụng cụ tiết trùng
1150	Cọ bông - Dụng cụ quét keo dùng trong RHM	1.500	CAI	Cọ quét keo với đầu lông mịn, không rụng lông tơ khi sử dụng, không tan trong môi trường miệng hay dung môi trong vật liệu nha khoa.

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
1151	Dây cáp nối máy cắt đốt - Cáp nối cho tấm điện cực trung tính máy cắt đốt Valleylab	1.012	CAI	Cáp nối điện cực trung tính dùng cho máy cắt đốt Valleylab tại bệnh viện
1152	Mũi khoan kim cương TMH	20	Cái	Mũi khoan tai kim cương các loại đk từ 0.5 đến 5mm, dài từ 50 đến 80mm tương thích với máy khoan model IPC sử dụng tại khoa
1153	Que thăm dò dây thần kinh	10	Cái	- Đầu dò kích thích đơn cực tiêu chuẩn Prass dùng để định vị, dò và phát hiện tính hiệu điện cơ của các dây thần kinh - Nó có tính năng một đầu tip phẳng 0,5 mm được cách điện với đầu tip để ngăn dòng điện chuyển hướng - Gồm đầu tip và một tay cầm. - Tương thích máy dò dây thần kinh NIM 3.0 - Đóng gói vô trùng
1154	Mũi khoan phá	10	Cái	Mũi khoan tai phá các loại, đk từ 1 đến 7mm, dài từ 50 đến 80mm tương thích với máy khoan model IPC sử dụng tại khoa
1155	Bộ kích động mạch có lò xo, 6F, ECMO	20	CAI	Chức năng chốt tự động, đầu tip có đánh dấu cần Dụng cụ mở đường bằng coil kim loại dài quang, không bị gấp xoắn và phù hợp cho động 7,5cm, 11cm mạch thận, mạch cánh và thủ thuật xuyên vách. Chiều dài 7.5cm - 11cm, đường kính 5Fr - 10Fr.
1156	Kim gấp dị vật 3 nhánh	6	CAI	Kim gấp dị vật 3 nhánh
1157	Ống và nắp chiết tách mẫu điện di Hb phương pháp mao quản (H/ 20 cái)	120	CAI	Ống và nắp chiết tách mẫu điện di Hb phương pháp mao quản (H/ 20 cái)
1158	Dây nối oxy	5.794	SOI	* Vật liệu PVC y tế * Dây chống gãy gấp * Chiều dài khoảng 2m * Đóng gói riêng từng cái
1159	STA Cuvette 6 x 1000 (Y cụ) (thùng 6 cuộn)	150	CUON	STA Cuvette 6 x 1000 (Y cụ) (thùng 6 cuộn)
1160	Ống thông dạ dày (Stomach Levin) số 6	5	Tube	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc
1161	Tấm điện cực trung tính Rem cho người lớn	6.680	CAI	Miếng dán điện cực trung tính dùng cho trẻ lớn - Bề mặt gel được làm bằng chất liệu polyhesive hydro có độ dày 0.155 cm, - Viên bán cực được bao quanh bằng lớp keorylic, có độ dày 0.127 cm, - Đáp ứng yêu cầu về an toàn nhiệt theo tiêu chuẩn IEC. - Tương thích với máy cắt đốt Valleylab có tại bệnh viện hoặc tương đương
1162	Phin lọc khuẩn 3 chức năng	2	Cái	Phin lọc khuẩn 3 chức năng
1163	Bao huyết áp người lớn cho máy tự động (23-33)cm	26	Cái	- Lưỡi dao cắt: tùy chọn dài 10, 20, 25mm
1164	Bao huyết áp sơ sinh cho máy tự động, các size	28	Cái	- Tùy chọn thân ngắn, thân thẳng dài, thân cong dài
1165	Nắp Trocar 10mm	50	CAI	Nắp Trocar 10mm
1166	Cartridge EG7 xét nghiệm khí máu điện giải (HC)	2.800	CHIEC	Cartridge EG7 xét nghiệm khí máu điện giải (HC)
1167	Test thử đông máu HR-ACT (H/50 test)	500	TEST	Test thử đông máu HR-ACT (H/50 test)
1168	Cartridge G3 xét nghiệm khí máu điện giải	5.475	CHIEC	Cartridge G3 xét nghiệm khí máu điện giải
1169	Đầu cone xanh (Gói/500 cái)	41.000	CAI	Đầu cone xanh (Gói/500 cái)
1170	Bao huyết áp trẻ em cho máy tự động (12-19)cm	26	Cái	- Lưỡi bảo: Tùy chọn lưỡi móc nhỏ, lưỡi móc lớn, mũi hình kim cương
1171	Khuôn đúc mẫu mô	12.000	CAI	- Cassette có nắp rời hoặc dính liền để thuận tiện thao tác - Lực đóng mở nắp được điều chỉnh cẩn thận để dễ sử dụng đồng thời bảo vệ mẫu trong suốt quá trình xử lý. - Làm bằng vật liệu nhựa Polymer Acetal, khả năng kháng hóa chất xử lý mô, chống mài mòn vượt trội, không bị co rút biến dạng trong quá trình xử lý, - Loại lỗ hình vuông nhỏ kích thước 1x1mm, góc nghiêng 45 độ - Thiết kế bề mặt hoàn thiện và mặt in được gia công để tối ưu hóa chất lượng in, các mặt có thiết kế để có thể viết bằng bút chì hoặc bút mực
1172	Arterial pressure monitor device	1	CAI	Arterial pressure monitor device
1173	Săng mổ 80 x 120 có lỗ	1.820	CAI	Chất liệu: vải không dệt, chống thấm tốt. Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói: 1 Cái/ gói Kích thước: 80 x 120cm, lỗ 8cm

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
1174	Băng keo có gác vô trùng 10x8cm	14.000	MIENG	- Lớp vải nền : Vải không dệt 50g/m², 50% viscose + 50% polyester. - Lớp keo : Keo kết dính nóng chảy 43g/m² : Hydrocarbon resin, Styrene block copolymer, Dầu khoáng y tế, Chất chống oxy hóa - Lớp gác thấm hút không dính, trọng lượng 200 g/m² : Màng PE, Viscose + Polyester - Khả năng thấm hút : $\geq 680\%$ - Giấy lót phủ silicone 62g/m² - Tiệt trùng bằng EO - Kích thước : 10cm x 8cm
1175	Dây điện cực tạo nhịp vĩnh viễn	10	CAI	Dây điện cực tạo nhịp vĩnh viễn
1176	Dây nối bơm tiêm 150 BB	16.800	SOI	- Dùng trong truyền dịch thuốc từ bơm tiêm điện. Kết nối các loại bơm tiêm có khóa hoặc không khóa (đầu nhỏ), chạc 2/3 ngã, hệ thống tiêm truyền. - Chất liệu PVC (Polyvinylchlorua), không DEHP. Xử lý tiệt trùng: bằng khí EOG. - Chiều dài dây: 150cm. Dung tích (sức chứa): 1.5mL - I.D/O.D: 1.1mm/2.6mm. - Đầu khóa vận xoắn cho phép kết nối với tất cả các loại máy bơm tiêm. Áp suất 2 bar. - Loại tiêu chuẩn: Độ dài dây đa dạng, Loại Opague (màu đen) chống ánh sáng tiếp xúc trực tiếp, loại Safesite® , loại có màng lọc, có màng lọc vi khuẩn 0.22 micromet
1177	Bộ gây tê màng cứng 24 Paed set	20	BO	Bộ gây tê màng cứng 24 Paed set
1178	Dụng cụ thả dù ASD các size (Delivery System ASD)	300	CAI	Dụng cụ thả dù ASD các size (Delivery System ASD)
1179	Ống thông chẩn đoán não (Vertebral)	50	CAI	- Ống thông chẩn đoán ngoại biên - Chất liệu Nylon Pebax hoặc tương đương, trơn nhẵn, ổn định vật liệu ở nhiệt độ cơ thể bệnh nhân - Có đường viền bên giúp chống gãy gấp, chống biến dạng. - Có đầu tip mềm và hãm lực chống tổn thương lòng mạch, khả năng nhớ hình đầu tip tốt - Hình dạng đầu tip tối thiểu có Cobra 2, Simmon 2, Vertebral - Tối thiểu có cỡ 4F và 5F - Chiều dài tối thiểu ≤ 40cm, chiều dài tối đa ≥ 150 cm, tương thích guide wire 0.035"; 0.038". - Có 1-5 lỗ bên giúp tăng cường đẩy chất cản quang, tăng khả năng quan sát chẩn đoán.
1180	Bộ catheter TMTW 20G 1 nòng chiều dài 15-20cm	40	CAI	Bộ catheter TMTW 20G 1 nòng chiều dài 15-20cm
1181	Bộ catheter TMTW 22G 1 nòng chiều dài 15-20cm	40	CAI	Bộ catheter TMTW 22G 1 nòng chiều dài 15-20cm
1182	Bộ catheter TMTW 24G 1 nòng chiều dài 15-20cm	40	CAI	Bộ catheter TMTW 24G 1 nòng chiều dài 15-20cm
1183	Giấy Parafilm	4	CUON	Giấy Parafilm
1184	Áo chống thấm (size L)	720	BO	Áo chống thấm (size L)
1185	Ống chích 1 ml dầu xoắn	500	CAY	- Dung tích bơm tiêm: 1ml, kim 25G x 5/8", đầu vận xoắn - Ống bơm tiêm được làm từ chất liệu nhựa PP dùng trong y tế, không có nấm mốc, chỉ nhiệt tố. - Piston sát lòng trong thân bơm tiêm, không quá chặt gây khó khăn khi thao tác cũng không bị lỏng làm thất thoát dịch.
1186	Ống chích 10 ml dầu xoắn	360	CAY	- Bơm tiêm không kim, đầu khóa/xoắn (Luer Lock Tip). Thân bơm tiêm làm bằng chất liệu Polypropylen (PP) trong suốt, vạch chia thể tích rõ ràng (0.2cc). Đệm pitong sử dụng chất liệu đàn hồi chịu nhiệt cao - Thermoplastic Elastomer, không Latex, không tương tác thuốc, gioăng kép giúp kín khí, giảm nguy cơ rò rỉ. Sử dụng được với máy bơm tiêm điện. - Sản phẩm không Latex & PVC. Không gây độc. Không sinh nhiệt/sốt. Đóng gói riêng lẻ từng cái trong bao bì nhựa. Tiệt trùng bằng (chùm) tia điện tử. - Dung tích 10cc (tổng dung tích 12cc)
1187	Ống chích 20 ml dầu xoắn	720	CAY	- Dung tích bơm tiêm: 20ml, kim 23G x 1", đầu vận xoắn - Ống bơm tiêm được làm từ chất liệu nhựa PP dùng trong y tế, không có nấm mốc, chỉ nhiệt tố. - Piston có độ đàn hồi tốt, bám sát lòng trong thân bơm tiêm, không quá chặt gây khó khăn khi thao tác cũng không bị lỏng
1188	Ống chích 3 ml dầu xoắn	300	CAY	- Dung tích bơm tiêm: 3ml, kim 23G x 1" và 25Gx3/8", đầu vận xoắn - Ống bơm tiêm được làm từ chất liệu nhựa PP dùng trong y tế, không có nấm mốc, chỉ nhiệt tố. - Piston có độ đàn hồi tốt, bám sát lòng trong thân bơm tiêm, không quá chặt gây khó khăn khi thao tác cũng không bị lỏng
1189	Ống chích 5ml dầu xoắn	720	CAY	- Dung tích bơm tiêm: 5ml, kim 23G x 1", đầu vận xoắn - Ống bơm tiêm được làm từ chất liệu nhựa PP dùng trong y tế, không có nấm mốc, chỉ nhiệt tố. - Piston có độ đàn hồi tốt, bám sát lòng trong thân bơm tiêm, không quá chặt gây khó khăn khi thao tác cũng không bị lỏng
1190	Bộ hỗ trợ bơm rửa cho ống nội soi khí phế quản	3	CAI	Bộ hỗ trợ bơm rửa cho ống nội soi khí phế quản
1191	Canula đo đa ký hô hấp	300	DAY	Canula đo đa ký hô hấp

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
1192	Dây đo điện cực tim	30	SOI	Dây đo điện cực tim
1193	Kèm kẹp mạch máu	5	CAI	Kèm kẹp mạch máu
1194	Chai thông phổi 1 lít	10	chai	Chai thông phổi 1 lít
1195	Dây sensor nhiệt độ hậu môn	10	sợi	Dây sensor nhiệt độ hậu môn
1196	Giấy đo ECG dùng cho máy Monitor Nihonkoden	20	xấp	Giấy đo ECG dùng cho máy Monitor Nihonkoden
1197	Nắp trocar 5mm	50	CAI	Nắp trocar 5mm
1198	EDTA K3 1ml nắp cứng	4.800	CAI	Ống lấy máu có kháng đông EDTA 1ml, nắp cứng Nhựa dùng cho y tế, trong sáng, dễ quan sát. Vận chuyển an toàn bằng đường ống chân không Ống nghiệm nhựa PP, kích thước 13x75mm, dung tích tối đa 6ml $\pm$ 0.1ml, nắp cao su với độ đàn hồi cao, phủ bọc nhựa màu xanh biển trong, PH trung tính * Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetraacetic Acid (EDTA) K2/K3 với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong mẫu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3.000 vòng/phút trong thời gian 5 phút (có phiếu kiểm nghiệm xác nhận của đơn vị kiểm chứng).
1199	Bao huyết áp trẻ em cho máy tự động (17-25)cm	28	Cái	Đóng gói tiệt trùng
1200	Bình chứa dịch nhựa 1 Lít	161	BÌNH	Nắp đậy chặt, đúng thể tích
1201	Máy soi mạch máu	3	MAY	Máy soi mạch máu
1202	Dây nối	240	SỢI	Dây nối
1203	Bộ bảo dưỡng định kỳ PM kit cho máy EO GSS/ GS8	4	BỘ	Bộ PM kit bao gồm: 1. Kit thay thế cho van nước điện tử: 01 cái 2. Van một chiều: 01 cái 3. Bộ lọc khí 0.3 micron, đã bao gồm gioăng: 01 bộ 4. Bộ lọc khí 0.1 micron, đã bao gồm gioăng: 01 bộ 5. Gioăng cho cụm mặt van: 01 cái 6. Kit bảo dưỡng cho van tạo âm: 02 cái 7. Kit bảo dưỡng cho van chân không: 01 cái 8. Gioăng cho bơm chân không: 02 cái 9. Bộ lọc khuẩn: 01 cái 10. Nắp kiểm tra chức năng bộ đánh thủng: 01 cái
1204	Bộ bảo dưỡng kit PM-1 dùng cho máy Sterrad 100S	1	BỘ	Bộ bảo dưỡng định kỳ cấp 1 cho máy STERRAD 100S, được thay thế sau mỗi 750 chu kỳ hoặc 6 tháng (tùy theo điều kiện nào đến trước), bao gồm các phụ tùng của máy tiệt khuẩn bị hao mòn hoặc xuống cấp sau quá trình sử dụng
1205	Bộ bảo dưỡng Kit PM1 MÁY 100NX	1	BỘ	Bộ bảo dưỡng định kỳ cấp 1 cho máy STERRAD 100NX, được thay thế sau mỗi 1500 chu kỳ hoặc 6 tháng (tùy theo điều kiện nào đến trước), bao gồm các phụ tùng của máy tiệt khuẩn bị hao mòn hoặc xuống cấp sau quá trình sử dụng
1206	Bộ bảo dưỡng Kit PM2 MÁY 100NX	1	BỘ	Bộ bảo dưỡng định kỳ cấp 2 cho máy STERRAD 100NX, được thay thế sau mỗi 3000 chu kỳ hoặc 12 tháng (tùy theo điều kiện nào đến trước), bao gồm các phụ tùng của máy tiệt khuẩn bị hao mòn hoặc xuống cấp sau quá trình sử dụng
1207	Bộ bảo dưỡng kit PM-2 máy Sterrad 100S	1	BỘ	Bộ bảo dưỡng định kỳ cấp 2 cho máy STERRAD 100S, được thay thế sau mỗi 2250 chu kỳ hoặc 12 tháng (tùy theo điều kiện nào đến trước), bao gồm các phụ tùng của máy tiệt khuẩn bị hao mòn hoặc xuống cấp sau quá trình sử dụng
1208	Cuộn mực cho súng bắn nhãn IRCG3	120	CUỘN	Cuộn mực cho súng bắn nhãn IRCG3
1209	Chỉ thị kiểm soát pha rửa của máy rửa khử khuẩn tự động / máy rửa sóng siêu âm CDWA4	2.000	TEST	Chỉ thị kiểm soát pha rửa của máy rửa khử khuẩn tự động / máy rửa sóng siêu âm CDWA4
1210	Bóng đèn nội khí quản	7	CAI	Tương thích với bộ đèn soi khí quản sử dụng tại Bệnh viện
1211	Brassard máy đo huyết áp	10	Cái	Brassard máy đo huyết áp
1212	Brassard máy đo huyết áp không xâm lấn	15	Cái	Brassard máy đo huyết áp không xâm lấn
1213	Giấy in nhiệt 60 x 57,5mm x 9mm tương thích máy hấp tiệt trùng 2 cửa 1008E-2 MATACHANA	500	CUỘN	Giấy in nhiệt 60 x 57,5mm x 9mm tương thích máy hấp tiệt trùng 2 cửa 1008E-2 MATACHANA
1214	Giấy in nhiệt 80x30mm tương thích cho máy hấp nhiệt độ cao Getting	120	CUỘN	Giấy in nhiệt 80x30mm tương thích cho máy hấp nhiệt độ cao Getting
1215	Lọc khuẩn	50	Cái	Lọc khuẩn
1216	Lưỡi dao cắt cuộn D= 35x2 . 2.593.006 HM 8000	2	cái	Lưỡi dao cắt cuộn D= 35x2 . 2.593.006 HM 8000
1217	Meliseptol Rapid	48	chai	Meliseptol Rapid
1218	Núm cao su	50	Cái	Núm cao su
1219	Nhãn dán cho hấp ướt Type 1; CD23	180	CUỘN	Nhãn dán cho hấp ướt Type 1; CD23
1220	Que test kiểm tra độ sạch bề mặt clean - Trace ATP SURFACE	1.000	QUE	Que test kiểm tra độ sạch bề mặt clean - Trace ATP SURFACE
1221	Que thử kiểm tra vệ sinh lòng ống Clean-Trace ATP Water	1.000	QUE	Que thử kiểm tra vệ sinh lòng ống Clean-Trace ATP Water

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
1222	Tấm cách nhiệt amiang 0,13x30x60x460mm 6.105.180. HM 8000	2	cái	Tấm cách nhiệt amiang 0,13x30x60x460mm 6.105.180. HM 8000
1223	Dây Silicon (Dẫn lưu màng phổi)	300	MET	Dây Silicon (Dẫn lưu màng phổi)
1224	Cổng tiêm không kim có dây nối	300	cái	1. Cổng tiêm không kim, van tách (split septum), làm bằng chất liệu polypropylene (PP), van làm bằng chất liệu Isoprene rubber. Dòng chảy thẳng, không thể tích tồn lưu. Giảm nguy cơ nhiễm khuẩn từ bên trong. Bề mặt phẳng, sát khuẩn hiệu quả, giảm nguy cơ nhiễm khuẩn từ bên ngoài. 2. Cổng kết nối bền, chịu lực cao, chịu được lực bơm lên đến 200 kPa (29.0075 PSI) 3. Không rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo, thuốc chứa thành phần dầu, chất hoạt động bề mặt, chất hòa tan 4. Dây nối dài 10cm, thể tích mỗi 0,45ml. 5. Có khóa áp lực dương ngăn máu trào ngược vào đốc kim luồn và dây gây nghẹt kim. 6. Có thể kết nối lên đến 200 lần, và dễ dàng kết nối với ống tiêm, dây nối, dây truyền dịch đầu xoắn hay đầu trơn. 7. Đầu nối xoắn, xoay 360 độ 8. Non DEHP, Non Pyrogenic 9. Tiệt trùng EO
1225	Dao đốt lưỡng cực	10	CAI	Dao đốt lưỡng cực
1226	Bao trùm đầu đèn máy C-ARM	200	CAI	Bao trùm đầu đèn máy C-ARM
1227	Bầu bơm thuốc tê duy trì giảm đau sau mổ	100	CAI	Bầu bơm thuốc tê duy trì giảm đau sau mổ
1228	Bẫy nước theo dõi CO2 và khí mê dùng cho máy gây mê Datex- Ohmeda	50	CAI	Bẫy nước theo dõi CO2 và khí mê dùng cho máy gây mê Datex- Ohmeda
1229	Bẫy nước theo dõi CO2 và khí mê dùng cho máy monitoring Carescape B650	50	CAI	Bẫy nước theo dõi CO2 và khí mê dùng cho máy monitoring Carescape B650
1230	Bộ catheter gây tê dụng sống, cạnh cơ sống	100	CAI	Bộ catheter gây tê dụng sống, cạnh cơ sống
1231	Bơm áp lực có đồng hồ (20ml)	3	CAI	Bơm áp lực có đồng hồ (20ml)
1232	Cáp đo điện tim	18	Cái	Cáp đo điện tim
1233	Dây cáp ECG 5 leads (monitor Philips)	2	CAI	Dây cáp ECG 5 leads chuẩn IEC, đầu kẹp Tương thích với Monitor Philip hoặc tương đương
1234	Nhiệt ẩm kế tự ghi	2	Cái	Nhiệt ẩm kế tự ghi
1235	Dẫn lưu Minivac từ 25-50ml	200	CAI	Dẫn lưu Minivac từ 25-50ml
1236	Dây nối bình dẫn lưu màng phổi bằng Silicon	800	CAI	Dây nối bình dẫn lưu màng phổi bằng Silicon
1237	Dây trích mẫu đo EtCO2 máy GM Datex Ohmeda	500	CAI	Dây trích mẫu đo EtCO2 máy GM Datex Ohmeda
1238	Điện cực đo độ mê cho máy MASIMO	60	CAI	☐ Số kênh hoạt động: ≥4 kênh ☐ Số điện cực: ≥ 6 ☐ Thời gian sử dụng : ≥ 24 giờ ☐ Sử dụng cho trẻ em (≥ 1 tuổi) ☐ Có thể sử dụng kết hợp với cảm biến oxy mô ☐ Tương thích với máy của hãng Masimo. ☐ Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, FDA Thành phần cảm biến: ☐ Khớp nối: Polycarbonate ☐ Tấm đệm: Đồng ☐ Mạch: chứa AgCl và mực ☐ Chất liệu điện cực: Gel ướt MultiChlorua ☐ Không chứa cao su thiên nhiên ☐ Miếng xấp điện: xấp Polyethylene.
1239	Điện cực đo độ mê cho máy NIHON KODEN	250	CAI	- Đo lường hoạt động của não ở bệnh nhân nhi - Trên bao bì có in hướng dẫn vị trí dán điện cực, không làm hỏng da - Sử dụng với BIS monitor với vị trí số đánh giá từ 0-100 - Làm giảm sử dụng thuốc mê tới 38% - Có thể sử dụng với monitor 2 kênh và 4 kênh - Tương thích với máy Nihon Koden
1240	Điện cực đo oxy não	100	CAI	Điện cực đo oxy não

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
1241	Găng tay phẫu thuật không bột số 7,5	5.000	CAI	- Găng tay phẫu thuật tiết trùng không bột - Chất liệu chính: Mủ cao su tự thiên có đặc - Loại: Găng tay không bột, tiết trùng bằng phương pháp chiếu xạ Gamma - Phủ một lớp polymer để tạo ra bề mặt mịn màng để hỗ trợ người sử dụng, được thiết kế các ngón tay thẳng mượt, phù hợp hình dáng bàn tay người sử dụng, viền gân ở cổ tay. - Độ dài găng tay khoảng: 290 ± 10 mm, độ dày lòng bàn tay 0.13 ± 0.02mm, chiều rộng từ 77 ± 5 mm đến 95 ± 5mm; hàm lượng protein < 30g/g - Độ bền kéo tối thiểu trước khi sử dụng: ≥ 24MPa; sau khi sử dụng: ≥ 18 MPa. - Độ giãn dài tối thiểu trước khi sử dụng: tối thiểu 750%, sau khi sử dụng: 560%
1242	Giấy in điện tâm đồ 3 căn 63mmx30m	732	CUON	Chất liệu giấy tốt, không bị phai màu, vạch kẻ ô rõ ràng, phân chia khoảng cách chính xác Kích thước: 63mm x 30m
1243	Keo sinh học và màng cứng	20	CAI	Keo sinh học và màng cứng
1244	Kim rửa thận	10	CAI	Kim rửa thận
1245	Kim sinh thiết mô mềm bán tự động kèm kim dẫn đường	20	CAI	Kim sinh thiết mô mềm bán tự động kèm kim dẫn đường
1246	Lưỡi dao đốt điện đầu nhọn	30	CAI	Lưỡi dao đốt điện đầu nhọn
1247	Lưới và sọ titan cỡ nhỏ	50	CAI	- Chất liệu titan - Tối thiểu có kích cỡ: 90 x 90 mm ($\pm 5\%$) và 100 x 120mm ($\pm 5\%$), dùng với Vis và sọ Titan
1248	Lưới và sọ titan cỡ trung	50	CAI	Chất liệu titan, kích cỡ 145x145mm ($\pm 5\%$), dùng với Vis và sọ Titan.
1249	Lưới và sọ titan cỡ lớn	50	CAI	Chất liệu titan, kích cỡ 132 x 236mm ($\pm 5\%$), dùng với Vis và sọ Titan.
1250	Mắt kính chống tia X	5	CAI	Mắt kính chống tia X
1251	Mền sưởi ẩm sử dụng 1 lần size trẻ lớn dùng cho máy sưởi Warm Touch	50	CAI	Mền sưởi ẩm sử dụng 1 lần size trẻ lớn dùng cho máy sưởi Warm Touch
1252	Mền sưởi ẩm sử dụng 1 lần size trẻ nhỏ dùng cho máy sưởi Warm Touch	50	CAI	Mền sưởi ẩm sử dụng 1 lần size trẻ nhỏ dùng cho máy sưởi Warm Touch
1253	Mền trao đổi nhiệt dùng nước size lớn 60*120	5	CAI	Mền trao đổi nhiệt dùng nước size lớn 60*120
1254	Mền trao đổi nhiệt dùng nước size nhỏ	5	CAI	Mền trao đổi nhiệt dùng nước size nhỏ
1255	Nắp ngoài trocar 10mm	50	CAI	Nắp ngoài trocar 10mm
1256	Nắp ngoài trocar 5mm	50	CAI	Nắp ngoài trocar 5mm
1257	Nắp trocar 3mm	50	CAI	Nắp trocar 3mm
1258	Nắp trong trocar 10mm	50	CAI	Nắp trong trocar 10mm
1259	Nắp trong trocar 5mm	50	CAI	Nắp trong trocar 5mm
1260	Ống dẫn lưu ổ bụng	100	CAI	Ống dẫn lưu ổ bụng
1261	Ống NKQ lò xo có bóng các cỡ	20	CAI	Ống NKQ lò xo có bóng các cỡ
1262	Ống NKQ lò xo không bóng các cỡ	20	CAI	Ống NKQ lò xo không bóng các cỡ
1263	Ống nội khí quản có bóng chèn áp lực thấp số 3,5	300	CAI	* Ống nội khí quản làm bằng PVC y tế tương thích sinh học, nhạy nhiệt. Sử dụng < 30 ngày * Ống trong suốt có đường cân quang màu xanh, có vạch đánh dấu rõ ràng giúp dễ dàng xác định vị trí khi chèn. Có nổi tiêu chuẩn 15cm * Bóng thể tích lớn áp lực thấp hình taper thon dần về mũi, in các thông tin kích thước trên ống, dk nghi bóng lớn * Đầu tip mềm mịn, có lỗ murphy nhằm an toàn, mỗi hàn nhãn không gây tổn thương khi chèn * Số 3,5
1264	Ống nội khí quản có bóng chèn áp lực thấp số 4,5	1.000	CAI	* Ống nội khí quản làm bằng PVC y tế tương thích sinh học, nhạy nhiệt. Sử dụng < 30 ngày * Ống trong suốt có đường cân quang màu xanh, có vạch đánh dấu rõ ràng giúp dễ dàng xác định vị trí khi chèn. Có nổi tiêu chuẩn 15cm * Bóng thể tích lớn áp lực thấp hình taper thon dần về mũi, in các thông tin kích thước trên ống, dk nghi bóng lớn * Đầu tip mềm mịn, có lỗ murphy nhằm an toàn, mỗi hàn nhãn không gây tổn thương khi chèn * Số 4,5
1265	Ống nội phế quản các cỡ	10	CAI	Ống nội phế quản các cỡ
1266	Ống xông JJ niệu quản số 3, dài 20cm, có dây dẫn Guide wire (ST-190315)	30	CAI	dẫn lưu nước tiểu từ thận xuống bàng quang
1267	Cannulae động mạch đùi, 1 tầng các cỡ, ECMO	30	CAI	- Có thể được chèn qua da hoặc qua vết cắt phẫu thuật. Cannula động mạch có nhiều kích thước và độ dài để đáp ứng cho việc đặt cannula ngoại vi - Thân cannula được làm bằng chất liệu Polyurethane tương thích sinh học. - Thân cannula được gia cố bằng một dây wire cho thành cannula mỏng nhất và lưu lượng cao nhất - Kích thước đường kính ngoài từ 15Fr đến 19Fr. - Kích thước chiều dài Cannula động mạch là 15cm và 23cm - Cannula động mạch có 1 cặp lỗ trên đầu cannula. - Thân Cannula được làm cứng chọn lọc, ngăn ngừa cannula bị xoắn sau khi chèn. - Cannula động mạch có thể được chèn qua da qua một dây dẫn 0.038 inch

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
1268	Dây cáp ECG 3 leads (Monitor Spacelabs)	2	CAI	Dây cáp ECG 3 leads (Monitor Spacelabs)
1269	Dây điện cực đo thần kinh VII	10	Dây	- Bộ điện cực 2 kênh dùng để định vị và theo dõi tình hiệu điện cơ của các dây thần kinh, - Được thiết kế để mang lại hiệu suất tối ưu, các điện cực dưới da được ghép nối được mã hóa màu để bệnh nhân dễ dàng cài đặt - Tương thích cho máy dò dây thần kinh Nim 3.0 - Có dây xoắn để che chắn tiếng ồn - Đồng gói vô trùng với một điện cực dưới da màu xanh lá cây và một điện cực dưới da màu trắng - Sử dụng một lần.
1270	Bao đo huyết áp đùi (size 33cm-47cm)	5	CAI	Chất liệu polyurethane, không gây dị ứng (loại bao đo dùng nhiều lần có túi hơi). Không chứa latex, tính năng kháng khuẩn cao, lớp chắn chất lỏng đáp ứng tiêu chuẩn an toàn AHA. Size 33cm-47cm
1271	Dây garo (Gói/20 sợi)	2.815	SOI	Chất liệu: Thun bản dệt màu xanh Đặc điểm: Băng dính 2 đầu, miếng gài bền chắc
1272	Bộ đèn đặt nội khí quản (1 cân+4 lưới)	2	BO	Bộ đèn đặt nội khí quản (1 cân+4 lưới)
1273	Ống bơm tiêm cân quang Medrad 200FLS - Q (tiệt trùng, dùng 1 lần, gắn nhanh)	600	BO	1. Ống bơm thuốc cân quang 1 nòng 200ml dùng tương thích cho máy Medrad Vistron CT. Chịu áp lực cao 355psi, luer lock. Nạp thuốc bằng ống hút nhanh. Chất liệu Polyethylene Terephthalate an toàn, không DEHP 2. Bộ đóng gói gồm 1 bơm tiêm đường kính trong 4,75cm, dài 18,47cm, 1 ống hút, 1 dây nối áp lực chống xoắn dài 150cm, luer lock 3. Đồng bộ với máy Medrad Vistron CT, có dấu chỉ phát hiện nhanh ống bơm đã được nạp thuốc 4. Tiệt khuẩn bằng bức xạ ion hóa
1274	Bóng đèn Halogen	6	hộp	Bóng đèn Halogen
1275	Vòng cổ chỉ cân tia X	5	CAI	Vòng cổ chỉ cân tia X
1276	Băng gạc vô trùng 90 x 200	300	CUON	Băng gạc vô trùng 90 x 200
1277	Cung cổ định xương hàm	100	CAI	Cung cổ định xương hàm
1278	Khâu hàm dưới 3 ống, bên phải, bên trái	600	CAI	Khâu 3 ống HT/HD
1279	Khâu hàm trên 3 ống, bên phải, bên trái	600	CAI	Khâu 3 ống (hàm trên, hàm dưới, bên phải, bên trái) .022 size từ 1 đến 30 Ống D có hình dạng trơn láng cầu hình thấp giảm sự khó chịu của bệnh nhân đồng thời có band trơn ngăn ngừa tổn thương khi sử dụng đối với mô mềm Khe luỗng dây cung được vát cạnh rộng để dễ dàng đưa dây cung vào.
1280	Nẹp Mini chu H	100	CAI	Nẹp Mini chu H
1281	Vít xương 0.6x20mm	2.000	CAI	Vít hàm mặt, chất liệu Titanium , đường kính thân 2.0mm, khoảng cách bước ren 1.0mm, dài 6, 8, 10mm
1282	Đầu đo SPO2 dán cho máy Masimo	20	CAI	☐ Cảm biến dùng một lần để theo dõi không xâm lấn liên tục độ bão hòa oxy (SpO2) và nhịp tim ☐ Sử dụng cho bệnh nhân người lớn >40 kg, sơ sinh <3 kg ☐ Dùng được trong cả 2 trường hợp chuyển động/chuyển động, cũng như cho những bệnh nhân được tưới máu tốt hoặc thấp. ☐ Sai số SpO2 khi đo trong khoảng từ 70-100%: • Khi không chuyển động/chuyển động: ≤ 1.5% • Khi tưới máu thấp: ≤ 2% ☐ Sai số của nhịp mạch: • Khi không chuyển động/tưới máu thấp: ≤ 3 nhịp/ phút • Khi chuyển động: ≤ 5 nhịp/ phút ☐ Thời gian sử dụng: ≥ 168 giờ ☐ Không chứa cao su ☐ Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA ☐ Cảm biến sử dụng tương thích với máy của hãng Masimo.
1283	Khăn che mắt	840	cái	- Thiết kế 1 mảnh bao quanh đầu để sử dụng, êm, không gây lằn, co giãn được có băng dán 2 đầu có thể điều chỉnh tăng giảm tùy vòng đầu của mỗi bé - Chất liệu: vải không dệt màu trắng, vùng che mắt bằng vải tối màu. - Bàn che mắt lớn - Thiết kế 4 size, đóng gói 20 cái/gói: +N-A: vòng đầu 30-38cm + N-B: vòng đầu 24-33cm +N-C: vòng đầu 20-28cm +T: Vòng đầu 24-35cm - Khuyến cáo sử dụng 01 lần cho trẻ sơ sinh cần điều trị vàng da, sản phẩm sử dụng thay thế cho băng che mắt may bằng vải thun thông thường hấp dùng nhiều lần. Vì vậy hạn chế tối thiểu khả năng lây nhiễm bệnh chéo giữa các bé
1284	Bộ bảo trì miễn dịch	6	bộ	Bộ bảo trì miễn dịch
1285	Bộ dây truyền tiểu cầu có lọc bạch cầu	50	bộ	Bộ dây truyền tiểu cầu có lọc bạch cầu
1286	Găng tay cao su dây lấy túi tế bào gốc từ bình nytor	1	cái	Găng tay cao su dây lấy túi tế bào gốc từ bình nytor
1287	Kim terumo 2 đầu	20	cái	Kim terumo 2 đầu

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
1288	3 BEARLINK FOAM EAR TIPS (dùng cho máy đo thính giác thần não)	100	cái	3 BEARLINK FOAM EAR TIPS (dùng cho máy đo thính giác thần não)
1289	Bộ troca các số	5	bộ	Bộ troca các số
1290	Dây điện cực đo dây thần kinh VII	10	dây	- Bộ điện cực 2 kênh dùng để định vị và theo dõi tính hiệu điện cơ của các dây thần kinh, - Được thiết kế để mang lại hiệu suất tối ưu, các điện cực dưới da được ghép nối được mã hóa màu để bệnh nhân dễ dàng cài đặt - Tương thích cho máy dò dây thần kinh Nim 3.0 - Có dây xoắn để che chắn tiếng ồn - Đóng gói vô trùng với một điện cực dưới da màu xanh lá cây và một điện cực dưới da màu trắng - Sử dụng một lần.
1291	dây đốt Pipolair	10	dây	dây đốt Pipolair
1292	ER 10D Probe tips for ERO. Scan Pro and Otoread (Dùng cho đo thính giác thần não)	10	cái	ER 10D Probe tips for ERO. Scan Pro and Otoread (Dùng cho đo thính giác thần não)
1293	Lecton II Electrode gel (Dùng trong kỹ thuật đo thính giác thần não)	2	cái	Lecton II Electrode gel (Dùng trong kỹ thuật đo thính giác thần não)
1294	Núm tai nhựa các size BET 25 Assortment Box	2	cái	Núm tai nhựa các size BET 25 Assortment Box
1295	Bộ dây bơm	6	cái	Bộ dây bơm
1296	Que thăm dò dây thần kinh VII	10	que	- Đầu dò kích thích đơn cực tiêu chuẩn Prass dùng để định vị, dò và phát hiện tính hiệu điện cơ của các dây thần kinh - Nó có tính năng một đầu tip phẳng 0,5 mm được cách điện với đầu tip để ngăn dòng điện chuyển hướng - Gồm đầu tip và một tay cầm. - Tương thích máy dò dây thần kinh NIM 3.0 - Đóng gói vô trùng
1297	Bộ Cassette (Đầu Luer Lock)	1.800	CAI	Đầu nối cho ống thông lọc màng bụng, kết nối giữa bộ chuyển tiếp và catheter
1298	Bộ catheter TMTW 1 nồng số 2F	5	CAI	* Catheter TMTW 2 đường trẻ em 2Fr * Catheter tương thích sinh học có cân quang * Dây dẫn J mềm và linh hoạt, chống gãy gấp
1299	Catheter lọc màng bụng cong, dài 63cm (15Fx63cm)	40	CAI	Catheter (Ống thông) lọc màng bụng đầu cong dài 63cm. Chất liệu: cao su silicone trong mờ có chứa một dải cân quang.
1300	Bộ ống dây	6	bộ	Bộ ống dây
1301	Bộ ống dây bơm	6	bộ	Bộ ống dây bơm
1302	Cổng nhận mẫu	6	samplepor	Cổng nhận mẫu
1303	Lõi điện cực máy khí máu Gastat	6	bộ	Lõi điện cực máy khí máu Gastat
1304	Ống chuyển hệ thống ống bơm máy miễn dịch	6	cái	Ống chuyển hệ thống ống bơm máy miễn dịch
1305	Thân điện cực máy khí máu Gastat	6	bộ	Thân điện cực máy khí máu Gastat
1306	Trục bơm máy khí máu Gastat	6	bộ	Trục bơm máy khí máu Gastat
1307	Lam kính (H/72 cái)	68.774	CAI	• Độ dày: 1.0 - 1.2mm. • Kích thước: 25.4 x 76.2mm (1" x 3") • Vật liệu cấu thành: kính. - Loại trơn
1308	Ống dẫn mẫu Gastat	6	bộ	Ống dẫn mẫu Gastat
1309	Ống lấy mẫu 0.5 mL	60	túi	Ống lấy mẫu 0.5 mL
1310	Ống lấy mẫu 2.0 mL	60	túi	Ống lấy mẫu 2.0 mL
1311	Ron máy miễn dịch	6	cái	Ron máy miễn dịch
1312	Tube Chimigly (NaF)	2.400	Tube	Tube Chimigly (NaF)
1313	Tube Lithium Heparine	158.400	Tube	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm, dung tích tối đa 6 ± 0.1ml, nắp nhựa màu đen. Hóa chất bên trong là Heparin Lithium kháng đông cho 2ml máu.
1314	Tube serum HTM (Không hạt)	66.000	Tube	Đóng máu nhanh, nắp màu đỏ Nhựa dùng cho y tế, trong sáng, dễ quan sát Độ PH trung tính
1315	Giấy in nhiệt 80 mm (máy XNHS)	516	CUON	Giấy in nhiệt 80 mm (máy XNHS)
1316	Giấy in nhiệt máy nước tiểu	396	CUON	Giấy in nhiệt máy nước tiểu
1317	Van cao su 1 chiều	6	cái	Van cao su 1 chiều

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
				Foam (băng xốp) dán vết thương kháng khuẩn - Sử dụng cho vết thương tiết dịch ít đến trung bình có dấu hiệu/ đang nhiễm trùng. Có thể được sử dụng dưới băng nén - Kích thước: 10x10 cm - Tiết trùng từng cái - Thành phần: Polyurethane, Silicone, Silver Sulphate (1.02 mg Ag/cm2) - Cấu tạo: 3 lớp, gồm: + Màng film Polyurethane bán thấm chống nước thoáng khí ngăn chặn các loại vi khuẩn, vi rút từ bên ngoài (lớn hơn 25nm) + Lớp foam thấm hút có tẩm Silver Sulphate và than hoạt tính giúp tiêu diệt vi sinh vật + Lớp dính Silicon mềm toàn phần 100% tinh khiết với công nghệ Safetac không dính lên nền vết thương. - Có thể cắt theo hình dạng vết thương - <u>Hoạt tính kháng khuẩn: trong vòng 30 phút. Thời gian lưu trữ: 7 ngày</u>
1318	Gạc đắp vết thương dạng xốp có foam 10x10cm	960	CAi	
1319	Khí cụ Hawley	200	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao, khít sát, nền hàm bóng láng.
1320	Hàm duy trì cung môi hàn 2 móc Adams	200	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao, khít sát, nền hàm bóng láng.
1321	Hàm duy trì cung môi bằng nhựa	200	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao, khít sát, nền hàm bóng láng.
1322	Hàm duy trì cung môi bằng nhựa (Đóng khe hở bằng thun)	200	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao, khít sát, nền hàm bóng láng.
1323	Hàm duy trì cung môi bằng nhựa (Đóng khe hở bằng lò xo xoắn)	200	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao, khít sát, nền hàm bóng láng.
1324	Hàm duy trì cung môi dài	200	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao, khít sát, nền hàm bóng láng.
1325	Hàm duy trì có lò xo	200	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao, khít sát, nền hàm bóng láng.
1326	Màng duy trì Essix	200	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao, khít sát, nền hàm bóng láng.
1327	Hawley và 1 lò xo	200	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao, khít sát, nền hàm bóng láng.
1328	Hawley và 1 nhựa nâng khớp	200	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao, khít sát, nền hàm bóng láng.
1329	Hawley và 1 họa tiết	200	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao, khít sát, nền hàm bóng láng.
1330	Hawley & nong 2 chiều	200	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao, khít sát, nền hàm bóng láng.
1331	Hawley & nong 3 chiều	200	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao, khít sát, nền hàm bóng láng.
1332	Activator class II (Monoblock)	100	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao, khít sát, nền hàm bóng láng.
1333	Activator class III	100	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao theo khóa sắp liên hàm, khít sát cung răng, nền hàm bóng láng.
1334	Bionator I	50	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao theo khóa sắp liên hàm, khít sát cung răng, nền hàm bóng láng.
1335	Bionator II	50	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao theo khóa sắp liên hàm, khít sát cung răng, nền hàm bóng láng.
1336	Twin Block	50	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao theo khóa sắp liên hàm, khít sát cung răng, nền hàm bóng láng.
1337	Rapid Hyrax RPE	50	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao theo khóa sắp liên hàm, khít sát cung răng, nền hàm bóng láng.
1338	Bonded Hyrax	50	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao theo khóa sắp liên hàm, khít sát cung răng, nền hàm bóng láng.
1339	Khí cụ nong cánh quạt cố định	50	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao theo khóa sắp liên hàm, khít sát cung răng, nền hàm bóng láng.
1340	Hàm giả tháo lắp 1 răng	50	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao theo khóa sắp liên hàm, khít sát cung răng, nền hàm bóng láng.
1341	Ôc nong 3 chiều cố định	200	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao theo khóa sắp liên hàm, khít sát cung răng, nền hàm bóng láng.
1342	Ôc nong 2 chiều cố định	200	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao theo khóa sắp liên hàm, khít sát cung răng, nền hàm bóng láng.
1343	Quad Helix	200	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao theo khóa sắp liên hàm, khít sát cung răng, nền hàm bóng láng.
1344	Cung nance	200	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao theo khóa sắp liên hàm, khít sát cung răng, mối hàn tốt, cứng chắc, bóng láng.
1345	Cung lưỡi	200	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao theo khóa sắp liên hàm, khít sát cung răng, mối hàn tốt, cứng chắc, bóng láng.
1346	Cung ngang khâu cái	200	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao theo khóa sắp liên hàm, khít sát cung răng, mối hàn tốt, cứng chắc, bóng láng.
1347	Face mask	200	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao theo khóa sắp liên hàm, khít sát cung răng, tay móc ôm sát cung răng cứng chắc bằng dây SS 0.9 mm
1348	Mặt phẳng nghiêng	200	Hàm	Làm đúng mẫu hàm thạch cao theo khóa sắp liên hàm, khít sát cung răng, nền nhựa bóng láng cứng chắc.
1349	Co nối chữ T	25	Cái	Chất liệu pvc y tế, đầu nối chuẩn 15mm-22mm dùng cho dây các loại mask

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
1350	Mạch máu nhân tạo các loại, các cỡ - ống nối mạch máu sinh học	10	Cái	1. Là một ống nối tim sinh học được thiết kế lọc hai đầu trên dưới có gắn sẵn van. Ống được làm từ màng ngoài tim bò, đã qua xử lý bằng L-Hydro, không có các tác nhân gây sốt, thân ống mềm. Các lá van được làm từ van tim của heo. 2. Kích cỡ tối thiểu có các size: 11, 13, 15, 17, 19, 21 mm 3. Ống nối tim đã qua xử lý sinh học tuổi thọ cao, và dễ sử dụng. 4. Ống nối lọc hai đầu giúp bảo vệ mối nối cũng như giúp người sử dụng thao tác dễ dàng. Chiều dài: 100mm
1351	Ống nối mạch máu sinh học, các cỡ	10	Cái	Không có các tác nhân gây sốt. Ống nối được tối ưu hoá với mũi khâu đôi Ống không bị dễ dàng với hỏa sau một quá trình sử dụng lâu dài. Hai đầu ống nối tim có độ cứng vừa đủ, không dễ bị bẹp khi được nối vào động mạch phổi. Thân ống có các rãnh lõi giúp ống nối tim dẫn hồi tốt, không bị dứm dỏ.
1352	Giá đỡ loại có lớp phủ graft, dùng cho can thiệp động mạch chủ	15	Cái	Giá đỡ loại có lớp phủ graft, dùng cho can thiệp động mạch chủ - Có lớp màng bọc graft, được chỉ định cho phình, thủng cấp, rách hoặc rò rỉ. - Chất liệu Coban - Chrom, phủ lớp graft Micro-porous ePTFE hoặc tương đương. - Đường kính tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, đường kính tối đa $\geq 24\text{ mm}$, dài tối thiểu $\leq 18\text{mm}$, dài tối đa $\geq 58\text{mm}$. - Tương thích với sheath 9Fr - 14Fr. - Chiều dài ống thông tối thiểu có 2 loại 75cm và 120cm. - Tiệt khuẩn.
1353	Ống bơm tiêm cân quang tiệt khuẩn, 1 nòng 150 ml	720	Cái	Ống bơm thuốc cân quang 1 nòng 150ml dùng tương thích cho máy Medrad tại bệnh viện - Bộ đóng gói gồm 1 bơm tiêm đường kính trong 4,05cm, dài 23,14cm, 1 ống hút. - Chịu áp lực cao 350psi, luer lock. - Chất liệu Polycarbonate, không DEHP. - Nạp thuốc bằng ống hút nhanh. - Tiệt khuẩn bằng bức xạ ion hóa.
1354	Phổi nhân tạo trong phẫu thuật tim cho trẻ dưới 5 Kg	100	Bộ	Phổi nhân tạo có phủ chất tương thích sinh học loại D100 hoặc tương đương - Thể tích dịch mỗi khoảng: 31ml - Diện tích màng lọc: 0.22m² - Lưu lượng máu tối đa: 700ml/phút - Diện tích trao đổi nhiệt: 0.03m² - Thể tích bình chứa: 500ml - Thể tích bình chứa tối thiểu để hoạt động: 10ml
1355	Phổi nhân tạo trong phẫu thuật tim cho trẻ từ 10 - 15 Kg	120	Bộ	Phổi nhân tạo có phủ chất tương thích sinh học loại D101 hoặc tương đương - Thể tích dịch mỗi khoảng: 87ml - Diện tích màng lọc: 0.61m² - Lưu lượng máu tối đa: 2500ml/phút - Diện tích trao đổi nhiệt: 0.06m² - Thể tích bình chứa: 1500ml - Thể tích bình chứa tối thiểu để hoạt động: 30ml
1356	Bộ dây dẫn máu trong phẫu thuật tim cho trẻ từ 2 - 5 Kg	100	Bộ	Bộ dây dẫn máu trong phẫu thuật tim cho trẻ từ 2 - 5 Kg - Bao gồm các đoạn dây PVC, Silicone, Cút nối phù hợp với các hạng cân; được chia làm các gói: Table pack và Pump pack. - Bộ dây thiết kế theo yêu cầu chuyên môn phù hợp với bệnh nhân hạng cân 2-5kg. - Đính kèm bản vẽ mô tả chi tiết sản phẩm và cam kết điều chỉnh theo nhu cầu sử dụng (nếu có)
1357	Cannulae động mạch có đầu gấp 135 độ, các size các cỡ	700	Cái	Cannulae động mạch mũi cong 135 độ, có dây xoắn tăng cường. - Độ dài hiệu dụng tối thiểu có 22 cm - Kích thước tối thiểu có: 8, 9, 11, 12Fr (2,6 - 3,8 mm) - Đầu kết nối tối thiểu có: 3/16" - 1/4"
1358	Cannulae tĩnh mạch có đầu gấp 90 độ, các size các cỡ	1.200	Cái	Cannulae tĩnh mạch mũi cong 90 độ, có dây xoắn tăng cường. - Độ dài hiệu dụng tối thiểu là 25cm - Kích thước tối thiểu có: 10, 12, 14, 16 Fr (3,3 - 5,3 mm) - Đầu kết nối: + Cỡ 10, 12 Fr tối thiểu có 3/16" - 1/4" + Cỡ 14, 16 Fr tối thiểu có 1/4"

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
1359	Quả lọc máu trong phẫu thuật tim cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ	750	Quả	Quả lọc máu trong phẫu thuật tim cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ - Diện tích bề mặt: 0.25 m² - Loại sợi rỗng: polyethersulfone - Đường kính trong: 200 µm - Bề dày: 30 µm - Thể tích dịch mỗi (±10ml): 35 ml - Lưu lượng Min - Max: 100 -500 ml/phút - Áp lực qua màng Min- Max: 0-66 Kpa, 0-0.7 bar/0-9.6 psi/0-500 mmHg - Áp lực chảy Min- Max (thông số để theo dõi khi không biết được lưu lượng máu chảy qua quả lọc) khoảng: 6.6-20 Kpa (0.066-0.2 bar/0.95-2.7 psi/50-150 mmHg) - Chất liệu: Polyethersulfone – Polycarbonate Polyurethane tương thích sinh học
1360	Bộ dây dẫn truyền dịch liệt tim có bộ trao đổi nhiệt	750	Bộ	Bộ dây dẫn truyền dịch liệt tim có bộ trao đổi nhiệt - Chất liệu vỏ: Polycarbonate. - Kết nối: 1/4", Hansen 1/2" - Thể tích dịch mỗi khoảng 30ml - Lưu lượng máu tối đa: 2500ml/phút - Tích hợp bẫy bong bóng khí. - Màng lọc 150 µm. - Kèm dây dẫn.
1361	Đầu dò khí máu động mạch các cỡ, tương thích với máy Bcare 5 của Sorin	620	Cái	Đầu dò khí máu động mạch các cỡ, tương thích với máy Bcare 5 của Sorin (máy bệnh viện) - Đầu đo độ bão hòa oxy và hematocrit, nhiệt độ dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể. - Kích cỡ tối thiểu có: 3/8" và 1/4".
1362	Miếng dán cảm biến mức dịch cho máy tim phổi nhân tạo, tương thích với máy Bcare 5 của Sorin	750	Miếng	Miếng dán cảm biến mức dịch cho máy tim phổi nhân tạo, tương thích với máy Bcare 5 của Sorin (máy bệnh viện) - Miếng dán dạng đối xứng, nhỏ và linh hoạt vừa vặn và có thể dính vào mọi bình chứa, kể cả bình chứa cho trẻ nhỏ. - Tấm lót trong suốt giúp quan sát mức máu rõ ràng.
1363	Bóng nang mạch máu có ái nước	20	Cái	Bóng nang động mạch máu phủ ái nước, - Đường kính bóng tối thiểu có: 1,5; 2,0; 2,25; 2,5; 2,75; 3,0; 3,25; 3,5; 4,0mm, - Chiều dài bóng tối thiểu có: 10, 15, 20, 25, 30, 40mm, - Chất liệu bóng: Hợp chất Proprietary polyamide hoặc tương đương - Chất liệu phần thân xa: Polyamide, ống nhiều lớp, - Chất liệu phần thân gần: thép không gỉ, phủ PTFE, - Kích thước Shaft: Đầu gần là 1,9F (0,63mm), đầu xa là 2,8F (0,93mm), có phủ ái nước. - Khẩu kính đầu vào: 0,017 inch (0,43mm), - Khẩu kính đầu vào hình nón kép để tiếp cận các tổn thương phức tạp, - 2 Marker bằng Platinum/Iridium, - Bóng có 3 nếp gấp, - Áp lực định danh khoảng: 8bar (0,8 MPa), - Áp lực vỡ bóng khoảng: 19bar cho bóng có đường kính 1,5 - 2,5mm; 18bar cho bóng có đường kính 2,75mm; 17bar cho bóng có đường kính 3,0mm; 16bar cho bóng có đường kính 3,5mm; 15bar cho bóng có đường kính 4,0mm, - Chiều dài Catheter khoảng 138cm, - Chiều dài nòng dây dẫn khoảng 27cm, - Đường kính dây dẫn tối đa 0,014 inch (0,36mm), - Tương thích với Catheter mở đường 5F (đường kính trong tối thiểu là 0,056 inch / 1,42mm).
1364	Bóng nang mạch máu áp lực trung bình có đàn hồi	80	Cái	Bóng nang mạch máu áp lực trung bình có đàn hồi Bóng nang mạch máu áp lực thường cải thiện độ cân bằng và định vị dễ dàng: - Chất liệu bóng: Modified Polyamide - Thân ống thông đầu xa chất liệu polyamide, đầu gần thiết kế hypo-tube phủ PTFE - Marker bóng chất liệu Platinum/ Iridium - Thiết kế luer trong suốt giúp định vị hệ thống, thân kháng xoắn. - Đường kính thân gần 1,9 F/ thân xa 2,7 F. - Guide wire tương thích 0,014". - Chiều dài thân khả dụng: 143 cm - Độ dài Guidewire - Lumen: 27 cm - Ống thông dẫn đường đường kính trong nhỏ nhất 5 F. - Áp suất thường khoảng (NP) 9 atm. Áp suất vỡ bóng khoảng (RBP) 16 atm. - Đường kính thân bóng tối thiểu có: 1,50; 2,00; 2,50; 2,75; 3,00; 3,50; 4,00 mm; dài 12, 15, 20, 30 mm.
1365	Co nối thẳng 1/4-3/16 luer	100	Cái	Co nối thẳng 1/4 x 3/16 có luer lock - Vật liệu Polycarbonate trong suốt - Nút dây vật liệu PVC - Khóa Luer vật liệu HDPE - Đóng gói vô trùng riêng lẻ từng cái

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
1366	Co nối thẳng 1/2-3/8 luer	20	Cái	Co nối thẳng 1/2 x 3/8 có luer lock - Vật liệu Polycarbonate trong suốt - Nút dây vật liệu PVC - Khóa Luer vật liệu HDPE - Đóng gói vô trùng riêng lẻ từng cái.
1367	Co nối Y 3/8-1/4-1/4 có luer	200	Cái	Co nối chữ Y 3/8x1/4x1/4 có hoặc không luer lock - Vật liệu Polycarbonate trong suốt - Nút dây vật liệu PVC - Khóa Luer vật liệu HDPE - Đóng gói vô trùng riêng lẻ từng cái.
1368	Co nối Y 1/2-3/8-3/8 có luer	50	Cái	Co nối chữ Y 1/2x3/8x3/8 có hoặc không luer lock - Vật liệu Polycarbonate trong suốt - Nút dây vật liệu PVC - Khóa Luer vật liệu HDPE - Đóng gói vô trùng riêng lẻ từng cái.
1369	Vật liệu nút mạch, 2ml	1	Lọ	Vật liệu nút mạch, 2ml - Hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer Polyene - F hoặc tương đương, không tan trong dung môi. - Kích thước hạt: 40 µm – 1.300 µm, mỗi kích thước có một màu tương ứng. - Đóng gói 2ml
1370	Dù đóng ống động mạch có đường kính đĩa nhỏ	200	Cái	Dù đóng ống động mạch có đường kính đĩa nhỏ - Chất liệu: hợp kim nhớ hình dạng lưới Nitinol; thích ứng hình dạng hoàn toàn với giải phẫu sinh lý của những ống động mạch nhỏ. - Đường kính 2 đĩa bằng nhau; có các kích thước tối thiểu có: 4,0; 5,25; 6,5 mm - Đường kính vòng eo/ chiều dài tối thiểu có: 3/2; 3/4; 3/6; 4/2; 4/4; 4/6; 5/2; 5/4; 5/6 mm - Tương thích với Sheath 4F.
1371	Dụng cụ thả dù PDA có đường kính đĩa nhỏ	150	Bộ	Dụng cụ thả dù PDA có đường kính đĩa nhỏ - Bộ sản phẩm bao gồm: ống thông có đầu cong 90 độ, dụng cụ nạp dù, bộ kết nối chữ Y kèm van cầm máu áp suất cao, cây nong, cấp thả dù. - Chiều dài tối thiểu có: 60 cm, 80 cm. - Kích thước tối thiểu có: 4F, 5F.
1372	Dụng cụ thả dù ASD có cấp linh động	30	Bộ	Dụng cụ thả dù ASD có cấp linh động - Bộ sản phẩm bao gồm: ống thông có đầu cong 45 độ, dụng cụ nạp dù, bộ kết nối chữ Y kèm van cầm máu áp suất cao, cây nong, cấp thả dù. - Chiều dài tối thiểu có: 60 cm, 80 cm. - Kích thước tối thiểu có: 6F, 7F, 8F, 9F, 10F, 12F, 13F.
1373	Giá đỡ động mạch thận (không phủ thuốc)	70	Cái	Giá đỡ động mạch thận (không phủ thuốc) - Giá đỡ bằng bằng bóng. - Thiết kế stent đảm bảo tính linh hoạt cao, độ phù thành mạch đồng nhất và tính tương thích. - Thiết kế hệ thống: Rapid exchange (Rx). - Chất liệu: Cobalt Chromium (L605). - Độ dày thân stent tối thiểu có: 120µm (đường kính 4,5 mm - 5 mm), 140µm (đường kính 6 mm - 7 mm). - Lớp phủ: Amorphous Silicone Carbide hoặc tương đương. - Đường kính tối thiểu có: 4,5mm; 5mm; 6mm; 7mm. - Chiều dài tối thiểu có: 12mm, 15mm, 19mm. - Chiều dài hệ thống khoảng: 140cm. - 2 marker rập khuôn (bóng), bằng vàng ở đầu gần (giả đỡ). - Hệ thống dây dẫn tối thiểu có: 0,014".
1374	Ống thông chẩn đoán Pigtail 5F	60	Cái	Ống thông chẩn đoán đuôi heo 5F - Chất liệu nylon nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, thành ống mỏng. - Có đường viền bên bằng thép không gỉ giúp thân ống thông giữ được hình dáng tốt, dễ lái. - Đầu tip cân quang tốt, khả năng nhớ hình tốt. - Làm bằng chất liệu có cân quang. - Tối thiểu có chiều dài 80cm, 90cm, 110cm, 125cm. - Tối thiểu có các loại thẳng, cong 145 độ, cong 155 độ - Dùng được với guide wire 0,035"/0,038" - Chịu áp lực 1200 PSI (81,6 Bar)

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
				Giá đỡ mạch máu chất liệu Cobalt Chromium phủ Sirolimus các kích cỡ - Chất liệu Cobalt Chromium phủ thuốc Sirolimus (Rapamycin) phối trộn lớp Polymer phân hủy sinh học Polyactide (PLA). - Bề mặt stent nhám với khoảng một triệu lỗ nhỏ li ti trên mỗi cm² diện tích bề mặt, phủ toàn bộ thân stent, có chức năng như hồ chứa thuốc giúp giảm tỉ lệ tái hẹp bán phần, giúp nhanh liền lạc nội mạc, giảm huyết khối và tái hẹp trong stent. - Tối thiểu có độ dày thành chống 0,0027" / 68 μm ($\varnothing$2,0 - 2,5mm); 0,0031" / 79 μm ($\varnothing$2,75 - 4,0mm). - Thiết kế thanh stent mỏng với 2 thanh nối linh hoạt trên một đoạn nối, chu vi mắt cáo mở rộng tối đa 18,5 mm làm tăng độ linh hoạt và tiếp cận mạch nhánh dễ dàng. + Diện tích bề mặt phủ kim loại: 9,1 - 14,9% + Đường kính thân gần 1,9 F/ thân xa 2,7 F. + Thiết kế luer trong suốt giúp định vị hệ thống, thân kháng xoắn. + Thiết diện xuyên qua 0,93 mm ($\varnothing$ 2,5 mm); Thiết diện đầu vào 0,016" / 0,41mm. + Marker bóng Platinum / Iridium. + Áp suất thường khoảng (NP) 11 atm. Áp suất vỡ bóng khoảng (RBP) 16 atm + Tối thiểu có các đường kính stent 2,00; 2,50; 2,75; 3,00; 3,50; 4,00 mm (chiều dài 8, 12, 16, 18, 21, 24, 28, 32mm). - Đường kính stent 2,75; 3,00; 3,50; 4,00 mm (chiều dài 8, 12, 16, 18, 21, 24, 28, 32, 40 mm).
1375	Giá đỡ mạch máu chất liệu Cobalt Chromium phủ Sirolimus các kích cỡ	50	Cái	
1376	Giá đỡ mạch máu không tẩm thuốc	30	Cái	Giá đỡ mạch máu không tẩm thuốc các size các cỡ - Chất liệu Cobalt Chromium (L605) không phủ thuốc - Bề mặt nhám với khoảng một triệu lỗ nhỏ li ti trên mỗi cm² diện tích bề mặt, phủ toàn bộ thân stent, giúp nhanh liền lạc nội mạc, giảm huyết khối và tái hẹp trong stent - Độ dày thành chống tối thiểu có: 68 μm ($\varnothing$2,0 - 2,5 mm); 0,0031" / 79 μm ($\varnothing$2,75 - 4,0 mm). - Thiết kế luer trong suốt giúp định vị hệ thống, thân kháng xoắn. - Stent bung bằng bóng, trên nền bóng chất liệu Polyamide - Marker bóng bằng Platinum / Iridium. - Thiết diện xuyên qua 0,035" / 0,93 mm ($\varnothing$ 2,5 mm) - Đường kính thân stent tối thiểu có: 2,00; 2,50; 2,75; 3,00; 3,50; 4,00 mm; dài 8, 12, 16, 18, 21, 24, 28, 32, 40 mm. - Diện tích bề mặt phủ kim loại: 9,1 - 14,9% - Đường kính phần thân gần 1,9 F/ thân xa 2,7 F. - Tương thích với Guide wire 0,014", Guiding Catheter 5F - Chiều dài thân khả dụng: 143 cm - Áp suất thường khoảng (NP) 11 atm. Áp suất vỡ bóng khoảng (RBP) 16 atm
1377	Ống thông chẩn đoán ngoại biên dùng cho chẩn đoán mạch não	50	Cái	Ống thông chẩn đoán ngoại biên dùng cho chẩn đoán mạch não các size các cỡ - Chất liệu Nylon Pebax hoặc tương đương, trơn nhẵn, ổn định vật liệu ở nhiệt độ cơ thể bệnh nhân - Có đường viền bên giúp thân ống thông chống gãy gập, chống biến dạng, dễ lái, tăng độ torque, tăng lực đẩy. - Có đầu tip mềm và hãm lực giúp an toàn cho bệnh nhân và chống tổn thương lòng mạch, khả năng nhớ hình đầu tip tốt - Đường kính trong khoảng 0,042" (1,07mm) loại 4F; 0,046" (1,17mm) loại 5F; 0,054" (1,37mm) loại 6F giúp dòng chảy lớn hơn với áp lực nhỏ hơn - Tối thiểu có dạng đầu tip: Cobra 1-3, Simmon 1-5, Vertebral. - Tối thiểu có các cỡ: 65cm, 80 cm, 90 cm, 100cm, 110 cm, 125 cm - Tương thích guide wire 0,035"; 0,038". - Có loại lỗ bên hoặc không có lỗ bên.
1378	Bộ bơm áp lực cao có đồng hồ và van cầm máu chữ Y dạng bấm	120	Bộ	Bộ bơm bóng áp lực cao có đồng hồ và van cầm máu chữ Y dạng bấm dùng trong tim mạch chẩn đoán và can thiệp - Vật liệu làm bằng Polycarbonate; Acrylonitrile-Butadiene-Styrene hoặc tương đương - Màn hình analog - Áp lực 30 atm; ; - Thể tích xy lanh 20ml, có kèm tubing dài 33 cm (13 inches) nối sẵn với đầu tip của xy lanh. - Phụ kiện kèm theo: Van cầm máu Y dạng bấm, Insertion tool, torque device, 3-way stopcock. - Tiệt khuẩn bằng Ethylene Oxide (EO)

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
1379	Dây dẫn chẩn đoán ái nước 150cm	750	Cái	Cấu tạo: - Lõi là hợp kim Nitinol siêu đàn hồi. - Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cản quang bằng lớp Tungsten. - Lớp phủ ái nước hydrophilic - Hình dạng đầu tip tối thiểu có đầu thẳng, đầu cong (Straight, Angled) Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 150 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính tối thiểu có: 0.035"
1380	Dây dẫn can thiệp mạch máu có ái nước 150cm	750	Cái	Dây dẫn can thiệp mạch máu có ái nước - Cấu tạo trực với công nghệ nối trực tiếp DuoCore hoặc tương đương, không mối hàn - Kích thước tối thiểu có 0.014" - Chiều dài đoạn xa có lớp cuộn phía ngoài: 25 cm - Chiều dài phần đầu cản quang: 3 cm Vật liệu: - Phần lõi: Nickel - Titanium - Đoạn đầu của lớp cuộn: Platinum - Đoạn sau của lớp cuộn: thép không gỉ Lớp phủ: - Cho lớp cuộn: Hydrophilic coating (M coat) hoặc tương đương - Cho đoạn gần và đoạn giữa: PTFE coating và Silicone coating Đầu gần được đánh dấu giúp dễ phân biệt loại dây dẫn: - Floppy: không đánh dấu - Extra Floppy: một dấu - Hypercoat: hai dấu
1381	Dụng cụ mở đường thân mảnh	150	Cái	Dụng cụ mở đường thân mảnh - Kim luồn chọc mạch cỡ: 20G x 51mm - Mini guidewire plastic cỡ 0.025" x 45cm - Sheath dài 10cm có phủ lớp ái nước M Coat hoặc tương đương - Kích thước: tối thiểu có các cỡ 7Fr, 6Fr và 5Fr - Công nghệ thành siêu mỏng làm giảm đi 1Fr đường kính ngoài của sheath mà vẫn giữ được kích cỡ đường kính trong như các sheath tương tự.
1382	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu dài	50	Cái	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu dài - Bao gồm: Mini plastic guide wire cỡ 0.035" hoặc 0.038", dài 80cm, Introducer sheath, Dilator (que nong). - Van cầm máu kiểu "Cross-Cut" hoặc tương đương - Kích thước: tối thiểu có các cỡ 5F, 6F, 7F dài 25cm - Vật liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene)
1383	Dây dẫn can thiệp mạch, lõi Nickel-Titanium, phủ lớp ái nước	100	Cái	Dây dẫn can thiệp mạch máu, lõi Nickel-Titanium, phủ lớp ái nước - Cấu tạo trực với công nghệ nối trực tiếp DuoCore hoặc tương đương, không mối hàn - Kích thước tối thiểu có 0.014" x 180cm - Chiều dài đoạn xa có lớp cuộn phía ngoài: 25 cm - Chiều dài phần đầu cản quang: 3 cm Vật liệu: - Phần lõi: Nickel - Titanium - Đoạn đầu của lớp cuộn: Platinum - Đoạn sau của lớp cuộn: thép không gỉ Lớp phủ: - Cho lớp cuộn: Hydrophilic coating (M coat) hoặc tương đương - Cho đoạn gần và đoạn giữa: PTFE coating và Silicone coating Đầu gần được đánh dấu giúp dễ phân biệt loại dây dẫn: - Floppy: không đánh dấu - Extra Floppy: một dấu - Hypercoat: hai dấu
1384	Ống thông chẩn đoán đường quay	30	Cái	- Cấu tạo: thiết kế theo công nghệ sợi bện kép (double-wire braiding tech), đoạn đầu xa không bện, tiếp theo là đoạn được bện dày và bện thưa hơn ở đoạn gần. - Vật liệu thành ống: các loại Polyamide khác nhau trong cấu trúc ống 2 lớp - Hình dạng đầu cho can thiệp qua đường quay: Brachial Type (Tiger) - Thành ống mỏng, lòng ống rộng cho tốc độ dòng chảy tối đa 23mL/ giây (cỡ 5Fr). Áp lực tối đa 1,200 psi (8.247kPa) - Tương thích guidewire 0.038" - Đường kính 5Fr (lòng rộng 1.20mm), chiều dài 100cm - 120cm.

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
1385	Bộ máy tạo nhịp 01 buồng có nhịp đáp ứng vận động, cho phép chụp MRI toàn thân, kích hoạt chế độ MRI bằng thiết bị cầm tay	5	Bộ	- Tương thích chụp MRI toàn thân. - Chuẩn kết nối IS-1. - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay (SJM MRI Activator). Không có yêu cầu thời gian chờ sau cấy máy cho việc chụp MRI. - Hệ thống tạo nhịp AutoCapture hoặc tương đương cho phép đáp ứng tối đa với ngưỡng tạo nhịp với khả năng xác nhận dẫn tạo nhịp theo từng xung Beat-by-Beat. Hệ thống tạo nhịp AutoCapture tự động phát xung dự phòng 5V khi phát hiện mất dẫn, có thể lập trình cả đơn cực hoặc lưỡng cực. - Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim lên đến 14 phút - Trọng lượng 19g, thể tích 9.7 cc - Bảo hành máy 10 năm và bảo hành pin 100% trong 6 năm đầu và 50% giảm dần trong 4 năm tiếp theo.
1386	Bộ máy tạo nhịp 02 buồng có đáp ứng nhịp đáp ứng vận động, cho phép chụp MRI toàn thân, kích hoạt chế độ MRI bằng thiết bị cầm tay	25	Bộ	- Tương thích chụp MRI toàn thân - Chuẩn kết nối IS-1 - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay (SJM MRI Activator). Không có yêu cầu thời gian chờ sau cấy máy cho việc chụp MRI. - Hệ thống tạo nhịp AutoCapture hoặc tương đương cho phép đáp ứng tối đa với ngưỡng tạo nhịp với khả năng xác nhận dẫn tạo nhịp theo từng xung Beat-by-Beat. Hệ thống tạo nhịp AutoCapture tự động phát xung dự phòng 5V khi phát hiện mất dẫn, có thể lập trình cả đơn cực hoặc lưỡng cực. - Bộ tính năng tự động: Ventricular Intrinsic Preference hoặc tương đương - Ưu tiên dẫn truyền thất nội tại; AF Suppression hoặc tương đương - Tạo nhịp kiểm soát rung nhĩ và SenseAbility hoặc tương đương - Tự động nhận cảm. - Có cảnh báo loạn nhịp nhanh nhĩ có thể lập trình được. - Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim lên đến 14 phút - Trọng lượng 19g, thể tích 10.4 cc - Bảo hành máy 8 năm và bảo hành pin 100% trong 5 năm đầu và 50% giảm dần trong 3 năm tiếp theo.
1387	Bộ máy ICD 1 buồng cho phép chụp MRI toàn thân, theo dõi đoạn ST chênh	15	Bộ	- Thiết bị sẵn sàng cho chụp MRI cường độ từ trường 1,5 Tesla. Không có yêu cầu thời gian chờ sau cấy máy cho việc chụp MRI. - Lớp phủ Parylene hoặc tương đương chống trầy xước dây điện cực. - Thuật toán phát hiện quá dòng tự động thay đổi cấu hình shock điện để bảo đảm vẫn cung cấp điều trị điện thế cao khi phát hiện quá dòng. - Lập trình cung cấp thêm vector sốc RV-SVC dự phòng trường hợp dây điện cực sốc bị lỗi - Chức năng ShockGuard hoặc tương đương giúp giảm sốc nhầm - Chức năng SenseAbility hoặc tương đương giúp giảm nhận cảm nhầm sóng T - Tương thích dây điện cực sốc chuẩn DF4 hoặc tương đương - Chức năng CorVue hoặc tương đương theo dõi điện trở lồng ngực giúp phát hiện phù phổi - Tính năng FarField MD hoặc tương đương giúp phân biệt VT và SVT - Chức năng tạo nhịp cắt cơn nhịp nhanh ATP trước khi sạc và trong khi sạc tự ở vùng VF - Có khả năng theo dõi ST chênh cho phép liên tục hiểu thấu các sự kiện chênh đoạn ST rõ rệt, có liên quan đến các cơn loạn nhịp thất. - Năng lượng phát sốc 36J - Công nghệ cung cấp các lựa chọn tối ưu không xâm lấn để điều trị ngưỡng shock DFT cao - Sử dụng pin QHR - Trọng lượng 67g, thể tích 30 cc - Bảo hành máy 10 năm và bảo hành pin 100% trong 6 năm đầu và 50% giảm dần trong 4 năm tiếp theo.
1388	Catheter chẩn đoán điện sinh lý 4 điện cực, độ cong cố định dành cho HIS	50	Bộ	Catheter chẩn đoán 4 điện cực, 4F - 5F - 6F, phần thân dạng bện kiểm soát lực xoắn và đẩy, nhiều khoảng cách điện cực, đầu catheter mềm
1389	Cáp nối cho Catheter cắt đốt điện sinh lý loại 1 chiều	5	Bộ	Dài 150 - 300 cm, được ký hiệu rõ ràng để dễ dàng nhận biết, kênh chỉ dẫn giúp kết nối nhanh chóng, thuận tiện. Tương thích với Catheter cắt đốt điện sinh lý loại 1 chiều
1390	Phổi nhân tạo trong phẫu thuật tim cho trẻ từ 5 - 10 Kg	380	Cái	Phổi nhân tạo trong phẫu thuật tim cho trẻ loại FX05 hoặc tương đương - Phổi nhân tạo có vỏ bằng polycarbonate, sợi bằng microporous polypropylene, bộ phận trao đổi nhiệt bằng thép không gỉ. Bình trữ máu có vỏ bằng polycarbonate, phin lọc tĩnh mạch polyester kiểu lưới 47 micromet, phin lọc tâm vị polyester kiểu sâu, chất khử bọt polyurethane. Tráng polymer tương thích sinh học X-coating. - Diện tích màng trao đổi oxy 0,5m² - Thể tích môi máu khoảng: 43 ml - Diện tích bộ phận trao đổi nhiệt: 0.035m² - Dung tích bình chứa: 1000ml - Lưu lượng tối đa 1,5 Lit/phút. Phổi tích hợp lọc động mạch với màng lọc làm bằng polyester, lỗ màng lọc 32 micromet, có diện tích bề mặt 130cm². Thể tích hoạt động tối thiểu 15ml.

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
1391	Phổi nhân tạo trong phẫu thuật tim cho trẻ trên 40 Kg	30	Cái	Phổi nhân tạo trong phẫu thuật tim cho trẻ loại FX25 hoặc tương đương - Phổi nhân tạo có vỏ bằng polycarbonate, sợi bằng microporous polypropylene, bộ phận trao đổi nhiệt bằng thép không gỉ. Bình trữ máu có vỏ bằng polycarbonate, phin lọc tĩnh mạch polyester kiểu lưới 47 micromet, phin lọc tâm vị polyester kiểu sâu, chất khử bọt polyurethane. Tráng polymer tương thích sinh học X-coating. - Diện tích màng trao đổi oxy 2,5m² - Thể tích mỗi máu khoảng : 260 ml - Diện tích bộ phận trao đổi nhiệt : 0.2m² - Dung tích bình chứa : 4000ml - Lưu lượng tối đa 7 Lit/phút. Phổi tích hợp lọc động mạch với màng lọc làm bằng polyester, lỗ màng lọc 32 micromet, có diện tích bề mặt 600cm². Thể tích hoạt động tối thiểu 200ml.
1392	Phổi nhân tạo trong phẫu thuật tim cho trẻ từ 15 - 40 Kg	120	Cái	Phổi nhân tạo trong phẫu thuật tim cho trẻ loại FX15 hoặc tương đương - Phổi nhân tạo có vỏ bằng polycarbonate, sợi bằng microporous polypropylene, bộ phận trao đổi nhiệt bằng thép không gỉ. Bình trữ máu có vỏ bằng polycarbonate, phin lọc tĩnh mạch polyester kiểu lưới 47 micromet, phin lọc tâm vị polyester kiểu sâu, chất khử bọt polyurethane. Tráng polymer tương thích sinh học X-coating. - Diện tích màng trao đổi oxy 1,5m² - Thể tích mỗi máu khoảng : 144 ml - Diện tích bộ phận trao đổi nhiệt : 0.14m² - Dung tích bình chứa : 3000ml - Lưu lượng tối đa 4 Lit/phút. Phổi tích hợp lọc động mạch với màng lọc làm bằng polyester, lỗ màng lọc 32 micromet, giảm tối đa thể tích mỗi máu, có diện tích bề mặt 360cm². Thể tích hoạt động tối thiểu 70ml.
1393	Đầu dò khí máu động mạch các cỡ, tương thích với máy CDI Terumo	150	Cái	Đầu dò khí máu động mạch loại H/S cuvette hoặc tương đương - Tối thiểu có thông số 3/8" x 3/8" và 1/4" x 1/4" - Tương thích máy CDI Terumo
1394	Bộ dây dẫn máu trong phẫu thuật tim cho trẻ dưới 10 Kg	380	Bộ	Dây chạy máy dùng cho bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu silicone, nhựa PVC, polycarbonate + Thiết kế theo yêu cầu chuyên môn của người sử dụng (kèm bản vẽ) + Gồm bộ dây phẫu thuật (Surgeon's Pack), bộ dây chạy máy (Pump Pack), bộ dây mồi (Priming Pack), bộ dây bắt khí (Bubble Trap) và bộ co nối (Connector Pack) - Dành cho hạng cân 6-10kg - Tiệt khuẩn bằng khí EO - Đính kèm bản vẽ mô tả chi tiết sản phẩm và cam kết điều chỉnh theo nhu cầu sử dụng (nếu có)
1395	Bộ dây dẫn máu trong phẫu thuật tim cho trẻ từ 10 - 15 Kg	120	Bộ	Dây chạy máy dùng cho bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu silicone, nhựa PVC, polycarbonate + Thiết kế theo yêu cầu chuyên môn của người sử dụng (kèm bản vẽ) + Gồm bộ dây phẫu thuật (Surgeon's Pack), bộ dây chạy máy (Pump Pack), bộ dây mồi (Priming Pack), bộ dây bắt khí (Bubble Trap) và bộ co nối (Connector Pack) - Dành cho hạng cân 10-15kg - Tiệt khuẩn bằng khí EO - Đính kèm bản vẽ mô tả chi tiết sản phẩm và cam kết điều chỉnh theo nhu cầu sử dụng (nếu có)
1396	Bộ dây dẫn máu trong phẫu thuật tim cho trẻ từ 15 - 30 Kg	120	Bộ	Dây chạy máy dùng cho bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu silicone, nhựa PVC, polycarbonate + Thiết kế theo yêu cầu chuyên môn của người sử dụng (kèm bản vẽ) + Gồm bộ dây phẫu thuật (Surgeon's Pack), bộ dây chạy máy (Pump Pack), bộ dây mồi (Priming Pack), bộ dây bắt khí (Bubble Trap) và bộ co nối (Connector Pack) - Dành cho hạng cân 15-30kg - Tiệt khuẩn bằng khí EO - Đính kèm bản vẽ mô tả chi tiết sản phẩm và cam kết điều chỉnh theo nhu cầu sử dụng (nếu có)
1397	Dụng cụ nút mạch thể hệ I	30	Cái	Dụng cụ nút mạch thể hệ I - Thiết kế màng lưới Nitinol I cuộn cho khu vực cần thả đủ ngắn. - Đường kính tối thiểu có từ: 4mm-16 mm. - Tương thích với dụng cụ mở đường (Sheath) 4-6F, hoặc ống thông can thiệp 5-8F. - Khoảng mạch máu điều trị được tối thiểu ≤ 2,7 mm, khoảng mạch máu điều trị được tối đa ≥ 12,3 mm
1398	Dụng cụ nút mạch thể hệ II	30	Cái	Dụng cụ nút mạch thể hệ II - Thiết kế lưới Nitinol đa lớp, nhiều cuộn. - Đường kính tối thiểu có từ: 3mm-22 mm. - Chiều dài khi không ép tối thiểu có: 6, 7, 9, 10, 12, 14, 16, 18 mm. - Tương thích với dụng cụ mở đường (Sheath) 4-7 F; hoặc ống thông can thiệp 5-9F; - Khoảng mạch điều trị được tối thiểu là ≤ 2,0 mm, khoảng mạch điều trị được tối đa ≥ 48 mm

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
1399	Bộ dây dẫn máu trong phẫu thuật tim cho trẻ trên 30 Kg	30	Bộ	Dây chạy máy dùng cho bộ tim phổi nhân tạo dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu silicone, nhựa PVC, polycarbonate + Thiết kế theo yêu cầu chuyên môn của người sử dụng (kèm bản vẽ) + Gồm bộ dây phẫu thuật (Surgeon's Pack), bộ dây chạy máy (Pump Pack), bộ dây mồi (Priming Pack), bộ dây bẫy khí (Bubble Trap) và bộ co nối (Connector Pack) - Dành cho hạng cân > 30kg - Tiệt khuẩn bằng khí EO - Đính kèm bản vẽ mô tả chi tiết sản phẩm và cam kết điều chỉnh theo nhu cầu sử dụng (nếu có)
1400	Bộ dụng cụ tạo nhịp vĩnh viễn nội tâm mạc, 1 buồng	40	Bộ	• Tạo nhịp tim 1 buồng, đáp ứng nhịp theo vận động. • Thể tích máy ≤ 9.7 cc. • Cho phép chụp MRI toàn thân 3T không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân. • Quản lý tạo nhịp thất, cho phép lập trình biên độ tạo nhịp an toàn lên tới 4 lần ngưỡng tạo nhịp. • Có chức năng gợi ý các thông số lập trình máy thích hợp cho từng bệnh nhân. • Tần số đáp ứng với nam châm khi còn pin ≤ 85 chu kỳ/phút.
1401	Bộ dụng cụ tạo nhịp vĩnh viễn nội tâm mạc, 2 buồng	80	Bộ	• Tạo nhịp tim 2 buồng, đáp ứng nhịp theo vận động. • Cho phép chụp MRI toàn thân 3T, không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân. • Quản lý tạo nhịp nhĩ và thất, cho phép lập trình biên độ tạo nhịp an toàn lên tới 4 lần ngưỡng tạo nhịp. • Có chức năng gợi ý các thông số giúp lập trình máy thích hợp cho từng bệnh nhân. • Tần số đáp ứng với nam châm khi còn pin ≤ 85 chu kỳ/phút.
1402	Cáp nối cho Catheter cắt đốt điện sinh lý loại 2 chiều	5	Cái	Cáp nối cho Catheter cắt đốt điện sinh lý loại 2 chiều, dài 300cm, phù hợp với máy cắt đốt của bệnh viện.
1403	Catheter chẩn đoán điện sinh lý độ cong thay đổi, 10 điện cực	40	Cái	Điện cực thăm dò điện sinh lý 4/ 8/ 10 cực có thể điều chỉnh dạng cong, đường kính thân 6F, nhiều dạng khoảng cách điện cực, độ dài 110 cm, dạng cong lớn 4.0, tay cầm dạng Kéo/Đẩy
1404	Cannula tĩnh mạch đầu cong các số 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20F	600	Cái	Cannula tĩnh mạch đầu cong các số 8,10,12,14,16,18,20F dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu PVC và silicon, đầu bằng thép không gỉ - Các cỡ tối thiểu có: 12,14,16,18,20F (4,0 - 6,7mm), co nối 1/4 (0,64cm) chiều dài cannula 14 in (35,6 cm) - Cannulae tĩnh mạch 1 tầng mũi cong đầu kim loại có nhiều cổng, hệ thống dây chằng lò xo chống xoắn ở thân, đường đánh dấu ở ống giúp xác định hướng đầu cannula. - Tiệt khuẩn.
1405	Cannula tĩnh mạch đầu cong các số 22,24F	150	Cái	Cannula tĩnh mạch đầu cong các số 22,24F dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu PVC và silicon, đầu bằng thép không gỉ - Các cỡ tối thiểu có 22, 24F (7,3 - 8,0mm), - Co nối 1/4 (0,64cm) - Chiều dài cannula khoảng 14 in (35,6 cm). - Cannulae tĩnh mạch 1 tầng mũi cong đầu kim loại có nhiều cổng, hệ thống dây chằng lò xo chống xoắn ở thân, đường đánh dấu ở ống giúp xác định hướng đầu cannula. - Tiệt khuẩn.
1406	Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng qua gốc động mạch chủ các cỡ	600	Cái	Cannula truyền dung dịch liệt tim xuôi dòng qua gốc động mạch chủ - Cannula bằng PVC, có đầu chắn bức xạ, kiểm soát áp lực động mạch chủ, kim chọc bằng thép không gỉ - Kích thước: * Chiều dài Ca-nuyn: 2.5 in (6.4 cm), cỡ 18G (4Fr) thẳng * Chiều dài Ca-nuyn: 5.5 in (14cm) cỡ 12-14G (7-9Fr) chữ Y
1407	Cannulae dẫn lưu tim trái, thân dẻo các cỡ 8F, 10F, 13F, 16F,18F	350	Cái	Ống hút mềm trực tiếp tim trái - Chất liệu PVC và silicon mềm, - Kích thước: tối thiểu có các cỡ: 8Fr, 10Fr, 13Fr, 16Fr,18Fr - Chiều dài khoảng 40,6 cm - Cấu tạo: dễ dàng hút mà không làm tổn thương mô, có nhiều lỗ hút phân tán ở vùng đầu dạng thẳng hoặc đầu vuông góc.
1408	Cannulae động mạch đầu thẳng các size các cỡ	220	Cái	Cannula động mạch chủ đầu thẳng dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu bằng nhựa có mặt vát, có đường đánh dấu ở ống giúp xác định hướng đầu cannula. - Tối thiểu có các cỡ: 14Fr (4,7mm) co nối 1/4 (0,64cm), 18Fr (6,0mm) co nối 3/8 (0,95cm), 20Fr (6,7mm) co nối 3/8 (0,95cm) - Chiều dài cannula khoảng 7 in (17,8 cm). - Tiệt khuẩn.

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
1409	Cannulae động mạch trẻ em các số 8,10F	100	Cái	Cannula động mạch trẻ em dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu chính PVC và Silicon - Kích thước chiều dài 22,9cm, đường kính tối thiểu có các cỡ 8Fr và 10Fr, có nối 1/4, có lỗ thông đuôi khí (vented) - Cấu tạo: mặt vát, đầu canula có thành mỏng, thân canula có vòng xoắn chống gập - Tiệt khuẩn.
1410	Cannulae động mạch trẻ em các số 12,14,16F	300	Cái	Cannula động mạch trẻ em dùng trong tuần hoàn ngoài cơ thể - Chất liệu chính PVC và Silicon - Kích thước chiều dài 22,9cm, đường kính tối thiểu có các cỡ 12Fr, 14Fr, 16Fr, có nối 1/4, có lỗ thông đuôi khí (vented) - Cấu tạo: mặt vát, đầu canula có thành mỏng, thân canula có vòng xoắn chống gập - Tiệt khuẩn.
1411	Kim động mạch vành 8F	20	Cái	Cannula động mạch truyền dung dịch liệt tim qua lỗ vành ở trẻ em, gồm 1 ống polyurethan nối với đầu nối hình bóng có hai cánh. - Chất liệu chính: PVC và Silicon. - Kích thước: cỡ 2.3 in (5,8cm), đầu bóng từ 2 mm - Tiệt khuẩn.
1412	Kim động mạch vành 10F	150	Cái	Cannula động mạch truyền dung dịch liệt tim qua lỗ vành ở trẻ em, gồm 1 ống polyurethan nối với đầu nối hình bóng có hai cánh. - Chất liệu chính: PVC và Silicon. - Kích thước: cỡ 2.3 in (5,8cm), đầu bóng từ 3 mm - Tiệt khuẩn.
1413	Kim động mạch vành 12F	50	Cái	Cannula động mạch truyền dung dịch liệt tim qua lỗ vành ở trẻ em, gồm 1 ống polyurethan nối với đầu nối hình bóng có hai cánh. - Chất liệu chính: PVC và Silicon. - Kích thước: 2,3 in (5,8cm), đầu bóng từ 4 mm - Tiệt khuẩn.
1414	Kim động mạch vành 14F	30	Cái	Cannula động mạch truyền dung dịch liệt tim qua lỗ vành ở trẻ em, gồm 1 ống polyurethan nối với đầu nối hình bóng có hai cánh. - Chất liệu chính: PVC và Silicon. - Kích thước: cỡ 2,3 in (5,8cm), đầu bóng từ 5 mm - Tiệt khuẩn.
1415	Dù đóng ống động mạch thân dài (PDA)	100	Cái	Dù đóng ống động mạch thân dài (PDA) - Dù có profile phần động mạch chủ nhỏ, không có núm đầu xa. - Thiết kế thân dù tránh nguy cơ huyết khối. - Tạo lực bám vào động mạch phổi tại điểm cuối của ống động mạch. - Với cấu trúc đan bện làm tăng khả năng linh hoạt và thích ứng tốt. - Tối thiểu có các size: 5 - 6 - 7 - 8 - 10. Chiều dài: dài tối thiểu ≤ 7 mm, dài tối đa $\geq 10,5$ mm.
1416	Bộ dụng cụ tạo nhịp vĩnh viễn thượng tâm mạc, 1 buồng	40	Cái	Bộ máy tạo nhịp tim thượng tâm mạc 1 buồng có đáp ứng tần số, tương thích MRI 1,5 và 3 Tesla toàn thân đến mức SAR 4 W/Kg, với phát hiện tự động từ trường MRI. - Dây đủ chức năng chẩn đoán, kể cả các đoạn điện tim với tiền sử 75%. Nhịp cơ bản đến 200 nhịp/phút, thích hợp cho mọi bệnh nhân. - Chương trình điều chỉnh tự động biên độ xung thất với biên độ chỉ +0,3V trên ngưỡng, với kiểm tra hiệu quả sau mỗi xung và với xung dự phòng khi tạo nhịp không thành công. - Độ nhạy thích ứng như trong máy phá rung. Điều chỉnh wireless. San bằng nhịp giúp bệnh nhân với nhiều ngoại tâm thu hay rung nhĩ có nhịp đều. - Cài sẵn chương trình theo dõi từ nhà. Đo trở kháng lồng ngực để theo dõi phù phổi. - Máy dây 6,5 mm, cỡ 10 cc. Thời gian hoạt động trên 14 năm. - Bao gồm Dây dẫn máy tạo nhịp thượng tâm mạc lưỡng cực, chất liệu: làm bằng Platinum/Iridium, cuộn dẫn làm bằng MP35N hoặc tương đương. Kích thước: 7.2 Fr, chiều dài tối thiểu có 35cm - 37cm
1417	Nẹp xương đòn	120	Cái	Làm từ vải cotton, nút xóp, có khóa Velcro. Dùng cố định khi chấn thương gãy xương đòn, trật khớp cùng đòn, vỡ xương bả vai, trật khớp ức đòn. Gồm tối thiểu các cỡ XXS, XS, S, M, L, XL, XXL.
1418	Nẹp cánh bàn tay	200	Cái	Làm từ bản nẹp hợp kim nhôm dài từ bàn tay tới gần nách, có thể uốn được theo tư thế điều trị, các thanh nẹp nhỏ giúp tăng cường tính cố định

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	ĐVT	TNKT
1419	Vis chân cung đa trục các size các cỡ	240	Cái	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Công nghệ cánh ren ngược - Vít có đường kính tối thiểu $\leq 4,0\text{mm}$, đường kính tối đa $\geq 8,5\text{mm}$, chiều dài tối thiểu ≤ 20, chiều dài tối đa $\geq 65\text{mm}$ - Khoảng cách giữa 2 bước ren khoảng 2,82mm - Chiều cao mũ vít khoảng 16,1mm - Chiều rộng phần mũ vít trượt trên thanh dọc khoảng 9,2mm - Chiều rộng phần mũ vít phần song song với thanh dọc khoảng 10,65mm - Chiều rộng phần mũ vít phần vuông góc với thanh dọc khoảng 11,4mm - Góc nghiêng tối đa giữa mũ vít và thân vít là 28 độ, - Có thể phân biệt kích thước vít bằng màu sắc - Đồng bộ với nẹp dọc đường kính 5,5mm và vít khóa trong tự gây có chiều dài ban đầu khoảng 13,13mm
1420	Đinh nội tủy Elastic các size các cỡ 2.5	220	Cái	- Đinh nội tủy kết xương cho nhi có - Chiều dài từ 400 đến 500mm - Chất liệu bằng titanium - Tối thiểu có các đường kính 2,5 - 3,0 - 3,5mm
1421	Ống thông chẩn đoán ngoại biên dùng cho chẩn đoán mạch não	70	Cái	- Ống thông chẩn đoán ngoại biên - Chất liệu Nylon Pebax hoặc tương đương, trơn nhẵn, ổn định vật liệu ở nhiệt độ cơ thể bệnh nhân - Có đường viên bên giúp chống gãy gấp, chống biến dạng. - Có đầu tip mềm và hãm lực chống tổn thương lòng mạch, khả năng nhớ hình đầu tip tốt - Hình dạng đầu tip tối thiểu có Cobra 2, Simmon 2, Vertebral - Tối thiểu có cỡ 4F và 5F - Chiều dài tối thiểu $\leq 40\text{cm}$, chiều dài tối đa $\geq 150\text{cm}$, tương thích guide wire 0.035"; 0.038". - Có 1-5 lỗ bên giúp tăng cường đẩy chất cản quang, tăng khả năng quan sát chẩn đoán.
1422	Vít chốt nội tủy các cỡ	64	Cái	- Vít chốt nội tủy loại SIGN hoặc tương đương - Chất liệu thép không gỉ. - Loại vít tự ta rô, đường kính vít 4,5mm - Chiều dài tối thiểu $\leq 40\text{mm}$, chiều dài tối đa $\geq 50\text{mm}$. - Đầu bắt vít và đầu cổ mũ vít đều có ren, đoạn giữa thân vít là trơn. - Đồng bộ với đinh nội tủy.
1423	Đinh nội tủy 4 lỗ các cỡ	16	Cái	- Đinh nội tủy loại SIGN hoặc tương đương - Chất liệu thép không gỉ. - Đinh đặc có 4 lỗ bắt vít (2 lỗ bắt đầu gần, 2 lỗ bắt đầu xa), đinh gấp góc ở đầu gần. Đầu xa thuôn nhọn, thân đinh trơn. - Đường kính đinh tối thiểu có 8mm và 9mm. Chiều dài tối thiểu $\leq 280\text{mm}$, chiều dài tối đa $\geq 300\text{mm}$. - Đồng bộ với Vít chốt nội tủy
1424	Composite đặc A2	12	Tube	Composite đặc A2
1425	Composite lỏng A2	24	Tube	Composite lỏng A2
1426	Composite lỏng A3	24	tube	Composite lỏng A3
1427	Etching 37%	24	Ống/tuýp	Etching 37%
1428	Fuji 9 (GC gold label 91-1) (nha)	150	hộp	Fuji 9 (GC gold label 91-1) (nha)
1429	Cement Fuji I	12	Hộp	Cement Fuji I
1430	Alginate plastagin	240	Gói	Alginate plastagin
1431	Calcium hydroxyt	24	Hộp	Calcium hydroxyt
1432	Che tủy	24	tube	Che tủy
1433	Eugenol 30 ml	24	Lọ	Eugenol 30 ml
1434	Dầu xịt bôi trơn chống ma sát máy khoan	24	Chai	Dầu xịt bôi trơn chống ma sát máy khoan
1435	Reamer (H/6 cái)	360	cái	Reamer (H/6 cái)
1436	lò xo ruột gà	4	Cuộn	lò xo ruột gà
1437	Cement Fuji VII	48	Ống	Cement Fuji VII
1438	Elite Cement 100	12	hộp	Elite Cement 100
1439	Hệ thống ống nông van động mạch	15	Cái	- Van tự giãn nở với cấu trúc đan bện. - Không cần đặt khung giá đỡ trước và phù hợp buồng tổng thất phải. - Kích thước van từ 18-32mm, chiều dài 28-38mm. - Kỹ thuật xử lý mô van nhiều bước bao gồm xử lý alpha-galactosidase để có độ bền hơn. - Dễ tiếp cận và triển khai vào động mạch phổi. - Hệ thống thả van có profile nhỏ (18,20 Fr), chiều dài khả dụng 110cm. Chiều dài ống chứa van ngắn 38-59mm. - Quy trình thả van đơn giản và dễ dàng.
1440	Ống mạch máu có van Conterga các cỡ	10	Cái	Ống mạch máu có van Conterga các cỡ
1441	Arterial filter D130 (trẻ <5kg) hoặc tương đương	100	CAI	Arterial filter D130 (trẻ <5kg) hoặc tương đương
1442	Arterial filter D131 hoặc tương đương	120	CAI	Arterial filter D131 hoặc tương đương

STT	Tên hàng hóa theo kho	Tổng số lượng dự trữ	DVT	TNKT
1443	Co nối thẳng 1/4 x 3/16 (Straight connector 1/4 x 3/16)	100	CAI	Co nối thẳng 1/4 x 3/16 (Straight connector 1/4 x 3/16)
1444	Co nối thẳng 3/16 male (Straight connector 3/16 male)	100	CAI	Co nối thẳng 3/16 male (Straight connector 3/16 male)
1445	Co nối Y 1/2x3/8x1/4	30	CAI	Co nối Y 1/2x3/8x1/4
1446	Dây dẫn ECC Silicone Raumedic cỡ 1/4 (Tubing Silicone 1/4)	150	MET	Dây dẫn ECC Silicone Raumedic cỡ 1/4 (Tubing Silicone 1/4)
1447	Dây nối silicon Ecc tubing 3/8x 3/32	100	MET	Dây nối silicon Ecc tubing 3/8x 3/32
1448	SUCKER LỖ XO	300	Cái	SUCKER LỖ XO
1449	Veint luồn tĩnh mạch các số 8,10,12,14,16,18,20F	70	Cái	Veint luồn tĩnh mạch các số 8,10,12,14,16,18,20F
1450	Test thử đông máu HR-ACT (H/50 test)	6.000	Cái	Test thử đông máu HR-ACT (H/50 test)
1451	Co nối 1/4 -MALE	200	Cái	Co nối thẳng 1/4 x Male - Vật liệu Polycarbonate trong suốt - Nút đẩy vật liệu PVC - Khóa Luer vật liệu HDPE - Đóng gói vô trùng riêng lẻ từng cái.
1452	Co nối thẳng 1/4-1/4 luer	50	Cái	Co nối thẳng 1/4 x 1/4 có luer lock - Vật liệu Polycarbonate trong suốt - Nút đẩy vật liệu PVC - Khóa Luer vật liệu HDPE - Đóng gói vô trùng riêng lẻ từng cái
1453	Co nối thẳng 2 đầu Male	50	Cái	Co nối thẳng Male x Male - Sản phẩm đầu nối an toàn dùng để nối 2 đầu chờ của 2 catheter với nhau. - Chất liệu Polycarbonat.
1454	Co nối thẳng 3/8-1/4 luer	200	Cái	Co nối thẳng 1/4x3/8 có luer lock - Vật liệu Polycarbonate trong suốt - Nút đẩy vật liệu PVC - Khóa Luer vật liệu HDPE - Đóng gói vô trùng riêng lẻ từng cái.
1455	Co nối thẳng 3/8-3/8 luer	100	Cái	Co nối thẳng 3/8 x 3/8 có luer lock - Vật liệu Polycarbonate trong suốt - Nút đẩy vật liệu PVC - Khóa Luer vật liệu HDPE - Đóng gói vô trùng riêng lẻ từng cái.
1456	Co nối Y 1/4-1/4-1/4 có luer	50	Cái	Co nối chữ Y 1/4x1/4x1/4 có hoặc không luer lock - Vật liệu Polycarbonate trong suốt - Nút đẩy vật liệu PVC - Khóa Luer vật liệu HDPE - Đóng gói vô trùng riêng lẻ từng cái.
1457	Co nối Y 3/8-3/8-1/4 có luer	100	Cái	Co nối chữ Y 3/8x3/8x1/4 có hoặc không luer lock - Vật liệu Polycarbonate trong suốt - Nút đẩy vật liệu PVC - Khóa Luer vật liệu HDPE - Đóng gói vô trùng riêng lẻ từng cái.
1458	Co nối Y 3/8-3/8-3/8 có luer	100	Cái	Co nối chữ Y 3/8x3/8x3/8 có hoặc không luer lock - Vật liệu Polycarbonate trong suốt - Nút đẩy vật liệu PVC - Khóa Luer vật liệu HDPE - Đóng gói vô trùng riêng lẻ từng cái.
1459	Miếng dán cảm biến mức dịch cho máy tim phổi nhân tạo, tương thích với máy CDI Terumo	150	Cái	Miếng dán cảm biến theo dõi mức máu trong bể chứa, tương thích với cảm biến của máy - Tương thích máy CDI Terumo
1460	Miếng dán theo dõi độ bão hoà oxy máu não tương thích với máy Masimo	100	Cái	Miếng dán theo dõi độ bão hoà oxy máu não tương thích với máy Masimo - Vị trí sử dụng: trước trán - Bước sóng : ≥ 04 - Sử dụng cho trẻ sơ sinh và trẻ em - Theo dõi được chỉ số oxy mô trong động mạch, chỉ số oxy mô trong tĩnh mạch và chỉ số tổng của oxy mô trong động mạch và tĩnh mạch.
1461	Thẻ xét nghiệm khí máu điện giải tại giường	6.000	Chiếc	Thẻ xét nghiệm khí máu điện giải tại giường - Bao gồm các thông số: Na, K, iCa, pH, PCO2, PO2, TCO2, HCO3, BEecf, SO2, Hematocrit (Het), Hemoglobin (Hgb). - Thẻ cho kết quả chính xác.